
[trang nhà](#) | [trang sách](#) | [bản tin](#) | [thiền học](#) | [tiểu sử](#) | [trang thơ](#) | [hình ảnh](#) | [bài vở](#)

[chương 1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#), [11](#), [12](#), [13](#), [14](#), [đầu sách](#), [cuối sách](#), [mục lục](#), [chú thích](#)

H. P. BLAVATSKY

BÍ QUYẾT THÔNG THIÊN HỌC



NGUYÊN TÁC : THE KEY TO THEOSOPHY

Bản dịch Pháp ngữ : La clef de la Théosophie

Dịch bản tiếng Pháp của nhà xuất bản Les éditions de la compagnie

Théosophique 11, rue de l'Abbé-de-l'Epée Paris Ve.

[chương 1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#), [11](#), [12](#), [13](#), [14](#), [đầu sách](#), [cuối sách](#), [mục lục](#), [chú thích](#)

MỤC - LỤC

Lời tựa lần xuất bản thứ nhì

Lời tựa của tác giả

CHƯƠNG I

Minh Triết Thiêng Liêng và Hội TTH, ý nghĩa của danh từ

Kế hoạch của Hội Thông Thiên Học

Tôn giáo Minh Triết Bí Truyền trải qua các thời đại

Thông thiên Học không phải là Phật Giáo

CHƯƠNG II

Minh Triết Thiêng Liêng Bí Truyền và Công Truyền

Người Thông Thiên Học và hội viên của Hội Thông Thiên Học

Sự khác nhau giữa Thông Thiên Học và Huyền Bí Học

Sự khác nhau giữa Thông Thiên Học và Thần Linh Học

Vì sao Thông Thiên Học được chấp nhận ?

CHƯƠNG III

Phương pháp thực hành của Hội Thông Thiên Học, các mục đích của Hội

Nguồn cội chung của Con người

Những mục đích khác của chúng tôi

Sự cao trọng của lời thệ nguyện .

CHƯƠNG IV

Sự liên hệ giữa Hội Thông Thiên Học và Thông Thiên Học

Cải thiện Chơn Ngã

Trừu tượng và Cụ thể

CHƯƠNG V

Các giáo huấn căn bản của Thông Thiên Học

Thượng-Đế và lời cầu nguyện

Lời cầu nguyện có cần thiết không ?

Cầu nguyện làm giảm đức tin

Nguồn cội của Linh Hồn nhân loại

Giáo huấn của Phật giáo về vấn đề nêu trên

CHƯƠNG VI

Thiên nhiên và con người theo giáo huấn Thông Thiên Học, sự đơn nhất trong vạn vật

Tiến hóa và ảo tưởng

Sự cấu tạo thất thể của hành tinh chúng ta

Bản chất “thất thể” của con người

Sự phân biệt giữa Linh Hồn và Chân Linh

Giáo huấn của Hi-Lạp

CHƯƠNG VII

Các trạng thái khác nhau sau khi chết, “Con người vật chất và con người

Tâm Linh”

Về sự vĩnh cửu của Thượng, Phật, và Niết Bàn

Các “khí thể” khác biệt của con người

CHƯƠNG VIII

Luân hồi hoặc tái sinh, ký ức là gì?

Theo giáo huấn của Thông Thiên Học

Ký ức của những kiếp đã qua, vì sao chúng ta

không nhớ lại tiền kiếp?

Cá thể tính và Phạm ngã tính

Về sự thưởng, phạt của Chơn Ngã

CHƯƠNG IX

Cõi Dục giới và Thiên Đàng

Vì sao các nhà Thông Thiên Học không tin tưởng sự trở lại của

Vài lời về SKANDHAS

Tâm thức hậu tử và tiền sinh

Ý nghĩa thực sự của danh từ tiêu diệt

Danh từ hạn định diễn tả các sự vật hạn định

CHƯƠNG X

Bản chất của nguyên khí suy tư

Chơn Ngã Huyền Nhiệm

Bản chất phức tạp của thể trí (De la Nature complexe de Manas)

Giáo lý này được giảng dạy trong Phúc âm theo Thánh Jean

CHƯƠNG XI

Huyền bí về 'Luân Hồi', kỳ hạn của sự tái sinh

Karma là gì ?

Những người hiểu biết là ai ?

Sự khác biệt giữa Đức tin và Tri thức; hoặc Đức tin mù quáng và Đức tin lý luận

CHƯƠNG XII

Thông Thiên Học thực hành là chi ?, Bốn Phận

Sự liên quan của Hội Thông Thiên Học và sự cải cách chánh trị

Hy sinh Bản Ngã

Lòng nhân từ

Thông Thiên Học đối với Quần chúng

Hội viên Thông Thiên Học giúp đỡ Hội ra sao ?

Những điều mà Nhà Thông Thiên Học không nên làm

CHƯƠNG XIII

Những quan niệm sai lầm về Hội Thông Thiên Học

Thông Thiên Học và sự khổ hạnh

Thông Thiên Học và Hôn Nhân

Thông Thiên Học và giáo dục

Tại sao hiện giờ có nhiều thành kiến chống lại Hội T.T.H. ?

Phải chăng Hội T.T.H. là một tổ chức có mục đích tài chánh ?

CHƯƠNG XIV

Các vị Chơn Sư của Thông Thiên Học, các Ngài là "Tinh Quân Ánh Sáng
hay Yêu Tinh bị nguyên rủa ?

Sự lạm dụng tên và thuật ngữ Thiêng Liêng

Kết luận, Tương lai của Thông Thiên Học

TỰA KỶ XUẤT BẢN THỨ NHÌ



Kỷ xuất
bản thứ
nhất của
tác phẩm
này đã bị
tiêu hủy vì
sự chiếm

cứ (của quân đội Đức). Nay chúng tôi xuất bản lần thứ nhì để cống hiến độc giả thông Pháp ngữ. Quyển sách được viết cho hai hạng. Một hạng gồm các nhà sưu tầm thành thật, muốn hiểu biết về phong trào và triết lý Thông Thiên Học. Các vị này sẽ thấy tác giả đã giải đáp một cách uyên bác những câu hỏi của họ bằng phương pháp hành văn theo lối đặt câu Vấn, Đáp.

Thứ đến, tác phẩm được dành cho sinh viên Minh Triết, một chìa khóa hoàn hảo, khả dĩ mở được cánh cửa huyền nhiệm của Giáo Lý Bí Truyền.

Người sinh viên chân chính là người phụng sự; y học tập trong phạm vi y sẽ cố gắng giảng dạy lại. Khi viết quyển sách này tác giả là người đã hoạch đắc sự minh triết nên rất lưu tâm đến việc giáo huấn các môn đệ chân chính, để họ có đủ khả năng giảng giải giáo lý một cách trung thực và chính xác.

Độc giả nên dè dặt, vì có vài kỷ xuất bản quyển "Bí Quyết Thông Thiên Học " được bán trong các hiệu sách tân phái Thông Thiên Học, nếu so sánh kỹ, người ta phát giác được sự sai biệt, vì bài đầu tiên bị sửa đổi, và có sự loại bỏ quan trọng trong kỷ xuất bản thứ nhất. Đây là một trong các phương tiện mà tân phái Thông Thiên Học dùng làm sai lạc ý nghĩa

Giáo Lý Thông Thiên Học thuần túy của Bà H. P. Blavatsky và thử tiếm đoạt địa vị của Nó. Kỳ xuất bản của chúng tôi dựa vào công trình dịch thuật nguyên tác của Bà H. P. Blavatsky, ấn hành vào năm 1889.

Trong khi quyển “Nữ Thần ISIS tiết lộ” và bộ “Giáo Lý Bí Truyền” là những tác phẩm vĩ đại, đã trình bày tất cả các nguyên lý cùng vô số chi tiết về Tôn Giáo Minh Triết, thì quyển “Bí Quyết Thông Thiên Học” lại trình bày giản tiện, thiết thực, nên hợp thành lời giới thiệu đầy đủ về hai tác phẩm quan trọng kể trên. Thực sự, dù người đó là học giả, sinh viên hay kẻ chí nguyện, nó vẫn cung cấp bí quyết cho mọi vấn đề thuộc đời sống của mỗi linh hồn, cùng với bí quyết cho sự hiểu biết cũng như phụng sự.

Đoàn thể Thông Thiên Học
Ba-lê, tháng 9 năm 1946

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

TỰA CỦA TÁC GIẢ



Mục đích
của tác
phẩm “Bí
Quyết
Thông
Thiên Học”
được giải

bày chính xác bởi tựa đề của nó, và chỉ giải thích bằng vài từ ngữ mà thôi. Nó không nhằm mục tiêu trình bày đầy đủ về Thông Thiên Học, nhưng chỉ cung cấp một bí quyết khả dĩ mở được cửa hướng đến sự nghiên cứu sâu sắc hơn. Nó phác họa những nét chính yếu của Tôn Giáo Minh Triết, giải thích các nguyên lý căn bản về vấn đề này bằng cách đáp lại

những biện bác của các nhà sư tầm Tây phương nêu ra; đồng thời thử trình bày các khái niệm ít quen thuộc bằng một ngôn ngữ rõ ràng, càng giản dị càng tốt. Chúng tôi cố gắng giải thích để Thông Thiên Học trở thành dễ hiểu đối với độc giả và cũng để trí não độc giả khỏi phải phí sức nhiều. Đây là điều mà chúng tôi mong ước hơn hết, và nếu còn có sự khó lãnh hội, thì thật ra không do nơi ngôn ngữ được xử dụng mà bởi sự diễn tả các tư tưởng sâu sắc của vấn đề. Với những người trí não lười biếng, cạn hẹp thì danh từ Thông Thiên Học còn là một ẩn ngữ vì trong giới tinh thần cũng như tâm linh, mỗi người phải phát triển bằng sự tự cố gắng. Tác giả không thể suy tưởng dùm độc giả, và lại nếu sự thay thế để suy tưởng có thể thực hiện được, thì độc giả cũng không hưởng chút lợi nào cả. Tính cách cần thiết của một quyển sách như tác phẩm này đã được xác nhận từ lâu bởi tất cả những người lưu tâm đến Hội Thông Thiên Học và công nghiệp của Hội. Do không quá nhiều danh từ chuyên môn, chúng tôi hy vọng quyển sách sẽ dẫn dắt đa số những người mà tính hiếu kỳ đã khởi thức nhưng nay vẫn còn bần khoản chưa vững lòng tin.

Chúng tôi đã lưu ý sự phân biệt điều chân với điều giả trong việc giáo huấn các nhà Thần linh học về đời sống bên kia cửa tử, giúp họ thấy thực chất của các hiện tượng Thần linh. Trước đây có vài sự giải thích tương tự như vậy, khiến tác giả đã bị trút lên đầu nhiều phần nộ. Các nhà Thần linh học cũng như nhiều người khác, thích tin tưởng điều chi thú vị hơn là sự thật, và giận dữ đối với ai tiêu diệt ảo tưởng êm đềm của họ. Trong năm cuối cùng này (1889), Thông Thiên Học là tấm bia cho những mũi tên độc Thần linh học nhắm vào. Người bảo trì một phần Chơn lý lại đối kháng mạnh mẽ người bảo trì toàn thể Chơn lý hơn là đối với người hoàn toàn xa lạ với Chơn lý.

Tác giả thành tâm cảm tạ các nhà Thông Thiên Học,

đã đưa ý kiến và đặt các câu hỏi hoặc đã giúp vào việc thực hiện quyển sách. Nhờ quý bạn, mà tác giả thu hoạch một lợi ích lớn lao, công ơn này thật là của quý bạn.

H.

P.

BLAVATSKY

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG I

MINH TRIẾT THIÊNG LIÊNG VÀ HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Ý NGHĨA CỦA DANH TỪ

Vấn: Người ta thường nói về Thông Thiên Học, và Giáo lý này như là một tôn giáo mới thành lập. Phải chăng Thông Thiên Học là một tôn giáo?

Đáp: Thông Thiên Học không phải là một tôn giáo mà là sự Tri thức Thiêng liêng hay Khoa học Thiêng liêng.

Vấn: Ý nghĩa thật sự của danh từ này là chi ?

Đáp: Ý nghĩa chính xác nhất là "Minh Triết Thiêng Liêng ".Theosophia, hay là Minh Triết của các Đấng Cao Cả, tự ngữ Theogonia là thần phổ. Chữ Theos theo nghĩa Hy-Lạp là một vị Thiên-Đế, một trong các thực thể thiêng liêng, chứ không phải là "Thượng-Đế ", ý nghĩa mà ngày nay người ta hay gán cho danh từ này. Như vậy ta không nên gọi là "Minh Triết của Thượng Đế ", như vài người đã dịch, mà nên gọi là Minh Triết Thiêng Liêng, Minh Triết mà các Đấng Cao Cả đã hoạch đặt. Danh từ này đã có từ nhiều ngàn năm rồi.

Vấn: Nguồn gốc của danh từ Minh Triết Thiêng Liêng ra sao ?

Đáp: Danh từ này ra đời do các triết gia thành Alexandrie, những người được gọi là Philalèthes hay người yêu mến Chân lý. Phil là "yêu mến", Aletheia là "Chân lý". Tự ngữ Minh Triết Thiên Liêng (Theosophia) có từ thế kỷ thứ ba của kỷ nguyên chúng ta, và Ammonius Saccas là người đầu tiên dùng chữ Theosophia. Chính ông và các môn đệ đã cải cách phương pháp củ[1]a các nhà Thông Thiên Học chiết trung (Théosophes éclectiques).

Vấn: Mục đích của hệ thống này ra sao ?

Đáp: Điểm chính là ghi vài Chân lý vĩ đại vào trí não toàn thể môn đệ của Ammonius Saccas cùng tất cả những người yêu mến Chân lý. Do đó, mới có tiêu ngữ "Không tôn giáo nào cao hơn Chân lý " và nó đã được Hội Thông Thiên Học chấp nhận. Mục đích chánh yếu của trường phái Thông Thiên Học chiết trung là một trong ba mục đích của Thông Thiên Học, và những người kế vị tân tiến đã căn cứ vào các Chân lý vĩnh cửu để hòa giải tất cả các tôn giáo, giáo phái, quốc gia trong một hệ thống cộng đồng luân lý.

Vấn: Làm sao chứng minh được điều đó không phải là một giấc mơ khó thực hiện, và cũng để chứng minh rằng tất cả các tôn giáo trên thế gian đều căn cứ vào một Chân lý duy nhất và tương đồng?

Đáp: Chúng tôi chứng minh điều đó bằng cách nghiên cứu, đối chiếu và phân tích các tôn giáo. Trong thời cổ "Tôn Giáo Minh Triết" chỉ là Một và sự đồng nhất tính của tất cả triết lý tôn giáo sơ khai được chứng minh bởi sự đồng nhất tính của các giáo lý đã truyền dạy các bậc Thụ pháp trong Huyền môn, và đó là lỗi giáo dục mà xưa kia đã được truyền bá một cách phổ quát. Tất cả sự tôn thờ cũ đều phát giác rằng, trước đó, có sự hiện tồn của Minh Triết Thiên Liêng duy nhất và chiếc chìa khóa mở được một, sẽ mở được tất cả, bằng không đó là một chìa khóa giả (Triết lý chiết trung).

KẾ HOẠCH CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Vấn: Vào thời Ông Ammonius Saccas đã có nhiều tôn giáo lớn, còn riêng các giáo phái Ai-Cập và Palestine cũng đông đảo lắm rồi. Làm thế nào Ammonius Saccas có thể hòa giải được tất cả ?

Đáp: Bằng cách thực hiện điều mà chúng ta đang cố gắng hiện nay. Lúc đó các nhà Tân Platon (Néo-Platoniciens) rất đông, họ thuộc vào các trường triết lý tôn giáo khác nhau giống trường hợp các nhà Thông Thiên Học của chúng ta. Vào thời đó, Ông Aristobule, người Do-Thái, xác nhận rằng nhà đạo đức Aristote là đại diện cho huấn giáo bí truyền của luật Moïse; rồi Ông Philon, cũng người Do-Thái, cố gắng hòa giải Pentateuque [2] với triết lý của Đức Pythagore và của Platon hay Ông Josèphe thì các tu sĩ Esséniens [3] phái Carmel chỉ là những người mô phỏng và tiếp nối công việc của các nhà chuyên khoa trị liệu Ai-Cập (hoặc các người chữa bệnh). Ở thời kỳ chúng ta ngày nay cũng thế. Chúng ta có thể chứng tỏ nguồn gốc của mỗi Cơ Đốc Giáo, mỗi giáo phái; thậm chí đến những giáo phái ít quan trọng nhất. Những giáo phái sau này là nhánh nhỏ, chồi con của các nhánh chính; và tất cả đều cùng chung một thân cây "TÔN GIÁO MINH TRIẾT" mà ra. Đây là mục đích mà Ammonius Saccas cố hòa giải các người Dị giáo, Cơ Đốc giáo và những người tôn sùng Ngẫu tượng nên chấm dứt các cuộc tranh luận, kích bác nhau. Ông nhắc cho họ nhớ Chân lý mà họ hoạch đắc dưới nhiều hình thức khác nhau chỉ là một. Họ là những đứa con cùng chung một mẹ thôi. Thật ra, mục đích của Ammonius Saccas là mục đích của Thông Thiên Học.

Vấn: Bạn có thể kể những điển cứ nào bạn dùng để chứng minh về những người Thông Thiên Học cổ của thành Alexandrie ?

Đáp: Ông Mosheim có nói đến một trong các văn nhân hữu danh là Ammonius Saccas. Chính Ammonius có giảng dạy rằng: "Tôn giáo của dân tộc được liên kết chặt chẽ với triết học, và sự liên kết này bị hủy hoại, mờ tối bởi ý kiến của người đời, bởi sự mê tín và dối trá; vì vậy, người ta phải phục hồi sự thuần khiết nguyên thủy của tôn giáo bằng cách giải thích các nguyên lý triết học. Đức Christ muốn phục hưng nền Minh Triết thời xưa, tái lập nguyên vẹn trạng thái sơ khai, giới hạn sự chế ngự của lòng mê tín gần như phổ quát và bài trừ những sai lầm đã len lỏi vào các tôn giáo phổ thông."

Đây chính là điều mà các người Thông Thiên Học ngày nay phải giải bày. Nhưng lúc đó Ông Ammonius đã được sự trợ giúp, nâng đỡ của hai tu sĩ giáo đường là Clément và Athénagore, và của các nhà uyên bác trong giáo hội Do-Thái, các triết gia trong Hàn lâm viện, cùng các triết gia của Bosquet. Ông giảng dạy giáo lý duy nhất cho tất cả mọi người, nhưng nay chúng tôi noi theo đường lối của ông thì lại bị nguyên rủa và ngược đãi. Sự kiện này chứng tỏ con người của một ngàn năm trăm

trước khoan dung hơn con người ở thế kỷ tân tiến của chúng ta ngày nay.

Vấn: Mặc dầu giáo lý duy nhất của ông Ammonius là tà thuyết (đối với giáo lý La-Mã) nhưng ông được nâng đỡ bởi ông vẫn giảng dạy giáo lý Cơ-Đốc, phải chăng vì ông là một tín đồ ?

Đáp: Không phải thế. Ông được sinh ra trong gia đình Cơ Đốc nhưng ông không chấp nhận giáo lý của Thánh Đường. Mosheim đã nói về Ammonius như sau:

“Ông chỉ thuyết minh các giáo huấn phù hợp với giáo huấn thuộc trụ cổ của Hermes mà triết gia Platon và Pythagore đã biết trước ông và đã lập thành nền triết học của hai Ngài. Nhờ tìm thấy những giáo lý giống như thế trong tự ngôn Phúc-Aâm (Eùvangile) của Thánh Jean, ông Ammonius giả thuyết rất chính xác rằng mục đích của Đức Jésum là phục hưng trạng thái nguyên vẹn, sơ khai của đại giáo lý Minh Triết. Theo ông, sự trần thuật của Thánh kinh (Bible), lịch sử của các Thánh, những ẩn dụ giải thích về chân lý cũng như những chuyện hoang đường cần được loại bỏ”. Hơn nữa, trong Bách khoa Toàn thư [4] có nói về Ammonius như sau:

“ Ông nhìn nhận Đấng Jésum-Christ là một Đấng tuyệt luân , là 'Bạn của Thượng Đế', nhưng ông chủ trương Đức Jésum không có ý định loại bỏ hoàn toàn sự thờ phượng thần minh, Ngài chỉ trừ định thanh lọc tôn giáo cổ thời”.

TÔN GIÁO MINH TRIẾT BÍ TRUYỀN TRẢI QUA CÁC THỜI ĐẠI

Vấn : Ông Ammonius Saccas không viết để lại điều chi cả. Vậy làm sao người ta có thể biết chắc rằng giáo lý của ông là đúng?

Đáp : Đức Phật, Đức Pythagore, Đức Khổng-Tử, Đức Orphée, Đức Socrate hay Đức Jésum đều không lưu truyền văn tự. Tuy nhiên các Ngài là những nhân vật lịch sử nên giáo lý của các Ngài vẫn được truyền đạt đến chúng ta. Các đệ tử của ông Ammonius (trong số đó có ông Origène và Herennius) đã viết những khái luận, đồng thời cũng giải thích giáo lý của Sư Phụ mình. Những sách này còn có thật trong lịch sử hơn là những bức Thánh thư của các Sứ Đồ Cơ Đốc. Và lại các đệ tử

của ông như Origène, Plotin và Longin (Longin là cố vấn tối cao của Hoàng hậu nổi danh Zénobie) đều có lưu lại hậu thế nhiều bản tường trình về học phái Philalèthe (yêu mến Chân lý), nhất là nhờ sự truyền bá công khai mà dân chúng được hiểu biết tín ngưỡng của họ; hơn nữa, ngoài giáo lý công truyền, học phái Philalèthe cũng có giáo lý bí truyền.

Vấn : Làm sao giáo lý bí truyền được phổ biến khi bạn cho rằng cái đã gọi đúng theo danh từ là Tôn Giáo Minh Triết lại thuộc về nội môn bí truyền?

Đáp : Tôn Giáo Minh Triết lúc nào cũng là một, và là từ ngữ cuối cùng của mọi trí thức nhân loại, thế nên Nó được giữ gìn cẩn thận. Danh từ này xuất hiện trước các thời đại của những người Thông Thiên Học thành Alexandrie. Nó được duy trì đến ngày nay, và sẽ trường tồn hơn tất cả các tôn giáo, triết lý khác.

Vấn : Ai đã gìn giữ Tôn Giáo Minh Triết và gìn giữ ở đâu?

Đáp : Nó được giữ gìn bởi các Bậc đặc đạo của mọi quốc gia, bởi các nhà sư tầm thâm sâu về Chân lý và các môn đồ của họ; bởi những nơi trên thế giới mà các đề tài phù hợp với điều do Tôn Giáo Minh Triết diễn tả và được dân chúng ưa thích nghiên cứu nhiều nhất như ở Ấn-Độ, Trung Đông và Ba-Tư.

Vấn : Bạn có thể nào cho biết những bằng chứng và đặc tính bí truyền của Tôn Giáo Minh Triết không?

Đáp : Bằng chứng tốt nhất mà bạn có được là thuở xưa, mọi sự thờ phượng thuộc tôn giáo hoặc triết học đều gồm có phần bí truyền hay mật và phần công truyền hay hiển. Và lại ở khắp các quốc gia, mọi người đều biết *Huyền linh học của người xưa gồm có: "Huyền linh học thượng đẳng" (mật) và "Huyền linh học hạ đẳng" (hiển)*, thí dụ các nghi thức trang nghiêm, hữu danh được gọi là Eleusis ở Hy-Lạp. Từ các vị Đại tư giáo ở Samothrace Ai-Cập, các Bà-la-môn thụ pháp của xứ Ấn-Độ, đến các pháp sư Hy-ba-lai (Rabbins Hébreux), tất cả đều có thiện ý giữ gìn

bí mật tín ngưỡng chân thật của họ vì sợ tội phạm thần. Các pháp sư Do-thái gọi lý thuyết về tín ngưỡng ngàn xưa của họ là Mercavah (cái thể bên ngoài), là "công cụ truyền đạo" hay lớp vỏ chứa đựng linh hồn ẩn tàng, đây là sự hiểu biết bí nhiệm, cao cả nhất của họ. Các tầng lữ thuộc nhiều quốc gia cổ không bao giờ truyền dạy giáo lý nội môn thật sự của họ cho dân chúng. Họ chỉ tiết lộ những gì thuộc phần ngoài của giáo lý mà thôi. Phật giáo Bắc tông đã có phương tiện để truyền đạo: "thượng đẳng" và "hạ đẳng" được biết dưới danh từ Đại thừa (Mahayana), hoặc Trường Bí truyền, và Tiểu thừa (Hinayana) hay Trường Công truyền. Người ta không thể nào khiển trách sự phân chia ra công truyền và bí truyền của họ được, bởi lẽ làm sao cung cấp những bài nghị luận uyên bác cho các con cừu, thay vì cho chúng nó cỏ. Đức Pythagore gọi Minh Triết Học của Ngài là "sự tri thức của hiện vật"; Ngài truyền dạy cho các đệ tử hữu thệ vì đó là thực phẩm *trinh thần rất thích hợp và vì họ cũng đã nguyện giữ im lặng, kín đáo nữa*. Các mẫu tự huyền bí và các con số mật nhiệm trích ra từ các tế văn cổ Ai-Cập mà ngày xưa, chỉ có các tu sĩ trong tự viện, hoặc các tầng lữ thụ pháp Ai-Cập được truyền cho bí quyết để mở mang trí thức thôi. Theo các sử gia viết về ông Ammonius Saccas thuật lại, thì các đệ tử của Ammonius bị bắt buộc thệ nguyện giữ kín mật giáo lý thượng đẳng của ông, ngoại trừ những người đã được thụ huấn về sự tri thức sơ khởi; tuy nhiên họ cũng đã bị ràng buộc bởi lời thệ nguyện. Cuối cùng, có thể nào người ta lại không thấy sự khác nhau giữa giáo lý bí truyền và công truyền trong học phái Duy Trí, trong Cơ Đốc giáo nguyên thủy, và chính trong các giáo huấn của Đức Christ hay sao ?

Đức Christ chẳng nói trước đám đông rằng các ngụ ngôn đều có hai nghĩa, và Ngài đã không giải thích những ẩn ý cho đệ tử duy nhất của Ngài hay sao? Ngài nói với họ : "các người được phép hiểu biết sự huyền nhiệm của Thiên Quốc, nhưng đối với người ngoài, ta chỉ luận giải bởi ngụ ngôn thôi".(Marc IV,II). Các vị Esséniens ở Judée [5] và ở Carmel [6] cũng thực hiện sự phân chia tương tự, nghĩa là họ chia các môn đồ ra hai hạng: hạng tân tín đồ hoặc huynh đệ, và hạng hoàn toàn hoặc thụ pháp (Philosophie Eclectique) [7].

Ở khắp các quốc gia, người ta có thể kể ra nhiều thí dụ tương tự như vậy.

Vấn : Minh Triết Bí Truyền có thể đạt được bằng sự nghiên cứu đơn độc chẳng? Trong Bách Khoa Toàn Thư có định nghĩa danh từ Minh Triết Thiên liêng gần giống như trong quyển tự điển của Ông Webster đã ghi: "một sự giao cảm với Thượng Đế và với các Chơn linh thượng đẳng; do đó, trí thức siêu nhân loại có thể hoạch đắc được nhờ phương tiện vật lý hoặc phương

pháp hóa học". Có đúng như thế không ?

Đáp : Tôi không tin điều đó. Không một nhà từ ngữ học nào có đủ khả năng để giải thích cho mình và cho người khác hiểu vì sao người ta có thể đạt được sự tri thức siêu nhân nhờ phương pháp vật lý hoặc hóa học. Nếu ông Webster cho rằng: "nhờ phương pháp luyện kim và siêu hình học", thì định nghĩa của ông có thể gần đúng hơn; đằng này, ông đã đưa ra những điều phi lý. Các người Thông Thiên Học thời cổ cũng như hiện nay, đều xác nhận cái hữu hạn không thể nào hiểu biết được cái vô hạn, nghĩa là cái Ngã hữu hạn không tri thức được điều đó. Nhưng cái tinh túy thiêng liêng có thể tự giao cảm với cái Ngã Tâm linh thượng đẳng trong trạng thái xuất thần (extase). Thật ra rất khó đạt được đến trạng thái này cũng như trạng thái thôi miên bằng phương tiện vật lý và hóa học đều không thành công".

Vấn : Bạn giải thích cách nào về vấn đề này?

Đáp : Trạng thái xuất thần thật sự như ông Plotin (đệ tử của ông Ammonius Saccas) đã định nghĩa là " sự giải thoát tinh thần ra khỏi tâm thức hạn định của con người để được đồng hóa và trở thành một với vô tận. Theo giáo sư Wilder, thì trạng thái này là một điều kiện cao cả nhất mà con người có thể đạt đến, nhưng không thường xuyên, và chỉ có một số rất ít người có thể hoạch đắc thôi. Thật ra, ở Ấn Độ trạng thái xuất thần được đồng hóa với danh từ Nhập Định (Samādhi). Trạng thái nhập định được các nhà Yoguis luyện tập để chứng được và ngoài ra trên phương diện vật chất, họ còn hỗ trợ bằng sự kiêng cử chặt chẽ các thức ăn uống, trên phương diện tinh thần, bằng sự cố gắng liên tục để thanh lọc các thể và nâng cao tâm thức. Tham thiền là lời cầu nguyện im lặng không thốt nên lời như ông Platon đã định nghĩa như sau:

"Nguyện vọng nồng nhiệt của linh hồn hướng về Thiêng liêng không phải để cầu xin một điều lành riêng tư (ý nghĩa người ta gán cho lời cầu nguyện), nhưng cho chính Điều Thiện Tối Thượng phổ quát mà tất cả chúng ta đều là một phần của Điều Thiện đó tại địa cầu và cũng từ đó chúng ta xuống cõi trần". Vì vậy ông Platon nói thêm: "Người hãy đứng lặng im trước các Đấng Thiêng Liêng cho đến khi nào các Ngài làm tan đi đám mây mờ nơi mắt người và ban cho người cái khả năng trông thấy nhờ thực chất trợn lành của ánh sáng phát tỏa ra từ các Ngài chói chang

phải những gì dường như chỉ trọn lành cho người mà thôi”.

Vấn : Vậy Thông Thiên Học không phải là một học phái mới phát minh như người ta tưởng nghĩ sao?

Đáp : Chỉ có những người không hiểu mới nói thế. Các giáo huấn và luân lý của Thông Thiên Học cũng xưa như quả địa cầu, nếu không về danh từ thì cũng về sự việc. Không có một hệ thống nào rộng rãi hơn, phổ quát hơn hệ thống của Thông Thiên Học.

Vấn : Nhưng vì sao Thông Thiên Học chưa được các quốc gia Tây phương hiểu biết? Vì sao mọi người đều chứng minh rằng Thông Thiên Học là một quyển sách khép kín đối với những nhà trí thức và tiến bộ nhất?

Đáp : Nguyên do thứ nhất, bởi phần đông con người có tánh ích kỷ, tà vạy; do đó, họ có khuynh hướng luôn luôn tìm cách thỏa mãn các điều ham muốn cá nhân nên gây thiệt hại cho đồng loại và những người lân cận. Vậy không thể nào ủy thác các điều huyền nhiệm thiêng liêng cho những hạng người như thế. Nguyên do thứ hai, bởi các bản thể đó không có khả năng giữ gìn cẩn mật sự hiểu biết thiêng liêng, cao cả. Chính vì lý do này mà các Chân lý và các biểu tượng siêu việt bị suy đồi. Mặt khác, sự biến đổi dần dần các điều thuộc lãnh vực tâm linh trở thành những sự trình bày về thần nhân hóa một cách vụng về và cụ thể. Do sự bất lực nêu trên đã làm suy giảm và biến tính các tư tưởng về Thánh linh và đưa đến việc tôn thờ ngẫu tượng (L'idolâtrie).

THÔNG THIÊN HỌC KHÔNG PHẢI LÀ PHẬT GIÁO

Vấn : Người ta thường gọi các bạn là người của "Phật Giáo Bí Truyền". Phải chăng các bạn đều là đệ tử của Đức Phật Gautama?

Đáp : Không bắt buộc phải thế, cũng như các nhạc sĩ đều không phải là học trò của Wagner [8]. Trong số chúng tôi có vài tín đồ Phật giáo,; tuy nhiên có nhiều người Ấn Độ giáo và Bà-la-môn giáo; ngoài ra còn có người Âu-Châu và người Mỹ-Châu gốc Cơ-Đốc nhiều hơn các Phật tử cải tông. Sự lầm lạc do việc giải thích không đúng ý nghĩa thực sự về tựa đề tác phẩm tuyệt hảo của ông Sinnett là: "Bouddhisme Esotérique". Danh từ Bouddhisme phải viết với một chữ 'd' thay vì hai, như thế Boudhisme mới có nghĩa chính xác là "Minh Triết" (Bodha, Bodhi, "Trí-tuệ", "Minh Triết") thay vì Bouddhisme là triết giáo của Đức Phật Gautama. Vậy, Thông Thiên Học là Tôn Giáo Minh Triết như tôi đã trình bày.

Vấn : Có sự khác biệt nào giữa Bouddhisme (Phật giáo) là tôn giáo được thành lập bởi vị Hoàng tử của xứ Kapilavastu, và Boudhisme "Minh Triết" đồng nghĩa với Thần Triết như bạn đã nói không?

Đáp : Giống như giữa nghi thức chủ nghĩa và tín điều thần học của các giáo đường, giáo phái và giáo huấn bí truyền của Đức Christ, được gọi là "các điều huyền nhiệm của Thiên quốc". Phật (Bouddha) có nghĩa là "Giác ngộ" bởi Bodha hoặc trí tuệ hay Minh Triết. Cuối cùng, sự Minh Triết này tạo thành giáo huấn toàn vẹn bí truyền mà Đức Gautama chỉ giảng dạy các bậc La-Hán (Arhats) đã được Ngài lựa chọn thôi.

Vấn : Có vài nhà Đông phương học lại phủ nhận việc đó. Họ cho rằng Đức Phật không bao giờ giảng dạy giáo lý bí truyền.

Đáp : Họ cũng có thể phủ nhận việc đối với các nhà khoa học, Tạo Hóa có nhiều điều bí mật. Sau này tôi sẽ chứng minh điều đó bởi cuộc đàm thoại giữa Đức Phật và đệ tử của Ngài là Ananda. Các giáo huấn bí truyền của Đức Phật chỉ thật giản dị là Kinh Gupta Vidya (tri thức huyền bí) của các Bà-la-môn xưa mà các người thừa kế tân tiến của họ đã đánh mất hẳn đi cái bí quyết, ngoại trừ vài người còn giữ được. Về phần Vidya, chính Nó đã xâm nhập vào cái mà ngày nay người ta gọi là giáo lý nội môn của phái Đại Thừa (Ecole Mahayana) và của Phật giáo Bắc Tông. Những ai đã phủ nhận điều này chỉ là nhà Đông Phương Học giả dối, kém thông minh. Tôi khuyên bạn nên đọc quyển Phật Giáo Trung Hoa (Chinese Buddhism) của

Giám mục J. Edkins nhất là những chương viết về trường phái công truyền và bí truyền cùng các lời giáo huấn. Bạn nên so sánh ý kiến của tác giả về vấn đề đó với chứng cứ của tất cả các giới thời cổ.

Vấn : Nhưng luân lý Thông Thiên Học há không tương tự với luân lý đã được Đức Phật huấn dậy sao ?

Đáp : Đúng như thế, vì luân lý này là linh hồn của Tôn Giáo Minh Triết . Bởi xưa kia, Nó là sở hữu cộng đồng của các Bạc Đặc Đạo của tất cả mọi quốc gia. Nhưng Đức Phật là người đầu tiên đã du nhập giáo lý siêu việt này và các giáo huấn công truyền của Ngài và dùng làm căn bản tinh túy cho hệ thống truyền bá công khai. Đây là sự phân biệt rõ rệt giữa Phật giáo công truyền với các tôn giáo khác. Trong các tôn giáo khác thì nghi lễ và tín điều chiếm hàng đầu, còn trong Phật giáo, phần luân lý rất quan trọng. Do đó, mới có sự giống nhau gần như đồng nhất giữa luân lý của Thông Thiên Học và luân lý trong tôn giáo của Đức Phật.

Vấn : Có sự sai biệt nào giữa hai luân lý chính yếu này không ?

Đáp : Một trong sự phân biệt lớn lao hiện có giữa Thông Thiên Học và Phật Giáo công truyền là việc phái Tiểu Thừa Nam Tông tượng trưng cho Phật Giáo công truyền đã phủ nhận:

- a)- sự trường tồn của một Đấng Thiêng Liêng nào đó,
- b)- ý thức về sự sống bên kia cửa tử cho đến mọi cá thể tự tri thức sự sống còn của con người. Đây là giáo huấn của giáo phái Xiêm-La (Thái-Lan) mà hiện nay, người ta xem như hình thức thuần túy nhất của Phật giáo công truyền và sẽ như thế mãi nếu người ta không chấp nhận các giáo huấn công truyền của Đức Phật. Sau này, tôi sẽ giải thích về các ẩn ý đó. Dù sao các trường phái của phái Đại Thừa Bắc Tông được thành lập trong những xứ mà các Đấng La-Hán (Arhats) thụ pháp ẩn dật sau khi Đức Phật tịch, đã giáo huấn tất cả những điều mà hiện nay người ta gọi là giáo lý Minh Triết bởi đó là thành phần tri thức của các Đấng được thụ pháp. Các giáo lý nêu trên chứng minh vì sao Chân lý bị hi sinh cho sự truyền bá quá nồng nhiệt của phái Tiểu Thừa Nam Tông. Thật ra trong các Giáo lý diễn tả Minh Triết Thiêng Liêng, có biết bao điều vinh quang, vĩ đại, hàm súc những triết lý cao

siêu và khoa học hơn bất cứ giáo đường hoặc tôn giáo nào khác. Tuy nhiên, Thông Thiên Học không phải là Phật Giáo.

[chương 1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#), [11](#), [12](#), [13](#), [14](#), [đầu sách](#), [cuối sách](#), [mục lục](#), [chú thích](#)

CHƯƠNG II

MINH TRIẾT THIÊN LIÊNG BÍ TRUYỀN VÀ CÔNG TRUYỀN

ĐIỀU MÀ HỘI THÔNG THIÊN HỌC THỜI ĐẠI KHÔNG CÓ ĐƯỢC

Vấn : Vậy các giáo lý của bạn không phải là sự phục hưng Phật giáo cũng không bắt chước theo phái Thông Thiên Học Tân Platon sao?

Đáp : Thực sự không phải thế. Để đáp lại các câu hỏi vừa nêu ra, tôi không thể có một câu trả lời nào hay hơn đoạn văn sau đây được trích nơi bài nghiên cứu về "Thông Thiên Học " của Bác sĩ J.D. Buck , một hội viên, trình bày tại Đại Hội Thông Thiên Học ở Chicago, Mỹ Châu (tháng tư năm 1889). Đúng ra chẳng có người Thông Thiên Học nào giải thích chính xác và thông suốt cái tinh túy thực sự của Thông Thiên Học hơn Bác sĩ Buck, người Bạn khả kính của chúng ta:

“Hội Thông Thiên Học được thành lập với mục đích truyền bá giáo lý và giảng giải về đời sống Thông Thiên Học. Hội Thông Thiên Học không phải là Hội đầu tiên truyền bá giáo lý này. Tôi có một quyển sách tựa đề: "Thông Thiên Học Hòa Giải do Hội Thông Thiên Học Philadelphie", xuất bản tại Luân Đôn năm 1697, và một tác phẩm tựa đề "Thông Thiên Học nhập môn hay Khoa Huyền Học của Đức Christ, có nghĩa là của Thánh Linh, của Thiên Nhiên và Tạo Vật, gồm có triết lý của tất cả các quyền năng linh hoạt về đời sống tâm linh thần bí. Các điều này hợp thành người chỉ dẫn thực tiễn về sự thanh khiết, thánh thiện, siêu việt và sự hoàn thiện phúc âm, cũng như việc hoạch định lực thiêng liêng và quyền lực của Thiên Thần cùng các đặc quyền khác về sự phục sinh ". Sách đã được xuất bản tại Luân Đôn năm 1885. Và đây là lời đề tặng của tác phẩm :

“ Sách này dành cho các sinh viên Đại Học, Trung Học và các trường Cơ Đốc

Giáo, cho các Giáo sư Siêu Hình Học, Cơ giới học và Vạn vật học dưới tất cả mọi hình thức; cho tất cả những người nam và nữ có học vấn tổng quát và đức tin chính thống; cho các người theo Tự Nhiên Thần Giáo (Déistes), Aryens, Duy Nhất Thần Giáo (Unitériens), Swedenborgiens và các môn đồ thuộc về tín ngưỡng sai lầm, không nguồn cội, cho các người thuần lý cũng như hoài nghi, cho các người Hồi giáo công bằng, sáng suốt cùng các người Do-Thái và tín đồ thuộc tôn giáo Tộc trưởng Đông phương; và nhất là dành cho các mục sư của Phúc âm cùng các nhà truyền giáo các dân tộc sơ khai hoặc tiến bộ. Xin khiêm tốn và thân ái cung hiến sự dẫn khởi Thông Thiên Học hay Khoa Huyền Học căn bản về vạn vật.”

“ Vào năm sau,(1856) lại xuất hiện một quyển sách khác độ 600 trang, loại đặc biệt tựa đề: “Thông Thiên Học Hỗn Hợp”. Tác phẩm này chỉ in có 500 quyển để trao tặng các thư viện và các Đại học đường. Các phong trào đầu tiên rất đông đảo, xuất phát từ giáo đường, do những người có lòng sùng bái và được nhiều uy tín. Các tác phẩm này khoác một hình thức chính thống và xử dụng cách phát biểu theo Cơ Đốc Giáo như tác phẩm của Linh mục William Law, ông chỉ đem lại cho độc giả bậc trung sự chú ý về tín ngưỡng và lòng tôn sùng sâu xa của ông thôi. Tất cả tác phẩm nêu trên đều nhằm mục đích làm rõ nguồn cội kinh sách Cơ Đốc, đồng thời giải thích ý nghĩa sâu sắc nguyên thủy của chúng cũng như làm rạng danh và phát triển đời sống Thông Thiên Học. Nhưng các tác phẩm đó bị lãng quên nhanh chóng và ngày nay ít được ai biết đến. Chính các tác phẩm này đã tìm cách cải thiện hàng tăng lữ và làm thức tỉnh lòng sùng tín thuần khiết, nhưng chúng lại không được chân thành đón nhận. Chỉ mang tiếng là “tà thuyết” cũng đủ chôn vùi chúng vào quên lãng. Ở thời kỳ Tôn giáo cải cách, ông Jean Reuchlin thử thực hiện một công việc tương tự nhưng kết quả cũng thất bại mặc dù ông là bạn thân thiết và tín cẩn của ông Luther. Chính thống giáo không bao giờ muốn được giáo huấn và soi sáng. Người ta cho các nhà cải cách biết về trường hợp của ông Festus đã thực hiện đối với ông Paul. Ông Festus cho rằng sự uyên bác thái quá khiến họ trở thành điên khùng, có thể gặp nguy hiểm nếu họ muốn đi xa hơn. Việc chẳng lưu ý đến cách trình bày dài dòng là do ở thói quen phần nào, và cũng do trình độ giáo dục của các tác giả, mặt khác do nơi sự cưỡng chế tôn giáo bị bắt buộc bởi quyền lực thế tục. Đi ngay vào vấn đề, chúng ta nhận thấy rằng các tác phẩm bị bỏ quên đó đã diễn tả Minh Triết Thiêng Liêng theo ý nghĩa thực sự nghiêm túc và chỉ duy nhất dành cho trí thức của nhân loại cũng như dành cho sự sống thượng đẳng của linh hồn. Phong trào Thông Thiên Học hiện tại đôi khi được xem như là công cuộc thử chuyển hóa Cơ Đốc Giáo thành Phật Giáo, có nghĩa giản dị là chữ ‘tà thuyết’ đã bị mất tất cả quyền lực để chỉ trích. Vào mọi thời đại, vài người đã hiểu biết một cách rõ ràng hơn hoặc ít ra Giáo lý Thông Thiên Học cũng đã du nhập vào chính cái tinh túy đời

sống của họ. Các giáo lý này không thuộc một tôn giáo nào; cũng không tự giới hạn vào một xã hội hoặc thời kỳ nào. Chúng nó là tài sản của mỗi linh hồn nhân loại. Chính thống giáo cần được bùng tận gốc rễ nơi tâm của mỗi người tùy theo bản tính, nhu cầu, và cũng tùy theo kinh nghiệm khác biệt của họ. Điều này giải thích vì sao những ai tin tưởng rằng Thông Thiên Học là một tôn giáo mới thì phải thất vọng khi tìm hiểu các tín điều và nghi thức của nó. Tín ngưỡng của Thông Thiên Học là sự Thành Thật đối với Chân lý, và nghi thức của Thông Thiên Học gồm có việc áp dụng Chân lý với lòng tôn kính.

Người ta sẽ thấy phần đông dân chúng hiểu biết rất nông cạn về hiệu lực của Tình Huynh Đệ Đại Đồng, họ không nhận thức được tầm quan trọng và siêu việt của nó, bởi họ chỉ nhìn vào sự khác biệt do dư luận và sự giải thích hời hợt về Thông Thiên Học. Hội Thông Thiên Học được thành lập vì một nguyên lý duy nhất: Tình Huynh Đệ chính yếu của con người như đã phác họa và trình bày sơ lược nơi đoạn trên. Người ta đã bài bác Hội Thông Thiên Học cho là Phật Giáo và bảo nó chống đối Cơ Đốc Giáo, nhưng nó có thể là cả hai vì Phật giáo và Cơ Đốc giáo, theo các nhà sáng lập đã trình bày, đều dùng Tình Huynh Đệ làm giáo lý chính yếu cho sự giảng dạy cũng như cho đời sống. Người ta đã cho Thông Thiên Học là một triết học mới mẻ dưới ánh mặt trời, hoặc ít ra cũng là một thần bí thuyết cổ được che đậy dưới danh từ mới. Có nhiều Hội được thành lập trên nguyên tắc của đức vị tha hoặc tình huynh đệ chủ yếu, và họ kết hợp lại với mục đích nâng đỡ chúng. Các Hội này có tên khác nhau nhưng nhiều nhóm được gọi là Thông Thiên Học, đã phục vụ cho các nguyên tắc cùng các mục tiêu của Hội hiện tại được mang tên là Thông Thiên Học. Trong các Hội kể trên, giáo lý chính yếu vẫn là một, và những gì còn lại, chỉ là phần phụ thuộc thôi. Nhưng điều này không sao tránh khỏi có nhiều người dễ bị các chi tiết thu hút và họ lãng quên các điều chính yếu hay bởi họ chưa hiểu biết nó vậy”.

Tôi không thể nào giải đáp cho bạn một cách chính xác hơn lời giải thích của bác sĩ Buck, một trong những người Thông Thiên Học đúng đắn nhất và cũng được mến chuộng nhất.

Vấn : Ngoài luân lý Phật giáo ra, bạn ưa thích theo đuổi học phái nào ?

Đáp : Không bên nào mà là tất cả. Chúng tôi không tham gia vào một tôn giáo hoặc một triết học nào; chúng tôi chỉ thu thập điều hay nơi mỗi tôn giáo và triết học thôi. Nhưng chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng Thông Thiên Học được chia

ra hai phái: Công truyền và Bí truyền như các học phái thời cổ.

Vấn : Sự khác biệt ấy ra sao ?

Đáp : Các hội viên của Hội Thông Thiên Học được tự do hành đạo theo bất cứ tôn giáo hoặc triết học nào – hoặc không theo bên nào cả nếu họ thích – miễn là họ thông cảm và sẵn sàng để thực hiện ít lắm là một trong ba mục đích của Hội. Hội Thông Thiên Học là một tổ chức vừa bác ái vừa khoa học, được thiết lập để truyền bá tư tưởng và thực hành tình huynh đệ, chứ không phải lý thuyết suông. Hội viên của Hội có thể là tín đồ Cơ Đốc giáo hay Hồi giáo, Do Thái giáo hay Bái hỏa giáo, Phật giáo hay Bà-la-môn giáo, Thần linh học hay Duy vật học – điều đó không có chi quan trọng; chỉ có điều mỗi hội viên phải là một cá nhân đầy lòng từ ái, một nhà bác học, một nhà sưu tầm văn chương Aryen hay một văn chương nào khác, hoặc là một sinh viên tâm linh học. Tóm lại, họ phải góp sức, nếu họ muốn, để thực hiện ít lắm là một trong các mục tiêu của chương trình. Nói cách khác, họ không có lý do nào khác để ước muốn trở thành hội viên”. Đây là thành phần của đa số thuộc Hội công truyền được chia ra: Hội viên “gia nhập” và Hội viên “không gia nhập”. Trên thực tế, các hội viên không gia nhập có thể là, hoặc không trở thành người Thông Thiên Học. Những người này là hội viên vì họ đã tham gia vào hội, nhưng không thể giúp họ trở thành một người Thông Thiên Học nếu họ không ý thức được mối liên quan *thiên liên* giữa các sự vật, hoặc giả họ chỉ khư khư cứ xét Thông Thiên Học theo môn phái và tính ích kỷ. Ngạn ngữ có câu: “Điều chi tốt đẹp là thiện”, có thể đổi lại “Người nào thực hành Thông Thiên Học , người đó là một người Thông Thiên Học”.

NGƯỜI THÔNG THIÊN HỌC và HỘI VIÊN CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Vấn: Theo tôi hiểu, điều bạn vừa nói ra chỉ có thể áp dụng cho người thường thôi. Những người đã chuyên tâm học Giáo Lý Bí Truyền của Thông Thiên Học phải chăng là các người Thông Thiên Học chân chính ?

Đáp : Không hẳn là thế, nếu họ không tự chứng minh được sự chân chính. Họ đã được chấp nhận vào nhóm bên trong và đã thệ nguyện tuân thủ, càng nghiêm

túc càng tốt các qui tắc của phái huyền môn. Đây là một công trình khó khăn vì chúng yếu tố đầu tiên và cũng quan trọng nhất của tất cả mọi qui tắc là sự từ khước toàn vẹn phạm ngã tính, điều này có nghĩa là một Hội viên hữu thế phải trở thành một người có lòng bác ái toàn vẹn. Họ không còn lo lắng cho chính mình và phải quên đi tính khoe khoang tự phụ. Họ phải để tâm lo cho hạnh phúc của đồng loại hơn là hạnh phúc của các bạn đồng môn thuộc nhóm bí truyền của họ. Để cho các giáo huấn bí truyền được hữu ích, họ cần thực hành một đời sống khắc khổ về mọi phương diện. Đó là một đời sống vong kỷ, đạo hạnh nghiêm chỉnh nhất, tuy họ vẫn phải thi hành đúng đắn bốn phận đối với mọi người. Con số rất hiếm về mẫu người Thông Thiên Học thực sự của Hội được tuyển chọn trong số các hội viên này. Điều đó không có nghĩa rằng ngoài Hội Thông Thiên Học và nhóm bên trong, không còn có người Thông Thiên Học; số người này còn nhiều hơn mọi giả thuyết và chắc chắn còn đông đảo hơn các hội viên thường của hội Thông Thiên Học.

Vấn : Vậy thì gia nhập vào cái gọi là Hội Thông Thiên Học để làm gì ? Vì lý do nào mà người ta lại phải làm thế ?

Đáp : Không bởi một lý do nào cả trừ ra lợi ích để có được sự giáo huấn bí truyền, để hiểu biết các giáo lý thực sự của "Tôn Giáo Minh Triết", để thụ hưởng sự trợ giúp và sự cảm mến hỗ tương khi tuân thủ chương trình do giáo lý chỉ dẫn. Sự đoàn kết làm thành sức cố gắng nhất tề, một khi được kiểm soát cẩn thận, sẽ phát sinh những điều kỳ diệu. Đó là điều bí nhiệm của tất cả các cộng đồng tính kể từ lúc nhân loại hiện tồn.

Vấn : Nhưng tại sao một người có trí não rất thẳng băng, đang theo đuổi một mục đích duy nhất không thể trở thành một nhà Huyền bí Học hay một Đấng Chân Sư bằng cách làm việc đơn độc, nhất là họ được thiên phú một năng lực và sự bền chí khó chế trị ?

Đáp : Họ có thể đạt được điều đó nhưng sự thành công của họ chỉ trong muôn một. Tôi xin kể cho bạn hiểu rõ một trong bao nhiêu lý do khác; ngày nay, không có những quyển sách về Huyền bí học hay Thuật Thông Thần (Théurgie) được diễn tả bằng một ngôn ngữ minh bạch, giản dị về các điều bí mật của Thuật Luyện kim

(Alchimie). Thông Thiên Học như thế chỉ có trong thời Trung Cổ. Tất cả các tác phẩm trên đều được viết bằng biểu tượng, ngụ ý, và bởi người ta không còn giữ được cái bí quyết đã có từ nhiều thế kỷ, trong các xứ ở Tây phương thì làm thế nào hiểu rõ ý nghĩa thực sự của điều họ đọc và nghiên cứu? Do đó, xảy ra sự nguy hiểm lớn lao vì dễ rơi vào tà thuật vô ý thức, hoặc rơi vào đồng bóng thụ động. Người nào không nhờ một Bậc đã đắc đạo chỉ dạy, tốt hơn đừng nên chú ý đến một sự nghiên cứu quá nguy hại như thế. Hãy nhìn xem xung quanh bạn; bạn trông thấy chi? Hai phần ba người văn minh lại khinh miệt cái ý tưởng có một điều chi xứng đáng để được nghiên cứu trong Thông Thiên Học, trong Huyền bí học, trong Thần linh học hoặc trong Bí thuật giáo (Cabale); một phần ba kia gồm có các yếu tố dị đồng và đối kháng nhất. Có nhiều người lại tin tưởng vào những điều thần bí và siêu nhiên, nhưng mỗi người theo một cách. Nhiều người khác lại chuyên lo nghiên cứu Bí thuật giáo, Linh khí thuyết, Từ điện trị liệu thuyết, Thần linh học hoặc một hình thức nào khác của Thần bí học.

Kết quả ra sao? Người ta không thể tìm thấy hai người, cùng suy tưởng như nhau, và đồng ý với nhau về các nguyên lý chính yếu của Huyền bí học; thật ra, nhiều người tưởng rằng chính họ đã tìm được cái tinh túy siêu việt của sự hiểu biết, và họ thích thể nhân nghĩ rằng họ đã trở thành Chân Sư toàn hảo. Ở Tây Phương, không những người ta không có được sự hiểu biết nào chính xác về Khoa học, về Huyền bí học, mà cũng chẳng có khoa Chiêm tinh thực sự nào duy nhất về Huyền bí học, các giáo huấn *công truyền của nó đã được tổ chức thành hệ thống đúng đắn* – nhưng chưa có ai đạt được một ý niệm chi về Huyền bí học thực sự cả. Vài người muốn hạn định minh triết cổ vào Bí thuật giáo, vào kinh điển Do-Thái giáo (Zohar), và mỗi người giải thích theo ý mình hoặc theo nghĩa chính của các phương thức Do-Thái. Vài người khác xem Swedenborg hay Boehme như là những nhà đại diện tối thượng của nền minh triết cao cả nhất, trong lúc còn có nhiều người khác nữa lại tìm thấy trong khoa Từ điện trị liệu những điều bí ẩn lớn lao của thần thuật cổ. Những người thực hiện lý thuyết của mình đều bị lôi cuốn nhanh chóng bởi sự vô minh và tà thuật, không sót một ai cả. Người nào đã thoát khỏi thì thật là hữu phước, vì không có bằng chứng hoặc tiêu chuẩn nào để giúp họ phân biệt điều chân và điều giả cả.

Vấn : Phải chăng chúng ta nên kết luận rằng, nhóm bên trong của Hội Thông Thiên Học, đều tin tưởng, tất cả mọi sự tri thức của nhóm nhờ nơi các Bậc Điểm Đạo hoặc Chân Sư Minh Triết Bí Truyền ?

Đáp : Không phải bằng cách trực tiếp. Sự hiện diện cá nhân của Chân Sư như thế không cần thiết. Các Ngài chỉ cần giáo huấn vài đệ tử do các Ngài hướng dẫn trong nhiều năm, và các đệ tử này đã hi sinh trọn đời để phụng sự cho công cuộc của các Ngài. Đến phiên đệ tử, các vị sẽ truyền bá những điều đã hoạch định cho những ai chưa được cái may mắn như mình. Thà rằng có một phần nhỏ của Khoa Huyền bí thực sự, hơn là có nhiều sự uyên bác bị đồng hóa một cách chệnh lệch cùng với sự hiểu biết sai lạc. Một ít vàng còn quý hơn một đồng rác.

Vấn : Làm sao hiểu biết được đây là vàng thật hay là vàng giả ?

Đáp : Người ta biết được một loại cây là nhờ trái của nó, và biết được một học phái nhờ kết quả. Khi nào những người đối lập của chúng ta có thể chứng minh cho thấy rằng, trải qua các thời đại, nếu một người chỉ chuyên tâm tự nghiên cứu Huyền bí học không cần có một Đức Thầy dẫn dắt, lại được trở thành một vị Thánh chuyển pháp như ông Ammonius Saccas hay ông Plotin, hoặc một nhà Thông Thần Thuật như ông Jamblique hoặc trở thành một người đã thực hiện được những điều kỳ diệu như ông Saint Germain mà không sa vào con đường đồng bóng hay thuộc về hạng có ảo giác tâm linh, hoặc nhà Aùu thuật. Lúc ấy, chúng tôi sẽ tự thú rằng chúng tôi đã lầm lạc. Nhưng đến nay, chúng tôi ước muốn tuân theo định luật thiên nhiên và được thử thách theo truyền thống của Khoa học tôn nghiêm. Có những nhà Huyền bí đã tìm được sự phát minh vĩ đại về hóa học và khoa vật lý; các sự phát minh này tương đương với thuật Luyện Kim và Huyền bí học; vài người khác nhờ quyền lực duy nhất của tài năng đã tìm lại được đôi mảnh vụn nếu không nói là trọn vẹn, các mẫu tự bị thất lạc của “Ngôn ngữ Huyền Linh Học”, và nhờ đó, họ có thể đọc những tác phẩm Hi-ba-lai. Nhiều người khác là những bậc có huệ nhãn đã nhìn thấy những điều ẩn tàng của Tạo Hóa. Những vị đó là nhà chuyên môn. Người này phát minh lý thuyết, người kia lại là người Hi-Ba-Lai, nghĩa là một nhà Bí Thuật giáo nhiệt thành, người thứ ba là một Swedenborg tân tiến đã từ khước tất cả, ngoại trừ khoa học và tôn giáo riêng biệt của ông. Tuy nhiên chẳng có một người nào tự hào rằng chính mình đã thực hiện được một điều lợi ích phổ quát cho quốc gia hay cho cá nhân. Trừ vài người trị bệnh – hạng mà Viện Hoàng gia, các bác sĩ và nhà giải phẫu gọi là lang băm – không một ai trong các người đó đã dùng khoa trị liệu hư truyền của mình để cứu trợ nhân loại, hay ít ra cũng giúp ích được cho người đồng chủng. Vậy các người Chaldéens [9] của thời xưa ở đâu – những

người có tài trị bệnh kỳ diệu –” không do bùa chú lại do thảo dược ”? Ông Apollonius de Tyane ở đâu, chính ông có tài trị lành những người tàn tật và cứu chết sống lại trong bất cứ quốc gia hay hoàn cảnh nào ? Tại Âu châu, chúng tôi biết được vài nhà chuyên môn thuộc hạng thứ nhất, nhưng chúng tôi chỉ tìm gặp những người thuộc hạng thứ nhì ở tại Á châu mà thôi. Chính nơi đây, các sự bí ẩn của những bậc Yoguis “đã duy trì sự sống dưới hình thức của sự chết” còn được tồn tại.

Vấn : Mục đích của Thông Thiên Học phải chăng để đào tạo các bậc đặc đạo và như thế họ sẽ có được quyền năng trị bệnh?

Đáp : Các mục tiêu của Thông Thiên Học thì khác biệt, nhưng mục tiêu chính yếu nhất nhằm vào việc giúp đỡ và làm vơi bớt nỗi khổ đau về tinh thần cũng như vật chất của người đời dưới mọi hình thức. Chúng tôi nghĩ rằng điểm thứ nhất quan trọng hơn điểm thứ nhì. Thông Thiên Học có nhiệm vụ giáo huấn về luân lý và thanh lọc linh hồn để làm giảm bớt sự đau đớn xác thân và tất cả các bệnh tật đều là di truyền, ngoại trừ trường hợp tai nạn. Không phải nghiên cứu Huyền bí học với mục đích ích kỷ, thỏa mãn tham vọng cá nhân, hoặc tính kiêu căng hay ngông cuồng nhưng chỉ nghiên cứu để có thể đạt được mục tiêu thật sự của Thông Thiên Học. Muốn vậy, hành giả phải giúp đỡ nhân loại đang đau khổ. Cũng không phải chỉ nghiên cứu khoa triết lý bí truyền mà người ta sẽ trở thành nhà Huyền bí học, trái lại phải nghiên cứu tất cả các khoa dù chưa chủ trị được chúng.

Vấn : Để đạt mục tiêu quan trọng này, phải chăng chỉ có những người chuyên nghiên cứu về khoa bí truyền ?

Đáp : Không hẳn như thế. Tất cả học viên thường, có thể được giáo huấn về Thông Thiên Học tổng quát nếu họ muốn, nhưng ít người có cái năng khiếu để trở thành “hội viên hoạt bác”, phần đông thích làm con ong vò vẽ của Thông Thiên Học. Chúng tôi cần giải thích thêm rằng trong Hội Thông Thiên Học, các sự nghiên cứu đặc biệt được khuyến khích miễn là những sự nghiên cứu như thế không vượt quá giới hạn phân chia Công Truyền và Bí Truyền, Thần Bí Học mù quáng với Thần Bí Học ý thức.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA THÔNG THIÊN HỌC VÀ HUYỀN BÍ HỌC

Vấn : Bạn nói về Thông Thiên Học và Huyền bí học. Vậy, có sự đồng nhất nào giữa hai môn học đó không?

Đáp : Không bao giờ có. Thật ra một người có thể là một nhà Thông Thiên Học rất tốt, thuộc bên trong hay bên ngoài Hội, nhưng họ không phải là một nhà Huyền bí học. Tuy nhiên, không một ai có thể là nhà Huyền bí học chân chính và đồng thời lại không phải là một nhà Thông Thiên Học thực sự; nói cách khác, họ chỉ là người có tà thuật mặc dù họ ý thức được điều đó hay không ?

Vấn : Bạn giải thích như thế nghĩa là sao ?

Đáp : Tôi nói rằng một người Thông Thiên Học chân chính phải thực hành lý tưởng luân lý cao siêu nhất; họ phải cố gắng trực cảm sự đơn nhất của mình đối với toàn thể nhân loại, và phải luôn luôn làm việc cho sự ích lợi của đồng bào. Nhà Huyền bí học nào không xử sự như thế họ sẽ hành động vì quyền lợi cá nhân một cách ích kỷ, và một khi đã hoạch đắc được những quyền năng thực tiễn cao siêu hơn quyền năng của người thường, họ trở thành kẻ thù rất nguy hiểm hơn người thường đối với thế gian, cũng như đối với người xung quanh. Điều này thật là rõ ràng minh bạch.

Vấn : Phải chăng nhà Huyền bí học chỉ là người hoạch đắc được các quyền năng cao siêu hơn người thường?

Đáp : Họ còn hơn thế nữa, nếu thực sự họ là một nhà Huyền bí học thông thái và thực tiễn, chẳng phải về danh từ mà là do việc làm. Khoa học Huyền bí không như trong Bách khoa toàn thư đã trình bày "các khoa ảo tưởng của Thời Trung Cổ có liên quan đến tác động hoặc ảnh hưởng giả thuyết của các đức tính huyền bí, hoặc những quyền năng siêu nhiên như : Thần Thuật, Khoa Luyện Kim, Khoa Chiêu Hồn và Khoa Chiêm Tinh". Đây là các khoa học thực sự , chân chính và rất nguy hiểm. Các khoa này dạy về quyền lực bí nhiệm của các sự vật trong thiên nhiên bằng cách phát triển những quyền năng còn " tiềm tàng nơi con người "; chúng nó cung cấp những quyền năng vĩ đại cho người nào thực hiện được chúng hơn người

thường. Ngày nay, khoa Thôi miên được truyền bá và trở thành mục tiêu của các sự sưu tầm khoa học rất nghiêm chỉnh; đây là một thí dụ điển hình. Sau khi được khoa Từ điện trị liệu chuẩn bị cho đường lối; thì quyền năng thôi miên đã được phát giác gần như là một sự ngẫu nhiên. Một nhà thôi miên tài ba có thể vận dụng quyền năng của mình theo ý muốn, họ có thể sai khiến một người cử động một cách vô ý thức và buồn cười, hoặc xúi họ phạm tội sát nhân hầu thay thế và làm lợi cho mình. Một quyền năng như thế không đáng khùng khiếp hay sao nếu nó bị rơi vào tay những kẻ tán tận lương tâm? Nhưng bạn nên nhớ rằng, Thôi Miên Học chỉ là một khoa hạ đẳng trong các khoa của Huyền bí học.

Vấn : Nhưng tất cả các khoa huyền bí như : thần thuật và phù thủy há chẳng được các chân linh trí thức và các nhà thông thái xem như là dư âm của sự mê tín, dốt nát thời xưa hay sao ?

Đáp : Xin bạn cho phép tôi lưu ý rằng, điều bạn quan sát là con dao hai lưỡi “các chân linh trí thức và các nhà thông thái”; trong dân gian có người xem Cơ Đốc giáo cũng như tất cả các tôn giáo khác là dư âm của sự mê tín, dốt nát. Mặc dù thế, bấy giờ người ta lại khởi sự tin tưởng vào khoa thôi miên; vài chân linh, cho đến những chân linh trí thức, nhất là họ tin tưởng vào Thông Thiên Học và các hiện tượng. Ngoài các nhà thuyết giáo và những người cuồng tín mù quáng, vậy ai trong số này sẽ thú nhận rằng họ tin tưởng vào Thánh Kinh? Và bạn nên ghi nhận sự sai biệt này: nếu có những người Thông Thiên Học rất tốt, rất thanh khiết, có khả năng tin tưởng vào những điều siêu nhiên, kể luôn những phép lạ thiêng liêng, thì không một nhà Huyền bí học vào lại tin tưởng như thế. Vì nhà Huyền Bí Học thực hành Thông Thiên Học rất khoa học; họ căn cứ vào sự hiểu biết chính xác và sự diễn tiến bí mật của Thiên Nhiên. Còn người Thông Thiên Học khi sử dụng các quyền năng được gọi là phi thường mà không nhờ sự soi sáng của Huyền Bí Học sẽ đi ngay vào hình thức đồng cốt rất nguy hại. Tuy họ vẫn tuân thủ theo Thông Thiên Học vì luân lý rất siêu việt, nhưng họ lại thực hành một cách vô ý thức, thúc đẩy bởi một đức tin chân thật nhưng *mù quáng*.

Người nào dù là nhà Thông Thiên Học hay Thần Linh Học đang cố gắng nghiên cứu một số các ngành của khoa học huyền môn, thí dụ như : Thôi miên học, Từ điện trị liệu cho đến việc tìm các phương thức bí mật phát sinh những hiện tượng vật lý ... mà vẫn chưa hiểu biết căn nguyên triết lý về các quyền năng này, thì người đó, chẳng khác nào một chiếc thuyền không lái, trôi giạt trên đại dương đang

dao động phong ba.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA THÔNG THIÊN HỌC VÀ THẦN LINH HỌC

Vấn : Như vậy bạn không tin tưởng nơi Thần Linh Học hay sao ?

Đáp : Nếu bạn hiểu từ ngữ "Thần Linh Học" theo các nhà Thần Linh Học giải thích về vài hiện tượng phi phạm, thì chắc chắn rằng chúng tôi không tin như thế. Thật vậy, theo các nhà Thần Linh Học thì các sự biểu hiện này đều được phát sinh do các "Chân linh" của người thường hay của thân quyến, theo lời họ nói, đã từ giả cõi đời và còn trở lại đây để liên lạc với những người họ mến thương, hoặc giả có liên quan mật thiết. Đây là điều chúng tôi tuyệt đối từ khước. Chúng tôi xác nhận các chân linh của người chết không thể nào trở lại địa cầu, ngoại trừ trường hợp rất đặc biệt mà tôi sẽ bàn luận về sau. Họ cũng không thể liên lạc với người ở cõi trần trừ phi họ phải nhờ những phương tiện thuần chủ quan. Những gì hiện ra một cách khách quan chỉ là bóng ma của con người vật chất đã chết. Còn về Thần linh học tâm linh hay nói cách khác là "Tâm Linh", thì chúng tôi tin tưởng hoàn toàn.

Vấn : Có phải bạn cũng phủ nhận các hiện tượng không?

Đáp : Chắc chắn không, trừ trường hợp cố ý gian lận.

Vấn : Bạn giải thích điều này như thế nào ?

Đáp : Bằng nhiều cách. Các nguyên do của sự biểu hiện về loại vừa kể không giản dị như các nhà Thần Linh Học tưởng nghĩ. Trước tiên, con ma ngoại cảnh (le deus ex machina) của những cái được gọi là "sự biểu hiện" thường là của cảm thể (thể giá) hoặc của nhị thể (thể phách) của đồng tử hoặc của một trong nhóm người đến dự. Cảm thể này cũng là tay sản xuất hoặc là động lực chủ động trong các sự biểu hiện một cách viết trực tiếp [10] hay theo "Davenport" v.v...

Vấn : Bạn nói " thường " vậy có cái chi phát sinh những biểu hiện khác nữa chăng?

Đáp : Việc này tùy theo tính chất của sự biểu hiện. Đôi khi là xác chết của cảm thể, của "vỏ cứng" (coques) của Kama-Loka (cảm dục giới) của những vật không còn hiện hữu nữa; có khi là các hành khí (Eùlémentaux). "Chân Linh" là một danh từ có nghĩa rộng rãi và không cố định. Thực sự chẳng hay các nhà Thần Linh Học hiểu nghĩa danh từ đó ra sao. Chúng tôi xin giả thiết rằng họ xác định các hiện tượng vật lý được phát sinh bởi Chân Ngã (Ego) tái sinh, "Cá thể tính" tâm linh bất tử. Và đây là một luận đề mà chúng tôi từ khước hoàn toàn. Cá thể tính ý thức của những bản thể tử vong không thể *tự hiện hình ra được; nó cũng không thể rời bỏ lĩnh vực trí năng* Thiên Đàng riêng biệt của nó để trở lại cõi giới khách quan tính trần gian.

Vấn : Tuy nhiên, có nhiều sự liên lạc nhận được từ các "chân linh", chứng tỏ rằng không những có sự thông minh mà còn có sự hiểu biết về các sự kiện người đồng tử chưa từng tri thức bao giờ, và đôi khi còn xa lạ với tâm thức của người sưu tầm cũng như của tất cả người tham dự.

Đáp : Điều này không nhất thiết chứng tỏ rằng sự thông minh và hiểu biết mà bạn vừa nói lại thuộc vào các chân linh hoặc phát tỏa từ những linh hồn tử vong. Người ta được biết về trường hợp của những người mộng du, trong lúc xuất thần họ sáng tác âm nhạc, thi thơ và giải quyết được những bài toán mà họ chưa bao giờ học qua âm nhạc hay toán học. Nhiều người mộng du khác đã trả lời một cách hoạt bác các câu hỏi được đặt ra, và trong nhiều trường hợp, họ nói tiếng Hi-ba-lai (Hébreux), tiếng La-tinh, những ngôn ngữ mà họ hoàn toàn không hiểu biết trong lúc thức tỉnh. Tất cả điều vừa kể thể hiện trong trạng thái ngủ mê. Vậy, bạn còn cho rằng những điều đó là công trình của các "chân linh" nữa không ?

Vấn : Bạn giải thích việc này ra sao ?

Đáp : Chúng tôi xác nhận rằng do cái bản chất tinh túy của tia sáng thiêng

liêng ẩn trong mọi người nên mới có sự đồng nhất và là một với Chân linh phổ quát, cái “Ngã” tâm linh của chúng ta thì toàn tri trên phương diện thực tế, nhưng nó không thể biểu hiện sự hiểu biết vì chúng bị cản trở bởi vật chất đối kháng. Nếu người ta càng giảm bớt trở ngại này; nói cách khác, nếu thể xác càng bị tê liệt về những gì có liên quan đến sự hoạt động tự do cùng tâm thức riêng biệt của nó như đã xảy ra trong giấc ngủ mê hoặc lúc xuất thần thâm sâu, hay trong cơn bệnh hoạn thì cái Ngã nội tâm có thể tự biểu hiện một cách toàn vẹn hơn trên cảnh giới vật chất. Đây là sự giải thích của chúng tôi về các hiện tượng rất kỳ diệu trên bình diện cao mà trí thông minh và sự hiểu biết tự phát lộ rõ ràng. Còn các sự biểu hiện trên bình diện thấp như hiện tượng vật lý, điều vô vị và chuyện phàm tục của các “Chơn linh” như thường thấy xảy ra, phải có nhiều thì giờ và giải thích trong nhiều chương hơn về các giáo huấn quan trọng nhất của chúng ta. Và lại chúng tôi muốn xen vào tín ngưỡng của các nhà Thần Linh học hoặc của các tôn giáo khác. Chính những người tin tưởng vào “Chân linh”, mới có bốn phận chứng minh tín ngưỡng của họ. Hiện nay, tuy các thủ lãnh thông thái, minh mẫn nhất trong số những nhà Thần Linh học tin chắc rằng, các sự biểu hiện trên phương diện thượng đẳng được xảy ra do trung gian của các linh hồn tử vong, nhưng họ lại là những người đã thú nhận trước tiên rằng tất cả các hiện tượng đều không do Chân linh phát sinh. Và lần lần, chính họ phải nhìn nhận sự thật; trong khi chờ đợi chúng tôi không có quyền hay ý muốn cải cách họ theo thể thức nhìn thấy của chúng ta và điều này ít ra là, khi có các sự biểu hiện hoàn toàn tâm lý và tâm linh, chính chúng lại tin tưởng nơi sự liên lạc hỗ tương giữa chân linh của người sống và chân linh của những cá thể tính tử vong.

Vấn : Như vậy bạn đã phủ nhận triết lý của Thần Linh Học ?

Đáp : Nếu bạn hiểu “triết lý” là các lý thuyết mơ hồ, chúng tôi từ khước hẳn thứ triết lý này. Nhưng thực sự Thần Linh Học không có triết lý, như các người bảo vệ thông minh và trang nghiêm nhất của nó đã từng nói. Chỉ có một chân lý chính yếu và rõ rệt mà họ giảng dạy – đó là các hiện tượng được phát sinh bởi các đồng tử dưới sự quan sát của những động lực và trí linh vô hình – không một ai muốn hay có thể phủ nhận chân lý này, trừ ra những người theo thuyết duy vật mù quáng thuộc “phái của Huxley”. Tuy nhiên, về triết lý của họ, bạn cho phép tôi kể ra điều mà nhà xuất bản thông thái của tập san Aùnh Sáng (Light) và cũng là người bảo vệ sáng suốt, tận tụy của Thần Linh Học đã nói về họ và về triết lý của họ. Đây là điều

mà ông "M.A.Oxon", một nhà Thần Linh Học hiếm có đã trở thành triết gia, viết về những gì liên quan đến sự thiếu tổ chức và mê tín mù quáng của các đồng môn của ông:

"Chúng ta nên cứu xét kỹ lưỡng điểm này vì nó rất quan trọng. Chúng ta kinh nghiệm, hiểu biết cách nào khiến cho mọi sự hiểu biết khác trở thành tương đối một cách vô nghĩa. Nhà Thần linh học bậc thường hay nổi giận đối với ai nghi ngờ sự đoán biết hoàn toàn của họ về tương lai cũng như về đời sống sắp tới một cách tuyệt đối. Nơi mà các người khác đã đưa hai bàn tay yếu ớt dò dẫm tương lai vô định trong khoảng tối tăm, thì họ lại tiến bước một cách dạn dĩ như người nằm được địa đồ và biết được con đường của những xứ mà họ đã đi qua. Nơi mà các người khác dừng lại và chỉ bằng lòng với một nguyện vọng tôn kính hoặc những giáo huấn của một tín ngưỡng di truyền, thì họ lại tự hào đã biết điều chi mà họ chỉ có thể tin tưởng mà thôi, họ còn tự kiêu rằng họ có thể thay thế bằng sự hiểu biết những tín ngưỡng mong manh chỉ căn cứ vào hy vọng. Họ tỏ ra độ lượng khi luận về các hi vọng mật thiết nhất của con người. Dường như họ muốn nói: "Anh chỉ biết hi vọng thôi về điều mà tôi có thể chứng minh được. Anh đã chấp nhận một tín ngưỡng theo truyền thống của điều mà tôi có thể dẫn chứng, bằng các phương pháp khoa học chính xác nhất. Các tín ngưỡng cổ càng ngày càng suy giảm, các anh hãy tách rời ra khỏi chúng, và hãy giữ cho được sự cách biệt. Chúng chứa đựng bao nhiêu điều dối trá cũng như chân lý. Chỉ lúc nào xây cất được nền móng vững chắc trên các sự kiện đáng tin cậy, anh mới có thể dựng lên được một tòa nhà bền vững. Từ mọi hướng, người ta nhận thấy các tín ngưỡng cổ sụp đổ. Hãy ra khỏi chúng, nếu anh muốn thoát mọi nguy cơ. " Nhưng nếu ta nhìn kỹ con người này và muốn biết giá trị thực sự của họ ra sao, ta sẽ thấy họ khá kỳ dị, nhưng lại thất vọng nhanh chóng. Họ tin tưởng chắc chắn các ý tưởng riêng biệt của họ, cho đến đổi không còn chịu khó thăm dò phương thức do những nhà tư tưởng khác giải thích về các sự kiện mà họ đã chấp nhận. Sự minh triết của các thời đại đã qui về việc giải thích điều mà họ xem như đã được chứng minh nhưng không bao giờ lại lưu ý đến các việc sâu tầm. Họ *cũng không hoàn toàn đồng ý với các anh em của họ là những người Thông Thiên Học. Đó là lời thuật lại về câu chuyện của một bà xứ Ecosse; bà này, phối hợp với chồng lập thành một "giáo đường".* Họ chỉ có riêng chiếc chìa khóa của Thiên quốc, hay nói đúng hơn là chỉ riêng mỗi mình bà là có được chiếc chìa khóa này, bởi bà không "hoàn toàn tin chắc nơi sự được cứu rỗi của Jamie". Cũng giống như thế, nhiều môn phái phân chia và còn phân chia ra nữa các nhà Thần Linh Học "không hoàn toàn tin chắc" nơi sự cứu rỗi. Kinh nghiệm cộng đồng của nhân loại đồng thanh tuyên bố sự hợp quần làm thành sức mạnh và chia rẽ là nguồn gốc của sự yếu đuối, thất bại. Nếu được huấn luyện và kỹ thuật hóa

một cách vững chắc, thì một đám quân hỗn tạp sẽ trở thành một đạo quân nghiêm chỉnh, và mỗi người có thể đương cự với hàng trăm người thiếu kỷ luật. Tất cả mọi địa hạt thuộc phạm vi sinh hoạt của nhân loại, nếu được tổ chức, sẽ mang đến sự thành công, tiết kiệm thì giờ, việc làm, và là nguồn cội của điều lợi ích cũng như sự tiến bộ. Thiếu phương pháp, kế hoạch, công việc sẽ không được điều khiển và các cố gắng thiếu trật tự bị lung lạc, chỉ đem lại nhiều rắc rối thảm thương. Tiếng nói của nhân loại chứng minh chân lý đó. Nhà Thần Linh Học có chấp nhận sự kiện này chẳng và họ có muốn thích hợp với các hiệu quả đó chẳng? Chắc hẳn không. Họ không muốn có sự tổ chức, chính họ là luật lệ riêng biệt, và họ cũng là một cái gai nhọn đâm vào bên hông của người đồng chủng. Ành Sáng (Light), ngày 22 tháng sáu, năm 1889”.

Vấn : Người ta đã nói với tôi rằng Hội Thông Thiên Học được sáng lập vào lúc ban sơ, với mục đích dẹp tan Thần Linh Học và tín ngưỡng về sự thường tồn của cá thể tính con người?

Đáp : Người ta đã chỉ dẫn bạn không đúng, vì tất cả tín ngưỡng của chúng tôi được căn cứ vào cá thể tính bất tử này. Nhưng bạn đã lầm lẫn về phạm ngã tính với cá thể tính như bao nhiêu người khác. Các nhà tâm lý học Tây phương của bạn dường như không thiết lập được sự phân biệt rõ rệt giữa hai danh từ này. Tuy nhiên, chính sự sai biệt đó cung cấp chiếc chìa khóa cho sự thông hiểu về triết lý Đông phương và nó là nguồn cội của sự dị biệt giữa các giáo huấn Thần linh học và Thông Thiên Học. Tôi phải tuyên bố nơi đây, dù có khiêu khích thêm sự thù nghịch của vài nhà Thần Linh Học, chính Thông Thiên Học thực hiện được Thần Linh Học thực sự, thuần khiết và không làm lẫn lộn, còn học phái thời đại được dân chúng thực hành ngày nay và được gọi dưới danh từ đó, chỉ đơn giản là duy vật thuyết siêu việt mà thôi.

Vấn : Bạn hãy giải thích rõ ràng hơn các ý tưởng của bạn về vấn đề này.

Đáp : Tuy rằng các giáo lý của chúng tôi nhấn mạnh về tính đồng nhất giữa Chân linh và Vật chất, chúng tôi xin nói Chân linh chỉ là Vật chất tiềm tàng (matière potentielle), và Vật chất lại giản dị là Chân linh được kết tinh cũng như nước đá cục không chi khác hơn là hơi nước đông đặc lại, chúng tôi duy trì danh từ

Chân linh chỉ có thể áp dụng cho cá thể tính thực sự, vì chưng điều kiện nguyên thủy và vĩnh cửu của toàn thể không phải là chân linh, mà là siêu chân linh (méta-esprit) sự biểu hiện từng định kỳ chỉ đơn giản là vật chất hữu hình và cứng đặc.

Vấn : Nhưng làm sao phân biệt được "cá thể tính thực sự" này với cái "Ta" hay "Chân Ngã" (Ego) mà chúng ta đều ý thức ?

Đáp : Trước khi tôi có thể trả lời bạn, chúng ta nên chấp nhận ý nghĩa tặng cho chữ "Ta" hoặc "Chân Ngã". Chúng tôi phân biệt giữa sự kiện đơn giản của cái thức tâm hữu ngã với tình cảm suông: "Tôi là Ngã" và ý tưởng phức tạp hơn. "Tôi là ông Smith hay bà Brown". Sự phân biệt này là cái trục trung ương mà xung quanh đó lại tiến triển ý tưởng của một loạt các kiếp sinh ra hoặc tái sinh cho chính một Chân Ngã; chúng tôi tin nơi ý tưởng này. Bạn thấy rằng ông Smith tượng trưng thật sự cho một dọc dài về các kinh nghiệm hằng ngày chúng ta được liên kết chung bởi sợi dây của ký ức, làm thành như thế cái mà "ông Smith gọi chính là ông". Nhưng không một cái nào trong các "kinh nghiệm" đó lại thực sự cấu thành cái "Ngã" hoặc "Chân Ngã", và chúng cũng không cung cấp cho "ông Smith" cảm giác là chính ông, vì ông quên lãng phần lớn những kinh nghiệm hằng ngày của mình, và chúng chỉ cung cấp cho ông cái cảm giác về Chân ngã tính (Egoité) ngày giờ nào chúng còn duy trì. Thế nên chúng tôi, những người Thông Thiên Học thiết lập một sự phân biệt giữa cái kết tinh "kinh nghiệm" này, mà chúng tôi gọi là phàm ngã tính giả tạo (fausse personnalité) (tại vì nó hạn định và giả tạm), và yếu tố này trong con người đã cho họ cái cảm giác: "tôi là ngã". Chính cái "tôi là ngã" này mà chúng tôi gọi là cá thể tính thực sự; và chúng tôi nói rằng "Chân Ngã" hay cá thể tính giống như một kếp hát đóng nhiều vai trên sân khấu cuộc đời. Chúng ta hãy gọi mỗi đời sống mới của chính một "Chân Ngã" trên địa cầu là một tuồng hát trên sân khấu. Vào một buổi chiều, một kếp hát, hay "Chân Ngã" xuất hiện trong vai tuồng "Macbeth", một buổi chiều khác, họ đóng vai "Shylock" và một chiều thứ ba, họ là "Roméo", một buổi chiều thứ tư họ là "Hamlet hoặc vị vua "Lear", và cứ tiếp tục như thế, cho đến khi họ đã trải qua tất cả chu kỳ các kiếp nhục hóa. Chân Ngã khởi sự cuộc hành hương về đời sống của nó dưới hình thức là một trẻ nghịch ngợm "Ariel" hay một "Puck"; họ đóng vai một người phụ kịch, một tên lính, một nô bộc, hoặc một người của ban hợp ca; kế tiếp họ được thăng chức và đóng các "vai đàm thoại", những vai trò khi thì quan trọng, khi lại vô nghĩa cho đến lúc mà họ rút lui khỏi sân khấu với tư cách của "Prospero", nhà thuật sĩ.

Vấn : Tôi hiểu rồi, bạn nói rằng cái Chân ngã thực sự này không thể nào trở lại trái đất sau khi chết. Nhưng người kếp hát, nếu còn giữ ý nghĩa về cá thể tính của mình, không thể nào được tự do để trở lại sân khấu trong những vai trò lúc xưa, nếu họ muốn sao ?

Đáp : Chúng tôi xin trả lời rằng không, bởi vì sự trở lại địa cầu như thế sẽ không thích hợp với trạng thái phúc lạc thanh khiết và vô nhiễm sau sự chết, như tôi sẵn sàng chứng minh. Chúng tôi nói rằng con người chịu đựng quá nhiều đau khổ bất công trong đời sống do lỗi lầm của các người mà họ có dịp cộng tác, do hoàn cảnh của họ, cho nên chắc chắn họ có quyền hưởng sự nghỉ ngơi, yên lặng toàn hảo, nếu không nói là phúc lạc, trước khi gánh vác lại công việc nặng nhọc của cuộc đời. Nhưng chúng ta có thể bàn luận lại các chi tiết về vấn đề đó sau này.

VÌ SAO THÔNG THIÊN HỌC ĐƯỢC CHẤP NHẬN ?

Vấn : Tôi hiểu bạn đến một mức nào đó thôi, và tôi thấy các giáo huấn của bạn rất phức tạp; chúng có phần siêu hình nhiều hơn Thần Linh Học hay tư tưởng của các tôn giáo thường. Bạn có thể cho tôi biết rõ vì sao hiện nay học phái Thông Thiên Học mà bạn giáo huấn lại gây ra biết bao sự chú ý cũng như oán ghét ?

Đáp : Tôi nghĩ có nhiều lý do về việc đó và có ghi lại vài điều :

1)- Các giáo sư khoa học đã phản ứng mạnh mẽ với lý thuyết duy vật của họ hiện nay.

2)- Sự bất mãn tổng quát gây ra bởi Thần học giả tạo của các giáo đường Cơ Đốc khác nhau và do các môn phái mâu thuẫn nhau càng ngày càng gia tăng.

3)- Sự nhận thức tăng trưởng con người bởi lối phát biểu tín ngưỡng khác biệt chẳng những chúng thiếu sự hòa hợp mà còn mâu thuẫn nhau rõ rệt. Vậy, không thể là sự thật được, và hy vọng nào không được kiểm soát không thể là thực tại được. Sự ngờ vực tự nhiên này do các tôn giáo đã ước định, dẫn khởi và còn tăng trưởng khi người ta quan sát sự bất lực toàn vẹn của chúng trong việc giữ gìn luân

lý và thanh lọc xã hội., quần chúng. Tín ngưỡng của nhiều người, và sự hiểu biết của một số ít cho rằng phải có đâu đây một học phái triết lý hay tôn giáo thật khoa học chứ không thể chỉ hoàn toàn thuần lý. Cuối cùng, có lẽ nên tìm đức tin nơi học phái mà các giáo huấn của nó có tính cách tiền sự hơn là tín ngưỡng của thời đại.

Vấn : Nhưng tại sao học phái này lại được công bố đúng vào thời đại chúng ta ?

Đáp : Vì lúc bấy giờ xét ra thuận tiện như đã được chứng minh bởi sức cố gắng của bao nhiêu sinh viên đứng đắn để đi đến sự phát hiện Chân lý với bất cứ giá nào, và bất cứ nơi nào nó bị che lấp. Do đó các nhà bảo thủ Chân lý được cho phép tiết lộ vài điều. Nếu sự thành lập Hội Thông Thiên Học để trễ lại vài năm, thì phân nửa số dân tộc văn minh sẽ trở thành duy vật quá mức, và phân nửa số dân tộc kia sẽ trở thành người của thần nhân đồng hình thuyết [11] và của hiện tượng luận [12].

Vấn : Có nên xem Thông Thiên Học như một sự tiết lộ không ?

Đáp : Không nên, ngay đến ý nghĩa về sự biểu lộ mới mẽ và trực tiếp phát tỏa từ các Đấng Cao Cả siêu phàm hoặc siêu nhân loại; nhưng chúng ta chỉ nên xem nó với ý nghĩa của sự "tiết lộ" các Chân lý cổ – rất cổ – cho những người mãi đến nay chưa từng biết chúng cũng như chưa am tường sự hiện tồn và bảo thủ của một tri thức cổ thời..

Vấn : Bạn vừa nói đến sự "ngược đãi" nếu chân lý đúng như Thông Thiên Học đã trình bày vì sao nó lại gặp bao nhiêu sự chống đối, và người ta cũng không chấp nhận nó cách tổng quát hơn ?

Đáp : Có nhiều lý do khác nhau, trong số đó, chúng ta nên nói đến lòng oán ghét của nhiều người đối với việc được gọi là sự "cải cách". Tính ích kỷ rất bảo thủ và không thích ai phá rầy sự yên lặng. Nó thích sự dối trá dễ dàng và thoải mái miễn sao sự dối trá này không quá đáng hơn là một đại Chân lý đòi hỏi phải hi sinh

hạnh phúc. Động lực trì độn của trí năng thật lớn lao đối với điều chi không hứa hẹn tức khắc một lợi lộc hay ban thưởng nào. Trước hết thời đại chúng ta không được tinh thần hóa và chủ động. Và lại, ta nên cứu xét về tính cách ít quen thuộc của các giáo huấn Thông Thiên Học, về bản tính phức tạp, khó hiểu của nó và đôi khi còn trình bày ngược lại cách giải thích dài dòng mà các giáo phái thường vướng phải, và cách giải thích sau đã làm suy bại ngay cả sự tín ngưỡng bình dân. Nếu chúng ta thêm vào đó, sức cố gắng cá nhân và sự tinh khiết quan trọng trong đời sống mà ta bắt buộc những ai muốn trở thành môn đệ của nhóm bên *trong phải tuân thủ. Kể đến, một ít người mà qui tắc luân lý được kêu gọi* đến thì lại thiếu hẳn sự quên mình, vị tha; bạn sẽ thấy rõ lý do Thông Thiên Học tiến triển quá chậm chạp và cực nhọc. Đây chính là triết lý của những người đau khổ, họ đã mất hết hi vọng tự giải thoát khỏi cảnh bùn nhơ của cuộc đời bằng các phương tiện khác. Hơn nữa, lịch sử của bất cứ hệ thống tín ngưỡng hay luân lý nào đều chứng minh cho chúng ta thấy, lúc sơ khởi đều bị ngăn trở bởi mọi chướng ngại do óc bảo thủ và ích kỷ của con người đề xướng : "chiếc vương miện của nhà cải cách quả thật có nhiều gai". Sự phá vỡ các ngôi nhà cũ kỹ, rêu phong chẳng phải không nguy hiểm.

Vấn : Tất cả điều bạn vừa trình bày có liên quan nhiều hơn với luân lý và triết lý của Hội Thông Thiên Học. Bây giờ bạn có thể cho tôi một ý niệm tổng quát về chính Hội Thông Thiên Học, về mục đích và các điều lệ của Hội không ?

Đáp : Người ta không bao giờ giữ chúng bí mật. Bạn cứ hỏi và bạn sẽ được giải đáp.

Vấn : Nhưng tôi có nghe rằng chúng bị liên kết bởi lời thệ nguyện ?

Đáp : Chỉ trong nhóm nội môn hoặc Bí truyền (Esotérique) mà thôi.

Vấn : Tôi cũng có nghe nói rằng, vài hội viên, khi ra khỏi Hội, lại nghĩ mình không còn bị ràng buộc với lời thệ nguyện mà họ đã cam kết. Vậy, họ có lý không ?

Đáp : Điều này chứng tỏ ý niệm về vấn đề danh dự của họ thật bất toàn. Làm thế nào họ có lý được ? Trong tập san Thông Thiên Học (Path: con Đường Đạo), được xuất bản tại Nữu-Uớc có trình bày về vấn đề này như sau:

“Giả sử có một binh sĩ bị cáo không giữ đúng lời thệ nguyện và đã vi phạm kỷ luật, do đó anh bị giáng cấp. Tức giận vì sự trừng phạt mà anh phải gánh chịu, và anh cũng biết trước sự trừng trị như thế nào rồi. Để trả thù vị chỉ huy của mình, quân nhân này đi thông đồng với giặc và cung cấp những tin tức. Anh trở thành tên gián điệp và là một binh sĩ phản bội. Anh nghĩ rằng sự trừng phạt giải kết lời thệ nguyện phải trung thành với nguyên nhân mà anh phục vụ”.

Bạn nghĩ họ có quyền làm như thế không? Họ có đáng được coi như một kẻ vô liêm sỉ, một người hèn nhát không?

Vấn : Tôi tưởng đáng thật, nhưng phải chăng có nhiều người lại suy nghĩ khác hẳn?

Đáp : Không hề chi. Nếu bạn muốn, chúng ta sẽ bàn lại vấn đề này.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC.

CÁC MỤC ĐÍCH CỦA HỘI.

Vấn : Các mục đích của Hội Thông Thiên Học ra sao ?

Đáp : Khởi thủy, Hội có ba mục đích:

1. Thành lập một trung tâm Huynh Đệ Đại Đồng giữa nhân loại không phân biệt sắc tộc, màu da, hoặc tín ngưỡng.

2. Khuyến khích sự nghiên cứu các kinh sách Aryen và các kinh sách khác, cũng như các tôn giáo và các khoa học trên thế giới; chứng minh sự quan trọng về văn chương cổ Á-Châu nhất là triết lý Bà-la-môn, Phật giáo và Bái-hỏa giáo;

3. Tìm hiểu sâu sa tất cả những trạng thái huyền bí ẩn tàng của Thiên Nhiên, đặc biệt nhất là các quyền năng tâm lý và tâm linh tiềm tàng trong con người. Ba mục đích chính yếu của Hội Thông Thiên Học được trình bày tổng quát như thế.

Vấn : Bạn có thể cho tôi biết các điều chỉ dẫn rành rẽ hơn nữa không ?

Đáp : Chúng tôi có thể phân chia ba mục đích này ra nhiều mệnh đề thật rõ ràng vì chúng chúng rất cần thiết cho sự giải thích chính xác.

Vấn : Chúng ta hãy khởi sự tìm hiểu mục đích đầu tiên. Bạn dùng phương pháp nào để gợi tình Huynh Đệ nơi các dân tộc mà tôn giáo, tập quán, tín ngưỡng và cách suy tưởng lại khác biệt nhau như người ta đã biết ?

Đáp : Xin bạn cho phép tôi nói thêm về điều dường như bạn không muốn trình bày. Người ta được biết trừ hai di tích về chủng tộc, người theo Bái Hỏa giáo (Persis) và người Do-Thái (Juif), không những chống đối lẫn nhau mà còn bị nguy cơ về nạn phân chia nội bộ nữa. Đặc biệt trường hợp của các quốc gia Cơ Đốc được gọi là văn minh tân tiến. Vậy vì sao bạn lại ngạc nhiên, và phải chăng mục đích thứ nhứt của chúng tôi có vẻ là một ảo tưởng ?

Vấn : Đúng thế ! Nhưng bạn sẽ làm gì để chinh đốn điều đó ?

Đáp : Tôi không phủ nhận sự kiện đó. Nhưng điều cần thiết tôi phải trình bày nhiều về việc loại bỏ các nguyên do khiến cho tình Huynh Đệ Đại Đồng trở thành một ảo tưởng trong hiện tại.

Vấn : Theo ý bạn, các nguyên do đó ra sao ?

Đáp : Trước tiên, do tánh ích kỷ bẩm sinh của nhân loại. Tánh ích kỷ này thay vì bị búng tận gốc, lại được tăng cường và kích thích hằng ngày đến nỗi nó trở thành một thứ tình cảm man rợ, bất khả kháng do sự giáo dục của tôn giáo lúc bấy giờ, lối giáo dục này có khuynh hướng không những khích lệ tình cảm nói trên, mà còn bào chữa cho nó nữa. Quan niệm về điều phải và điều quấy của chúng ta hoàn toàn bị sai lạc do sự chấp nhận ý nghĩa Thánh Kinh Do-Thái (Bible juive). Mọi sự hi sinh, đầu đề cho các giáo lý từ ái của Đức Jésus, chỉ trở thành một đề tài lý thuyết để được hùng biện trình bày trên diễn đàn thôi. Trái lại các câu châm ngôn về tánh ích kỷ thực hành của Thánh Kinh Moïse, mà Đức Christ đã từng bài bác bằng những lời giảng dạy không hiệu quả lại tự đâm chồi mọc rễ trong đời sống của các quốc gia Tây Phương. “Dĩ oán, báo oán” (oeil pour oeil, dent pour dent), là câu châm ngôn luật pháp đầu tiên của các anh. Vậy, tôi mạnh dạn tuyên bố rằng, chỉ nhờ Thông Thiên Học mới có thể búng tận gốc Giáo lý này, và bao nhiêu Giáo lý khác cũng tàn ác như thế.

NGUỒN CỘI CHUNG CỦA CON NGƯỜI

Vấn : Xin bạn cho biết vì sao ?

Đáp : Chứng minh giản tiện nhất là dựa vào luân lý, triết lý, siêu hình học và cả khoa học:

a/- Tất cả mọi người đều cùng chung một nguồn cội tâm linh và vật chất, đây là giáo huấn chính yếu của Thông Thiên Học.

b/- Vì nhân loại đều đích thật cùng chung một tinh túy duy nhất, tinh túy này là một, vô cùng vô tận, không sáng tạo và hằng cửu, dù chúng ta có dùng danh từ Thượng Đế hay Tạo Hóa cũng vậy. Do đó, không có cái chi có thể cảm nhiễm một quốc gia hoặc một người, mà đồng thời lại không cảm nhiễm tất cả các quốc gia và các người khác. Điều này cũng chắc chắn và rõ ràng như việc làm rơi một viên đá xuống hồ, tất nhiên sớm muộn gì viên đá cũng làm nước trong hồ

chuyển động.

Vấn : Đây không phải là lời giáo huấn của Đức Christ, mà là một quan niệm về phẩm thần luận đúng hơn.

Đáp : Bạn lầm lẫn rồi. Trái lại, tư tưởng này lại thuần lý Cơ Đốc, nhưng không thuộc Do Thái Giáo, vì thế các quốc gia tuân theo Thánh Kinh có lẽ không thích tìm hiểu các tư tưởng đó.

Vấn : Một sự tố giác như thế thật bất công và quá bao quát. Dựa vào đâu bạn đề xướng một chứng cứ như vậy ?

Đáp : Các chứng cứ của tôi vừa với tầm hiểu biết. Người ta nói Đức Christ dạy: “Các người hãy thương lẫn nhau” và “Hãy thương kẻ thù nghịch của người”; “vì chưng nếu người chỉ thương yêu những người mà người ưa thích thì còn có chi xứng đáng nữa? Các người Publicains [13] há không làm như thế chẳng? Và, nếu người cứ đón tiếp các bạn bè, anh em người, thì người có làm chi khác lạ hơn đâu? Các người Publicains há không làm như thế sao? ” Đó chính là những lời của Đức Christ. Trong Khởi Nguyên Thuyết (Genèse) (IX,25 có nói “Chanaan hãy bị nguyên rủa! Chanaan là tội tổ cho những người phụng sự các anh em của mình”. Đây là lý do vì sao các người theo Cơ Đốc Thánh Kinh ưa thích luật của Moise hơn luật bác ái của Đức Christ. Họ thích Cựu Ước kinh vì nó thỏa mãn mọi tình cảm; các luật lệ có tính cách xâm chiếm, thôn tính và áp chế đối với các dân tộc mà họ cho còn thấp kém. Biết bao trọng tội mà họ phạm phải vì tin tưởng và bản văn thâm hiểm (nếu được hiểu theo nghĩa đen) của Khởi Nguyên Thuyết! Chỉ nhờ lịch sử mới có thể cho ta một ý niệm, tuy rất xa thực tế.

Vấn : Tôi có nghe bạn nói rằng đồng nhất tính về nguồn cội vật chất của chúng ta được chứng minh bởi khoa học, và đồng nhất tính về nguồn cội tâm linh lại do Tôn giáo Minh Triết. Tuy nhiên các người theo học phái Darwin không chứng tỏ được tình Huynh Đệ đậm đà.

Đáp : Hoàn toàn đúng; và chính điều này chứng tỏ sự thiếu sót của các học phái duy vật, và chứng minh các nhà Thông Thiên Học có lý. Đồng nhất tính về nguồn cội vật chất không lay chuyển được các tình cảm cao thượng nhất và sâu xa nhất của con người. Vật chất bị thiếu linh hồn và chân linh, nghĩa là tinh túy thiêng liêng của nó không thể trực chỉ vào tâm nhân loại; nhưng chỉ có sự đồng nhất tính của linh hồn và chân linh, nghĩa là của con người thực sự và bất tử, như Thông Thiên Học đã trình bày; một khi đã được chứng minh và đã thành lập vào tâm của ta rồi, sẽ dẫn dắt chúng ta tiến rất xa trên con đường thiện tâm, thiện ý, xây dựng tình huynh đệ thực sự.

Vấn : Nhưng làm như thế Thông Thiên Học giải thích được nguồn cội chung của nhân loại không ?

Đáp : Bằng cách chỉ dẫn rằng cội rễ của tất cả bản chất khách quan và chủ quan, cũng như của tất cả cái chi hiện có trong vũ trụ hữu hình và vô hình, đều đang là, đã là và luôn luôn là một tinh túy tuyệt đối, mà từ đó mọi vật phát tỏa ra và lại phải quay trở về. Triết lý Aryen là thế, và nó chỉ được tượng trưng hoàn toàn trong các môn phái Vệ-Đà và Phật giáo mà thôi. Với mục tiêu được hướng đến này, đây là bốn phận của tất cả các nhà Thông Thiên Học ở mọi xứ phải giúp đỡ bằng các phương tiện thực tiễn, để phát triển đường lối giáo dục không môn phái (l'éducation non-sectaire).

Vấn : Vậy qui tắc của Hội Thông Thiên Học khuyên bạn nên thực thi như thế nào? Tôi muốn nói trong phạm vi vật chất .

Đáp : Để khêu gợi tình huynh đệ giữa các quốc gia, chúng ta phải giúp đỡ sự giao dịch quốc tế trên phương diện nghệ thuật, và các sản phẩm lợi ích trở thành tổng quát hơn. Phải giúp đỡ bằng lời khuyên bảo, bằng tất cả các tin tức mà chúng ta có thể cung cấp, và bằng sự hợp tác với các người có thiện chí cũng như với tất cả mọi công việc (miễn là, theo như các điều lệ đã ghi thêm, Hội hoặc các "Hội viên" phục vụ nhưng không lãnh một lợi lộc nào"). Để trình một trường hợp điển hình, thí dụ sự tổ chức của Hội do ông Edouard Bellamy mô tả trong tác phẩm trác tuyệt "Một trăm năm sau". Ông trình bày rất kỳ diệu về ý niệm Thông Thiên Học trở

thành bước đầu tiên để tiến đến sự thực hiện hoàn hảo tình huynh đệ đại đồng. Trạng thái sự việc mà ông diễn tả khó có thể thực hiện vì thiếu thiện chí bởi tính ích kỷ vẫn còn, và vẫn tác động nơi tâm con người. Nói một cách tổng quát thì tính ích kỷ và cá nhân chủ nghĩa đã bị ý niệm cộng đồng trách nhiệm và tình huynh đệ tương trợ đánh bại, và kế hoạch về đời sống mà ông trình bày đã làm suy giảm phần nào các nguyên do có khuynh hướng sáng tạo và tăng cường tính ích kỷ.

Vấn : Vậy thì, với tính cách là người Thông Thiên Học, bạn sẽ tham gia và cố gắng thực hiện một lý tưởng như thế chẳng ?

Đáp : Chắc chắn như vậy, chúng tôi đã từng chứng minh bằng hành động. Bạn có biết về các câu lạc bộ và đảng phái quốc gia được sáng lập lại Mỹ-Châu kể từ lúc tác phẩm của ông Bellamy được xuất bản không ? Chúng tự mình định một cách rõ rệt, và sau này càng ngày càng phát hiện chính xác hơn. Vậy, các câu lạc bộ và đảng phái đó đã được các nhà Thông Thiên Học thành lập. Một trong các câu lạc bộ đầu tiên, câu lạc bộ quốc gia tại Boston (Massachussets), mà vị Chủ-tịch và Tổng Thư ký là nhà Thông Thiên Học, và phần đông hội viên câu lạc bộ cũng là hội viên Hội Thông Thiên Học. Việc thành lập các câu lạc bộ và đảng phái kể trên, chứng minh rõ ràng ảnh hưởng của Thông Thiên Học và của Hội Thông Thiên Học, vì tình Huynh Đệ giữa nhân loại như Giáo lý này đã dạy được dùng làm căn bản và nguyên tắc chính yếu. Tuyên ngôn về các nguyên tắc có đoạn: "Nguyên tắc về Tình Huynh Đệ giữa Nhân loại là một trong các chân lý vĩnh cửu, nguyên tắc này điều khiển sự tiến bộ của thế gian, tùy theo đường lối chúng phân biệt bản tính của nhân loại với loài thú ". Có cái chi thực sự Thông Thiên Học hơn điều đó không? Nhưng cũng chưa đủ. Điều cần thiết là phải làm sao thâm nhập vào con người ý niệm, nếu nguồn cội của nhân loại là một thì cần có một chân lý duy nhất tự biểu lộ trong tất cả các tôn giáo khác nhau – ngoại trừ trong Do Thái Giáo vì không ai thấy chân lý này được trình bày trong Bí Thuật Giáo (Cabale).

Vấn : Có thể bạn hữu lý về những điều liên quan đến nguồn cội chung của các tôn giáo. Nhưng làm thế nào áp dụng tình Huynh Đệ trên cõi đời vật chất này?

Đáp : Trước tiên, tôi xin nói về điều chi có thật trên cõi giới siêu hình cũng phải có thật trên cõi giới vật chất. Kể đến, không có cái chi phát sinh nhiều oán thù và chiến đấu hơn là sự dị biệt về tôn giáo. Khi một môn phái tự tin rằng mình là sở hữu chủ của chân lý tuyệt đối, thì đương nhiên cũng cho rằng các tôn giáo khác dễ bị sai lạc hoặc Àum Àum.

Người ta có thể chỉ cho đồng loại nhìn thấy, không một giáo phái nào chiếm được trọn cả chân lý, nhưng trái lại tất cả các môn phái tự bổ túc lẫn nhau, và trong các giáo lý phối hợp lại, người ta mới tìm thấy được chân lý trọn vẹn, lẽ dĩ nhiên sau khi đã loại trừ những giáo lý sai lầm; như thế thì tình Huynh đệ thực sự về tôn giáo sẽ được thiết lập. Một lý luận như thế được áp dụng cho thế giới vật chất.

Vấn : Xin bạn cứ tiếp tục giải thích.

Đáp : Chúng ta hãy lấy một thí dụ: một cây gồm có: rễ, thân cây, nhiều cành và lá. Nhân loại được xem như thế một cách bao quát và hợp thành một thân phát xuất từ cội rễ tâm linh; giống như vậy, thân cây có thể được xem như là góp phần vào sự đơn nhất của cây. Nếu người ta làm hư hại thân cây, dĩ nhiên mỗi cành, mỗi lá phải bị ảnh hưởng lây. Nhân loại cũng thế ấy.

Vấn : Vâng, nếu bạn phá hư một lá hoặc một cành, bạn không làm hư trọn cả cây sao ?

Đáp : Bạn nghĩ rằng khi gây hại cho một người, bạn không gây hại cả nhân loại hay sao? Làm thế nào bạn có thể hiểu được việc đó? Bạn có biết chẳng khoa học duy vật dạy rằng một sự hư hại nhỏ gây ra cho cây có thể ảnh hưởng tất cả diễn trình của sự tăng trưởng và của các sự phát triển tương lai của nó? Sự đồng nhất là hoàn hảo, và chính bạn mới lầm lạc. Tuy nhiên, nếu bạn không lưu ý trọn cả thân thể chịu ảnh hưởng về một ngón tay bị dao cắt đứt, và dấu cắt này tác động vào trọn cả thân thể nhắc nhở cho bạn nhớ rằng có nhiều định luật tâm linh khác tác động cho thảo mộc, thú vật cũng như nhân loại; nhưng có lẽ bạn sẽ từ khước sự hiện tồn của các định luật này, vì bạn không chịu nhìn nhận ảnh hưởng của chúng đối với thảo mộc và thú vật.

Vấn : Bạn giảng giải về các định luật nào?

Đáp : Chúng tôi gọi là: các định luật Nhân Quả. Nhưng bạn không hiểu được ý nghĩa trọn vẹn của nó, nếu bạn không nghiên cứu Huyền Bí Học. Tuy nhiên, thực sự lý luận của tôi được căn cứ vào sự đồng nhất của cây, chứ không giả thuyết về sự hiện tồn của các định luật. Bạn hãy phát triển ý tưởng này, bạn hãy áp dụng nó một cách tổng quát, và bạn sẽ thấy trong triết học chân chính mọi hành động vật chất đều nhất thiết kéo theo một hậu quả luân lý và vĩnh cửu. Nếu bạn làm hại một người bằng cách gây ra cho họ một điều đau đớn vật chất và có lẽ bạn nghĩ rằng sự đau đớn đó không thể lan truyền qua người lân cận hoặc cho những người thuộc các quốc gia khác. Trái lại, chúng tôi xác nhận rằng, với thời gian, hiệu quả đó sẽ *phát sinh*. Vì thế chúng tôi xin xác nhận tình cảm huynh đệ do những nhà Đại Cải Cách thuyết giảng và nhất là do Đức Phật và Đức Jésus, chỉ có thể thực hiện được tại địa cầu ngày giờ nào con người hiểu biết và chấp nhận như một chân lý xác định (vérité axiomatique) sự việc người ta không thể gây hại cho một người mà đồng thời lại không gây hại cho chính họ, và cuối cùng còn gây hại cho nhân loại.

NHỮNG MỤC ĐÍCH KHÁC CỦA CHÚNG TÔI

Vấn : Bây giờ xin bạn giải thích cho tôi biết, bạn định thực hiện mục đích thứ nhì của bạn bằng cách nào?

Đáp : Bằng cách sưu tầm cho thư viện của Trung Tâm Thông Thiên Học tại Adyar-Madras (và do trung gian của Hội viên các Xứ Bộ cho những thư viện địa phương của họ) tất cả các tác phẩm hay mà chúng tôi có thể tìm hiểu về các tôn giáo trên thế giới; bằng cách phổ biến những tài liệu chính xác về triết lý, về truyện tích truyền khẩu, và các thánh truyện cổ, bằng cách truyền bá với tất cả mọi phương tiện thực hành như : phiên dịch, xuất bản những tác phẩm đặc biệt có giá trị, cũng như sưu tập, ghi chép bình luận những loại đề tài hoặc khẩu huấn của các nhà uyên bác trong lĩnh vực liên hệ của họ.

Vấn : Về mục đích thứ ba: phát triển các quyền năng tâm linh hay tâm lý tiềm tàng trong con người thì sao?

Đáp : Mục đích này sẽ được thực hiện nhờ sự truyền bá ở những nơi không thể tổ chức các cuộc thuyết giảng hoặc giáo huấn cá nhân. Bốn phận của chúng tôi là duy trì nơi con người các trực giác tâm linh, hầu đối kháng lại sự mê tín, sau khi đã phân tích kỹ lưỡng và chứng minh bản tính phản lý của nó, ngăn trở nó dưới tất cả mọi hình thức tôn giáo, khoa học và xã hội; nhất là đánh đổ sự giả dối, như tinh thần tôn giáo môn phái, sự tin tưởng vào các phép lạ hay siêu nhiên. Điều mà chúng tôi phải làm, đó là việc tìm cách thấu đạt, phổ biến sự hiểu biết các định luật của thiên nhiên; khuyến khích sự học hỏi các định luật này vì chúng chưa được các dân tộc tân tiến hiểu biết, nghĩa là các khoa được gọi là Huyền bí học, chúng được căn ***cứ vào sự tri thức thực sự về thiên nhiên chớ chẳng phải vào mê tín, vào một đức tin mù quáng hay uy lực như hiện nay. Nếu người ta quan sát*** kỹ thì các thánh truyền hay những mẫu chuyện khẩu truyền bình dân, dù đôi lúc chúng có vẻ huyền hoặc, nhưng nó có thể giúp ích cho sự phát giác nhiều bí ẩn quan trọng của thiên nhiên, đã bị thất lạc từ lâu. Bởi thế, Hội cứ theo dõi con đường sưu tầm này với hy vọng phát triển lĩnh vực quan sát về khoa học và triết lý.

SỰ CAO TRỌNG CỦA LỜI THỆ NGUYỆN

Vấn : Hội có căn cứ vào một hệ thống luân lý đặc biệt nào không ?

Đáp : Các nguyên tắc về luân lý vẫn có, được hạn định rõ rệt và thích ứng cho những ai muốn tuân theo. Đây là tinh thần và bản chất của nền luân lý nhân loại, được trích tập từ các giáo huấn của những bậc đại cải cách trên thế giới. Bạn sẽ tìm thấy trong giáo huấn của Đức Khổng Tử, Đức Zoroastre, Đức Lão Tử, Kinh Bhagavad Gita, trong lời giảng dạy của Đức Phật Gautama, của Đức Jésus ở Nazareth, trong học thuyết của ông Hillel cũng như của Đức Pythagore, Socrate, Platon và môn phái của các Ngài.

Vấn : Nhưng các hội viên của Hội Thông Thiên Học có tuân thủ những huấn giới này không? Tôi nghe nói có nhiều mối bất hòa và tranh luận

nghiêm trọng xảy ra trong Hội.

Đáp : Đó là lẽ dĩ nhiên, dù người ta có thể cho rằng sự cải cách (dưới hình thức hiện tại) thật là tân tiến, các người nam cũng như nữ cần được cải thiện phải có đồng một bản tính về tội lỗi của nhân loại như thuở xưa. Như chúng tôi đã trình bày, các hội viên chân chính muốn làm việc một cách tích cực lại rất ít; có nhiều người thành thật, rất sẵn sàng và cố gắng sống thích hợp với lý tưởng riêng tư của mình và của Hội. Đây là phận sự của chúng tôi phải giúp đỡ, khuyến khích các hội viên, với tư cách cá nhân, chính họ nên cải thiện về phương diện tinh thần, luân lý và tâm linh. Tuy nhiên chúng ta không nên khiển trách khi công trình này của các bạn bị thất bại. Để trình bày một cách chính xác hơn, chúng ta không có quyền từ chối thu nhận bất cứ người nào, nhất là những người trong Phái Bí Truyền của Hội mà “người gia nhập kể như được sinh ra lần thứ hai”. Sau lần “tái sinh” này, con người thay đổi mới. Nếu một hội viên nào, mặc dù đã lấy danh dự long trọng thốt lời thệ nguyện và nhơn danh chân ngã bất tử của mình, mà vẫn tiếp tục duy trì các thói hư, tật xấu thuộc đời sống cũ, và cứ thực hành như thế ngay tại Hội, thì chắc chắn họ sẽ được khuyên bảo nên xin từ chức hay tự rút lui. Nếu bất tuân họ không tránh được sự sa thải. Chúng tôi áp dụng trong các trường hợp như thế những qui luật nghiêm khắc nhất.

Vấn : Bạn có thể kể ra vài trường hợp không?

Đáp : Chắc hẳn là được. Trước tiên không một hội viên thuộc công truyền hay bí truyền nào được quyền đem ý kiến cá nhân của mình áp chế ý kiến của một hội viên khác. “Thật không hợp lệ cho bất cứ một hội viên chính thức *nào của Xứ Bộ bộc lộ công khai, bằng lời nói hay việc làm sự oán ghét* hoặc ưa thích đối với một môn phái, triết lý hay tôn giáo nào. Tất cả mọi giáo phái có quyền hợp pháp để thấy tín ngưỡng của họ được giải bày trước tòa án của một thế giới công minh và không một hội viên chính thức nào của Hội, trong lúc thừa hành phận sự, lại có quyền thuyết trình các ý tưởng riêng biệt, và các tín ngưỡng môn phái của mình trước một cuộc tập hợp các hội viên, trừ phi thính đàn gồm có những người đồng đạo. Sau lời cảnh cáo chính đáng, sự vi phạm qui luật này sẽ bị phạt ngưng chức hoặc sa thải”. Đây là một sự thóa mạ Hội. Còn về điều có liên quan đến phái bên trong hay Bí truyền, đây là các qui tắc được tuyên bố và chấp thuận từ năm 1880; “Không một hội viên nào được phép xử dụng với tính cách ích kỷ một trong các

điều hiểu biết mà một hội viên của nhóm đầu tiên hiện nay có một 'cấp bậc' thượng đẳng hơn đã thông báo lại cho họ, mọi sự vi phạm về qui tắc sẽ bị xử phạt sa thải". Và lại, trước khi một điều hiểu biết thuộc về loại này được chuyển giao, người muốn nhận phải hứa long trọng không áp dụng vào một mục đích ích kỷ và không tiết lộ nếu chưa được phép.

Vấn : Nhưng nếu một người bị sa thải hoặc tự xin ra khỏi phái (bí truyền), họ có được tự do tiết lộ điều chi đã học hỏi hoặc vi bội các điều khoản của lời thệ nguyện, do đó, họ bị liên kết chăng ?

Đáp : Dĩ nhiên là không! Sự sa thải hoặc sự từ chức của họ chỉ giải kết họ với sự ràng buộc phải tuân theo vị giáo huấn, và với bốn phận tham dự vào công việc của Hội, nhưng chắc chắn không giải kết họ với lời thệ nguyện tôn nghiêm về việc giữ kín mà họ đã hứa.

Vấn : Phải chăng điều đó rất hợp lý và công bình ?

Đáp : Chắc chắn như vậy. Người nam hay người nữ nào có được chút ít cảm nghĩ về danh dự sẽ hiểu rằng lời thệ nguyện giữ im lặng, dù chỉ liên kết bằng lời hứa danh dự và nhất là, với danh nghĩa của Chân Ngã Thượng Đẳng – vị Thần nội tâm – phải liên kết cho đến lúc chết. Và tuy đã ra khỏi Phái và Hội, không một người nam hay một người nữ có danh dự nào lại mưu tính đả kích, phá hoại một cơ quan, mà đối với nó, họ đã tự liên kết vào.

Vấn : Như vậy không phải quá bắt buộc sao ?

Đáp : Có lẽ, theo sự phán xét quá thấp kém về luân lý hiện tại. Một lời thệ nguyện có ý nghĩa gì nếu không liên kết chúng ta với điều đó? Làm sao chúng ta có thể hi vọng nhận được sự hiểu biết bí nhiệm, nếu chúng ta tự ý giải thoát khỏi các lời cam kết đã hứa ? Có sự bảo đảm tin cậy hay đức tin nào còn tồn tại được giữa con người, nếu lời thệ nguyện như thế lại không liên kết chi cả? Và lại, bạn hãy tin nơi tôi, vì sau đó định luật bù trừ (Nhân Quả) sẽ xử phạt người nào vi phạm

lời cam kết của họ, có lẽ nhanh chóng như sự khinh bỉ của những người có danh dự, và sẽ áp chế họ ngay trong lãnh vực vật chất. Cũng như quyển The Path (Con Đường Đạo), mà chúng tôi có đề cập đã diễn tả rất đúng vấn đề này:

“Lời thệ nguyện một khi đã được thốt ra, liên kết mãi mãi một người vào lĩnh vực luân lý cũng như vào thế giới huyền bí. Nếu chúng ta đã vi phạm một lần và đã bị phạt, chúng ta không được tự biện hộ vì có thể còn vi phạm một lần nữa; nếu chúng ta thường tái vi phạm thì búa rìu mãnh liệt của Định Luật (Nhân Quả) sẽ phản ứng lại chúng ta” (The Path, tháng bảy năm 1889).

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG IV

SỰ LIÊN KẾT GIỮA HỘI THÔNG THIÊN HỌC VÀ MINH TRIẾT THIÊNG LIÊNG

CẢI THIÊN TỰ NGÃ

Vấn : Phải chăng Hội của bạn chú ý đặc biệt sự nâng cao luân lý?

Đáp : Chắc chắn như thế! Ai muốn trở thành một người Thông Thiên Học phải cố gắng sống một đời sống Minh Triết.

Vấn : Nếu như thế thì tác phong của vài hội viên lại dính chánh đặc biệt qui tắc này, như tôi đã lưu ý .

Đáp : Đúng như thế. Nhưng điều này không thể tránh được nơi chúng tôi cũng như nơi những người Cơ Đốc đã phạm phải điều quấy. Lỗi không do nơi điều lệ và qui tắc của chúng tôi, mà lại do nơi bản tính của nhân loại, dù cho vài Chi bộ công truyền hoặc các hội viên thệ nguyện nhân danh “Chân Ngã Thượng Đẳng” và có một nếp sống mà Thông Thiên Học đã khuyên bảo. Hằng ngày và từng lúc trong đời sống, họ kêu gọi đến cái Ngã Thiêng Liêng để dìu dắt họ trong mỗi tư tưởng

cũng như trong mỗi hành động. Một người Thông Thiên Học thực sự phải “thực hành điều chi chính đáng và đi đứng một cách khiêm tốn”.

Vấn : Bạn muốn nói chi về điều đó ?

Đáp : Điều này rất đơn giản : cái Ngã của một người phải quên đi vì lợi ích cho cái Ngã phức tạp của đồng loại. Bạn cho phép kể lại lời của một người Philalèthe thực sự, hội viên của Hội Thông Thiên Học đã trình bày tư tưởng này rất đúng trong tập san Théosophist: “ Điều mà một người cần hiểu trước tiên, là sự tự biết mình. Kế đó, phải tìm hiểu những điều chiếm hữu chủ quan, và dù cho trạng thái linh hồn có bất hảo và suy bại đến đâu, con người cũng có thể chuộc lỗi nếu biết khởi sự làm việc một cách nghiêm chỉnh”. Nhưng có được bao nhiêu người hành động như thế? Tất cả mọi người đều muốn làm việc cho sự phát triển và tiến bộ riêng của mình; rất ít người sẵn sàng làm việc cho sự phát triển và tiến bộ của đồng bào. Chúng ta nên kể lại lời của tác giả này một lần nữa: “con người thường bị gạt gẫm và lừa phỉnh : họ cần đập vỡ các tượng thần, vứt bỏ các ngẫu tượng, và chính họ phải bắt tay vào việc; - nhưng thật ra là lời nói thừa; vì chừng người nào làm việc cho chính mình, thì tốt hơn không nên làm chi cả. Đúng ra họ nên làm việc cho đồng bào, cho toàn thể. Mỗi hoa tình thương và từ thiện mà con người trồng được trong thửa vườn của Nhân Loại sẽ nảy nở như đóa hoa hồng. Các Thánh kinh và tôn giáo giải bày rõ ràng vấn đề này; nhưng những người có tà tâm làm sai lệch trước tiên, cuối cùng chúng phải suy yếu vì bị duy vật hóa để rồi mất hết ý nghĩa tốt đẹp. Người ta không cần một sự tiết lộ mới, mà mỗi người phải là một sự tiết lộ riêng biệt. Khi chân linh bất tử của con người chiếm hữu được thánh điện của thể xác, và khi họ đã xua đuổi được tất cả điều chi ô trược, thì lúc đó chính cái phần thiêng liêng riêng biệt của nhân loại sẽ cứu rỗi họ; vì chừng khi được hợp nhứt với chính mình, con người sẽ trực nhận được vị “kiến trúc sư của Thánh Điện”.

Vấn : Tôi nhìn nhận đây là lòng nhân từ thuần khiết.

Đáp : Vâng. Chỉ cần có một hội viên trong số mười người của Hội Thông Thiên Học thực hành lòng nhân từ để chúng ta thực sự trở thành một nhóm người xứng tuyền. Nhưng, trong số ở ngoài Hội, còn có những người luôn luôn từ khước nhìn nhận sự sai biệt chính yếu giữa Thông Thiên Học và Hội Thông Thiên Học, giữa tư

tưởng và môi vật không toàn hảo. Các người đó sẽ qui tội lỗi và sai lầm của môi vật, thuộc xác thân của nhân loại cho chân linh thuần khiết trong khi nó ban rải vào môi vật này ánh sáng thiêng liêng. Phải chăng là sự tự chứng tỏ luật công bằng đối với điều này và điều kia? Không, đó là việc ném viên đá vào một hiệp hội để cho sự cố gắng, trải qua các khó khăn lớn lao nhất tự nâng cao lên, xứng đáng với lý tưởng mà nó truyền bá cho thế gian. Các người này sỉ nhục Hội Thông Thiên Học bởi vì *Hội dám đem thực hiện điều mà các giáo phái khác, nhất là Cơ Đốc Giáo của Giáo đường và của Quốc gia, không thể nào thực hành được, dĩ nhiên các người khác sỉ nhục Hội, vì họ muốn giữ vững tình trạng hiện tại; đó là các người "Pharisiens" [14] và "Sadducéens" [15] trên diễn đàn của Moïse, người "publicains" và những người tội lỗi trong hàng cao sang như vào thời của Đế Quốc La-Mã suy vi.* Vào mọi trường hợp, các nhà trí thức chân chính nên nhớ rằng, trong thế giới mà các khả năng có tính cách tương đối, người đã đem hết sức mình cũng bằng như đã hoàn tất được nhiều nhất. Đây là một chân lý tầm thường, một định lý cho những ai đã tin tưởng vào Phúc Âm, được chứng minh bởi câu ngụ ngôn của Đức Thầy (Đức Jésus) nói về các tài năng: Người phụng sự nào tặng gấp hai tài năng của mình, y cũng sẽ được ban thưởng nhiều như người phụng sự khác đã nhận được tất cả năm tài năng. Mỗi người sẽ được trao tặng tùy theo khả năng của mình".

Vấn : Nhưng trong trường hợp này rất khó phân biệt giữa điều chi trừu tượng và cụ thể; vậy thì, chúng ta chỉ có thể xét đoán theo điều sau mà thôi.

Đáp : Vì sao bạn lại nêu ra một ngoại lệ cho Hội Thông Thiên Học? Sự công bằng, cũng như từ thiện, phải phát khởi từ nơi tâm. Bạn không khinh rẻ cũng như không chế nhạo "Bài thuyết pháp trên Núi" (Sermon sur la Montagne), bởi đến ngày nay, các định luật xã hội, chánh trị cũng như tôn giáo của bạn không thành công để áp dụng lời giáo huấn của Ngài (Đức Jésus); không những chúng ta phải theo đúng tinh thần, mà phải hiểu trọn ý nghĩa. Bạn hãy hủy bỏ lời thệ nguyện nơi Tòa Án, Quân Đội, Quốc Hội và mọi nơi khác, bạn hãy làm như người Quakers [16], nếu bạn muốn xứng đáng là một tín đồ Cơ Đốc giáo, bạn hãy phá bỏ các tòa án, vì rằng bạn muốn tuân theo các giới luật của Đấng Christ, bạn phải tặng chiếc áo của bạn cho kẻ nào lấy của bạn chiếc áo. Bạn hãy đưa thêm má trái nếu người ta đánh vào má phải của bạn. "Chớ nên kháng cự kẻ nào hại người; hãy thương

yêu kẻ nghịch thù cũng như chúc lành cho kẻ nào nguyện rửa người, phải làm điều thiện cho ai oán ghét người”; vì chưng “ai đã vi phạm một điều nhỏ trong giới luật đó, và ai đã dạy cho người khác vi phạm chúng, sẽ bị xem như thấp kém nhất trong Thiên Quốc”; và “ai nói: Điên khùng sẽ bị xử phạt nơi hỏa ngục”. Và vì sao bạn lại phán xét, nếu bạn muốn không bị phán xét trở lại? Khi nhấn mạnh về sự kiện không có điểm sai biệt giữa Thông Thiên Học và Hội Thông Thiên Học, bạn đã trình bày học phái và tinh túy của Cơ Đốc Giáo, cùng với các sự tố giác hay tuyên bố về chúng một cách nghiêm trọng hơn.

Vấn : Tại sao lại nghiêm trọng hơn ?

Đáp : Bởi vì, trong khi thủ lĩnh của phong trào Thông Thiên Học nhìn nhận hoàn toàn các khuyết điểm, và tận lực sửa chữa những điều quấy hiện có trong Hội – mà các qui luật và điều lệ được dẫn khởi bởi tinh thần của Thông Thiên Học – thì các nhà Lập pháp và các Giáo Đường của những Quốc Gia và những xứ theo Cơ Đốc Giáo đều làm trái ngược lại. Các nhà Thông Thiên Học Tây Phương gặp phải bao nhiêu điều khó khăn để duy trì một đời sống thực sự minh triết, vì tất cả đều là con của thể hệ này. Mỗi người có thể là tín đồ của Cơ Đốc Giáo, họ được sinh ra và nuôi dưỡng theo lẽ lối của Giáo Đường, cũng như theo các tập quán xã hội hay các luật lệ nghịch lý tùy hoàn cảnh của họ. Đây là điều mà mỗi người đã hấp thụ trước khi trở thành nhà Thông Thiên Học hoặc đúng hơn là hội viên của Hội Thông Thiên Học. Bởi thế, người ta không ngót lập lại, hiện có một sự sai biệt quan trọng nhất giữa lý tưởng trừu tượng và môi vật của nó.

TRỪU TƯỢNG VÀ CỤ THỂ

Vấn : Xin bạn giải thích rõ ràng hơn sự sai biệt này ra sao ?

Đáp : Hội là một cơ quan rộng rãi gồm có các người nam và nữ đã hợp tác bởi các yếu tố dị biệt nhất. Theo ý nghĩa trừu tượng, Thông Thiên Học là Minh Triết Thiêng Liêng, hoặc sự kết hợp của trí thức và minh triết; chúng là nền tảng của vũ trụ đồng nhất về ĐIỀU THIÊN vĩnh cửu. Theo ý nghĩa cụ thể, Thông Thiên Học là sự tổng hợp của điều thiện mà thiên nhiên đã ban cho con người ở đây Địa Cầu này.

Vài hội viên tìm cách thực hành Thông Thiên Học theo cách nghiêm chỉnh trong đời sống, nghĩa là làm cho Thông Thiên Học trở thành khách quan; còn các người khác chỉ thích tìm hiểu hơn là thực hành. Có vài người gia nhập Hội do tánh hiếu kỳ, hoặc do một lợi lộc tạm thời; vì họ có vài bạn thân đã tham gia vào Hội. Lúc ấy, làm sao người ta có thể phán đoán được học thuyết minh triết qua những người mang danh là nhà Thông Thiên Học nhưng không tiêu biểu được giáo lý này. Vậy người ta có phán đoán được thi ca và năng thơ qua những cá nhân tự xưng là thi sĩ mà thi phẩm của họ lại làm nhức tai ta chăng? Cũng giống như thế, Hội Thông Thiên Học không thể nào được xem như là việc cá nhân hóa Thông Thiên Học dưới hình thức những lý do trừu tượng; Hội không kỳ vọng vào môi vật cụ thể mà sự bất toàn và hèn yếu của nhân loại còn tồn tại trong lòng nó; bằng không, Hội chỉ lập lại điều sai lầm và các tội phạm thánh rõ rệt ở những nơi tự xưng là giáo đường của Đấng Christ. Để áp dụng sự so sánh Đông Phương, Thông Thiên Học được xem như là đại dương vô bờ bến của Chân lý, của tình thương và minh triết phổ quát, nó phản chiếu ánh vinh quang rực rỡ xuống Địa Cầu; còn Hội Thông Thiên Học chỉ là một cái bọt hữu hình của sự phản chiếu đó. Thông Thiên Học là bản tính nhân loại tự cố gắng hướng về Từ Phụ Thiêng Liêng. Cuối cùng, Thông Thiên Học là vầng Thái Dương bất động, vĩnh cửu, Hội Thông Thiên Học là chiếc sao chổi thoáng qua đang tìm cách định trú vào một quỹ đạo hầu trở thành một hành tinh, và để quay luôn luôn trong vòng hấp lực của mặt trời chân lý. Hội được thành lập để chứng minh cho con người thấy còn có Thông Thiên Học để giúp đỡ họ tự hướng thượng bằng sự học hỏi và đồng hóa các chân lý vĩnh cửu.

Vấn : Phải chăng bạn từng nói bạn không có tín điều hay giáo lý riêng biệt?

Đáp : Thật vậy, chúng tôi không có tín điều hay giáo lý, Hội không có một sự minh triết riêng tư nào để bảo vệ hoặc giáo huấn. Hội chỉ đơn giản là nơi tích lũy tất cả Chân lý đã được các bậc có huệ nhãn, các bậc được điểm đạo và các nhà tiên tri của những thời đại lịch sử và tiền sử đã từng công bố – ít nhất tất cả điều chi thuộc các Chân lý mà nó có thể thu thập được. Hội chỉ đơn giản là con đường mà nhờ đó được ban rải một phần nhiều hay ít Chân lý đã tìm thấy trong các giáo huấn tích lũy bởi những nhà Đại Giáo Chủ của nhân loại.

Vấn : Người ta không thể hoạch đắc Chân lý này ngoài Hội Thông Thiên

Học hay sao ? Tất cả mọi Giáo Đường đều tự cho rằng đã chiếm hữu được Chân lý đó ?

Đáp : Không chắc hẳn. Sự hiện tồn không thể chối cãi của vài bậc đặc đạo – những người “con của Thượng Đế” thực sự – chứng minh rằng còn có những cá nhân sống đơn độc đã đạt được sự minh triết nhưng luôn luôn vào lúc ban sơ đều nhờ sự hướng dẫn của một Đấng Chân Sư. Nhưng phần đông các vị đệ tử này, đến phiên mình trở thành Sư Phụ, đã làm giảm bớt phổ quát tính các giáo huấn đó để làm chúng thích hợp với tín điều eo hẹp và môn phái của mình. Vậy, các lời giáo huấn của vị Sư Phụ duy nhất đã chọn lựa phải được tuân thủ và noi theo ngoài các lời giáo huấn khác; nên ghi nhớ rõ như trường hợp “Bài thuyết pháp trên Núi”. Mỗi tôn giáo là một phần của Chân lý thiêng liêng và trở thành trung tâm mà nơi đây lại chiếu rọi cái toàn cảnh rộng rãi và sự ngông tín của nhân loại được tự hào đã tượng trưng và thay thế cho Chân lý.

Vấn : Nhưng bạn nói Thông Thiên Học không phải là một tôn giáo ?

Đáp : Thật vậy, Thông Thiên Học không phải là một Tôn Giáo mà là tinh túy của các Tôn giáo và là Chân lý tuyệt đối mà chỉ một giọt thôi cũng đủ làm nền tảng cho mỗi tín ngưỡng. Để dùng làm ẩn dụ ta có thể xem Thông Thiên Học, tại thế gian này, là ánh sáng trắng của quang phổ mặt trời, và mỗi Tôn giáo chỉ là một trong bảy màu sắc do lăng kính phát ra. Mỗi tia sáng nhuộm màu, không nhận ra được các tia sáng khác và tuyên bố rằng chúng là giả tạo, không những lầm tưởng rằng nó chiếm ưu thế mà còn xác định rằng nó chính là ánh sáng trắng này, và vì lý do đó, lại kết án các biến sắc (nuances) riêng biệt của ánh sáng trắng, từ màu lợt đến màu đậm, như là bao nhiêu tà thuyết. Tuy nhiên, cũng như mặt trời Chân lý là một luôn luôn cao hơn chân trời tri giác của loài người, và cũng như mỗi tia sáng nhuộm màu tàn tạ lần lần và cuối cùng tiêu tan, nhân loại sau rốt sẽ không còn bị phiến nhiễu bởi các sự phân quang giả tạo và sẽ được thấm nhuần trong ánh sáng thái dương thuần khiết không màu sắc của Chân lý vĩnh cửu. Chân lý đó là Théosophia (Thông Thiên Học --Minh Triết Thiêng Liêng).

Vấn : Bạn tin tưởng rằng tất cả các đại tôn giáo đều xuất phát từ nền Minh Triết Thiêng Liêng, và khi tự đồng hóa với Thông Thiên Học thì thế

gian sẽ được giải thoát khỏi tai ách của các đại ảo tưởng và sai lầm.

Đáp : Đúng vậy. Chúng tôi xin nói thêm rằng Hội ThôngThiên Học của chúng tôi là hạt giống khiêm tốn, nếu được người ta vun tưới và để cho sinh sống, cuối cùng sẽ phát sinh cây Tri Thức về Thiện Àc, được thắp vào cây Trường Sinh. Chỉ khi nào ta nghiên cứu các đại Tôn Giáo và triết lý khác biệt của nhân loại, và khi ta so sánh chúng không thiên vị và vô tư, thì ta mới có thể hi vọng được Chân lý. Nhất là bằng cách phát minh và ghi chú các điểm tương đồng của Tôn giáo, người ta mới đi đến kết quả này. Thực sự, khi vừa nói thâm nhập được ý nghĩa bên trong do bởi sự nghiên cứu hoặc giả bởi sự giáo huấn của những người hiểu biết – người ta sẽ tìm thấy, trong hầu hết mọi trường hợp chúng giải bày đại Chân lý nào đó của Tạo Hóa.

Vấn : Chúng tôi có nghe nói về một Thời Đại Hoàng Kim (Age d'or) đã hiện tồn rồi, những điều bạn diễn tả phải chăng là một Thời Đại Hoàng Kim cần được thực hiện trong tương lai? Lúc nào nó sẽ đến ?

Đáp : Không thể đến trước lúc mà nhân loại được nhận xét toàn diện. Một câu châm ngôn của tác phẩm Ba-Tư "Javidan Khirad" có nói: "Chân lý có hai loại: một loại minh bạch và tự nó hiển nhiên; loại kia đòi hỏi luôn luôn có nhiều sự chứng minh và bằng cứ mới mẻ". Thời Đại Hoàng Kim hưng thịnh chỉ khi nào loại Chân lý thứ nhì trở thành hiển nhiên đối với mọi người, cũng như ngày nay còn tối tăm; do đó mỗi nguy cơ là bị những người nguy biện làm sai lạc. Chỉ lúc nào hai loại Chân lý này được quay về điểm đơn nhất đầu tiên, thì tất cả mọi người sẽ có cái khuynh hướng nhìn thấy giống nhau.

Vấn : Nhưng một số ít người thấy nhu cầu về Chân lý như thế, họ không tự quyết định để chấp nhận một tín ngưỡng xác định hay sao ? Bạn đã nói với tôi rằng Hội không có Giáo lý riêng, mỗi hội viên được tự do tin tưởng vào điều họ muốn, và chấp nhận điều họ ưa thích. Có thể giả thiết rằng Hội Thông Thiên Học nhắm vào mục tiêu làm sống lại tình trạng hỗn tạp của các ngôn ngữ và tín ngưỡng cổ. Các bạn không có tín ngưỡng cộng đồng hay sao ?

Đáp : Khi chúng tôi nói Hội không có tín điều, giáo lý là chúng tôi muốn nói rằng Hội không có Giáo Lý và Tín Điều đặc biệt bắt buộc các hội viên. Nhưng điều này chỉ áp dụng cho Hội qua sự nhận xét về phần toàn diện. Như tôi đã nói, Hội được phân ra làm hai phần, phần bên ngoài và bên trong. Những người thuộc về phần bên trong đương nhiên có một triết lý, hoặc, nếu bạn muốn, một học phái tôn giáo riêng của họ.

Vấn : Có thể hiểu biết học phái này ra sao chăng ?

Đáp : Chúng tôi không giấu điều chi cả. Vài năm trước, nó được phác họa trong tập san Theosophist và trong tác phẩm "Phật giáo Bí Truyền" (Le Bouddhisme Esotérique) và dưới một hình thức đầy đủ chi tiết hơn trong tác phẩm "Giáo Lý Bí Truyền" (La Doctrine Secrète), căn cứ vào triết lý cổ nhất của thế gian được gọi là Tôn Giáo Minh Triết (La Religion- Sagesse) hoặc giáo lý cổ truyền (Doctrine Achaïque). Bạn có thể, nếu bạn muốn, đặt câu hỏi và bạn sẽ được giải đáp.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG V

CÁC GIÁO HUẤN CĂN BẢN CỦA THÔNG THIÊN HỌC

THƯỢNG ĐẾ VÀ LỜI CẦU NGUYỆN

Vấn : Bạn tin có Thượng Đế không ?

Đáp : Tùy bạn muốn hiểu danh từ này ra sao .

Vấn : Tôi hiểu là Thượng Đế của các người Cơ Đốc Giáo, là Đức chúa Cha của Đức Jésus, là Đấng Sáng Tạo, là Thượng Đế của Moise và của Thánh

kinh (Bible), tóm tắt như thế.

Đáp : Chúng tôi không tin nơi một Thượng Đế như vậy. Chúng tôi từ khước ý niệm về một Thượng Đế cá nhân, ngoài vũ trụ và thần nhân đồng hình (anthropomorphe), Ngài chỉ là hình bóng khổng lồ của con người và Ngài lại không tượng trưng được cái chi tốt đẹp nhất trong con người. Chúng tôi nói có đủ chứng cứ để biện minh rằng Ngài là một bất khả năng tính hợp lý. Vì thế tại sao chúng tôi không muốn nhìn nhận Ngài.

Vấn : Bạn hãy trình bày những lý lẽ của bạn.

Đáp: Lý lẽ có nhiều, và người ta không sao dự định được tất cả. Nhưng có thể kể ra một vài. Thượng Đế này được các tín đồ gọi là vô tận và tuyệt đối, có phải như thế chăng ?

Vấn : Tôi tưởng như thế.

Đáp : Vậy thì! Nếu Ngài là vô tận nghĩa là vô giới hạn, và nhất là tuyệt đối, làm sao Ngài có thể mang một hình hài và là Đấng Sáng Tạo của bất cứ cái chi ? Một hình hài hàm súc một sự hạn chế, một khởi điểm cũng như kết thúc; và muốn sáng tạo cần phải có một Đấng suy tưởng và hành động theo một kế hoạch. Làm sao người ta có thể tưởng tượng được cái TUYỆT ĐỐI suy tưởng, nghĩa là liên lạc với một cái chi đó bị giới hạn, hạn định và có điều kiện? Thật là vô lý trên phương diện triết lý cũng như luân lý, ý tưởng này cũng không chấp nhận bởi Bí Thuật Giáo Hi-ba-lai (La Cabale Hébraïque), làm cho Nguyên Lý Thiêng Liêng Tuyệt Đối thành một Đơn Nhất vô tận, gọi là Ain-Soph [17]. Muốn tạo tác, Đấng Sáng Tạo phải trở thành linh động, và vì điều đó không thể có được đối với cái TUYỆT ĐỐI, người ta phải trình bày cái nguyên lý vô tận trở thành cái nguyên nhân của sự tiến hóa một cách gián tiếp (chớ không phải của sự sáng tạo), nhờ sự phát tỏa của các Séphiroth ra khỏi chính nó (đây là một sự vô lý khác, mà lần này ta phải qui vào các phiên dịch viên của Cabale).

Vấn : Nhưng làm sao bạn có thể giải thích được người Bí Thuật Giáo (Cabalistes) tuy không thay đổi phẩm cách, có thể tin ngưỡng vào Jéhovah hoặc Tứ Tự (Tétragramme) ?

Đáp : Họ có thể tin tưởng vào điều chi mà họ ưa thích; sự tin ngưỡng hay vô tín ngưỡng của họ sẽ không thay đổi chi hết một sự kiện tự nó rõ ràng. Các Thầy Tư (les Jésuites) có thể nói với chúng ta rằng hai lần hai không nhất thiết là bốn, và $2 \times 2 = 5$, nếu Thượng Đế muốn như thế. Phải chăng là một lý lẽ để chấp nhận lỗi ngụy biện của họ ?

Vấn : Vậy các bạn là những người Vô Thần (Athées) ?

Đáp : Chúng tôi không biết, ít ra hình dung từ "Vô Thần" không áp dụng cho tất cả những ai không tin tưởng vào một Thượng Đế thần nhân đồng hình (Dieu anthropomorphe). Chúng tôi tin ngưỡng nơi một Nguyên Lý Phổ Quát và Thiêng Liêng, cội rễ của TOÀN THỂ, nơi mà tất cả đều phát sinh ra và nơi đó tất cả sẽ bị thu hút về lúc cuối cùng của đại chu kỳ Bản Thể.

Vấn: Nhưng đó lại là kỳ vọng rất cổ của Phiếm Thần Giáo (Panthéisme)

[18]. Nếu bạn là người Phiếm Thần Giáo (Panthéistes) , bạn không thể là người Tự Nhiên Thần Giáo (Déistes); và nếu bạn không phải là người Tự Nhiên Thần Giáo, thì bạn phải tự gọi là người Vô Thần.

Đáp : Không nhất thiết như thế. Danh từ Phiếm Thần Giáo còn là một trong nhiều danh từ được dùng không đúng, và ý nghĩa nguyên thủy thật sự bị sai lạc bởi thành kiến mù quáng. Nếu bạn chấp nhận ngữ nguyên Cơ Đốc của chữ là do chữ "toàn thể", và chữ "thần"; nếu bạn tưởng tượng và giảng giải rằng chữ phức tạp đó có nghĩa là một viên đá và mỗi cây trong Thiên Nhiên là một Thượng Đế, hoặc Thượng Đế Duy Nhất, dĩ nhiên bạn hữu lý. Bạn biến các người Phiếm Thần Giáo thành các người chiêm ngưỡng ngẫu tượng. Nhưng bạn sẽ thành công ít dễ dàng hơn, nếu bạn biết ngữ nguyên bí truyền của chữ "Phiếm Thần Giáo" như chúng tôi đã giải thích.

Vấn : Bạn định nghĩa ra sao?

Đáp : Bạn cho phép tôi đặt ra một câu hỏi. Bạn hiểu nghĩa Phiếm (Pan), hoặc Thiên Nhiên ra sao không ?

Vấn : Tôi tạm cho rằng Thiên Nhiên là tổng hợp các sự vật hiện tồn xung quanh chúng ta; là kết tinh của các nguyên nhân và hiệu quả trong thế giới vật chất, sáng tạo hoặc vũ trụ.

Đáp : Do đó, phải chăng tất cả tổng số cá nhân hóa của những nguyên nhân và hiệu quả được hiểu biết, tổng số các năng lực, động lực hữu hạn không liên lạc chỉ cả với một Đấng Sáng Tạo hay với các Đấng Sáng Tạo thông minh, và có lẽ được " nhận thức như là sự cấu thành một động lực riêng biệt duy nhất ", theo định nghĩa trong Bách khoa Toàn thư của bạn.

Vấn: Tôi giả sử quả là như thế.

Đáp: Vậy thì ! chúng tôi không kể đến bản tánh khách quan và vật chất, mà chúng tôi gọi là một ảo tưởng giả tạo, chúng tôi cũng không muốn hiểu chữ Thiên Nhiên, theo ý nghĩa chữ chuyển hóa thông dụng la-tinh Natura(trở thành, do chữ nasci, sanh ra). Khi chúng tôi nói về Thần Tính (Déité) và cho là sự đồng nhất, như vậy đồng hiện tồn với Thiên Nhiên, đó là chúng tôi nói về Thiên Nhiên vĩnh cửu, hồn nhiên, chứ không phải là những kết tinh của hình bóng giả tạm, hão huyền và hạn định. Chúng tôi giao cho các vị viết Thánh ca gọi trời hữu hình, hoặc bầu trời là ngai vàng của Thượng Đế, và trái đất của chúng ta là bùn. Thật ra THIÊN TÍNH của chúng ta không ở tại thiên đàng, cũng không ở trong bất cứ một cây, một nhà hay một núi riêng biệt nào, mà nó ở khắp mọi nơi, trong tất cả mọi nguyên tử của Đại Vũ Trụ hữu hình hoặc vô hình, cũng như trong tất cả môi phần tử khả phân, vì nó là quyền năng bí mật của sự tiến hóa, là tiềm năng tính sáng tạo, toàn năng toàn giác.

Vấn : Bạn hãy dừng lại ! Sự toàn giác là đặc quyền của cái chỉ suy tưởng, và bạn lại từ khước không cho cái Tuyệt Đối của bạn có quyền năng suy tưởng.

Đáp : Chúng tôi từ khước cái TUYỆT ĐỐI, vì tư tưởng bị giới hạn và điều kiện hóa. Nhưng bạn quên rằng khi nói về triết lý thì sự vô tâm thức tuyệt đối lại cũng là tâm thức tuyệt đối, nếu khác hơn, sẽ không còn là tuyệt đối nữa.

Vấn: Vậy thì cái Tuyệt Đối của bạn suy tưởng ?

Đáp: Không, nó không có sự suy tưởng, vì lý do giản tiện chính nó là Tư Tưởng Tuyệt Đối. Nó cũng không hiện tồn, bởi vì nó là sự hiện tồn tuyệt đối, Bản Thể-té (l'Être-té) [19], chứ không phải là một Bản Thể. Bạn hãy đọc bài thi ca Bí Thuật Giáo tuyệt diệu của Salomon Ben Johudah Gabriol, trong quyển Kéther Malchut, và bạn sẽ hiểu rõ: "Người là một, cội rễ của tất cả mọi con số, chứ không phải là yếu tố dùng để đếm; vì chúng đơn nhất tính không hề chấp nhận sự tăng bội, sự thay đổi. Người là một, và những người khôn ngoan nhất trong nhân loại bị chìm đắm trong Đơn nhất tính bí mật của Người không hề suy giảm hay tăng gia, và không hề bị thay đổi. Người là một, và không một tư tưởng nào có thể qui định cho Người một giới hạn và cũng không thể định nghĩa được Người. Người HIỆN TỒN, nhưng không phải như một bản thể, vì trí tuệ và thị lực của loài người không thể đạt được sự hiện tồn của Người, cũng như qui định giúp Người ở nơi nào, vì sao và tại sao" .v . v . Tóm lại, Thiên Tính của chúng ta là vị kiến trúc sư vĩnh cửu của vũ trụ - một kiến trúc sư tiến hóa không ngừng nhưng chẳng sáng tạo; và vũ trụ không tự lập ra, nhưng lại tự phát triển bằng cách nở ra khỏi tinh túy riêng biệt của nó. Theo biểu tượng học, đó là một viên hình không có vòng tròn, nó chỉ là một đặc tính luôn luôn động tác gồm có tất cả các đặc tính khác hiện tồn hay nhận thức được - nghĩa là CHÍNH NÓ. Đây là định luật duy nhất, cho sự thúc đẩy vào các định luật biểu hiện, vĩnh cửu và bất biến, được chứa đựng trong cái không bao giờ tự biểu hiện, bởi nó là định luật tuyệt đối; trong các thời kỳ biểu hiện là Cái luôn luôn Trở Thành.

Vấn : Tôi có nghe một trong các hội viên của bạn lưu ý rằng Thiên Tính Phổ Quát, ở khắp mọi nơi, trong một chén rượu hạnh phúc cũng như trong

chén rượu đau khổ, và do đó cũng trong mỗi nguyên tử của tàn thuốc điếu của tôi ! Phải chăng đây là một tội phạm thần ?

Đáp : Theo ý tôi thì không, vì điều chi hợp lý không thể phạm thần được. Nếu từ một điểm toán học duy nhất của vũ trụ, hoặc từ một vi phần của vật thể, nó choán một khoảng nào đó, chúng ta loại bỏ cái nguyên lý Toàn Tại, làm sao chúng ta có thể cho nó là vô tận được ?

LỜI CẦU NGUYỆN CÓ CẦN THIẾT KHÔNG ?

Vấn : Bạn có tin tưởng nơi lời cầu nguyện, và bạn có cầu nguyện không ?

Đáp : Chúng tôi không cầu nguyện. Chúng tôi hành động thay vì cầu nguyện.

Vấn : Bạn không gửi lời cầu nguyện nào đến với Nguyên Lý Tuyệt Đối sao ?

Đáp : Tại sao chúng tôi phải gửi lời cầu nguyện như thế. Chúng tôi có quá nhiều công việc để không còn thì giờ gửi lời cầu nguyện cho một sự trừu tượng thuần lý. Cái Bất Khả Tri không thể có những liên lạc nào khác hơn các thành phần của chúng, nhưng lại không hiện tồn về điều chi liên quan đến các sự giao tiếp có hạn định. Sự sinh tồn và các hiện tượng của vũ trụ hữu hình tùy thuộc vào những hình hài động tác với nhau và vào các định luật, chứ không phải vào lời cầu nguyện.

Vấn : Bạn không tin tưởng gì về hiệu quả của lời cầu nguyện sao ?

Đáp : Tôi không tin tưởng vào hiệu quả của sự cầu nguyện gồm có việc giải bày vài lời nói nào đó mà người ta lập lại một cách hời hợt bên ngoài, nếu bạn hiểu nghĩa cầu nguyện là như thế để dâng lên một vị Thần bất khả tri. Chính người Do-

Thái bày ra loại cầu nguyện này và người Pharisiens đã truyền bá.

Vấn : Có loại cầu nguyện nào khác chẳng ?

Đáp : Chắc chắn có. Chúng tôi gọi là lời cầu nguyện của ý chí, và đúng hơn là một giới luật nội tâm, chứ không phải một sự lặp lại.

Vấn : Và bạn cầu nguyện ai khi bạn gửi lời cầu nguyện như thế ?

Đáp : “Cha chúng ta ở trên Trời”, theo ý nghĩa bí truyền của danh từ.

Vấn : Ý nghĩa này có khác với ý nghĩa của Thần Học chẳng ?

Đáp : Hoàn toàn khác hẳn. Một nhà Huyền Bí Học hoặc một người Thông Thiên Học gửi lời cầu nguyện đến Cha họ đang ở trên Trời (bạn hãy đọc và nên cố gắng hiểu Kinh Matthieu, VI,V. chứ không phải đến một vị Thần ngoài vũ trụ và hữu hạn. Người “Cha” này đang ở trong ta.

Vấn : Vậy thì, bạn làm cho con người trở thành một vị Thần ?

Đáp : Xin bạn nói “Thượng Đế”, chứ không phải một vị Thần. Theo ý kiến chúng tôi, con người nội tâm là Thượng Đế duy nhất mà chúng ta có thể trực nhận. Làm sao khác hơn được? Chúng ta hãy chấp nhận định lý cho rằng Thượng Đế là một nguyên lý vô tận, được truyền bá một cách phổ quát; làm sao con người lại không bị thấm nhuần do bởi và trong Thiên Tính (Déité)? Chúng ta gọi “Cha trên Trời” của chúng ta là cái tinh túy thiêng liêng mà chúng ta trực cảm đang hiện hữu trong tâm và trong ý thức tâm linh của ta. Nó không có một liên quan nào với quan niệm thần nhân đồng hình mà khối óc vật chất và sự tưởng tượng của ta có thể tạo thành. “Các người há không biết các người là Thánh Điện của Thượng Đế, và chân linh của Chúa (tuyệt đối) đang ngự nơi các người hay sao? “Nhưng” chứ nên nhận

thức cái tinh túy này nơi chúng ta theo ý nghĩa thần nhân đồng hình. Không một người Thông Thiên Học nào nên nói “Thượng Đế đang ở nơi bí mật” nghe rõ con người hạn định hay cái tinh túy vô tận hoặc Ngài phân biệt, vì tất cả đều là một, nếu họ muốn tự liên kết với Chân Lý Thiêng Liêng chứ không là Chân Lý của nhân loại. Cũng không nên xem, như chúng tôi vừa lưu ý, lời cầu nguyện như là một đơn thỉnh nguyện. Đúng hơn đây là một điều huyền bí, một phương thức của huyền môn, nhờ đó các tư tưởng và các ham muốn hữu hạn, có điều kiện, mà chân linh tuyệt đối, vô điều kiện không thể đồng hóa, được cải biến thành ý chí tâm linh, và chính đó là ý chí được gọi là sự “biến chất tâm linh”. Chính cường độ nguyện vọng nồng nhiệt của chúng ta biến cái lời cầu nguyện thành “tiên đơn” (pierre philosophale), như sự biến hóa chì thành vàng ròng. Tinh túy đồng tính duy nhất và “quyền năng ý chí” của chúng ta trở thành động lực hoạt bát hay sáng tạo để phát sinh các hiệu quả tùy sự ham muốn của chúng ta.

Vấn : Có phải bạn muốn nói lời cầu nguyện là một phương thức huyền môn để phát sinh kết quả vật chất không ?

Đáp : Đúng vậy. Quyền năng của ý chí trở thành một quyền năng linh động. Nhưng nguy hại thay cho các nhà Huyền Bí Học và Thông Thiên Học này, thay vì hủy diệt dục vọng của cái ngã hạ đẳng của cá nhân hoặc của con người vật chất, và thay vì họ nói, khi đề cập đến Chân Ngã Thượng Đẳng và Tâm linh được thấm nhuần trong ánh sáng của Atma-Bouddhi : “Mong ý chí của Ngài được thực hiện, chứ không phải ý muốn của tôi” .v.v., họ kêu gọi các lượn sóng quyền năng của ý chí vào những mục tiêu ích kỷ và vô đạo! Điều đó chính là tà đạo (magie noire), là một điều khủng khiếp và là một tà thuật tâm linh. Vô phước thay ! đó lại chính là sự bận tâm ưa thích nhất của các nhà Cầm Quyền, các vị tướng Cơ-Đốc, nhất là khi các vị sau này đưa ra những đạo quân để giết hại lẫn nhau. Cả hai bên tự cho mình đôi chút tà thuật trước trận chiến đấu bằng cách cả hai đều cầu nguyện cùng một vị Thần Chiến Tranh, và bằng cách, mỗi bên cầu đảo sự trợ giúp của Ngài để giết hại kẻ thù địch.

Vấn : Ông David cầu nguyện vị Thần Chiến Tranh trợ giúp ông chiến thắng người Philistin, giết người Syriens, người Moabites và “Đấng Vĩnh Cửu bảo trợ ông David đến khắp mọi nơi mà ông muốn”. Về việc đó, chúng

tôi chỉ tuân theo điều chi chúng tôi tìm gặp trong Thánh Kinh (Bible).

Đáp : Dĩ nhiên như thế. Nhưng vì bạn rất thích, theo như chúng tôi biết, tự gọi là người Cơ Đốc Giáo, chứ không phải người Do Thái, sao bạn không tuân theo lời của Đức Christ? Ngài ra lệnh nghiêm minh cho bạn đừng nên theo các “người xưa”, hoặc luật lệ của Moise, mà phải làm điều chi Ngài đã nói với bạn, và cảnh cáo những ai cầm kiếm sẽ bị chết về nghiệp kiếm cung. Đấng Christ chỉ ban cho bạn một lời cầu nguyện, mà bạn chỉ có một câu cầu nguyện nơi đầu môi và làm thành đề tài để khoe khoang, nhưng một nhà Huyền Môn thực sự không sao hiểu nổi. Khi bạn lập lại theo nghĩa đen câu Ngài ban cho bạn, bạn nói: “Người hãy hoãn nợ cho chúng tôi, cũng như chúng tôi đã hoãn cho các người thiếu nợ chúng tôi”, điều mà bạn không khi nào thực hành. Ngài cũng đã nói với bạn: “Hãy thương yêu kẻ thù nghịch của người, và nên giúp ích cho những kẻ đã oán ghét ta”. Chắc chắn không phải Đấng “Tiên tri hiền lành tại thành Nazareth” (Đức Jésus) đã dạy bảo bạn nên cầu nguyện “Cha” của bạn để giết hại kẻ thù nghịch mình và để giúp cho bạn chiến thắng họ. Bạn đã hiểu vì sao chúng tôi lại từ khước điều chi bạn gọi là “lời cầu nguyện”.

Vấn: Nhưng bạn làm sao giải thích được sự kiện phổ quát mà tất cả các quốc gia, tất cả các dân tộc đã cầu nguyện và chiêm ngưỡng một hoặc các vị Thần ? Thậm chí vài người lại chiêm ngưỡng và cầu khẩn ma quỷ cùng các chân linh hung ác giúp đỡ họ, nhưng điều đó là chứng cứ phổ quát của tín ngưỡng về sự hữu hiệu của lời cầu nguyện.

Đáp: Các sự kiện đó giải thích rằng lời cầu nguyện còn có nhiều ý nghĩa khác ngoài ý nghĩa mà người Cơ Đốc đã gán cho nó. Lời cầu nguyện không những là một sự khẩn cầu hoặc một thỉnh nguyện, mà thuở xưa còn là một cuộc cầu đảo hay phù chú. Mantra hay lời cầu nguyện của người Ấn Độ được ca hát một cách nhịp nhàng, đúng nghĩa vì người Bà-la-môn tự xem mình cao hơn các thiên thần bậc thường, hoặc các “Vị Thần”. Lời cầu nguyện có thể là một sự kêu gọi hoặc một phù chú để nguyện rửa, hoặc trừ ếm (cũng như trong trường hợp hai đạo quân cầu nguyện cùng một lúc để tiêu diệt lẫn nhau), cũng như một sự chúc phúc. Nhưng, phần đông con người rất ích kỷ, họ chỉ biết cầu nguyện cho họ mà thôi, họ xin được ban “cho cơm hằng ngày” thay vì tự kiếm ăn do sức làm việc, họ cầu khẩn Thượng Đế

đừng “xui dục cho họ bị cám dỗ” mà nên giải thoát họ (các người tỉnh nguyện) khỏi điều ác, vì vậy lời cầu nguyện như được hiểu biết ngày nay, thật có hại gấp đôi:

a/ con người không còn tự tin nơi mình.

b/ phát triển nơi con người tính ích kỷ còn hung bạo hơn họ đã có cách tự nhiên. Tôi xin lập lại, chúng tôi tin tưởng nơi sự “tương ứng” và nhu cầu hành động hòa hợp với “Cha chúng ta ở trên Trời”, và trong những lúc có được lạc phúc xuất thần, nhờ khả năng hợp nhất chặt chẽ với linh hồn thượng đẳng thu hút về nguồn cội, trung tâm và về cái tinh túy phổ quát – trạng thái được gọi là Samadhi trong đời sống và Niết Bàn (Nirvana) sau khi chết. Chúng tôi từ khước cầu nguyện nơi các bản thể hữu hạn và sáng tạo, nghĩa là nơi các vị thần, thánh, thiên thần, v.v.. bởi vì chúng tôi xem điều đó như là sự sùng bái ngẫu tượng (l'idolâtrie); chúng tôi không thể cầu nguyện nơi TUYỆT ĐỐI, vì những lý do đã giải thích rồi; vậy thì chúng tôi cố gắng thay thế lời cầu nguyện vô ích và hão huyền bằng hành động xứng đáng để phát sinh điều thiện.

Vấn : Người Cơ Đốc Giáo xem như thế là ngạo mạn và phạm thánh. Họ có lý chăng ?

Đáp : Đúng vậy. Trái lại, chính họ đã tỏ ra ngạo mạn quá đáng khi tin tưởng rằng cái Tuyệt Đối hoặc Vô Tận – giả thuyết có sự tương quan giữa vô hạn và hữu hạn có thể tự hạ để nghe mỗi lời cầu nguyện hão huyền, ích kỷ của thể nhân. Chính họ còn phạm thánh khi dạy rằng một Thượng Đế Toàn Giác và Toàn Năng cần đến lời cầu nguyện của chúng ta để hiểu biết phải làm cái chi ! Về ý nghĩa bí truyền, điều này được xác nhận bởi Đức Phật cũng như Đức Jésus. Đức Phật dạy: “Các người chớ nên trông cậy vào những vị Thần bất lực, các người chớ nên cầu nguyện ! Tốt hơn hết các người *nên hành động, vì chúng bóng tối không tự sáng tỏ được. Các người chớ nên đòi hỏi ở sự im lặng điều chi cả, bởi nó không nói được, cũng không nghe được*”. Đức Jésus khuyên bảo: “Tất cả điều chi mà các người cầu xin nhân danh ta (của Christos), ta sẽ làm. Lẽ dĩ nhiên câu này, nếu lấy theo *nghĩa đen, sẽ trái ngược lại với lập luận của chúng tôi. Nhưng nếu người ta chấp nhận* theo ý nghĩa bí truyền và trọn vẹn danh từ “Christos” thì danh từ đó tượng trưng cho Atma-Bouddhi-Manas. Trên phương diện “NGÃ”, thì câu trên có ý nghĩa như sau: “Vị Thần duy nhất mà chúng ta phải hành động hợp nhất với Ngài, là chân linh mà thân xác chúng ta là Thánh điện.”

CẦU NGUYỆN LÀM GIẢM ĐỨC TIN NƠI TA.

Vấn: Nhưng chính Đấng Christ không cầu nguyện và không khuyên bảo ta cầu nguyện hay sao ?

Đáp: Khẩu truyền là như vậy; nhưng các lời "cầu nguyện" này tùy thuộc chính xác vào sự tương ứng mà chúng tôi vừa nói nghĩa là sự tương ứng với "Cha đang ở trên Trời". Nói cách khác, khi đồng nhất hóa Đức J sus với Thiên Tính Phổ Qu t (D it  Universelle), th  kết quả không thể tránh được và qu  v  l y v  "Ch nh v  Th n thực sự" sẽ tự mình cầu nguyện, và sẽ ph n c ch   ch  của v  Th n n y v i   ch  của ch nh Ng i !

Vấn: Còn một l  luận nữa; l  luận mà v i người Cơ Đốc Gi o thường hay sử dụng. Họ n i : "Tôi cảm thấy không đủ khả năng để chế ngự các dục vọng và t t x u nhờ sức của ri ng tôi. Nhưng, khi tôi cầu nguyện Đức J sus-Christ, tôi cảm được Ng i ban cho tôi sức mạnh, và nhờ quyền năng của Ng i mà tôi c  đủ nghị lực để tự chinh phục tôi".

Đáp: Điều đ  không c  chi lạ. Nếu Đức Jesus-Christ l  Thượng Đế độc lập và c ch bi t v i cầu nguyện dĩ nhi n tất c  phải l  vi c c  thể đ i v i v  "Th n quyền uy". Vậy c ng lao hoặc sự c ng b ng của một chiến th ng như thế ở đ u ? Tại sao kẻ chinh phục nguy tạo lại được ban thưởng do bởi nh ng điều chi đ ng gi  b ng c c lời cầu nguyện? L  người ph m, bạn c  muốn trả ng y lương trọn cho người thợ mà bạn đ  làm g n xong c ng t c, trong l c họ ng i v t v ng tr n ngọn c y và chỉ thị cho bạn làm vi c thế cho họ không?   tưởng n y trải qua trọn kiếp s ng của ta do sự l i bi ng tinh th n, trong khi để cho kẻ kh c làm c c b n ph n v  c ng vi c cực nh c nhất cho ta, d  cho họ l  một v  Th n hoặc một người.

Vấn : C  thể l  như thế. Tuy nhi n, tư tưởng về sự tin c y v o một Đ ng C u Thể c  nh n trợ gi p, thêm sức mạnh cho ta trong cuộc tranh đấu v i đời, l  tư tưởng căn bản của Cơ Đốc Gi o thời đ i. Sự tin ngưỡng n y chắc

chấn hữu hiệu một cách chủ quan, nghĩa là những ai tin tưởng như vậy cảm thấy được trợ giúp và tăng sức thực sự.

Đáp : Ngoài ra không còn nghi ngờ có vài bệnh nhân được chữa trị bởi những nhà "Khoa học trí năng" (Mental scientists) [20] và những nhà "Khoa học Cơ Đốc", những người "Phủ nhận" (Négateurs) [21] cũng đôi khi được lành bệnh. Khoa thôi miên, khoa ám thị, khoa tâm lý học, và đồng bóng, thường hay phát sinh những kết quả tương tự, nếu không nói rất thường. Nhưng ta chỉ xem xét vài trường hợp thành công để rút ra một lý luận thì không thể cho là đầy đủ được. Bạn nghĩ sao về các trường hợp không thành công mười lần nhiều hơn ? Chắc chắn bạn không có ý định cho rằng những người Cơ Đốc Giáo cuồng tín không nếm sự thất bại, dù họ đã tự phụ bởi đức tin mù quáng.

Vấn : Nhưng làm sao bạn giải thích được các trường hợp thành công hoàn toàn ? Người Thông Thiên Học tìm gặp quyền năng để chủ trị dục vọng và tính ích kỷ ở đâu ?

Đáp : Họ tìm thấy quyền năng này trong Chân Ngã Thượng Đẳng, trong chân linh thiêng liêng hay vị Thượng Đế trong họ, cũng như trong Nhân Quả (karma). Chúng tôi đã nhắc lại biết bao nhiêu lần người ta nhìn biết cây nhờ trái của nó, biết được nguyên do nhờ hiệu quả? Bạn nói về sự chế ngự các dục vọng và trở thành chí thiện, do sự trợ giúp của Thượng Đế hoặc Đấng Christ. Chúng tôi xin hỏi: ở nơi nào chúng ta gặp được nhiều nhất người hiền đức, ngây thơ, họ tránh gây tội lỗi, can phạm án mạng? Phải chăng trong Cơ Đốc Giáo hay trong Phật Giáo? Trong các xứ Cơ Đốc Giáo hay trong các xứ ngoại giáo ? Thống kê giải đáp câu hỏi này và tăng gia điều chúng tôi nói. Theo sự kiểm tra cuối cùng lập tại Tích-Lan và Ấn Độ, bảng so sánh các trọng tội do những người Cơ Đốc, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo, Eurasiens [22], Phật Giáo, v.v. . phạm phải, trong một dân số độ hai triệu dân chọn lựa tình cờ, - bảng so sánh nhiều tội trong nhiều năm - chứng tỏ cho chúng ta thấy tỷ lệ trọng tội do dân số Cơ Đốc phạm phải là 15 đối với 4 nếu ta so sánh với các trọng tội do dân số Phật giáo phạm phải. (Xem Lucifer tháng tư năm 1888, trang 147, chương : "Các giảng viên Cơ Đốc về Phật giáo"). Không một nhà Đông Phương Học nào, không một sử gia danh tiếng nào, không một người nào đã du lịch sang các xứ Phật Giáo, kể từ Giáo Chủ Bigandet và Tu viện trưởng Huc cho đến Sir

William Hunter, không một người có lòng thành tín nào lại không nhìn nhận tác phong đức hạnh của các người theo Phật giáo. Tuy nhiên, người theo Phật giáo (ít nữa là những người thuộc môn phái Phật Giáo thực sự của các người Thái Lan) không tin tưởng nơi Thượng Đế và nơi một sự ban thưởng vị lai nào khác hơn là trong cõi thế gian này. Họ không khi nào cầu nguyện – các tư tế cũng như các người ngoại đạo. Họ thốt ra một cách lạ lùng: “Cầu nguyện ! nhưng cầu nguyện ai và cái chi ?

Vấn : Vậy thì đó chính là các người Vô Thần thực sự ?

Đáp : Vô Thần, không chối cãi được; nhưng đó cũng là những kẻ thương mến đức hạnh hơn tất cả và họ thực hành đức hạnh hơn mọi dân tộc nào khác trong thế gian. Phật giáo nói: “Anh hãy tôn kính tôn giáo của kẻ khác và anh hãy trung thành với tôn giáo của anh” ; nhưng Cơ Đốc Giáo của Giáo Hội tổ giác tất cả các vị Thần của những quốc gia khác như là ma quỷ và muốn xử phạt trầm luân mọi người không thuộc Cơ Đốc Giáo.

Vấn : Song các vị tế tự Phật Giáo không làm như thế hay sao ?

Đáp : Không khi nào. Họ tuân giữ quá khắc khe câu phương châm khôn ngoan của kinh DHAMMAPADA để không hành động như thế, vì họ biết rằng: “Nếu một người nào đó có học thức hay không, tự cho mình là bậc vĩ đại và khinh miệt người khác, đều giống như người mù cầm cây nến – họ soi sáng các người khác, nhưng chính họ vẫn bị mù”.

NGUỒN CỘI CỦA LINH HỒN NHÂN LOẠI

Vấn : Làm thế nào bạn giải thích việc con người được thiên phú cho một Chân Linh và một Linh hồn ? Chúng nó phát sinh từ đâu ?

Đáp : Chúng nó phát sinh từ linh hồn phổ quát và chắc chắn không phải là tặng

phẩm của một vị Thần cá nhân. Người ta tìm thấy những phân tử ẩm ướt nơi con sứa. Trong biển cả nó có được bản thân, sinh sống và sẽ trở về đó khi bị tiêu tan.

Vấn: Như thế bạn từ khước nhìn nhận điều giáo huấn về Thượng Đế đã ban hoặc truyền Linh hồn vào con người hay sao ?

Đáp: Bắt buộc phải như thế. "Linh hồn" được trình bày trong Chương II của Khởi Nguyên thuyết (V.7) là "Linh hồn linh động" hoặc Nephesh (Linh hồn linh hoạt) mà Thượng Đế (nên gọi là "thiên nhiên" và định luật bất di dịch) ban cho loài người, cũng như cho loài thú. Không phải Linh hồn suy tưởng hay trí năng, và không phải là Chân linh bất tử.

Vấn: Đúng lắm. Vậy chúng ta nên đặt câu hỏi như thế này: phải chăng Thượng Đế ban cho con người một Linh hồn thuần túy và một Chân Linh Bất Tử ?

Đáp: Dù bạn có đặt câu hỏi như vậy cũng bị phủ nhận. Chúng ta không đặt tin tưởng vào một vị Thần cá nhân, làm sao chúng ta có thể nhìn nhận rằng Ngài ban cho con người bất cứ điều gì? Nhưng chúng ta hãy giả thuyết rằng có một vị Thần sáng tạo một linh hồn mới cho mỗi trẻ sơ sinh: những điều trình bày này khó cho chúng ta chấp nhận một vị Thần có nhiều Minh Triết và dự tính như thế. Vài điều khó khăn khác, như việc không thể dung hợp động tác sáng tạo riêng biệt này với lòng nhân từ, sự công bằng, vô tư và toàn giác, được qui cho Thượng Đế. Có biết bao nhiêu trở ngại mà tín điều thần học thường hay vấp phải.

Vấn: Bạn muốn nói gì ? Và đó là những khó khăn nào ?

Đáp: Hiện giờ tôi đang suy nghĩ đến một lý luận không thể biện bác được mà vị sư Phật Giáo Tích-Lan, một nhà thuyết giáo danh tiếng đã xử dụng trước mặt tôi để trả lời cho một nhà truyền giáo Cơ Đốc. Ông này không phải là một người dốt nát vì đang chuẩn bị để thảo luận trước công chúng về đề tài vừa nói. Cuộc tranh luận diễn ra tại Colombo, nhà truyền giáo đã thách đố vị tư-tế Megattivati chứng minh vì sao các người "ngoại đạo" (paiens) lại không chấp nhận vị Chúa của người Cơ Đốc

giáo. Cũng như việc thường xảy ra trong trường hợp tương tự, nhà truyền giáo bị thua trong cuộc bàn cãi sôi nổi.

Vấn: Tôi muốn biết vì sao lại thế ?

Đáp: Vị sư Phật giáo chất vấn nhà truyền giáo vì sao Chúa đã ban cho Moise các giới điều mà con người phải tôn kính, nhưng chính Chúa lại vi phạm. Nhà truyền giáo từ khước việc này một cách giận dữ. Vị sư nói: "Tốt lắm! Ông bảo rằng Chúa không nhận một ngoại lệ nào, và không một Linh hồn nào sinh ra ngoài ý chí của Ngài. Trong bao nhiêu điều khác, Chúa cấm ngoại tình, nhưng bạn lại nói chính Ngài sáng tạo mỗi đứa trẻ sơ sinh rồi ban cho nó một Linh hồn. Như vậy hàng triệu đứa trẻ đã sinh ra bởi tội trọng ngoại tình là công nghiệp của Chúa hay sao ? Chúa của ông ngăn cấm và trừng phạt sự vi phạm các định luật của Ngài, tuy nhiên Ngài lại sáng tạo hằng ngày, hằng giờ những linh hồn dành riêng cho các đứa trẻ như thế sao? Theo lý luận sơ đẳng nhất, Chúa của Ngài đồng phạm trọng tội; vì nếu không có sự trợ giúp và can thiệp của Ngài, thì các đứa con của tội lỗi không sao sinh ra được; có phải sự công bằng không những xử phạt cha mẹ phạm tội, mà còn luôn cả những đứa trẻ vô tội không? Phải chăng bởi Chúa đã phạm nên bạn miễn trừ mọi tội trạng? " Vị truyền giáo nhìn xem đồng hồ của mình và thấy đã quá trễ để tiếp tục cuộc tranh luận.

Vấn: Bạn quên rằng tất cả các trường hợp không thể giải thích được, như trường hợp trên đây, là những điều huyền bí mà tôn giáo của chúng tôi cấm chúng tôi tìm hiểu sự bí nhiệm của Chúa chăng ?

Đáp: Không, chúng tôi không quên điều đó, nhưng chúng tôi chỉ từ khước tính cách bất hảo như thế. Chúng tôi cũng không bắt buộc bạn tin tưởng như chúng tôi. Chúng tôi chỉ trả lời các câu hỏi do bạn nêu ra mà thôi. Và lại, chúng tôi xin tặng một danh từ khác cho các điều "Huyền bí" của bạn.

GIÁO HUẤN CỦA PHẬT GIÁO VỀ CÁC VẤN ĐỀ NÊU TRÊN.

Vấn: Phật giáo dạy chi về Linh hồn ?

Đáp: Việc này tùy theo ý bạn muốn nói về Phật Giáo công truyền hoặc các giáo huấn bí truyền. Phật giáo công truyền được giải thích trong Giáo Lý Phật *Giáo đại cương như sau đây* : "Linh hồn được xem như một danh từ mà các người kém cỏi dùng để giải bày một ý tưởng sai lầm. Nếu tất cả đều thay đổi thì con người cũng thế, và tất cả phần vật chất cấu tạo con người cũng phải thay đổi. Điều chi thay đổi thì không thể thường hằng. Không có sự thường tồn bất tử của một vật tạm thời". Điều này có vẻ giản dị và rõ ràng. Nếu chúng ta cứ xét cá thể tính mới trong mỗi kiếp tái sinh kế tiếp là sự kết tinh của các Skandhas (Ngũ Uẩn) hay các đặc tính của cá thể tính cũ, hay nếu chúng ta hỏi sự kết tinh mới về các Skandhas lại cũng là một bản thể mới, mà trong đó không còn sót lại cái chi của bản thể cũ. Đây là điều mà chúng ta được đọc:" Theo ý nghĩa này thì đó là một bản thể mới, theo ý nghĩa khác lại không. Trong kiếp sống các Skandhas thay đổi liên tục, khi con người A.B. 40 tuổi mà cá thể tính giống như một thanh niên A.B. 18 tuổi, tuy là một bản thể khác biệt do sự hao mòn liên tục và sự tái tạo bất biến của xác thân, cũng như do sự thay đổi của trí thông minh và tánh tình. Tuy nhiên, lúc về già, con người gặt hái một cách công bình sự ban thưởng hoặc nghiêm phạt tiếp theo những tư tưởng và hành động của họ trong tất cả các giai đoạn trước kia của kiếp sống. Bởi thế, bản thể mới tái sinh, tuy vẫn một cá thể tính như trước (nhưng không cùng chung một cá nhân tính) dưới một hình thức mới hoặc một kết tinh mới về Skandhas; bản thể này thấu đạt một cách đúng đắn các hậu quả của những hành động và tư tưởng của kiếp sống trước". Điều này thuộc về siêu hình học trừu tượng, và không hề chứng minh sự phủ nhận vấn đề tin tưởng về Linh hồn.

Vấn: Người ta không tìm thấy điều nào tương tự trong Phật giáo bí truyền hay sao ?

Đáp: Thưa có; vì giáo huấn này thuộc Phật giáo bí truyền, hoặc Minh Triết Huyền nhiệm, và cũng thuộc về Phật giáo Công Truyền hay triết lý tôn giáo của Đức Phật Gautama.

Vấn: Nhưng người ta nói rõ ràng với chúng tôi rằng phần đông các

người theo Phật Giáo đều không tin có Linh hồn bất tử.

Đáp: Chúng tôi cũng không tin như thế, nếu bạn tưởng rằng Linh hồn là Chân Ngã cá nhân, hay Linh hồn linh hoạt Néphesh. Nhưng tất cả các Phật tử học thức đều tin có một Chân Ngã thiêng liêng cá nhân như chúng tôi. Những ai không tin như thế đều bị sai lầm cũng như người Cơ Đốc Giáo xem những đoạn văn thần học được thêm vào do những nhà chú thích Phúc Âm, như việc bị đày địa ngục, hỏa ngục là những lời dạy thực sự của Đức Jésus. Đức Phật cũng như Đức "Christ" không hề viết ra điều chi về các Ngài; hai Ngài chỉ giảng dạy bằng "ẩn dụ" (allégories) và dùng những "lời khó hiểu", như tất cả các Bậc Đắc Đạo đều làm, và sẽ còn áp dụng trong một thời gian lâu dài. Kinh sách Phật giáo và Cơ Đốc giáo bàn luận rất dè dặt về các vấn đề siêu hình học; và cả hai đều đi xa trong thuyết công truyền bởi nghĩa đen không diễn đạt được điều người ta muốn dạy.

Vấn: Phải chăng bạn muốn nói đến ngày nay, người ta không hiểu rành rõ lời dạy của Đức Phật, cũng như của Đức Christ.

Đáp: Vâng, chính thế. Cả hai Phúc Âm, Phật giáo và Cơ Đốc giáo, được giảng dạy cùng chung một mục đích. Hai Bậc cải cách này là những Đấng thương yêu nhân loại nhiệt thành và là các Đấng Từ Bi thực tiễn, cố tâm giảng dạy một học thuyết về xã hội cao cả nhất: đó là sự hy sinh toàn vẹn tự ngã. Đức Phật nói: " Cầu mong tội lỗi của thế gian trao hết về ta để ta có thể an ủi mọi khổ đau và đau đớn của con người!..." Đức Phật chỉ khoát vào thân chiếc áo rách bỏ ở nghĩa địa, Ngài dạy: " Ta không để một kẻ mà ta có thể cứu giúp phải khóc ". Và Ngài còn nói: " Hỡi các người khổ cực và lo lắng, hãy đến với ta và ta sẽ an ủi các người ", đó là lời mà "Đấng Cứu khổ" kêu gọi kẻ nghèo khó, khổ nạn; thật ra Ngài không có lấy một chỗ để nằm nghỉ. Cả hai Ngài đều giảng dạy về tình thương nhân loại vô bờ bến, về lòng từ thiện và khoan dung mọi tội lỗi cũng như sự hi sinh tự Ngã và xót thương một số người bị lợi dụng; cả hai Ngài đều từ khước sự giàu sang. Tuy không tiết lộ cho tất cả mọi người những điều bí mật tôn nghiêm về sự đặc đạo, nhưng các Ngài muốn ban cho kẻ lầm lạc phải mang gánh nặng trần gian có đầy đủ hi vọng, hiểu biết về Chân lý để có thể chịu đựng những giờ phút cực nhọc nhất. Nhưng về sau, mục tiêu của hai Bậc Cứu Thế bị nhiệt tâm thái quá của các đệ tử làm sai lạc. Giáo lý của các Đấng Giáo Chủ bị hiểu biết và giải thích sai, thế nên

hậu quả thật to tác là đường nào .

Vấn: Chắc hẳn Đức Phật đã phủ nhận sự bất tử của Linh hồn! Tất cả các nhà Đông Phương Học cho đến các vị tăng đồ của Ngài đều nhìn nhận như vậy.

Đáp: Các vị La-Hán (Arhats) đầu tiên tuân theo Giáo lý của Sư Phụ; nhưng phần lớn các tăng đồ kế tiếp không phải là những Bậc Điểm Đạo, cũng như bên Cơ Đốc Giáo; cho nên dần dần các đại Chân lý Bí truyền hầu như bị sai lạc ý nghĩa. Một chứng cứ hiển nhiên là ngày nay, trong hai tông phái còn hiện hữu tại Tích-Lan thì tông phái này tin rằng chết là sự hủy diệt hoàn toàn của cá thể tính cũng như cá nhân tính, còn tông phái kia lại giải thích Niết-Bàn (Nirvâna) theo quan niệm của Thông Thiên Học.

Vấn: Nhưng vì sao, trong trường hợp này, Phật giáo và Cơ Đốc giáo lại tượng trưng cho hai cực đối lập của tín ngưỡng đó ?

Đáp: Vì chúng không được giảng giải trong những điều kiện tương tự. Ở Ấn Độ, người Bà-la-môn, vì ganh tị về sự hiểu biết thượng đẳng và họ muốn loại trừ các giáo phái khác, nên bắt buộc hàng triệu người tuân theo lối sùng bái ngẫu tượng, gần như của Bái Vật giáo. Chỉ nhờ Đức Phật mới chấm dứt được niềm sung mãn về sự tưởng tượng lầm lẫn và mê tín mù quáng, kết quả của vô minh. Thà theo triết lý vô thần còn hơn sự thờ phượng dốt nát của những kẻ: "cầu cứu đến các vị thần của họ mà không được đáp lại, và cũng không thấy ai lưu ý đến". Họ sống và chết trong nỗi niềm thất vọng của tinh thần. Trước tiên, Đức Phật chấm dứt cái trào lưu mờ ám và mê tín đó, diệt căn các sai lầm trước khi tiết lộ chân lý. Vì Ngài không thể tiết lộ tất cả – cũng một lý do mà Đức Jésus nhắc các môn đệ của Ngài nhớ rằng các điều Huyền Bí của Trời không thể trình bày cho dân chúng thiếu trí thông minh mà chỉ dành riêng cho những người được chọn lựa mà thôi. Ngài "chỉ nói với dân chúng bằng các ẩn ngôn". (kinh Mathiêu, XIII,11).- vì cẩn thận, Đức Phật đi đến chỗ quá che đậy. Ngài từ khước nói với tu sĩ Vacchagotta rằng có hay không có Chân Ngã trong con người và khi bị bắt buộc phải trả lời, Đức Phật lặng thinh.

Vấn: Điều đó nói về Đức Gautama, nhưng có liên quan chi đến kinh Phúc Âm ?

Đáp: Bạn hãy đọc lịch sử và suy gẫm kỹ. Vào thời kỳ mà người ta cho rằng các biến cố xảy ra được tường thuật trong các Kinh Phúc Âm thì một sự dấy động Tinh Thần tương tự lại xảy ra trong thế giới văn minh, nhưng kết quả của nó lại khác biệt tại Đông Phương cũng như Tây Phương. Các vị Đắc Đạo xưa đã mất, các giai cấp văn minh bị lôi cuốn nghe theo các môn đồ Sadducéens [23] không tin đạo, nghe theo sự phủ nhận của phái duy vật và chấp nhận theo nguyên thuyết của luật Moise tại xứ Palestine. Ở La-Mã, chính các giai cấp thống nhất, nghèo nhất lại chạy theo tà thuật và thờ phượng các vị thần ngoại lai, hoặc trở thành kẻ đạo đức giả hay môn đồ của Pharisiens [24]. Một lần nữa, thời giờ đã đến cho một sự cải cách tâm linh. Vị Thần của người Do-Thái hung bạo, ganh tỵ cùng các luật khát máu: “ăn miếng trả miếng” bắt buộc làm tuôn máu vì sự tể lễ bằng thú vật; vị Thần đó phải được xếp vào hạnh phụ thuộc để nhường chỗ cho Đức Thánh Cha từ bi “đang ở trên Trời”. Cần phải chứng minh rằng Đấng này không phải là vị Thần siêu vũ trụ, mà lại là một Đấng Cứu Thế Thiên Liêng của con người bằng xương bằng thịt, được khắc sâu vào tim và linh hồn của người nghèo khổ cũng như giàu có. Tại Palestine cũng như ở Ấn Độ, sự bí mật của cuộc điểm đạo không thể phổ biến được, vì nếu người ta tặng các vật thánh thiện cho chó, hoặc liệng các viên ngọc cho heo con, người ta thấy nguy cơ rằng Người tiết lộ và sự tiết lộ bị chà đạp dưới chân. Bởi thế, Đức Phật hay Đức Jésus không nói hết lời, dù Đấng này có sống nữa hay không; số năm tháng mà lịch sử đã gán cho Ngài, Ngài tránh tiết lộ rõ ràng những điều bí ẩn về sự sống và sự chết, ẩn ý này trong trường hợp thứ nhất là sự phủ nhận của Phật Giáo Nam Tôn, và trong trường hợp thứ hai, ba đại phân bộ đối lập của Giáo Đường Cơ Đốc, và 300 giáo phái Tin lành của Anh Quốc.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG VI

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI THEO GIÁO HUẤN THÔNG THIÊN HỌC

SỰ ĐƠN NHẤT TRONG VẠN VẬT

Vấn: Theo quan niệm của bạn thì Thượng Đế, Linh hồn và Con Người

không phải là thể; bạn có thể cho tôi biết họ là chi theo giáo lý của bạn ?

Đáp: Theo căn nguyên và vĩnh cửu thì tất cả ba: Thượng Đế, Linh hồn và Con Người là một với Đơn Nhất tuyệt đối như vũ trụ và tất cả cái chi nó chứa đựng. Đó là tinh túy thiêng liêng bất khả tri mà tôi vừa giải thích. Chúng tôi không tin một sự sáng lập, nhưng chúng tôi tin nơi sự xuất hiện định kỳ và kế tiếp của vũ trụ, từ cảnh giới chủ quan đến cảnh giới khách quan của bản thể, nơi các khoảng thời gian đều đặn được duy trì trong nhiều thời đại.

Vấn: Bạn có thể giải thích vấn đề này một cách tỉ mỉ hơn không ?

Đáp: Để giúp bạn có một quan niệm chính xác hơn, bạn nên dùng sự so sánh đầu tiên về một năm dương lịch và kế tiếp nơi Bắc Cực, hai nửa của năm làm thành một ngày và một đêm dài trong sáu tháng. Bây giờ bạn thử tưởng tượng nếu bạn có thể thực hiện sự VĨNH CỬU thay vì một năm Dương lịch là 365 ngày. Bạn hãy chấp nhận rằng mặt trời tượng trưng cho vũ trụ; ngày và đêm dài sáu tháng tại Bắc Cực sẽ tượng trưng, thay vì 182 ngày, cho một kỳ gian là 182 triệu triệu (trillions) và ngàn triệu triệu (quadrillions) năm. Cũng như mặt trời mọc mỗi buổi bình minh khỏi chân trời khách thể ngoài không gian chủ thể, và đối cực (đối với chúng ta); giống như thế, Vũ Trụ xuất hiện từng định kỳ trên cõi giới khách thể, khỏi cõi giới chủ thể. Vậy "chu kỳ sự sống" là thể. Và, giống như mặt trời lặn vào chân trời, vũ trụ biến mất vào những thời kỳ nhất định khi "Đêm Phổ quát" bắt đầu. Người Ấn Độ gọi sự luân phiên này là "Ngày và đêm của Brahma"(Phận Thiên), hay thời kỳ của Đại Khai Nguyên (Manvantara) và của Đại Hối Nguyên (Pralaya) "tiêu tan". Nếu người Tây Phương chấp nhận, họ có thể gọi chúng là Ngày và Đêm Phổ Quát. Trong Đêm cuối cùng này, Toàn Thể ở trong Toàn Thể, mỗi nguyên tử bị thu hút vào Đồng Nhất Tính duy nhất.

TIẾN HÓA VÀ ẢO TƯỢNG

Vấn: Ai sáng tạo Vũ Trụ mỗi lần vũ trụ tái sinh ?

Đáp: Không ai sáng tạo cả. Diễn trình này khoa học gọi là sự tiến hóa. Các triết gia tiền Cơ Đốc và người Đông phương gọi là sự phân thân, còn nhà Huyền Bí Học và Thông Thiên Học chỉ nhìn nhận có một thực tại phổ quát, vĩnh cửu mà thôi. Từ các vực thăm vô hạn của Không gian, thực tại này phóng ra một phản ảnh của chính nó. Bạn xem phản ảnh đó là Vũ trụ khách thể, vật chất, nhưng đối với chúng tôi là một ảo ảnh giả tạm; chỉ có cái chi trường cửu mới được gọi là Thực tại.

Vấn: Vậy bạn và tôi, chúng ta đều là ảo ảnh cả hay sao ?

Đáp: Đúng thế. Với tư cách là cá thể giả tạm vì nó thay đổi qua mỗi kiếp. Bạn có cho các tia chớp của Bắc cực quang (Aurore Boréale) là “thật” chăng ? Bạn nhìn thấy rõ ràng mà ? Thật sự không phải thế, vì thực tại duy nhất là nguyên nhân phát sinh vốn thường xuyên, và bất hoại, còn hiệu quả chỉ là ảo ảnh thoáng qua.

Vấn: Tất cả các điều vừa giải thích không làm tôi hiểu rõ hơn vì sao lại phát sinh các ảo ảnh được gọi là vũ trụ; làm sao ý thức có thể xuất lộ từ cái vô ý thức đang hiện tồn.

Đáp: Đây chỉ là điều không ý thức được đối với tâm thức bị hạn chế của chúng ta. Thực sự chúng ta có thể chú giải những lời của Thánh Jean như sau: “Ành Sáng (tuyệt đối) (là bóng tối) chói sáng trong bóng tối (có nghĩa là trong ánh sáng ảo tưởng của vật chất) và bóng tối lại không hay biết gì về ánh sáng đó. Ành sáng tuyệt đối này là định luật vừa bất di dịch, vừa tuyệt đối. Chúng tôi không muốn tranh luận về danh từ phát tán hay sáng tạo; vũ trụ xuất hiện từ chủ quan tính đồng nhất của cõi giới biểu lộ đầu tiên. Cõi giới này gồm có bảy. Trên mỗi cõi, vũ trụ lần lần trở nên nặng trịch và vật chất, cho đến cõi giới cuối cùng của chúng ta là cõi giới được hiểu biết theo sự phỏng đoán của khoa cấu tạo vật lý. Cõi trần là hệ thống hành tinh hoặc Thái Dương có tính chất đặc biệt (sui generis).

Vấn: Xin bạn giải thích về tính chất đặc biệt vừa kể.

Đáp: Điều này chứng tỏ định luật căn bản cùng với sự diễn tiến của các định luật thiên nhiên là sự đều đặn. Hệ thống Thái dương của chúng ta (cũng như hằng triệu hệ thống khác trong Đại Vũ Trụ) cho đến Địa Cầu, được biểu hiện theo một phương thức riêng biệt, khác hẳn sự hỗ tương của tất cả các hệ thống khác. Khi nói về dân cư trên các hành tinh, chúng ta tưởng tượng họ cũng là con người như mình, nghĩa là một thực thể biết suy tưởng. Trí tưởng tượng của nhà thi sĩ, họa sĩ thường hay tượng trưng; ngay đến các vị Thiên Thần được lý tưởng hóa có thêm hai cánh. Chúng tôi xác nhận rằng tất cả sự việc này chỉ là ảo tưởng và sai lầm. Địa Cầu nhỏ bé của chúng ta có một tạp đa về thảo mộc, động vật và nhân loại - từ rong rêu đến cây bá hương ở Liban, từ con sứa biển đến con voi, từ người sơ khai đến bức tượng cổ Apollon của Belvédère - nếu bạn đổi các điều kiện về vũ trụ, về hành tinh, đương nhiên sẽ có những thảo mộc, động vật và nhân loại hoàn toàn khác biệt phát sinh. Cho đến cõi giới này (cõi giới vật chất), gồm các hành tinh của chúng ta, cũng ở dưới những định luật tương tự, nghĩa là chúng phát sinh một loạt về vật thể và bản thể hoàn toàn dị biệt. Vậy thể chất bên ngoài của các hệ thống Thái dương khác còn xa lạ biết bao! Thật là hão huyền khi chúng ta nghiên cứu về các vì tinh tú, cũng như các thế giới khác theo quan niệm của thế giới này như khoa vật lý thường làm.

Vấn: Bạn dựa vào bằng chứng nào để trình bày như thế ?

Đáp: Thật sự những bằng chứng này không được khoa học chấp nhận, nhưng chúng đã tích lũy từ vô tận nhờ các Bậc có Huệ nhãn chứng minh các sự kiện đó. Thị lực tâm linh của các Ngài đã được kiểm soát, và so sánh có hệ thống, đồng thời tính chất của nó, được cứu xét kỹ lưỡng. Những khám phá thực hiện được nhờ cảm giác vật chất và tâm linh đã thoát khỏi sự trở ngại của thể xác thường làm cho mù quáng. Tất cả điều chi không do kinh nghiệm cộng đồng và tập thể tăng cường, đều bị bác bỏ. Duy những điều thích hợp hoàn toàn và được xem như là Chân lý thiết lập qua sự xác định, trong nhiều giai đoạn khác nhau, ở những nơi khí hậu khác nhau, và cũng được quan sát không ngừng. Như bạn thấy, những phương pháp được các nhà thông thái, và các sinh viên khoa tâm lý tâm linh áp dụng, không hề sai biệt với phương pháp của các sinh viên khoa vạn vật học và vật lý học. Nhưng các lãnh vực sâu tầm này, ở vào hai cõi giới không giống nhau, và dụng cụ quan sát của chúng tôi, không do bàn tay của con người làm ra. Có lẽ vì lý

do đó, mà dụng cụ của chúng tôi vững chắc hơn. Bình cổ cong, bình tích điện, kính hiển vi của nhà hóa học và vạn vật học có thể sai lạc; kính viễn vọng và các dụng cụ đo thời gian có thể bị hư hỏng, trái lại dụng cụ ghi nhận của chúng tôi không bao giờ chịu ảnh hưởng của các nguyên tố hoặc thời gian.

Vấn: Vì vậy mà bạn tin tưởng hoàn toàn vào đó phải không ?

Đáp: Tin tưởng là danh từ không tìm thấy trong tự điển Thông Thiên Học. Chúng tôi chỉ nói sự hiểu biết được căn cứ vào kinh nghiệm và sự quan sát. Tuy nhiên bạn hãy ghi nhận sự sai biệt này: trong lúc quan sát, và kinh nghiệm của khoa vật lý hướng nhà thông thái đến các giả thuyết “tạm thời” và được phát triển do trí thông minh, thì sự hiểu biết của chúng tôi chỉ chấp nhận thêm những sự kiện không thể phủ nhận bởi đã được chứng minh đầy đủ. Chúng tôi không thể nào chấp nhận hai tín ngưỡng, hai giả thuyết cùng chung một đề tài.

Vấn: Có phải vì lý do này khiến bạn nhìn nhận lý thuyết kỳ lạ của Phật Giáo Bí Truyền chẳng ?

Đáp: Đúng thế. Lý thuyết đó có thể sai lạc trong vài chi tiết phụ thuộc, ngay trong sự trình bày của các sinh viên ngoại đạo; nhưng đây là các sự kiện của thiên nhiên gần Chân lý hơn bất cứ một giả thuyết khoa học nào.

SỰ CẤU TẠO THẬT THỂ CỦA HÀNH TINH CHÚNG TA

Vấn: Có phải bạn nói địa cầu chúng ta thuộc thành phần của một dãy các địa cầu không ?

Đáp: Đúng vậy. Những sáu ‘địa cầu’ hoặc sáu bầu kia chúng ta không trông thấy vì chúng không ở cùng một cõi giới khách quan với địa cầu chúng ta.

Vấn: Phải chăng do quãng cách quá xa với địa cầu chúng ta ?

Đáp: Không phải thế, bởi chúng ta vẫn nhìn thấy các hành tinh, và cả những ngôi sao ở khoảng xa tí mù. Sự thật vì sáu bầu đó ở ngoài phạm vi tri thức vật chất của ta, hay là cõi giới đang biểu hiện này. Mật độ vật chất, trọng lượng và cách cấu tạo không giống với mật độ, trọng lượng và cách cấu tạo địa cầu chúng ta, và các hành tinh khác được biết. Thật ra các bầu đó (đối với chúng ta), đang ở trong một lớp không gian hoàn toàn khác biệt, hay là một lớp mà chúng ta không thể nào tri thức hoặc cảm giác bằng giác quan hồng trần. Tuy chúng tôi gọi "lớp" (couche) bạn chớ tưởng tượng đó là những lớp chồng chất lên nhau như các lớp địa tầng (strates), bởi điều này sẽ đem đến cho bạn một quan niệm sai lầm, phi lý khác. Tôi gọi là "lớp" đây là cõi giới không gian vô tận mà bản chất của nó không thể nào thích ứng với trạng thái thức tỉnh hay tri thức tầm thường của chúng ta, cùng với trí năng và vật chất. Nhưng nó vẫn có trong thiên nhiên, ngoài phạm vi trí năng và tâm thức thông thường, ngoài khoảng không gian có ba bề đo, cũng như sự phân chia về thời gian của con người. Theo định nghĩa của triết gia Locke, thì một trong bảy giới căn bản (hoặc "lớp"), thuộc khoảng không gian hữu hạn. Khoảng không gian của chúng ta có khách thể tính và chủ thể tính cùng với thời gian, trạng thái tâm thức và một loạt tri giác riêng biệt của nó. Nhưng tất cả điều đó ít rõ ràng đối với người mà trí năng đã được huấn luyện theo đường lối tư tưởng ngày nay.

Vấn: Bạn muốn nói về loạt tri giác khác biệt ấy ? Trên cõi giới biểu hiện của nhân loại, không có cái gì giúp bạn để cấu kết một ý tưởng rõ rệt hơn điều bạn muốn trình bày về sự khác biệt của tri giác, của không gian và của tri thức hay sao ?

Đáp: Điều đó không có; ngoại trừ chỉ có một điều là khoa học lấy cớ để chống đối lại với chúng tôi. Trong trạng thái chiêm bao, phải chăng chúng ta đã có những loạt tri giác khác nhau. Lúc đó chúng ta cảm, nói, nghe, thấy, nếm và hành động trên một cõi giới khác hơn cõi giới chúng ta đang sinh sống. Sự thay đổi đang thực hiện trong trạng thái tâm thức, và được chứng minh bởi sự kiện của một loạt hành động và biến cố, trải qua một thời kỳ nhiều năm tháng. Tuy nhiên đối với trí năng của chúng ta, dường như các sự kiện đó xuyên qua tư tưởng chỉ một khoảnh khắc thời gian. Vậy, sự nhanh chóng phi thường của các thực nghiệm trí năng trong giấc

mơ và khi chúng ta ở vào một trạng thái thật tự nhiên về mọi phương diện, chúng tỏ chúng ta đang ở trong một cõi giới, khác hẳn với cõi giới này. Giáo lý Thông Thiên Học dạy: có bảy động lực căn bản trong thiên nhiên, bảy cõi của bản thể, và bảy trạng thái tâm thức, trong đó, con người sinh sống, suy tưởng, nhớ nhung và tồn tại. Chúng tôi không thể nào kể hết ra đây được; muốn hiểu biết cần phải nghiên cứu về khoa Siêu hình học Đông Phương. Nhưng hai trạng thái; tỉnh và mơ đủ chứng tỏ cho mọi người thấy, từ nhà triết học thông thái đến người sơ khai dốt nát, có sự sai biệt giữa hai trạng thái đó.

Vấn: Vì thế, Bạn sẽ không chấp nhận sự giải thích của khoa Sinh vật học và Sinh lý học về căn nguyên của giấc mơ sao ?

Đáp: Chắc chắn không. Chúng tôi còn từ khước giả thuyết của các nhà Tâm lý học, và chỉ ưa chuộng giáo huấn của nền Minh Triết Đông Phương. Về sự liên quan đến Vũ trụ và Đại Thiên Địa (Macrocosme), chúng tôi chỉ đặt tin tưởng vào bảy thể của bản thể Đại Vũ trụ, cũng như bảy trạng thái Tâm thức. Tuy nhiên, chúng tôi dừng lại nơi cõi giới thứ tư, vì người cõi này chúng tôi không có sự hiểu biết chắc chắn nào cả. Nhưng chúng ta sẽ thảo luận rộng rãi về bảy trạng thái và bảy khí thể của Tiểu Thiên Địa (Micocosme) hay con người.

Vấn: Bạn giải thích thế nào ?

Đáp: Thoạt tiên chúng tôi nhận thấy có hai bản thể khác nhau nơi con người là tâm linh và vật chất; con người biết suy tưởng và con người ghi nhận những gì mà các tư tưởng có thể đồng hóa được. Do đó, chúng tôi có thể chia con người ra hai bản tính khác nhau: phần thanh cao hay bản thể tâm linh gồm có ba “khí thể” hay trạng thái, và phần thấp kém hay tứ thể vật chất, được cấu tạo bởi bốn khí thể – tất cả có bảy.

BẢN CHẤT THẤT THỂ CỦA CON NGƯỜI

Vấn: Phải chăng người ta gọi hai bản thể vừa kể là Chân linh hay linh hồn và con người bằng xương bằng thịt ?

Đáp: Thừa không. Sự phân chia này của phái Platonicien thời cổ. Platon là một bậc Điểm Đạo nên không thể đi sâu vào các chi tiết bị cấm đoán. Chỉ có ai thông hiểu giáo lý cổ thời sẽ tìm thấy bảy khí thể trong sự kết hợp khác nhau của linh hồn và Chân linh được ông Platon nêu ra. Người ta sẽ nhìn nhận hai phần trong con người: phần vĩnh cửu được cấu tạo cùng một tinh túy với cái Tuyệt Đối; phần "được sáng tạo" bởi các vị Thiên Đế tiểu đẳng (Dieux mineurs) và phần có chết, có diệt. Con người được cấu tạo bởi: 1/- một thân xác khả tử; 2/- một khí thể bất tử; 3/- "một linh hồn thuộc loại khả tử và tách rời ra". Đó chính là cái mà chúng ta gọi theo thứ tự là con người vật chất, Linh hồn hay Chân Linh (Nous), và Linh hồn động vật (psyché). Sự phân chia này cũng được một bậc ĐIỀU ĐẠO khác là Thánh Paul chấp nhận. Ngài cho rằng có một thể tâm linh được gieo trong thể bị hủy diệt (linh hồn tinh tú hay cảm thể) [25], và một thể trí linh sẽ phục sinh chất bất diệt. Thánh Jacques cũng tăng cường đoán ngôn này khi Ngài nói (III, 15): sự "Minh Triết" (của linh hồn hạ đẳng) không do từ cõi trên nhưng do từ cõi phàm, ("tâm lý", "thuộc về ma quỷ" xem bản văn Hi-Lạp), còn điều kia là minh triết thiêng liêng. Ông Platon và cả Đức Pythagore đều nhìn nhận có bảy tác dụng khác nhau trong các sự kết hợp, tuy các Ngài chỉ nói về ba "khí thể" mà thôi. Chúng tôi vững lòng tin bằng cách so sánh giáo huấn của chúng tôi với giáo huấn của các Ngài. Chúng ta hãy trực nhận thoáng qua bảy trạng thái kể trên trong hai bảng phân chia theo Thông Thiên Học sau đây:

PHÂN CHIA THEO THÔNG THIÊN HỌC

<i>Danh từ Phạn ngữ</i>	<i>Ý nghĩa công truyền</i>	<i>Giải thích</i>
(a) Rupa hay Sthula Sharira	(a) thể xác	(a) là môi vật của tất cả các "khí thể" khác, trong đời sống.
(b) Prana	(b) Sự sống, hoặc nguyên lý sống	(b) Chỉ cần thiết cho a,c,d, và cho các dụng của Manas II, nghĩa là cho tất cả tác dụng được giới hạn vào khối óc (vật chất)
(c) Linga Sharira	(c) Thể vía	(c) Cái Phách hay thể ma.

(d) Kama-roupa	(d) Nơi tọa lạc của các điều ham muốn và dục vọng thú tánh.	(d) Là trung tâm của con người vật chất, nơi ghi dấu sự tách rời giữa con người khả tử với thể bất tử.
(e) Manas, khí thể đối trọng các tác dụng của nó.	(e) Trí năng, Thông trí; thể trí năng nhân loại thượng đẳng do ánh sáng hay sự phóng quang kết hợp CHÂN THẦN (MONADE) vào con người khả tử, trong kỳ gian của sự sống.	(e) Trạng thái vị lai và định mạng Nhân Quả của con người, tùy thuộc vào việc Manas giáng xuống Kama-roupa, nơi tọa lạc của các dục vọng thú tánh hoặc thăng vượt lên đến Bouddhi (Bồ Đề), Chân Ngã Tâm linh. Trong trường hợp này, tâm thức thượng đẳng của các nguyên vọng Tâm Linh và cá nhân của trí thông minh (Manas), đồng hoá với Bouddhi và bị thu hút cấu thành Chân Ngã, nó bước vào lạc phúc Thiên Đàng
(f) Bouddhi (Bồ Đề)	(f) Linh hồn Tâm Linh	(f) Môi vật của Chân linh thuần khiết, phổ quát.
(g) Atma	(g) Chân Linh	(g) Một với Tuyệt Đối, như là sự phóng quang.

Ông Platon dạy điều chi? Ông nói rằng con người nội tâm gồm hai phần: phần bất di dịch, được cấu tạo cùng một bản chất với Chân Linh; và phần kia thì khả tử, khả diệt. “hai phần” này được tìm thấy trong Tam thể *thượng và trong Tứ thể hạ của chúng ta (xem bảng)*. Ngài giải thích khi Linh hồn (psyché) “phối hợp với Nous (Chân Linh thiêng liêng hoặc bản chất thiêng liêng) tất cả điều chi được thực hiện đều tốt đẹp và thành tựu”.

Nhưng khác hẳn khi nó liên kết với Anoiá (sự điên cuồng hay linh hồn động vật, bất duy lý). Nơi đây có Manas (hoặc linh hồn tổng quát) dưới hai hình thức; khi liên kết với Anoiá (Thông Thiên Học gọi là Kama-roupa; “Phật giáo bí truyền” gọi là Linh hồn động vật) thì Linh hồn tiến đến sự tiêu diệt hoàn toàn đối với cái chi thuộc về Chân Ngã cá nhân. Trái lại khi phối hợp với Nous (Atma-Bouddhi) Linh hồn sẽ hoà tan trong Chân Ngã bất tử, bất diệt; lúc ấy, tâm thức Chân Linh của cá nhân tính trở thành bất tử.

SỰ PHÂN BIỆT GIỮA LINH HỒN VÀ CHÂN LINH

Vấn: Bạn có giảng dạy cá nhân tính bị tiêu diệt như vại nhà Duy linh và Thần thuật của Pháp đã tổ giác chẳng ?

Đáp: Không. Những người đối lập đã phổ biến sự tổ giác phi lý này, bởi vấn đề nhị nguyên tính, cá thể tính (l'individualité) của Chân Ngã Thiêng liêng và cá nhân tính (personnalité) – lại hàm súc khả năng hiện hình của một Chân Ngã bất tử trong các buổi gọi hồn dưới hình thức một “Chân linh hiện hình”, điều mà chúng tôi đã phủ nhận và đã giải thích.

Vấn: Bạn có nói; Psyché tiến tới sự tận diệt hoàn toàn một khi nó liên kết với Anoiá. Về vấn đề này, ông Platon và bạn giải thích ra sao ?

Đáp: Theo tôi nghĩ, sự tận diệt hoàn toàn của một tâm thức cá nhân là một trường hợp ít xảy ra, và rất đặc biệt. Thật sự tâm thức cá nhân tự hòa tan trong tâm thức cá thể và bất tử của Chân Ngã, vì theo qui tắc tổng quát gần như bất di dịch – một sự biến hóa hay biến hình thiêng liêng – chỉ có tứ thể hạ đẳng bị tận diệt mà thôi. Chắc chắn bạn không còn hi vọng con người bằng xương bằng thịt, hay cá thể tính giả tạm, hay cái bóng hoặc “cảm thể” của nó, cùng với bản năng thú tánh, và đời sống vật chất được thuởng tồn với “Chân Ngã Tâm Linh” để trở thành hằng cửu chẳng? Dĩ nhiên tất cả điều đó ngưng hiện hữu lúc xác thân chết, hoặc ngay sau đó, để rồi cùng với thời gian tan rã và biến mất hoàn toàn.

Vấn: Vậy bạn phủ nhận khả năng phục sinh của xác thịt hay sao ?

Đáp: Vâng, chắc chắn như vậy! Tại sao chúng tôi có thể chấp nhận sự suy lý thiếu triết học của thần học Cơ Đốc thuộc thời đại hậu lai, đã nói theo học thuyết công truyền của phái Duy trí Ai-Cập và Hi-Lạp ?

Vấn: Người Ai-Cập tôn thờ từ Chân linh Ngũ hành đến củ hành; ngày nay, người Ấn Độ thuộc Bái ngẫu tượng và Bái hỏa giáo cũng còn chiêm

ngưỡng mặt Trời như thuở xưa. Trong số các triết gia Hi-Lạp lỗi lạc nhất lại là những người mơ mộng hoặc duy vật thí dụ: Platon và Démocrite. Làm thế nào bạn có thể so sánh họ với người Cơ Đốc Giáo ?

Đáp: Có thể các sách Giáo lý yếu cường thời đại của thần học Cơ Đốc và của Khoa học dạy như thế, nhưng những trí óc trung lập lại hiểu khác. Người Ai-Cập tôn kính "Một Duy Nhất" dưới danh từ Nout; từ chữ này ông Anaxagore cho ra đời danh từ Nous hay ông gọi "Trí năng hoặc Chân linh Tự Cường", nguyên động lực chỉ đạo hoặc động lực tiên khởi của toàn thể. Đối với Anaxagore thì Nous là Thượng Đế, còn Đế Thiên (le Logos) là con người do sự phát tỏa của Nous. Nous là Chân linh (hoặc trong Đại Vũ trụ "cosmos", hoặc trong con người). Dù người ta xem logos như vũ trụ hay như cảm thể cũng do sự phát tỏa của Nous, còn xác thân chỉ là một con vật mà thôi. Những hiện tượng do giác quan ngoại cảnh của chúng ta tri thức, chỉ có Nous mới biết được các thực tượng (noumènes). Logos hoặc thực tượng vốn bắt tử bởi bản chất và tinh túy thường hằng, bất diệt. Trong con người Logos là Chân ngã Vĩnh cửu tự luân hồi và duy trì mãi. Nhưng vì sao cái bóng phù du, cái áo giả tạm của sự Phát tỏa thiêng liêng này trở về nguồn cội nơi nó xuất phát lại có thể là cái nó tái sinh bất khả hoại ?

Vấn: Tuy nhiên tôi không hiểu vì sao bạn có thể tự bào chữa, khi bị tố giác việc bạn đã nghĩ ra cách phân chia mới về tâm linh và tâm lý con người. Không một triết gia nào đề cập đến, dù bạn có tưởng tượng chính ông Platon đã nói về vấn đề này.

Đáp: Tôi giữ vững điều chi tôi đã nói. Không phải chỉ ông Platon, mà ông Pythagore cũng quan sát như vậy. Ông mô tả Linh hồn như một đơn vị tự linh hoạt (Chân thần) gồm có ba yếu tố: -Nous (Chân linh), Phren (trí năng) và *Thumos (sự sống hay hơi thở, hoặc Nephresh của Bí thuật giáo)*. Ba yếu tố này phù hợp với "Atma-Bouddhi" (Linh hồn Chân linh thượng đẳng) của chúng ta, với Manas (Chân Ngã), và Kama-roupa với phản ảnh hạ đẳng của Manas. Điều mà các triết gia cổ Hi-Lạp gọi một cách tổng quát là Linh hồn; chúng tôi gọi là Chân linh hoặc Linh hồn tâm linh, Bồ Đề, như là môi vật của Atma (l'Agathon hay là Thần tính tối cao của ông Platon). Ông Pythagore và nhiều người khác xác nhận rằng chúng ta có Phren và Thumos chung với loài thú, chứng tỏ đây là trường hợp phản ảnh của Manas hạ

đăng (bản năng) và của Kama-roupa (dục vọng thú tánh sống động. Hai ông Socrate và Platon cũng nhìn nhận sự chỉ dẫn này và tuân theo. Nếu ngoài sự phân chia ra làm năm như: Agathon (Thần tính hay Atma), Psyché (linh hồn về phần tập thể), Nous (Chân linh hay trí năng) Phren (trí năng vật chất) và Thumos (Kama-roupa hay dục vọng), chúng ta lại thêm vào: l'Eidolon của Huyền môn, hình bóng hay dẫn thần thể của con người và xác thân vật chất, thì chúng ta có thể chứng minh dễ dàng rằng ông Pythagore và ông Platon cũng có những tư tưởng tương tự như chúng ta. Chính người Ai-Cập cũng tin nơi sự phân chia thất thể. Họ cho rằng linh hồn (Chân Ngã), khi lìa khỏi xác thân phải trải qua bảy phòng, hoặc khí thể, gồm có những thể đã loại bỏ, và những thể vẫn mang theo. Khổ hình nổi liền vào sự tiết lộ của giáo lý được dạy trong Huyền môn là sự chết, ta phải nhớ như thế. Và điều đó giải thích vì sao người xưa chỉ phổ biến giáo lý đại cương, còn chúng ta lại phân tích và giải thích từng chi tiết. Tuy nhiên chúng tôi chỉ phổ biến trong phạm vi được cho phép, còn biết bao chi tiết khác chỉ dành cho những ai theo học triết lý bí truyền và thệ nguyện giữa im lặng, cẩn mật.

GIÁO HUẤN CỦA HI-LẠP

Vấn : Tại sao chúng tôi không tìm được trong các bản phiên dịch của những người thông hiểu ngôn ngữ Hi-Lạp, La-tinh, Phạn và Hébreu, những gì có thể chứng minh được điều bạn đã giải thích ?

Đáp : Vì các dịch giả của bạn tuy có kiến thức quăng bác, nhưng đã khiến cho các triết gia – nhất là các triết gia Hi-Lạp – trở thành nhà văn kém sáng suốt thay vì thần bí. Thí dụ bạn hãy đọc những gì ông Plutarque viết về các “khí thể” của con người. Những điều ông diễn đạt theo nghĩa chính thì người ta lại gán cho nó sự mê tín siêu hình và vô minh. Bạn cho phép tôi kể một đoạn văn sau đây:

“Ông Plutarque có nói: con người là một phức hợp; những ai nghĩ rằng con người gồm có hai phần là lầm lạc. Họ tưởng tượng trí tuệ (trí năng về não) thuộc linh hồn (Tam thể thượng); như vậy họ vẫn lầm lạc như người xem linh hồn tùy thuộc xác thân. Điều này có nghĩa Tam thể được nhìn nhận như là thành phần của tứ thể khả tử, khả diệt. Nous thượng đẳng hơn linh hồn, cũng như linh hồn cao thượng hơn xác thân. Vậy sự phức hợp của linh hồn và trí tuệ cấu thành lý trí, còn

xác thân (hoặc Thumos- linh hồn động vật) cấu thành dực vọng. Trong hai điều vừa kể thì một là khởi thủy hay nguyên lý của sự vui thú và đau khổ, còn một là của đức tánh và tật xấu. Với ba phần phối hợp lại, thì địa cầu cung cấp thể xác, mặt trăng cung cấp linh hồn và mặt trời cung cấp trí tuệ cho thể hệ của con người”.

Câu cuối cùng là một ẩn dụ vì những ai hiểu được tức đã thông hiểu khoa bí truyền về các sự tương xứng, và cũng biết hành tinh nào có liên quan *đến mỗi khí thể*. Ông Plutarque phân các khí thể thành ba nhóm và cho rằng xác thân là một phức hợp của cơ thể vật chất, của cái bóng tinh tú và của hơi thở, nghĩa là của cái phần tam trùng hạ đẳng; phần này “từ cát bụi phải trở về với cát bụi”. Ông nhắc đến khí thể trung gian và linh hồn thuần nhiên, phần thứ nhì cung cấp cho con người và luôn luôn chịu ảnh hưởng bởi mặt trăng. Còn cái phần thượng đẳng hay linh hồn tâm linh, gồm có các nguyên tố Atma và Manas được phát tán trực tiếp từ Mặt Trời tượng trưng bởi l’Agathon, Thần tính Tối cao. Đoạn văn sau đây chứng minh cho điều này:

“Trong các sự chết mà con người phải chịu, có một sự chết khiến con người từ ba thể trở thành hai, và sự chết kia biến họ từ hai trở thành một. Sự chết đầu tiên xảy ra trong vùng dưới sự tài phán của Thần Déméter [26], vì thế trong Huyền môn, danh từ này chỉ sự chết. Thuở xưa, người Athéniens ví người chết như là của hiến dâng cho Thần Déméter. Sự chết kia xảy ra trên mặt trăng”.

Đây là giáo lý của chúng tôi dạy con người gồm thất thể trong trọn kiếp sống; một sự cấu thành của năm khí thể tại Kama-loka ngay sau khi chết, và một Chân Ngã tam trùng, một linh hồn Chân linh và tâm thức tại Dévakhan. Sự phân chia này tự thực hiện trước tiên nơi các “Đồng cỏ chốn A-ty” (Prairies du Hadès) mà Ông Plutarque gọi là Kama-Loka, rồi tiếp đó nơi Thiên Đàng (Devakhan) thuộc thành phần các nghi lễ của Huyền môn tôn nghiêm, trong đó, các thí sinh điểm đạo được tượng trưng bi kịch của sự chết và sự phục sinh, dưới hình thức một Chân linh vinh quang mà chúng ta gọi là Tâm thức. Ông Plutarque hiểu như thế nên ông nói: “Hermès hiện diện trong thể này thuộc hồng trần cũng như trong thể kia thuộc thiên giới. Thể thứ nhất dứt bỏ linh hồn một cách bất ngờ và dữ dội nhưng Proserpine (Karma) lại phân cách trí tuệ của linh hồn từ từ trong một thời gian. Vì lý do này nàng Proserpine, được gọi là Monogènes – sự sinh sản *duy nhất hay là nàng chỉ sinh sản có một*, bởi phần tốt nhất của con người còn sót lại khi được nàng tách rời ra. Vậy sự chết này hay sự chết kia xảy ra tùy tạo hóa. Karma đã phán quyết mỗi linh hồn có hay không có trí tuệ (thể trí), đi ta bà một thời gian trong vùng giữa địa cầu và nguyệt tinh (Kama-Loka) sau khi lìa bỏ xác thân. Tuy nhiên không phải tất cả các linh hồn đều phải như thế. Chỉ có những kẻ bất công,

nhờ bản mới gánh chịu hình phạt do tội lỗi mà thôi. Những kẻ thiện tâm, đạo đức ở nơi này (Kama-Loka) cho đến khi họ được thanh lọc và tẩy sạch tất cả bệnh tật họ đã mắc phải bởi sự nhiễm độc của xác thân. Họ ở lại nơi vùng êm dịu nhất của không khí trong một thời gian đã chỉ định, được gọi là Đồng cỏ chốn A-tỳ. Đoạn họ trở về quê hương (Thiên Đàng) sau cuộc hành hương lâu dài nơi phương xa. Ở đây họ hưởng sự an vui phúc lạc tương tự như niềm vui của các môn đồ trải qua những cuộc điếm đạo trong Huyền môn. Niềm vui này xen lẫn nỗi đau khổ, ngưỡng mộ và hi vọng riêng cho mỗi người”.

Đó là cực lạc Niết Bàn mà không một học giả Thông Thiên Học nào có thể diễn tả bằng ngôn ngữ hồng trần hay bí truyền, niềm phúc lạc tinh thần nơi cõi Thiên Đàng (Dévakhan); cõi mà mỗi Linh hồn an hưởng do tâm thức của nó tạo ra. Ta không nên lầm lẫn như phần đông hội viên Thông Thiên Học. Bạn chớ nghĩ rằng vì con người có bảy thể kể đó còn năm *thể và sau cùng còn ba thể, mà họ cho là một cấu kết của bảy, năm rồi ba thực thể, hoặc theo như một hội viên Thông Thiên Học đã giải thích thì* con người có nhiều lớp da và cần phải lột ra như người ta lột vỏ củ hành. Chúng tôi từng nói về thể xác, về đời sống, về eidolon trung giới đều phân tán khi chết vì chúng các “khí thể” chỉ đơn giản là những phương tiện, và là các trạng thái của tâm thức. Chỉ có một con người thực tại duy nhất duy trì mãi từ đầu đến cuối của một chu kỳ đời sống. Thực tại này bất tử về tinh túy nếu không nói về hình dáng; đó là Mans, con người Tinh thần hay là Tâm thức bị nhục thể hóa. Các nhà duy vật cho rằng tinh thần và tâm thức không thể hoạt động nếu thiếu phần vật chất. Sự phản đối trên không có giá trị đối với chúng ta. Thật sự chúng tôi không phủ nhận luận điệu của họ, nhưng chúng tôi xin hỏi: “Bạn có hiểu biết tất cả các trạng thái của vật chất *không? Cho đến nay bạn chỉ hiểu biết có ba thôi (chất đặc, chất lỏng và chất hơi)*. Bạn làm sao biết được cái mà chúng tôi gọi là TÂM THỨC TUYỆT ĐỐI hay là Thần tính luôn luôn vô hình, bất khả tri, vượt khỏi quan niệm và cái trí hạn định của nhân loại, lại là vật chất chân linh phổ quát trong *vô biên tuyệt đối ? Một trong các trạng thái hạ đẳng nhất của Chân linh* vật chất xuất lộ trong các thời kỳ đại khai nguyên (Manvantara) là Chân Ngã ý thức (*I'Ego conscient*). Chính nó tự tạo ra Thiên Đàng riêng biệt dù đó chỉ là ảo tưởng nhưng cũng là một trạng thái phúc lạc.

Vấn : Vậ Thiên Đàng (Dévakhan) là gì ?

Đáp: Theo tự nghĩa thì Thiên Đàng là “xứ sở của Thánh Thần”; một điều kiện

hoặc trạng thái phúc lạc tinh thần. Trên phương diện triết lý thì Thiên Đàng là điều kiện của trí tương tự như giấc mơ, nhưng linh động và thực tại hơn nhiều. Đây là trạng thái của phần đông người chết ở bên kia cửa tử.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG VII

CÁC TRẠNG THÁI KHÁC NHAU SAU KHI CHẾT.

CON NGƯỜI VẬT CHẤT VÀ CON NGƯỜI TÂM LINH

Vấn: Tôi rất hài lòng về sự tin tưởng linh hồn vốn bất tử của bà.

Đáp: Không phải sự bất tử của “Linh hồn” mà là sự bất tử của Chân linh thiêng liêng, hay là sự bất tử của Chân Ngã tái sinh.

Vấn: Thưa bà sự khác nhau đó ra sao ?

Đáp: Theo triết lý của chúng tôi thì sự khác biệt rất lớn lao. Tuy nhiên đề tài này quá trừu tượng và khó khăn, chúng ta không thể nhìn phớt qua được. Việc phân ra linh hồn và chân linh riêng biệt rất cần và sau đó hãy tổng hợp lại. Bây giờ chúng ta khởi sự phần Chân linh trước. Chúng ta cho rằng Chân linh (“Đức Chúa Cha huyền nhiệm”, theo như Đức J  sus dạy) hay Atman không    sở hữu cá nhân của một người nào cả, vì Chân Linh    tinh t  y Thi  ng li  ng, không hình h  i, sắc tướng, không thể đo lường hay phân chia, không hiện tồn nhưng lại c   như các Phật tử n  i về Ni  t Bàn (Nirvana). Atma chỉ bao tr  m con người khả tử, xâm chiếm và nhập vào tr  n thân thể bằng tia s  ng v   sở bất tại. N  i c  ch kh  c,   nh s  ng của Atman chiếu diệu xuyên qua Bouddhi (B  -   ), m  i trường và c  ng    nơi ph  t lộ trực tiếp. Đây    nghĩa huyền b  i về nh  ng lời của hầu hết c  c triết gia thời cổ khi họ x  c nhận rằng “C  i phần thuần lý của Linh hồn nh  n loại không khi n  o nhập tr  n

vẹn vào con người, mà chỉ bao trùm họ nhiều hay ít nhờ linh hồn tâm linh nhưng không thuần lý hay là Bouddhi.

Vấn: Tôi nghĩ chỉ có "linh hồn động vật" không thuần lý chỗ chẳng phải linh hồn Thiên liêng.

Đáp: Chúng ta nên thiết lập sự sai biệt giữa điều thụ động hay "bất thuần lý" bởi vì nó đang ở vào trạng thái không phân biệt với cái chi bất thuần lý quá linh động và tích cực. Con người là cả một sự phối hợp các quyền năng tâm linh cùng với các năng lực hóa học, vật lý học và toàn thể hoạt động do các "khí thể".

Vấn: Tôi có đọc nhiều về vấn đề này. Dường như tư tưởng của các triết gia cổ và của các Bí thuật gia (Cabalistes) thời Trung Cổ không giống nhau, tuy nhiên trong chi tiết đôi khi có sự tương đồng.

Đáp: Sự khác biệt quan trọng nhất giữa các Bí thuật gia và chúng tôi như sau: theo phái Tân Platon và giáo huấn Đông phương, chúng tôi tin rằng không khi nào giáng xuống trong con người sống động, nhưng Atma chiếu xuống nhiều hoặc ít những phát quang vào con người nội tâm (sự phối hợp tâm linh và tinh thần của các khí thể tinh tú). Trái lại các Bí thuật gia cho rằng Chân Linh nhân loại tách rời khỏi đại dương của ánh sáng cùng Chân Linh phổ quát để nhập vào linh hồn con người, và bị giam cầm trọn kiếp sống trong lớp vỏ trung giới (capsule astrale). Các Bí thuật gia đều xác nhận như thế, vì họ không thể loại bỏ hoàn toàn Giáo lý Thánh Kinh và thần nhân.

Vấn: Còn Bà nghĩ sao ?

Đáp: Chúng tôi chỉ chấp nhận sự hiện diện những phóng quang của Atma trong lớp vỏ trung giới, và chỉ trong phạm vi có liên quan đến sự phát tỏa tâm linh này mà thôi. Muốn đạt được sự bất tử, con người và linh hồn phải cố vươn lên đến sự đơn nhất để rồi được kết hợp và sau cùng được đồng hóa trở lại. Sau khi chết, sự cá thể hóa của con người tùy thuộc Chân Linh, chứ không tùy thuộc linh hồn và thể

xác. Danh từ “phàm tính” theo nghĩa thông thường là một điều vô lý nếu dùng một cách nông cạn để chỉ cái tinh túy bất tử của con người; Chân Ngã cá nhân của chúng ta mới là một thực thể riêng biệt, bất tử và hằng cửu do chính nó (per se). Trường hợp những nhà phù thủy, tà đạo hoặc những kẻ sát nhân trong nhiều kiếp sống không sao cứu rỗi được, thì sợi chỉ sáng chói (liên kết Chân linh và linh hồn cá nhân khi đứa trẻ mới sinh) bị đứt lìa, và thực thể tái nhục hóa tự tách ra khỏi linh hồn cá nhân, để rồi linh hồn này bị hủy diệt ngay không để lại một dấu vết nào cả. Nếu sự phối hợp giữa Manas hạ đẳng với Chân Ngã cá nhân (Ego individuel) đang tái nhục hóa không thể thực hiện được trong đời sống, thì Manas hạ đẳng bị bỏ rơi lại để rồi phải chia sẻ số phận với các loài thú; nghĩa là phải bị tan dần trong chất dĩ thái và tự tiêu hủy như phàm tính. Tuy nhiên, Chân Ngã vẫn còn là một thực thể riêng biệt. Sau kiếp sống vô ích đó, Chân Ngã tâm linh sẽ bị mất trạng thái Thiên Đàng. Trong một thời gian ngắn hưởng thụ tự do như là Chân linh hành tinh, nó sẽ tái sinh mang xác thân khác ngay.

Vấn: Trong quyển “Nữ Thần Isis tiết lộ” có đoạn cho rằng các Chân linh hành tinh, Thiên thần hoặc những vị Thần của người vô tín ngưỡng hay các vị Đại Thiên Thần của Cơ Đốc Giáo, không bao giờ trở thành nhân loại trên hành tinh của chúng ta.

Đáp: Thật đúng như vậy. Tuy nhiên không phải các “Chân Linh hành tinh đều như thế” mà chỉ có vài hạng Chân linh hành tinh thượng đẳng nào đó thôi. Các vị này đã được giải thoát ở một thế giới trước khi có địa cầu, thế nên, họ không thể trở thành nhân loại của địa cầu chúng ta. Nhưng tất cả Chân linh hành tinh vừa kể sẽ tái sinh trong kỳ Đại Khai nguyên (Mahamanvantara) sắp tới (tiến bộ hơn Đại Khai nguyên hiện tại) khi “Đại kiếp này” và “Brahma Pralaya” (một thời ngắn độ 16 con số sẽ chấm dứt. Triết lý Đông phương có dạy chính các “Chân linh” như thế đang bị giam cầm trong xác thân hiện tại của nhân loại. Sự khác nhau giữa loài người và loài thú như sau: loài thú có những “khí thể” tiềm thể, còn loài người thì các khí thể này linh hoạt như là một động lực [27]. Có lẽ bây giờ bạn đã hiểu.

Vấn: Vâng, những sự chuyên môn phải chăng là một chương ngại đối với các nhà siêu hình học ?

Đáp: Đúng vậy. Tất cả huyền học của Phật Giáo đều được căn cứ vào giáo huấn bí mật này nhưng ít người biết, và có nhiều nhà bác học cận kim đã làm sai lạc hoàn toàn. Chính các nhà siêu hình học cũng có khuynh hướng lầm lẫn kết quả với nguyên nhân. Là Chân linh, Chân Ngã đạt được đời sống trường tồn, và vẫn là cái ngã nội tâm trải qua những kiếp tái sinh ở trần gian, nhưng không bắt buộc phải là ông X. . . ông Y. . . lúc còn tại thế, hoặc giả bị mất cá thể tính của nó. Thế nên, linh hồn trung giới và xác thân con người có thể bị thu hút vào Vũ trụ đại dương của các phân tử đã được siêu hóa. Vì lý do đó mà Chân Ngã cá nhân sau cùng của con người không còn tồn tại (nếu Chân Ngã không còn xứng đáng để vươn lên cao nữa). Tuy nhiên Chân Ngã Thiên liêng vẫn còn là một thực thể không thay đổi, mặc dù kinh nghiệm hồng trần về sự phát tán bị tiêu tan lúc nó tự phân tách ra khỏi môi vật không xứng đáng của nó.

Vấn: Các ông Origène, Synésius, các triết gia bán Cơ Đốc hoặc bán Tân Platon đã từng dạy rằng, nếu "Chân Linh" hay cái phần thiên liêng của linh hồn đã có lúc, trước vấn đề vĩnh cửu như là một thực thể phân biệt, và nếu Chân Linh không có chi khác hơn là linh hồn khách quan một cách siêu hình, thì làm sao không vĩnh cửu? Trong trường hợp này, dù cho con người có một đời sống thanh cao hay trụy lạc cũng không bị mất cá thể tính.

Đáp: Nếu bạn đặt ra một giáo lý như thế thì kết quả sẽ tai hại không khác chi việc tha tội của các linh mục. Nếu người ta giải thích ý nghĩa thực sự của giáo điều này cũng như tư tưởng sai lầm cho rằng tất cả mọi người đều bất tử, thì nhân loại đã được cải thiện rồi.

Bạn cho phép tôi nhắc lại một lần nữa: các ông Pythagore, Platon, Timée de Locris và giáo phái Alexandrie có cho rằng Linh hồn con người (nghĩa là các "khí thể" và đặc tính thượng đẳng) có từ Linh hồn Phổ quát của Vũ trụ. Theo giáo huấn này thì linh hồn Phổ quát là Aether. Thế nên một trong các "khí thể" không thể là tinh túy thuần khiết của Monade của Pythagore hay Atma-Bouddhi của Thông Thiên Học. Anima Mundi chỉ là kết quả, là sự phát tán chủ quan, hay đúng hơn chỉ là sự phóng quang của Atma-Bouddhi. Chân linh nhân loại (cá thể tính), Chân linh Tâm linh tái sinh và Bouddhi, Linh hồn Tâm Linh đều hiện tồn. Trong lúc Atma-Buddhi biểu hiện như một thực thể riêng biệt được cá thể hóa, thì linh hồn chỉ có như là một hơi thở tiền hiện hay cái phần vô thức của toàn thể thực tại. :Lúc sơ khởi, cả hai được cấu tạo từ Đại dương vĩnh cửu của ánh sáng. Các triết gia tôn sùng Lửa

(Thông Thiên Học gia thời Trung cổ) từng giải thích; có một Chân Linh hữu hình mặc dù ta không trông thấy sống trong lửa. Họ phân biệt giữa anima bruta (con thú động vật) và anima divina (con thú thiêng liêng). Ông Empédocle tin tưởng loài người và loài thú có hai linh hồn; Ông Aristote gọi hai linh hồn đó là linh hồn suy luận và linh hồn động vật. Theo các triết gia đó thì linh hồn suy luận xuất phát từ nội tâm của linh hồn phổ quát, còn linh hồn kia xuất phát từ ngoại cảnh.

Vấn: Vậy bạn có cho Linh hồn nhân loại là vật chất không ?

Đáp: Không là vật chất mà là thực chất. Tuy nhiên chúng tôi không phản đối danh từ “vật chất” nếu nó được kèm theo tính từ “nguyên thủy”. Vật chất này đồng vĩnh cửu với Chân Linh, không sờ mó hay phân chia được như thế giới của chúng ta, mà là trạng thái siêu hóa cao độ nhất của vật chất. Chân linh thuần khiết sai biệt rất ít với cái không chân linh, hoặc cái toàn *thể tuyệt đối*. *Nếu bạn không chấp nhận con người đã tiến hóa khỏi vật chất* Chân Linh nguyên thủy và họ đang tượng trưng cho một nấc thang cấp tiến về các “khí thể”, từ cái siêu Chân linh đến vật chất thô kệch nhất, thì làm sao bạn có thể nhìn nhận con người nội tâm vốn bất tử, đồng thời là một Thực thể Tâm linh và lại là một con người khả tử ?

Vấn: Nhưng vì sao Thượng Đế không được coi như là một Thực thể ?

Đáp: Theo triết lý Đông Phương thì cái chi vô biên, không hạn chế làm sao có một hình hài hay thực thể được? Một “thực thể” chỉ bất tử trong cái tinh túy mật thiết của nó chứ không bất tử trong hình hài cá thể. Khi tiến đến điểm chót của chu kỳ nó bị thu hút vào bản tánh nguyên thủy của nó, và trở thành Chân linh khi bị mất ý nghĩa Thực thể.

Với tánh cách là hình hài, sự bất tử của thực thể chỉ bị hạn chế trong chu kỳ sự sống của nó mà thôi; đó là kỳ Đại Khai nguyên (Mahamanvantara), khi kỳ Đại Khai nguyên trôi qua rồi thì thực thể hiệp làm một với Chân Linh Phổ quát, đồng hóa với nó để rồi không còn là một thực thể riêng biệt nữa. Về linh hồn cá nhân, nghĩa là tia sáng tâm thức còn giữ trong Chân Ngã Tâm Linh ý tưởng về cái “Ngã” cá nhân của kiếp nhục hóa trước. Linh hồn cá nhân chỉ tồn tại cho đến phút cuối cùng của thời kỳ trên Thiên Đàng như là một kỷ niệm tách rời và phân biệt. Khi thời kỳ trên

Thiên Đàng chấm dứt, Linh hồn cá nhân nhập vào loạt vô số kiếp nhục hóa khác của Chân Ngã, giống như sau một năm, những kỷ niệm còn lưu lại trong ký ức chúng ta về một ngày nào đó. Phải chăng bạn muốn cái vô biên bị lệ thuộc vào các điều kiện hạn định? Thật sự chỉ có cái chi được kết hợp chặt chẽ bởi Atma mới bất tử như: Buddhi-Manas. Linh hồn con người (cá tính) chính tự nó (per se) không trường cửu, không thiêng liêng bất tử. Kinh Zohar (quyển III, trang 616) có đoạn: "Khi nó được gởi xuống địa cầu, linh hồn khoác vào chiếc áo hồng trần để tự phòng vệ nơi đây, cũng giống như thế, linh hồn tiếp nhận nơi cõi Thượng Thiên chiếc áo sáng chói để có thể nhìn vào chiếc gương này mà không bị tổn hại, và đây là ánh sáng xuất phát từ vị "Chúa của Ành Sáng". Kinh Zohar còn dạy rằng linh hồn không thể đến cõi phúc lạc (Thiên Đàng) nếu chưa nhận được chiếc "hồn thánh thiện" nghĩa là trước khi kết hợp với thực chất và từ đó nó phát tỏa ra: Chân linh. Tất cả mọi linh hồn đều có: Linh hồn chính là một khí thể âm, Chân linh là một khí thể dương. Bị giam cầm trong xác thân, con người là tam nguyên nhất thể, và sự sa đọa của con người gây nên sự cách biệt với Chân linh. Một bài cảnh cáo trong quyển sách viết về các Bí quyết, một tác phẩm của khoa luyện kim có đoạn: "Vô phúc thay cho linh hồn nào chỉ thích kết hợp cõi trần với thân xác hơn là kết hợp với thiêng liêng (Chân linh). Vô phúc thật vì không có điều chi của cá thể tính được ghi vào ký ức của Chân Ngã.

Vấn.: Theo bà đã nhìn nhận thì cái chi trong con người, có thực chất tương tự như thiêng liêng, lại có thể bị tước bỏ tánh cách bất tử mặc dù không được Thượng Đế truyền hơi vào ?

Đáp: Mỗi nguyên tử và cả bụi của vật chất chớ không phải chỉ có thực chất, và do bản tính thiên nhiên bất tử chớ không phải bất tử trong tâm thức cá nhân. Phải chăng bất tử tính là tâm thức liên tục, còn tâm thức cá nhân không thể duy trì lâu hơn phạm ngã tính? Như tôi từng giải thích, một tâm thức như thế chỉ thường tồn đến cuối thời kỳ trên Thiên Đàng khi thời kỳ này trôi qua, tâm thức đó bị thu hút trước tiên vào tâm thức cá nhân, và sau đó trong tâm thức phổ quát. Bạn hãy hỏi lại các nhà Thần học của bạn vì sao họ giải thích sai lạc ý nghĩa Thánh Kinh Do-Thái như vậy. Bạn nên đọc Thánh kinh, bạn sẽ thấy rõ tác giả của bộ Pentateuque [28] nhất là trong bộ Sáng thế ký Genèse [29] không nhìn nhận Nephesh – cái mà Thượng Đế truyền hơi cho Adam (Sáng thế ký II, I) – là linh hồn bất tử. Vài thí dụ: "Và Thượng Đế tạo lập . . . mỗi Nephesh (sự sống) lại chết " (Sáng thế ký I, 21), ở

đây muốn nói về loài thú vật. Sau đó lại có câu: “Con người trở thành một Nephesh (một linh hồn sống động) (Sáng thế ký II, 7), điều này chứng tỏ danh từ “Nephesh” được áp dụng một cách không phân biệt cho con người bất tử và con thú khả tử.” Và chắc chắn tôi sẽ đòi máu của anh, máu của các sự sống của anh (nepheshim); tôi sẽ đòi máu của tất cả thú vật . . . và của bàn tay con người” (Sáng thế ký IX, 5). “Người hãy tự cứu cho Nephesh” (sáng thế ký XIX, 17). Người ta phiên dịch là: “Người hãy tự cứu cho đời sống của người”. Đừng nên giết hại nó” (Sáng thế ký XXXVII, 21) là câu nói theo sự phiên dịch Anh Ngữ; và sách Hébrey có viết: “Chúng ta không nên giết hại nephesh của nó”. Tác phẩm của dòng tu Lévite (XVII, 8) “Nephesh cho nephesh”. Kẻ nào đập chết một người dù là ai, sẽ bị xử tử”, - đúng theo sách là: “Kẻ nào đập chết nephesh của một người (Lévite XXIV, 17). Các đoạn 18 và tiếp theo, người ta thấy câu: “Kẻ nào đập chết một con thú (nephesh) sẽ thay mạng sống của nó . . . loài vật đổi loài vật”, còn nguyên bản thì lại viết: “nephesh đổi nephesh”. Làm thế nào con người lại có thể giết chết cái chi vốn bất tử ? Các câu dẫn chứng trên đây cho ta thấy vì sao giáo phái Sadducéens [30] phủ nhận sự bất tử của linh hồn. Hơn nữa các câu này xác nhận người Do-Thái không tin tưởng vào sự thường tồn của linh hồn mặc dầu họ theo luật của Moise (ít ra họ không được thụ pháp).

VỀ SỰ VĨNH CỬU CỦA THƯỜNG, PHẠT VÀ NIẾT BÀN

Vấn: Tôi nghĩ rằng thật không cần thiết để hỏi xem bà có tin tưởng vào các giáo điều Cơ Đốc giáo về Thiên Đàng, Địa ngục, hoặc về các điều thường, phạt vị lai như Chính Thống Giáo đã dạy không ?

Đáp: Chúng tôi hoàn toàn phủ nhận các giáo điều này như đã mô tả trong các loại sách giáo lý cương yếu của bạn, và chúng tôi cũng phủ nhận quan niệm về vĩnh cửu mà người ta đã diễn tả trong sách. Chúng tôi chỉ tin tưởng vững chắc vào Định Luật Thường Công, vào công lý và minh triết tuyệt đối đang hướng dẫn Định Luật này và được gọi là Nhân Quả (Karma). Chúng tôi không chấp nhận tín điều về sự thường, phạt vĩnh cửu, vì chúng độc ác không hợp với triết lý.

Chúng tôi đồng ý với Horace:

“Nên có những định luật chứa đựng sự giận dữ của chúng ta,

Và phạt những lỗi lầm của một hình phạt tương xứng

Chớ đánh bằng roi đến tuôn máu

Kẻ không đáng hưởng một roi da về lỗi lầm của nó ”.

Đây là một qui tắc công bằng nên áp dụng cho tất cả mọi người. Theo ý bạn, Thượng Đế tượng trưng cho Minh Triết, tình thương và từ bi, vậy chúng ta có nên tin tưởng rằng Ngài ít được xứng đáng với các đặc tính đó hơn là con người khả tử hay sao ?

Vấn: Bà còn có lý do nào khác để loại bỏ các tín điều này không ?

Đáp: Sự kiện về luân hồi cung cấp cho chúng ta một lý do vững chắc nhất. Như tôi từng nói việc chúng ta đã phủ nhận quan niệm về sự sáng tạo một linh hồn mới cho mỗi đứa trẻ sơ sinh, nhưng chúng tôi lại tin tưởng mỗi người đều là kẻ đa mang hay môi vật của một Chân ngã đồng hiện tồn với tất cả Chân Ngã khác. Vì các Chân ngã đều cùng chung một tinh túy, và cùng chung một sự phát tán nguyên thủy có từ một Chân Ngã duy nhất, phổ quát và bất tận mà ra. Ông Platon gọi cái Chân Ngã sau cùng này là Đế Thiên (le Logos) (hay là Đức Thượng Đế biểu hiện thứ hai). Chúng ta gọi Ngài là cái khí thể thiêng liêng biểu hiện cũng là một với trí năng hay linh hồn phổ quát chớ không là Thượng Đế hữu ngã, thần nhân đồng hình và siêu vũ trụ như các nhà Hữu thần luận đã tin tưởng. Chúng ta không nên lầm lẫn cái này với cái kia.

Vấn: Tuy nhiên khi người ta chấp nhận một nguyên lý biểu hiện- điều khó khăn là làm thế nào tin rằng linh hồn của con người khả tử mới do nguyên lý đó tạo ra, cũng như tất cả linh hồn đến trước đều như thế?

Đáp: Không thể tin tưởng như vậy, vì cái chi vô ngã thì không sáng tạo, hay hoạch định, suy tưởng theo ý thích được. Là một định luật phổ quát bất biến trong các sự biểu hiện định kỳ – vào lúc khởi thủy của mỗi chu kỳ mới của sự sống, chính tinh túy của nó phát quang và tự xuất lộ – Nguyên lý này không phải để tạo ra con người rồi sao đó lại hối hận. Nếu chúng ta cần tin tưởng vào một nguyên lý thiêng liêng là nguyên lý của sự điều hòa, công bằng, chan chứa tình thương, minh triết và vô tư tuyệt đối. Nếu Thượng Đế sáng tạo linh hồn cho khoảng thời gian ngắn

ngủi của một kiếp sống hồng trần, mà không cần biết linh hồn này sẽ linh hoạt trong thân xác của một kẻ giàu sang hạnh phúc hay của một kẻ nghèo khổ yếu đau mãi cho đến lúc lâm chung, mặc dù nó không có tội tình chi để gánh chịu số phận quá đau thương phủ phàng như thế, thì vị đó quả là một ngạ quỷ điên *cuồng thay vì là Thượng Đế* (xin xem đoạn sau về: "*Hình phạt của một Chân Ngã*"). Các triết gia Do-Thái từng tin tưởng vào Thánh Kinh của Moise (dĩ nhiên theo bí truyền) cũng không có một tư tưởng như thế. Và họ lại tin vào luật Luân hồi như chúng ta.

Vấn: Bà có thể cho tôi những thí dụ để chứng minh lời nói của bà hay không ?

Đáp: Dĩ nhiên. Ông Philon le Juif có nói (trong tác phẩm "De Somniis, trang 455): "Không khí đầy dẫy (các linh hồn);... những linh hồn gần địa cầu nhất nhập thể và liên kết vào các xác thân khả tử, rồi sẽ trở lại trong các xác thân khác vì muốn cư trú nơi đây". Trong kinh Zohar, linh hồn được xem như là sự phô trương tự do của nó trước Thượng Đế: "Hỡi Lãnh Chúa của Vũ Trụ ! Tôi được hạnh phúc nơi cõi trần gian, và không khi nào đi đến thế giới khác để trở thành một kẻ tội đồ, và phải gánh chịu đủ điều ô uế". [31]

Câu giải đáp của Thần tính chứng minh giáo lý cần thiết, tất nhiên của định luật vĩnh cửu và bất biến: "Người sẽ trở thành một thai nhi ngoài ý muốn, và sẽ sinh ra ngoài ý muốn của người" [32]

Ánh sáng sẽ chẳng được biết nếu không có bóng tối làm nổi bật nó lên; điều thiện sẽ chẳng còn nếu không có điều ác làm tăng giá trị của nó; cũng thế, đức hạnh sẽ không còn xứng đáng nếu con người không trải qua những cơn dục vọng. Điều chi bị hạn định không thể đứng vững lâu dài được, vì đã có khởi đầu ắt có hồi kết cuộc. Thế nên, nó phải tiến tới hoặc phải thối lui. Linh hồn nào ưa thích kết hợp với Chân linh một cách nồng nhiệt thì cái duy nhất có thể ban cho nó sự bất tử. Vậy cần phải thanh lọc qua những chu kỳ di cư để đi đến quốc độ duy nhất của phúc lạc và thanh bình vĩnh cửu được gọi là "Lâu đài tình thương" trong kinh Zohar, "Moksha" trong tôn giáo Ấn Độ, "Ánh Sáng vĩnh cửu" của phái Duy trí, và "Niết Bàn" (Nirvana) của Phật giáo. Trạng thái vừa kể chỉ tạm thời chớ không vĩnh cửu.

Vấn: Nhưng vì sao vấn đề Luân Hồi tôi không thấy nói đến ?

Đáp: Một linh hồn chỉ xin được cư trú nơi chốn nào nó ở, và không thể có sự sáng tạo bởi cơ hội vì đó là vấn đề tiền tại. Tuy nhiên trong kinh Zohar (quyển III, trang 61) có ghi nhiều chứng cứ khác nữa. Về việc Chân Ngã tái sinh (linh hồn thuần lý) mà cá tánh cuối cùng phải tan biến hoàn toàn. Kinh Zohar có ghi: "Tất cả mọi linh hồn khi đã rời cõi Trời của Thánh Chúa (cầu xin danh Ngài được tôn kính) đều bị rơi vào vực thẳm trong lúc chúng đang hiện tồn và biết trước thời giờ chúng phải trở lại trần gian". Đức "Thánh Chúa" là Atman hoặc Atma-Buddhi theo nghĩa bí truyền.

Vấn: Tôi không thấy nói Niết Bàn đồng nghĩa với Thiên Quốc hoặc Thiên Đàng, vì các nhà Đông Phương học giải nghĩa Niết Bàn là sự hủy diệt !

Đáp: Điều này rất đúng theo nghĩa đen; nó có liên quan đến phạm tính và vật chất đang ở trong trạng thái phân biệt. Một số Giáo phụ cổ có tư tưởng tương tự về vấn đề Luân hồi và Tam vị Nhất thể của con người. Các dịch giả Tân Ước Kinh cũng như các sách triết lý cổ, đã sai lầm về danh từ linh hồn và Chân linh, nên tạo ra nguyên do của bao nhiêu sai lầm khác. Đây là một trong những lý do vì sao người ta trách Đức Phật, Ông Plotin và nhiều vị Thụ Pháp khác đã mong ước sự hủy diệt toàn diện linh hồn của các Ngài, vì sự "thu hút trong Thần tính" hay sự "kết hợp với linh hồn Phổ quát" là hủy diệt. Dĩ nhiên linh hồn cá nhân tự phân tán trước, khi cái tinh túy thanh khiết nhất của nó có thể tự kết hợp với Chân linh vĩnh cửu. Các bình luận gia kinh điển thuộc nền tảng Thiên quốc Công bằng của Phật giáo, đã làm đảo lộn tư tưởng các Đại Sư Đồ Thiên Chúa giáo cũng như tư tưởng các bậc đại cải cách tôn giáo xứ Ấn Độ. Buổi đầu, người ta đã làm biến tính danh từ tâm linh, và hình như không còn liên quan đến linh hồn. Vì nguyên do lầm lẫn giữa linh hồn và Chân-linh, nên khi nghiên cứu Thánh kinh, người ta thường có ý kiến rất sai lệch. Ngược lại, những người giảng giải Phật giáo lại không hiểu biết ý nghĩa cũng như mục đích bốn đẳng cấp Dhyâna. Các học giả phái Pythagore thì sao? Các vị ấy hỏi: "Con người có thể trở thành vô thực thể chăng? Chân Linh này có thể tạo ra sự sống, tác động và tham gia vào bản chất của ánh sáng không? Các Huyền Bí Gia đã lưu ý: "Ngay đến loài cầm thú mà Chân linh nhạy cảm của chúng chứng tỏ ký ức – một trong các quan năng thuần lý – nhưng khi chết lại không trở thành cái chi hay sao? " Theo triết lý Phật giáo, thì hủy diệt có nghĩa là sự phân giải của vật chất, dưới bất cứ hình thức hoặc trạng thái nào. Thế nên, trên thực tế, tất cả hình hài sắc tướng đều là ảo ảnh giả tạm. Thời gian lâu dài nhất đối với chúng ta, chỉ là cái chớp

mắt trong vĩnh cửu. Vậy hình hài, sắc tướng cũng tương tự như thế. Trước khi ta có đủ thì giờ nhận biết điều mình nhận thấy, thì mọi vật thoáng qua như làn chớp. Chỉ có lúc mà thực thể tâm linh tự giải thoát ra ngoài những mảnh bụi vật chất, thực chất của hình hài, để trở thành một hơi thở Tâm linh, lúc ấy nó mới bước vào cõi giới Niết Bàn vĩnh cửu, bất biến. Thật sự Niết Bàn này là một vĩnh cửu, được duy trì trong một chu kỳ của sự sống. Hơi thở không là chi cả, vì nó hiện tồn như Chân linh, và là tất cả gồm: hình hài, sắc tướng, trạng thái nên bị hủy diệt hoàn toàn, nhưng Chân linh tuyệt đối vẫn còn tồn tại, vì nó đã trở thành Thực thể té (l'Être-té). Khi nó: "bị thu hút vào Chân linh vĩnh cửu" để chỉ "Linh hồn" như Chân linh, và có nghĩa là được "kết hợp với". Vậy hủy diệt không phải là sự phân ly vĩnh cửu.

Vấn: Khi giải thích như trên, bà không sợ bị cho là giảng dạy sự hủy diệt hay sao ? Thí dụ bà đã nói linh hồn con người trở về những phân tử nguyên thủy của nó ?

Đáp: Bạn quên việc tôi đã nêu rõ sự khác biệt của danh từ "linh hồn", và tôi cũng bài bác tính cách mơ hồ của danh từ "chân linh" mà người ta từng phiên dịch. Chúng ta đã phân biệt giữa linh hồn động vật, linh hồn con người và linh hồn tâm linh. Thí dụ Ông Platon gọi "Linh hồn thuần túy" thì chúng tôi gọi là Buddhi, thêm chữ tinh từ "tâm linh" tiếp theo; nhưng Chân ngã tái sinh hay Manas thì ông gọi là Chân linh, là Nous v.v. .. Về phần chúng tôi chỉ duy nhất dùng danh từ "Chân linh" cho Atma, và ngoài ra không còn có ý nghĩa nào khác. Ông Pythagore khi giảng giải giáo lý của chúng tôi, thì Chân ngã (Nous) vĩnh cửu với Thần tính (Déité), còn linh hồn chỉ trải qua những gian đoạn khác biệt để tiến đến sự hoàn hảo thiêng liêng mà thôi. Về phần thumos (xác thân) sẽ trở về với cát bụi, còn Phren hay Manas hạ đẳng, thì bị loại bỏ. Ông Platon còn định nghĩa linh hồn (Buddhi) là sự "vận chuyển tự di động". Ông nói "Linh hồn" là "vật cổ nhất và là khởi thủy của sự vận chuyển. Theo Ông "Linh hồn" là Atma-Buddhi, còn Chân linh là Manas, điều mà chúng ta không gọi như thế.

"Linh hồn" đã có trước xác thân vì trật tự và danh dự sinh tồn, linh hồn cho phép xác thân đến sau nó; thế nên, xác thân phải phục tùng nó. Linh hồn ở trên Trời, và cũng ở trong tất cả vật thể di động để điều khiển mọi tác động.

"Vậy linh hồn điều khiển tất cả vật chi ở trên trời, dưới đất, nơi biển cả, do chính động tác của linh hồn mà chúng ta gọi là Ý chí, lưu ý, dự phòng, thảo luận,

xét đoán đúng sai, vui buồn, tin tưởng, sợ sệt, thương ghét cùng với những điều tương tự là nguyên do đầu tiên... Linh hồn là một thánh linh tính luôn luôn kết hợp với thánh linh tính và trí tuệ (Nous), hướng dẫn mọi vật bằng sự Minh triết, và tìm đến chân hạnh phúc. Tuy nhiên mọi việc sẽ thay đổi, nếu linh hồn nghe theo Annois thay vì Nous”.

Theo những lời trên đây, cũng như trong những bài của Phật giáo, thì sự vô sinh tồn được coi như là sự sinh tồn thực tại; sự hủy diệt cũng được giải thích như vậy. Trạng thái tích cực là bản thể chính yếu chứ không la ø sự biểu hiện toàn vẹn của bản thể. Theo tín đồ Phật giáo, thì Chân linh khi nhập Niết Bàn, liền mất hẳn sự sinh tồn khách quan, và chỉ giữ lại bản thể chủ quan. Thế nên những người có óc khách quan, cho rằng chân linh trở thành “Hư vô” tuyệt đối; trái lại những người có óc chủ quan, thì chân linh chỉ đơn giản trở thành “Hư vô”, hay cái không thể tự biểu hiện để con người dùng giác quan cảm biết được. Do đó, Niết Bàn của Phật tử gồm có sự xác thực và bất tử tính cá thể của Chân linh; không như linh hồn, tuy có trước mọi vật, nhưng là một sự phát tán hữu hạn về hình hài và cá thể, nếu không nói về thực chất, cũng như các vị thần khác đều như thế.

Vấn: Xin bà vui lòng cho vài thí dụ, vì tôi chưa hiểu trọn tư tưởng của bà.

Đáp: Dĩ nhiên những tư tưởng này khó lĩnh hội, nhất là đối với người đã thẩm nhuần quan niệm chính thống của Giáo đường Cơ Đốc. Vậy tôi xin nói rõ, bạn không thể thấu hiểu triết lý Đông Phương, nếu chưa nghiên cứu sâu xa những quan năng khác nhau dành cho các “khí thể” của con người và các trạng thái của chúng bên kia cửa tử.

CÁC “KHÍ THỂ” KHÁC BIỆT CỦA CON NGƯỜI

Vấn: Tôi có nghe nói nhiều về các thành phần này của “con người nội tâm” như bà vừa giải thích, nhưng tôi không hiểu rõ chúng như thế nào ?

Đáp: Thật vậy, nếu muốn nghiên cứu rõ các khía cạnh khác biệt của Chân Ngã

thực tại được gọi là các “khí thể” cùng với sự phân biệt rõ ràng là một việc làm hay bị “chán nản” vì chúng rất khó hiểu. Điều này càng khó khăn hơn, vì có sự sai biệt lớn lao khi ghi số khí thể của các phái Đông phương, cuối cùng sự giáo huấn đều tương tự.

Vấn: Có phải bà muốn nói về phái Védantins không ? Bà không nên giảm bớt bảy “khí thể” còn năm.

Đáp: Vâng. Tuy nhiên tôi không có ý muốn tranh luận về điều này với một nhà bác học Védantin. Theo quan điểm của tôi, họ có lý do để làm như vậy. Sự kết hợp tâm linh, gồm có nhiều khía cạnh trí năng khác biệt nhau, được tặng cho danh từ con người, thì theo họ, xác thân chỉ là ảo tưởng không xứng đáng được xem trọng. Vậy Védantin không là một triết lý duy nhất để lý luận như thế. Lão Tử, trong Đạo đức kinh, chỉ nêu ra năm khí thể như người Védantins; hai khí thể bị bỏ bớt là: Chân linh (Atma) và thân xác mà ông gọi là “xác chết”. Ngoài ra còn có phái Taraka Raja-Yoga, chỉ nhìn nhận có ba “khí thể”. Tuy nhiên họ gọi Sthulopadhi hoặc thân xác ở vào trạng thái ý thức; Sukshmapadhi cái thể giống như trong Swapna, hay trạng thái chiêm bao; và Karanopadhi hoặc “Chân thân” trải qua nhiều kiếp tái sinh, đều là hai trong những khía cạnh của chúng. Do đó, gồm có sáu khí thể. Nếu thêm Atma, tức là khí thể thiêng liêng vô ngã là phần tử vĩnh cửu nơi con người, hay là Chân linh phổ quát, bạn sẽ có bảy khí thể như chúng tôi đã trình bày [33]. Dù sao, chúng tôi vẫn giữ đúng sự sắp xếp của mình, nghĩa là bảy “khí thể” trong con người.

Vấn: Sự sắp xếp này có phải tương tự như sự sắp xếp của Cơ Đốc Giáo huyền bí là: thân xác, linh hồn và Chân linh không ?

Đáp: Đúng thế. Theo họ, thể xác có thể trở thành môi vật của cái “Dĩ thái thể linh hoạt” một cách dễ dàng, và từ thể này, nó trở thành môi vật của sự sống hay Prana; rồi từ Kama-roupa hoặc linh hồn (động vật) trở thành môi vật của thượng và hạ trí. Cứ thế, người ta lập thành sáu khí thể, kể đến Chân linh đơn nhất, vĩnh cửu là thành quả của các khí thể này. Trên phương diện Huyền bí học, nếu con người chịu duy trì và trở thành vật sở hữu của Chân Ngã linh hoạt thì mọi sự thay

đổi về phẩm của trạng thái tâm thức sẽ đem đến cho một sắc thái mới. Vậy, chúng ta nên tặng cho họ một danh từ đặc biệt (trên thực tế đã có rồi), để phân biệt lúc con người đang sống trong hai trạng thái đó.

Vấn: Chính các điều này thật là khó hiểu.

Đáp: Trái lại, điều này rất dễ hiểu khi chúng ta thấu triệt tư tưởng chánh yếu sau đây: dù đang ở trong cảnh giới tâm thức nào đi nữa, con người vẫn hành động thiết yếu theo điều kiện trí năng và tâm linh. Nhưng, chủ nghĩa duy vật hiện hữu quá mạnh, nên chúng tôi càng giải thích, càng làm cho nhiều người tỏ ra ít hiểu biết hơn. Bạn thử phân chia con người làm ba trạng thái chính yếu; nếu bạn không xem họ như một con vật đơn thuần, thanh khiết, bạn không thể nào có được những khí thể ít hơn. Bạn hãy xem cái thể khách quan của họ, kể đến khí thể suy tư, nó chỉ cao hơn bản năng của con thú hay linh hồn linh hoạt ý thức mà thôi. Họ có thể trở thành thượng đẳng và vượt qua loài thú rất xa, hay nói cách khác là linh hồn suy luận hoặc “chân linh”. Vậy chúng ta thử chọn ba nhóm này hoặc các thực thể tiêu biểu rồi phân chia theo giáo lý huyền môn, chúng ta sẽ có được điều chi ?

Trước tiên, ta có Chân linh (theo ý nghĩa Tuyệt đối và Toàn thể bất khả tính) hoặc Atma. Thật ra, ta không nên gọi nó là một khí thể “nhân loại”; hiểu theo ý nghĩa triết lý, ta không thể nào hạn định nó được, vì đó là điều chỉ TỒN TẠI vào vĩnh cửu và có ở bất cứ một điểm nhỏ li ti nào của vũ trụ vật chất hoặc thực chất. Theo siêu hình học, thì đây là một điểm mà Chân Thần nhân loại và môi vật của nó chiếm cứ trong không gian và kỳ gian của mỗi kiếp sống. Tuy nhiên điểm này dù được xem như chính là con người, cũng chỉ là một ảo mộng, một Maya mà thôi. Nhưng, chúng ta phải nhận định hay tưởng tượng chính mình cũng như tất cả Chân Ngã cá nhân là những bản thể thực tại trong trọn thời kỳ ảo tưởng, được gọi là kiếp sống này, nếu người khác không nghĩ như thế. Để giúp cho trí khôn nhân loại thấu hiểu điều đó dễ dàng hơn, người ta đề cập đến Huyền môn học. Để giải quyết sơ khởi về sự huyền bí của con người, Huyền bí học gọi khí thể thứ *bảy là sự tổng hợp sáu khí thể kia, và cho môi vật của nó là Linh hồn Tâm linh* (Bồ Đề). Tuy nhiên, Linh hồn tâm linh này chứa một điều Huyền bí không được tiết lộ, trừ những “môn đồ” đã tuyên thệ giữ cẩn mật, hay những người được sự tin cậy nhất. Dĩ nhiên sự lầm lẫn sẽ ít hơn, nếu điều huyền bí đó được truyền bá. Nhưng việc này có liên quan trực tiếp đến quyền năng làm xuất được Dĩ thái thể (thể phách) theo ý muốn, và nó cũng giống như “chiếc vòng của Gygès” [34] rất tai hại cho xã hội hay kẻ

nào muốn chiếm hữu; thế nên điều huyền bí này được gìn giữ cẩn thận. Ta hãy trở lại các "khí thể" lúc này. Vậy, linh hồn thiêng liêng hay Buddhi, là môi vật của Chân Linh; nếu được kết hợp lại, hai khí thể này chỉ là một, và nơi cõi hồng trần nó không có cá tính, đặc điểm nào cả. Về điều có liên quan đến Linh hồn nhân loại, Manas hay mens, mọi người đều đồng ý về nhị nguyên *tính của trí thông minh nhân loại*. *Thí dụ: một người có trí thông minh* thượng đẳng, không thể nào trở thành ti tiện được; có một vực thẳm ngăn cách người thông minh tinh thần với kẻ đần độn, duy vật, còn nhiều thú tánh.

Vấn: Vì sao không thể tiêu biểu con người có hai khí thể hay đúng hơn hai trạng thái ?

Đáp: Mỗi người đều có nơi họ hai khí thể đó, nhưng cái này linh hoạt hơn cái kia. Đôi khi một trong hai khí thể đó suy yếu hoàn toàn dưới khía cạnh, bởi quyền lực và sự hưởng thụ của trạng thái kia. Đây là trường hợp hai trạng thái của Manas, một thượng đẳng, một hạ đẳng; Manas thượng đẳng hay Chân Ngã ý thức và suy luận hướng lên Linh hồn Tâm Linh (Buddhi), Manas hạ đẳng bị lôi kéo xuống dưới bởi Kama (dục vọng), trung tâm của các sự ham muốn và thú tính trong con người. Bởi thế, chúng ta có bốn "khí thể" được chứng minh, ba "khí thể" cuối cùng: thứ nhất "Dĩ thái thể" (Thể Phách) , môi vật của thể thứ hai là khí thể của sự sống; và thứ ba là xác thân. Dĩ nhiên không một nhà sinh lý học hoặc sinh vật học nào đồng ý chấp nhận các khí thể này, và cũng không tìm ra nguồn gốc. Thế nên cho đến ngày nay, không ai hiểu rõ chính quan năng của lá-lách là môi vật của dĩ thái thể, cũng như quan năng của một cơ quan nào đó ở phía bên phải là tâm điểm của sự ham muốn vừa trình bày. Vì vậy từng quả tuyến rất xa lạ, và người ta mô tả như một hạch giác mô có chứa một ít cát, nhưng chính hạch này là trung điểm của tâm thức thượng đẳng, thiêng liêng nơi con người. Nó cũng là trung tâm của trí thông minh toàn tri và tâm linh bao trùm tất cả. Những điều vừa kể chứng tỏ bảy khí thể không do chúng tôi tạo ra, cũng không là điều mới lạ trong lĩnh vực triết học, nhưng chúng tôi có thể chứng minh dễ dàng.

Vấn: Vậy bà tin tưởng điều chi tái sinh ?

Đáp: Chính Chân Ngã Tâm Linh và biết suy tưởng, cái khí thể thường xuyên nơi

con người là tâm điểm của Manas. Chân thần đôi không phải Atma, cũng không là Atma-Buddhi, là con người cá thể hay thiêng liêng, mà là *Manas*; bởi vì *Atma* là *TOÀN THỂ Phổ quát chỉ trở thành cái NGÃ THƯỢNG ĐẲNG của con người khi phối hợp với Buddhi là môi vật của nó*. Chính môi vật này kết hợp Nó với cá thể tính (hay con người thiêng liêng). Buddhi-Manas được gọi là Thể Chân Thân (corps causal) (các khí thể thứ năm và thứ sáu kết hợp lại), và là Tâm thức nối liền nó với mọi cá thể tính nơi nó trú ngụ tại trần gian. Linh hồn chỉ là một danh từ và chủng loại; trong con người, Linh hồn có ba trạng thái: linh hồn Tâm linh; đúng ra chỉ có một Linh hồn duy nhất dưới ba trạng thái. Từ trạng thái thứ hai (Nous hay Manas), cái tinh túy thiêng liêng vẫn tồn tại nếu còn trong trắng vô nhiễm, trạng thái thứ ba ngoài đặc tính bất tử, sẽ trở thành thiêng liêng một cách ý thức nếu đồng hóa được với Manas thượng đẳng. Tuy nhiên muốn hiểu biết rõ ràng hơn, ta không bỏ qua vấn đề Luân Hồi.

Vấn: Bà dạy đúng như thế, nhưng sao giáo lý này bị phe đối lập chỉ trích nhiều nhất ?

Đáp: Có phải bạn muốn nói các nhà Thần Linh Học chẳng ? Tôi đã biết sự phản kháng vô lý của họ đăng trong báo Light. Có các nhà Thần linh học quá khích, không thể ngăn họ được. Mới đây, một người trong nhóm khám phá được sự mâu thuẫn trong hai câu sau đây, khi ông Sinnett diễn thuyết, và họ làm to chuyện trong tờ tập san. Hai câu đó là : 1/ "Trong trường hợp có thể xảy ra về sự phản hồi quá sớm đời sống trần gian do sự phức tạp của luật Nhân Quả"; 2/ "Không có biến cố trong tác động tối thượng của sự công bình thiêng liêng, quản trị cơ tiến hóa". Một người biết suy nghĩ sâu sắc đương nhiên sẽ trông thấy sự mâu thuẫn về luật hấp dẫn trong sự kiện một người đưa tay ra ngăn viên đá đang rơi xuống làm bể đầu một đứa trẻ !

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG VIII

LUÂN HỒI HOẶC TÁI SINH

KÝ ỨC LÀ GÌ THEO THÔNG THIÊN HỌC

Vấn: Thật ra bà khó giải thích sự tin tưởng này một cách thỏa đáng. Đến ngày nay, không một nhà Thông Thiên Học nào có thể chứng minh về Luân hồi để đánh tan lòng ngờ vực của tôi. Trước tiên, người ta chưa tìm được một người nào có thể nhớ rõ kiếp trước của mình; đó là lý do để chống đối thuyết Luân hồi.

Đáp: Để phản kháng, bạn căn cứ vào việc mỗi người chúng ta bị mất hết ký ức về kiếp trước. Bạn đừng nghĩ rằng điều ấy làm tổn thương Giáo lý của chúng tôi. Vì dù sao, một sự phản kháng như thế cũng không có tính cách quyết định.

Vấn: Tôi muốn nghe thêm các luận cứ của bà.

Đáp: Nó không dài dòng. Nếu bạn quan sát hai điều:

a)- Các nhà tâm lý học nổi danh nhất hiện nay, không thể giải thích bản chất của trí năng.

b)- Sự hoàn toàn không hiểu biết chi cả về tiềm lực và các trạng thái thượng đẳng của nó. Bạn nên nhìn nhận, bạn đã căn cứ vào một kết luận tiên khởi, trích từ những điều hiển nhiên và gián tiếp hơn một sự kiện nào khác. Tuy nhiên xin bạn cho biết quan niệm của bạn về “ký ức” như thế nào ?

Vấn: Theo định nghĩa thường được chấp nhận nhất, thì đó là quan năng của trí thông minh để ghi nhớ, để giữ lại sự hiểu biết của tư tưởng, của hành động và biến cố đã qua.

Đáp: Bạn nên thêm có sự khác biệt rất nhiều giữa ba hình thức được chấp nhận của ký ức. Ngoại trừ ký ức tổng quát còn có:

1/- Kỷ niệm (souvenir)

2/- Hồi ký (Rappel de la mémoire)

3/- Huyền niệm (Réminiscence)

Có lúc nào bạn nghĩ về điều đó không ? Bạn đừng quên ký ức là danh từ về chủng loại.

Vấn: Nhưng các danh từ này đều đồng nghĩa.

Đáp: Về triết học ít ra không hẳn là thế. Ký ức chỉ đơn giản là quyền năng bẩm sinh của các sinh vật biết suy luận, kể cả loài thú, nó tái diễn lại cảm tưởng của quá khứ do sự phối hợp các ý tưởng được khơi gợi bởi các sự vật khách quan hay tác động ảnh hưởng đến các bộ phận giác quan của chúng ta. Ký ức là một quan năng hoàn toàn tùy thuộc vào sự vận chuyển bình thường và thanh khiết nhiều hay ít của khối óc vật chất; Kỷ niệm và Hồi ký là đặc tính của ký ức. Nhưng Huyền niệm lại khác biệt hoàn toàn. Nhà tâm lý học hiện kim định nghĩa huyền niệm là trung gian giữa kỷ niệm và hồi ký, hoặc là một phương cách ý thức giúp cho ta nhớ lại những biến cố đã qua, nhưng thiếu các chi tiết có liên quan đến vài việc riêng biệt, đó là đặc điểm của hồi ký. Ông Locke nói: "Khi một tư tưởng trở lại trong trí một cách tự nhiên và không bị một vật tương tự nào tác động bởi giác quan ngoại cảnh, thì đó là kỷ niệm; nhưng tư tưởng nào đòi hỏi trí thông minh tìm tòi, và biểu hiện với sự cố gắng cực nhọc là hồi ký". Tuy nhiên ông Locke cũng chưa định nghĩa rõ ràng huyền niệm là gì. Thật ra huyền niệm không là quan năng hay đặc tính của ký ức vật chất, mà là một tri giác trực giác (une perception intuitive) không dính dáng gì với khối óc xác thịt. Tri giác này (hoạt động do sự nhận thức luôn luôn có mặt của Chân Ngã Tâm linh) bao gồm mọi ảo ảnh dị thường của con người, từ các hình ảnh được khơi gợi bởi thiên tài đến những điều vớ vẩn do cơn sốt, ngay đến sự điên cuồng – theo khoa học thì các hình ảnh này không hiện thực nếu không có sự tưởng tượng của chúng ta. Bởi thế, các nhà Huyền bí học cũng như Thông Thiên Học đều nhìn nhận Huyền niệm hoàn toàn khác biệt; ký ức có tính cách tạm bợ, vật chất, tùy thuộc vào điều kiện sinh lý của khối óc, một đề xướng căn bản của những người giảng dạy khoa ký ức; các nhà tâm lý học khoa học hiện kim truyền bá bằng các sự sâu tầm. Trong khi đó, chúng tôi cho huyền niệm là ký ức của linh hồn. Chính ký ức này ban cho con người có sự chắc chắn về kiếp sống quá khứ và hiện tại, mặc dù họ có hiểu biết hay không. Thi sĩ Wordsworth viết:

“Sự sanh của chúng ta chỉ là giấc ngủ và lãng quên;

Linh hồn trôi dạt trong nội tâm là vì sao sáng của đời ta, có những nơi khác để nó an nghỉ, và từ chốn xa xăm, nó đã đến đây”.

Vấn: Nếu giáo lý của bà căn cứ vào loại ký ức này – do sự tự nhận của bà thì đó chỉ là thi ca và mộng tưởng – tôi e sẽ có rất ít người chịu tin theo.

Đáp: Tôi không “tự nhận” điều đó là trí tưởng tượng. Tôi chỉ trình bày giản dị hồi tưởng như thế là ảo giác và tưởng tượng của đa số nhà sinh lý học, bác học; thực ra họ có quyền tự do để bám víu vào kết luận thông minh này. Về phần chúng tôi, không bao giờ chúng tôi phủ nhận những ảo tưởng của quá khứ, những sự việc đã lui về phía sau trên mê lộ của thời gian là dĩ thường, nếu người ta so sánh chúng với kinh nghiệm của chúng tôi và đời sống bình thường hằng ngày; cũng như với ký ức vật chất. Tuy vậy, chúng tôi đồng ý với giáo sư W. Knight, xác nhận rằng: “sự vắng mặt của ký ức về một tác động nào đó đã thực hiện trong trạng thái tiền hiện, không phải là luận điệu để chứng minh con người không hề sinh sống trong trạng thái xác định ấy”. Tất cả đối thủ trung thực phải nhìn nhận lý lẽ vững chắc trong bài thuyết trình của ông Butler về triết lý của Platon như sau: “Ý tưởng phi lý về tiền sinh tồn có nguồn gốc thẳm kín từ thành kiến duy vật hoặc bán duy vật của chúng ta”. Ông Olympiodore có nói: “chúng tôi xem ký ức chỉ là sự “tưởng tượng”, đó là điều ít chắc chắn nhất nơi chúng ta”. Ông Ammonius Saccas tuyên bố rằng ký ức là quan năng duy nhất của con người, trực tiếp đối lập với quan năng dự đoán hay nhìn thấy tương lai. Và lại, ta cần ghi nhớ ký ức là một sự việc, còn trí thông minh hay tư tưởng lại là một sự việc khác. Ký ức ví như cái máy để ghi nhận, thế nên thường bị hư hỏng dễ dàng, còn tư tưởng lại là trường tồn, vĩnh cửu. Có thể bạn từ chối, không tin nơi sự hiện sinh của vài sự vật hay vài nhân vật nào đó, vì bạn chưa nhìn thấy tận mắt chăng? Sự dẫn chứng tập thể về thế hệ đã qua, thí dụ sự dẫn chứng của những người đã trông thấy Jules César, không đủ yếu tố để bạn tin rằng Jules César có thật hay sao? Một sự dẫn chứng tương tự như thế do giác quan tâm linh của một số người vì sao lại không được cứu xét?

Vấn: Bà có nghĩ sự phân biệt quá tế nhị đó khiến cho phần đông con người khó có thể chấp nhận không?

Đáp: Có lẽ bạn muốn nói các nhà duy vật thì phải. Tôi xin nhắc nhở với họ, các ông thấy chẳng ký ức rất yếu kém để ghi nhớ tất cả những biến cố trong kiếp sinh tồn này, dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Biết bao lần, những biến cố quan trọng nhất nằm im lìm trong ký ức chúng ta chỉ được lay tỉnh do một sự hội ý hay do một sợi dây liên lạc nào đó. Đây là trường hợp của những người lớn tuổi, ký ức của họ gần như thường xuyên bị suy yếu.

Nếu chú ý đến các nguyên lý vật lý, chúng ta sẽ không ngạc nhiên vì sao ký ức không thể ghi nhận nổi kiếp sống vừa qua, và những kiếp trước của con người; trái lại, nếu ký ức nhớ được tất cả, thì đó là một chuyện phi thường.

KÝ ỨC CỦA NHỮNG KIẾP ĐÃ QUA

VÌ SAO CHÚNG TA KHÔNG NHỚ LẠI TIỀN KIẾP

Vấn: Bà vừa giúp tôi có được một cái nhìn tổng quát về bảy khí thể. Làm thế nào chúng giải thích được sự việc, vì sao ta không nhớ lại tiền kiếp ?

Đáp: Bằng cách thức rất giản dị. Các “khí thể” mà chúng ta gọi là vật lý – khoa học không hề phủ nhận, nhưng khoa học gọi bằng danh từ khác [35] – tự tan rã sau khi chết cùng lúc với các phân tử đã cấu tạo chúng, còn “ký ức” biến mất đồng loạt với khối óc. Ký ức bị tan mất khi một cá thể không còn, vậy làm thế nào ghi nhận lại điều chi được trong kiếp tái sinh kế tiếp của Chân Ngã. Sự tái sinh có nghĩa là Chân Ngã được cấp cho một thể xác mới, một khối óc và một ký ức mới. Thật là phi lý, nếu ta mong muốn cái ký ức mới nhớ lại những gì mà nó không ghi nhận, cũng như ta dùng kính hiển vi quan sát một cái áo sơ-mi là kẻ sát nhân chưa mặc lần nào đến tìm các vết máu dấy vào khi xảy ra án mạng; hay là quần áo của kẻ sát nhân đã bị thiêu hủy, bây giờ ta làm sao đây ?

Vấn: Đúng vậy ! Làm thế nào ta biết chắc chắn án mạng đã xảy ra, hoặc, “người có chiếc áo sơ-mi sạch” đã sống ở kiếp trước ?

Đáp: Dĩ nhiên không bằng phương thức vật lý, cũng không dựa vào chứng cứ của điều chi không còn tồn tại nữa. Nhưng, nhờ các định luật minh mẫn, chúng ta nhận biết giá trị của sự hiển nhiên gián tiếp qua những hoàn cảnh, và những bậc uyên thâm pháp luật của chúng ta thường áp dụng. Để tin tưởng vững chắc về sự kiện tái sinh và các kiếp sống quá khứ, chúng ta phải liên lạc với Chân ngã thực tại trường tồn chứ không là ký ức tạm bợ.

Vấn: Làm cách nào để người đời tin tưởng điều mà chưa từng trông thấy, hiểu biết, và cũng không thể liên lạc được ?

Đáp: Nếu người thường và các nhà thông thái đã tin tưởng vào luật Trọng Lượng và Dĩ thái, vào Động lực và tất cả những gì trừu tượng cùng các giả thuyết của khoa học, dù họ không thể sờ mó, cảm giác, trông thấy, nghe hay nếm được, thì tại sao họ không tin tưởng có Chân Ngã trường tồn. Tuy đó cũng là "một giả thuyết tạm thời", nhưng hữu lý và quan trọng hơn bất cứ giả thuyết nào khác.

Vấn: Cuối cùng cái khí thể bí mật, vĩnh cửu này là chi ? Bà có thể giải thích bản chất của nó ra sao cho mọi người được hiểu rõ không ?

Đáp: Đó là Chân Ngã tự tái sinh, cái "TA" cá biệt, bất tử, chứ không là cái "TA" cá nhân; tóm lại Chân Ngã là môi vật của CHÂN THẦN Atma-Buddhi; nó được ban thưởng nơi Thiên Đàng, và bị phạt tại trần gian; phản ảnh của những Skandhas (hay là những đặc tính của mỗi kiếp sinh tồn) chỉ lệ thuộc vào Chân Ngã mà thôi
[36].

Vấn: Vậy Skandhas (Uẩn) là chi ?

Đáp: Đó là các "đặc tính" như tôi vừa nói, trong đó có ký ức, và tất cả đều tàn phai như một bông hoa, chỉ còn thoảng lại mùi hương yếu ớt. Sau đây là một đoạn trong quyển "Phật giáo đại cương" của Ông H. S. Olcott, để thảo luận về vấn đề

này: "Người cao niên thường nhớ lại các biến cố của thời thanh xuân, dù họ đã đổi thay về mặt vật lý và trí năng. Vậy, vì sao ta không nhớ được những kiếp quá khứ trong đời sống hiện tại ? Thật ra ký ức gồm trong các Skandhas (Uẩn) chúng lại thay đổi mỗi lần tái sinh, một ký ức mới phát triển, và là sự ký thác của kiếp sống riêng biệt đó. Tuy nhiên sự ghi nhận và phản ảnh của tất cả những kiếp sống trước phải tồn tại. Thế nên khi Hoàng tử Siddharta thành Phật, Ngài biết được một cách liên tục về những kiếp trước của Ngài . . . người nào đạt được trạng thái Jhana có thể hồi cố để nhìn thấy một chuỗi dài các kiếp sống trước của họ. "Điều này chứng tỏ cho bạn hiểu rằng các đức tính bất tử của phàm ngã tính như tình thương, lòng tốt, từ tâm v.v. . . vẫn bám chặt vào Chân Ngã bất tử và ghi lại nơi đây hình ảnh thường xuyên thuộc trạng thái thiêng liêng của người đã chết. Các Skandhas (Uẩn) vật chất của họ (cái đã tạo sinh hiệu quả Nghiệp báo sâu đậm nhất) thoáng qua nhanh như một tia chớp, chẳng để lại một ấn tượng nào trong khối óc mới của phàm ngã tính mới cả. Nhưng dù không lưu lại một dấu vết nào, nó cũng không thể mất hiệu lực tính cách đồng nhất của Chân Ngã tái sinh được.

Vấn: Có phải bà muốn nói chỉ có ký ức của Linh hồn tồn tại, ngoài ra không có cái chi của phàm ngã tính được duy trì cả, Linh hồn và Chân ngã chỉ là một mà thôi ?

Đáp: Không hẳn đúng như thế. Điều bạn vừa nói là trường hợp của một người hoàn toàn duy vật mà tia sáng tâm linh không thể nào xuyên qua bản tính của họ được. Có một điểm nào đó của mỗi phàm ngã tính phải tồn tại và ghi vào cái Ngã trường tồn hay Chân Ngã Tâm linh đang tái sinh, một dấu vết của vĩnh cửu [37] (xem chương nói về "Tâm thức Hậu tử và Tiền sinh". Các Skandhas của phàm ngã tính thay đổi luôn luôn qua mỗi kiếp. Chúng tôi đã trình bày nhiều lần, phàm ngã tính chỉ là vai tuồng do anh kếp hát (Chân Ngã thật sự) trình diễn vào một buổi tối mà thôi. Điều này giải thích vì sao chúng ta không giữ được một kỷ niệm nào của những kiếp đã qua nơi cõi hồng trần, mặc dù "Chân Ngã" thật sự có sống và hiểu rõ chúng.

Vấn: Như thế thì tại sao con người thực tại hoặc tâm linh không ghi được sự hiểu biết đó vào cái "Ngã" cá nhân mới của nó ?

Đáp: Vì sao một người giúp việc cho một nông trại nghèo nàn lại có thể nói tiếng Hébreu và kéo đàn vĩ cầm lúc đang ngồi đồng hoặc mộng du, khi trở về trạng thái bình thường, họ lại không thể làm như vậy được ? Bất cứ nhà tâm lý học phái cổ nào cũng có thể xác nhận với bạn rằng, Chân Ngã Tâm Linh chỉ hoạt động khi Chân Ngã cá nhân bị tê liệt. Cái "Ngã" tâm linh của con người thì toàn tri, và có sự hiểu biết bẩm sinh, còn cái Ngã cá nhân là một sinh vật trong hoàn cảnh của nó và nô lệ cho ký ức vật chất. Nếu Chân Ngã Tâm linh có thể tự biểu hiện không bị gián đoạn hay trở ngại, thì nhân loại trên cõi trần này sẽ trở thành tiên thánh cả.

Vấn: Có vài người nhớ lại tiền kiếp , phải chăng đó là trường hợp ngoại lệ ?

Đáp: Thật vậy. Vài người nhớ được kiếp trước. Nhưng có ai tin tưởng thông điệp của họ? Các nhà duy vật ngày nay gán cho những người nhạy cảm như thế là cuồng trí, ảo tưởng, loạn óc hay lang-băn. Tôi xin khuyên các nhà duy vật thời đại nên đọc kỹ những tác phẩm viết về vấn đề đó, nhất là quyển "Luân hồi, một sự nghiên cứu chân lý bị lãng quên"(réincarnation, A study of Forgotten Truth) của ông E.D. Walker, hội viên Thông thiên học; người ta sẽ tìm thấy trong sách một số chứng cứ liên quan đến đề tài này mà tác giả đã thu thập được. Nếu bạn nói về Linh hồn cho vài người biết, họ sẽ hỏi lại bạn: "Linh hồn là cái chi ? Ông có cách nào chứng minh sự hiện diện của linh hồn không ? "Thật ra rất khó biện luận với các nhà duy vật, nhưng tôi xin hỏi lại họ: Ông có thể nào nhớ rõ ông ra sao, hành động điều chi khi ông còn là một đứa bé con không ? Ông có giữ được những kỷ niệm về đời sống, về tư tưởng, hành động hoặc bất cứ điều chi khi ông được sinh ra lỗi 18 tháng hay hai năm đầu chẳng ? Vì cớ nào Ông không phủ nhận là một đứa bé con khi nhân danh các nguyên tắc chính yếu ? "Ngoài ra Chân Ngã tái sinh hay cá thể tính chỉ giữ cái tinh túy của kinh nghiệm tiền kiếp trong thời gian ở Thiên Đàng, nghĩa là tinh túy kinh nghiệm của phàm ngã tính được siêu việt hóa vào trạng thái tiềm lực hoặc diễn tả bằng công thức tâm linh. Hơn nữa ta cần phải nhớ, thời gian xảy ra giữa hai kiếp từ 10 đến 15 thế kỷ. Trong thời gian này, tâm thức vật chất gần như bất động vì lẽ nó không có cơ quan để động tác, do đó, nó không hiện diện; như thế, trong ký ức thuần lý vật chất không sao có được một kỷ niệm về tiền kiếp ở trần gian.

Vấn: Bà nói CHÂN NGÃ TÂM LINH toàn tri. Vậy sự toàn tri ấy ra sao trong thời gian ở Thiên Đàng ?

Đáp: Sự toàn tri này tiềm tàng trong thời gian ở Thiên Đàng, thoát tiên Chân ngã Tâm linh (gồm có Buddhi - Manas) không là cái Ngã thượng đẳng, sự duy nhất toàn tri này do nó là một với Linh hồn Phổ quát hoặc Trí năng Phổ quát. Kế tiếp vì Thiên Đàng là sự tiếp tục lý tưởng hóa đời sống hồng trần vừa chấm dứt: đây là thời kỳ ban thưởng vô tư, sự ban thưởng cho mọi tội lỗi và đau khổ mà con người đã gánh chịu trong kiếp sống riêng biệt đó. Chân Ngã Tâm linh toàn tri một cách tiềm tàng nơi cõi Thiên Đàng; chỉ ở cõi Niết Bàn mới thực sự toàn tri khi Chân Ngã tự hòa hợp với Linh hồn Trí tuệ Phổ quát. Tuy nhiên Chân Ngã gần như toàn tri trong giờ phút này của kiếp sống trần gian mà vài cách thay đổi sinh lý của thể xác có thể giúp nó thoát ra ngoài các trở ngại của vật chất. Thí dụ trường hợp những người mộng du, một người nô lệ nghèo nàn biết chơi vĩ cầm, và một người biết nói tiếng Hébreu. Không thể phủ nhận sự giải thích của y khoa về các sự kiện vừa kể. Đúng thật, người nô lệ nghèo nàn có nghe cách vài năm trước, ông chủ của anh ta là một vị linh mục đọc sách Hébreu, còn người kia đã từng nghe một nhạc sĩ chơi đàn vĩ cầm tại nông trại. Nhưng hai người này không sao thực hiện được một cách hoàn hảo nếu thiếu vắng sự linh hoạt của CÁI ĐÓ (CELA), vì nó thực sự toàn tri theo tính cách đồng nhất với Trí năng Phổ quát. Trường hợp thứ nhất, khí thể thượng đẳng tác động vào các Skandhas khiến chúng linh hoạt; trường hợp sau vì phàm ngã tính bị tê liệt nên cá thể tính tự biểu hiện. Chúng ta không nên lầm lẫn hai sự kiện này.

CÁ THỂ TÍNH VÀ PHÀM NGÃ TÍNH

Vấn: Làm thế nào Bà thiết lập được sự khác nhau giữa cá thể tính và phàm ngã tính ? Thú thật tôi chưa biết rõ ràng về những điều đó ?

Đáp: Tôi đang cố gắng, nhưng hơi ôi ! nếu dẫn chứng cho vài người hiểu sự khác biệt này còn khó hơn hướng họ kính trọng những điều vô khả thi, vì chúng thuộc thành phần chính thống, và những gì của chính thống giáo thì khá kính. Để hiểu rõ hơn sự phân biệt đó, trước tiên ta phải nghiên cứu tính cách nhị nguyên của

các “khí thể” : tâm linh hay khí thể thuộc Chân Ngã bất tử, và vật chất hoặc khí thể mà thể xác luôn luôn thay đổi, hay là loại phàm ngã tính của Chân Ngã đó. Vậy chúng ta hãy gọi chúng bằng những danh từ như sau :

1) Atma, cái “Ngã thượng đẳng” như ánh mặt trời soi sáng vạn vật, không là Chân Linh của bạn hay của tôi. Cũng như tia sáng của mặt trời bất khả phân với ánh sáng của mặt trời, cái “khí thể thiêng liêng” đó lan tràn khắp cả, và bất khả phân với cái Siêu Chân Linh đơn nhất và tuyệt đối.

2) Buddhi (Tuệ giác thể) chỉ là môi vật của Atma. Atma-Buddhi được quan sát riêng rẽ hay chung lại, chúng không giúp ích cho thể xác con người; giống như ánh sáng Thái dương và các tia sáng của nó không giúp ích cho một tảng đá bị chôn vùi dưới đất, nếu Nhị Nguyên tính thiêng liêng *không được đồng hóa bởi một tâm thức nào đó, và không phản chiếu vào tâm thức này*. Atma và Buddhi không thể bị Karma ảnh hưởng, vì Atma là trạng thái cao cả nhất của Karma và là hoạt viên của Nó, còn Buddhi thì không ý thức nơi cõi giới của chúng ta. Tâm thức này hoặc trí thông minh là:

3) Manas, khí thể dẫn xuất hoặc là tạo phẩm dưới hình thức phản ảnh của *Ahamkara, đây là “khái niệm của cái Ngã” hay là “CHÂN NGÃ TÍNH”*. Khi Manas được liên kết chặt chẽ với hai khí thể đầu tiên sẽ được gọi là CHÂN NGÃ TÂM LINH và Taijasi (điều vinh quang). Cá thể tính thực tại hay con người thiêng liêng là thể. Ngay từ nguyên thủy, trong khi tự nhục hóa vào hình hài con người là lúc không có trí tuệ, tuy linh hoạt nhưng vô ý thức vì sự hiện diện của Chân Thần đôi, chính Chân Ngã này tạo ra hình hài có vẻ nhân loại đó thành một con người thực tại. Chân Ngã, “Chân thân” bao trùm mỗi phàm ngã tính mà Karma bắt buộc nó phải tự nhục hóa. Chân Ngã này được qui cho trách nhiệm về mọi tội lỗi mà mỗi xác thân mới phạm phải, và do phàm ngã tính mới – những lớp vỏ giả tạo che giấu cá thể thực tại trải qua một chuỗi dài các kiếp tái sinh.

Vấn: Điều đó có đúng không ? Vì sao Chân Ngã lại phải gánh chịu sự trừng phạt do hành động mà nó đã quên mất ?

Đáp: Chân Ngã không bao giờ quên, nó hay biết những lỗi lầm, và ghi nhớ như bạn ghi nhớ công việc làm ngày hôm qua. Thật ra ký ức thuộc về các phân tử vật lý được gọi là “thân xác” không nhớ rõ tác động của người kiếp trước (phàm ngã tính đã qua), do đó bạn nghĩ rằng Chân Ngã thực tại đã quên những lỗi lầm hay sao?

Như thế chẳng khác nào một đứa trẻ hái trộm táo, nhưng khi bị bắt gặp quả tang, người ta lại trừng phạt bằng cách đánh vào đôi giày của nó. Bạn có thấy sự bất công này không? Đôi giày đâu hay biết gì về hành động của đứa bé ?

Vấn: Không có những phương tiện liên lạc giữa tâm thức tâm linh và tâm thức nhân loại hoặc ký ức hay sao ?

Đáp: Dĩ nhiên là có, nhưng các nhà tâm thức học ngày nay không hề hiểu biết điều này. Thế bạn qui trực giác “tiếng nói của tâm thức”, những dự cảm và hồi tưởng mập mờ, vô hạn v.v. . . cho cái chi nếu không phải là phương tiện cho sự liên lạc đó? Người ta ước mong các nhà trí thức ít ra có được tri giác tâm linh tinh tế như ông Coleridge; trong vài bài bình luận, ông chứng tỏ có được một trực giác tinh anh. Bạn hãy nghe ông trình bày về vấn đề “tất cả những tư tưởng tự chúng đều bất diệt”:

“Nếu quan năng trí tuệ (nhờ đó chúng ta trực nhận được sự “đánh thức” thành linh của ký ức) được nhận thức dễ dàng hơn, thì chỉ cần một cơ quan khác biệt và thích hợp như thể siêu trần thay vì thể xác hồng trần để cho những *kinh nghiệm tập thể của trọn kiếp sống quá khứ có thể diễn qua trước* mỗi linh hồn nhân loại.

Thể siêu trần đó chính là CHÂN NGÃ MANAS của chúng ta vậy.

VỀ SỰ THƯỜNG PHẠT CỦA CHÂN NGÃ

Vấn: Bà nói rằng Chân Ngã không bao giờ bị trừng phạt sau khi xác thân đã chết, mặc dù phạm ngã tính mà nó tự nhục hóa có sống như thế nào chẳng nữa tại trần gian.

Đáp: Thật thế, ngoại trừ những trường hợp rất đặc biệt, ít xảy ra và chúng tôi không thể trình bày bởi tính cách của sự “trừng phạt” này khác với quan niệm thần học về sự đền tội của bạn.

Vấn: Nếu Chân Ngã chịu sự trừng phạt ở kiếp này do tội lỗi đã phạm

phải trong quá khứ, thì chính nó cũng được tưởng thưởng tại trần gian lúc đang nhục hóa.

Đáp: Đúng thế. Chúng tôi không chấp nhận sự trừng phạt nào khác hơn sự trừng phạt tại cõi trần, vì cái Ngã Tâm Linh không biết trạng thái nào ở bên kia cửa tử khác hơn là trạng thái phúc lạc thuần khiết.

Vấn: Bà muốn nói chi ?

Đáp: Chỉ giản dị như thế này: án mạng và tội lỗi phạm phải nơi cõi giới khách quan hay thế giới vật chất, không bao giờ bị trừng phạt nơi cõi giới thuần túy chủ quan. Chúng tôi không tin một địa ngục hoặc Thiên đàng được xem như là địa phương; chúng tôi không tin có ngọn lửa khách quan của hỏa ngục, có loài côn trùng không hề chết, hoặc thành Jérusalem có những con đường lát bằng lam ngọc và kim cương. Tuy nhiên chúng tôi lại tin tưởng có một trạng thái hậu tử, hoặc một điều kiện trí năng, giống như trạng thái mộng mơ cực kỳ linh hoạt. Chúng tôi tin tưởng có một định luật bất di dịch về Tình thương, Công bằng và Từ bi tuyệt đối. Vì tin tưởng như thế, nên chúng tôi chủ trương: dù tội lỗi và kết quả khủng khiếp do sự vi phạm luật Nhân Quả khởi thủy của các Chân Ngã đang nhục hóa có ra sao chẳng nữa, không một người nào (nghĩa là một hình hài ngoại cảnh, vật chất và định kỳ của thực thể Tâm Linh) – do lẽ công bằng tuyệt đối – chịu trách nhiệm về hậu quả của sự sinh ra của họ. Con người không cầu xin để được sinh ra và không thể chọn lựa mẹ cha. Dưới mọi khía cạnh, con người là nạn nhân của chính hoàn cảnh của mình. Con người là con của những hoàn cảnh mà con người không sao kiểm soát nổi. Nếu ta cứ xét một cách vô tư mỗi điều vi phạm của con người, ta sẽ thấy chín phần mười tội lỗi trái nghịch lại với họ, và họ không phải là kẻ phạm tội. Thật ra đời sống chỉ là một tấn kịch bạo tàn, một biển giông tố phải trải qua, hay một gánh nặng mà con người phải đa mang. Các triết gia đại tài đã cố gắng thăm dò vô hiệu về đời sống cũng như tìm hiểu lý do hiện tồn của con người. Tuy nhiên, các bậc hiền triết Đông phương đã nắm được bí quyết trong khi những người khác đều thất bại. Shakespeare đã nói đời sống: "chỉ là một cái bóng lang thang, một kịch sĩ khốn khổ.

Đầy đầy sự kiêu căng và linh động trên sân khấu,

Trong khoảng thời gian độ một tiếng đồng hồ, để rồi sau đó rút lui vào sự im

lặng.

Đây là bài ngụ ngôn do một kẻ ngốc thuật lại với vẻ huyền ảo, thịnh nộ.

Và không chứa đựng ý nghĩa chi cả” . . .

Không ý nghĩa gì trong các phần được quan sát riêng biệt của nó, tuy nhiên điều quan trọng nhất là ở trong toàn thể hay các loạt kiếp sống. Vào mọi trường hợp, nếu nhìn một cách tổng quát, thì mỗi kiếp sống cá nhân gần như luôn luôn là một sự buồn thảm lớn lao. Phải chăng số phận của con người đã khốn khổ, bất lực, lại còn bị dày ải vĩnh viễn? Dù có gánh chịu tạm thời, sau khi trôi dạt bênh bồng như một khúc củi mục, trên những lượn sóng phủ phàng của cuộc đời, phải chăng họ đã tỏ ra quá yếu đuối trong khi chống trả? Không thể như thế được! Một người dù đã phạm tội nặng hay nhẹ, hoặc người ấy tốt hay xấu, có tội hay vô tội, một khi được giải thoát khỏi gánh nặng của đời sống vật chất thì Manou mệt mỏi, kiệt sức (“Chân ngã suy tư”) được quyền an hưởng một thời kỳ ngơi nghỉ và phúc lạc tuyệt đối. Chính Định Luật này tất nhiên minh triết và công bằng, bắt buộc Chân Ngã được nhục hóa phải thọ lãnh hình phạt về nghiệp quả của mọi tội lỗi phạm phải trong tiền kiếp tại trần gian, thì bây giờ Định Luật ban thưởng cho Thực Thể khi thoát khỏi thân xác, một thời kỳ dài ngơi nghỉ về trí năng và quên lãng hoàn toàn tất cả mọi biến cố buồn phiền, dù cho một tư tưởng đau đớn nhỏ nhất xảy ra vào lúc đương thời của phàm ngã tính cuối cùng cũng không còn. Nơi ký ức của linh hồn chỉ có kỷ niệm về phúc lạc và những gì dẫn dắt đến hạnh phúc. Ông Plotin muốn diễn tả nhiều hơn những câu đã giải thích khi nói rằng thân xác của con người là dòng sông mê (Léthé) thực sự, vì “các linh hồn, chìm đắm vào đều quên tất cả”. Nếu tại cõi hồng trần, xác thân của chúng ta như dòng sông Léthé, thì thể siêu trần nơi cõi Thiên Đàng cũng giống như thế và có phần hơn nhiều.

Vấn: Vậy, tôi phải hiểu như thế này : kẻ sát nhân, kẻ vi phạm luật của nhân loại hay thiên liêng đều được thoát khỏi sự trừng phạt .

Đáp: Ai dám nói như thế ? Giáo lý và triết lý của chúng tôi (Thông Thiên Học) dạy về sự trừng phạt cũng nghiêm khắc như giáo lý của tín đồ Tân Giáo [38], nhưng có phần triết lý hơn và thích hợp hơn với sự công bằng tuyệt đối. Chẳng có một hành động hay tư tưởng sát nhân nào không bị trừng phạt. Tư tưởng độc ác như vậy còn bị trừng phạt nặng hơn là hành động, bởi tư tưởng mạnh hơn hành động rất nhiều mới tạo ra điều ác được [39]. Chúng tôi tin nơi luật Nhân Quả

(Karma) và Bù trừ tất thẳng, tác động do sự liên hệ tự nhiên của những nguyên nhân và kết quả không tránh được của chúng (nguyên nhân).

Vấn: Những định luật này tác động ra sao và ở đâu ?

Đáp : Minh Triết trong Thánh Kinh có dạy: mọi người thợ đều xứng đáng được hưởng đồng lương; Minh Triết của Thời đại cũng có ghi: mọi hành động tốt hoặc xấu ví như một bà mẹ sinh nhiều con. Bạn thử so sánh hai Chân lý đó bạn sẽ tìm được câu hỏi “tại sao”. Sau khi đã ban thưởng cho Linh hồn thoát khỏi bao điều đau đớn của kiếp sống, đó là một sự đền bù tương xứng hoặc được gia tăng trăm ngàn lần, thì Karma với đạo quân *Skandhas* đang chờ đợi Linh hồn nơi ngưỡng cửa của Thiên Đàng, nơi mà Chân Ngã ra đi để làm lại một kiếp tái sinh mới. Lúc bây giờ Chân Ngã đã hưởng thụ một thời gian ngơi nghỉ, lại lắc lư nơi cán cân của sự Bù Trừ công bằng, đúng là lúc nó bị đặt trở lại dưới quyền lực của luật Nhân Quả linh hoạt. Chính trong sự tái sinh đang chờ đợi này mà các tội lỗi thuộc tiền kiếp của Chân Ngã sẽ bị trừng phạt – sự tái sinh được lựa chọn và soạn thảo bởi ĐỊNH LUẬT đó, tuy huyền bí, khắc khe nhưng chắc chắn trong sự vô tư, minh triết. Tuy nhiên, không bao giờ Chân Ngã bị ném vào một địa ngục có lửa, có quỷ sứ mọc đuôi, mọc sừng do sự tưởng tượng nào, nhưng Chân Ngã bị ném thật sự vào cõi trần, chính cõi này là cõi tội lỗi, nơi mà Chân Ngã phải đền tội về mọi tư tưởng và hành động xấu xa. Nó phải gặt hái những gì đã gieo. Luân hồi sẽ tập trung chung quanh nó, tất cả những Chân Ngã khác, mà phạm ngã tính cuối cùng của nó đã làm cho nó đau khổ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp nhưng nó không hay biết. Nữ thần Némésis sẽ hướng dẫn chúng trên đường của con người mới (con người tái sinh), che giấu con người cũ, Chân Ngã vĩnh cửu, và ...

Vấn: Nhưng sự vô tư mà bà nói đó ở đâu ? Các “phạm ngã tính” mới này cũng không hay biết sự phạm tội của chúng, hoặc đau khổ vì tội lỗi do kẻ khác gây ra.

Đáp : Ta có thể nói về một chiếc áo bị đánh cắp, và người chủ chiếc áo xé rách nó khi bắt gặp kẻ trộm đang mặc. Như vậy chiếc áo đã bị đối xử bất công. “Phạm ngã tính” chẳng khác gì chiếc áo mới, với những điểm riêng biệt như: màu sắc, hình dáng, đặc tính, tuy con người thực tại đang mặc nó lại là kẻ phạm tội ngày

xưa. Chính cá thể tính chịu đau khổ bởi “phàm ngã tính” của nó. Điều này giải thích rõ ràng cái mà người ta nhận thấy dường như bất công ghê gớm trong sự phân phối của định mệnh cho con người khả tử. Bao giờ các triết gia tân tiến của bạn giải thích vì sao nhiều người vô tội, có vẻ tốt ở bề ngoài, lại được sanh ra để chịu khổ trong cuộc đời; vì sao bao nhiêu kẻ vô phúc sinh ra để chịu chết đói trong các ngõ hẻm tồi tàn của đô thị lớn, phải chăng họ bị số mệnh và người đời bỏ rơi; vì sao người thì sanh ra trong túp lều nghèo nàn bẩn thỉu, còn người lại được mở mắt chào đời nơi cung vàng điện ngọc; vì sao kẻ xấu xa đê tiện nhất lại được dành cho mọi sự giàu sang, phú quý, còn người xứng đáng thì lại nghèo nàn? Có kẻ ăn xin nhưng cái Ngã nội tâm bằng với người cao cả quý phái trong xã hội. Bạn có quyền bài bác lý thuyết Luân hồi, nếu các triết gia cũng như thần học gia của bạn có thể giải thích những điều vừa nêu ra. Các thi sĩ hữu danh quý phái thường nhìn một cách mơ hồ các chân lý này. Chính Shelley tin nơi chân lý đó, và Shakespeare đã suy gẫm qua câu thơ diễn tả sự sinh ra đời thật vô nghĩa. Bạn nên nhớ những câu thơ sau đây:

“Tại sao sự sinh ra tôi làm giảm mất sự phấn khởi của Chân linh trong tôi ?

Phải chăng tất cả mọi sinh vật không bị lệ thuộc thời gian ?

Khắp thế giới có cả đoàn người ăn xin,

Những người này, lúc ban sơ đều là những vị vua chúa.

Hiện tại, có biết bao vị vua chúa mà cha mẹ họ đã từng là Bọn bán hàn của thời đại . . . ”

Bạn hãy thay danh từ “cha” bằng danh từ “Chân Ngã”, bạn sẽ hiểu Chân Lý.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG IX

CỔI DỤC GIỚI VÀ THIÊN ĐÀNG

(Kama-Loka và Dévakhan)

ĐỊNH MỆNH CỦA CÁC “KHÍ THỂ” HẠ ĐẲNG

Vấn: Dục giới (Kama-Loka) bà vừa nói là cõi chi ?

Đáp: Khi con người thở hơi cuối cùng, thì ba khí thể hạ đẳng tự lìa khỏi xác, khỏi sự sống và môi vật của sự sống, nghĩa là Cảm thể (Vía) hoặc dẫn thể của người sống. Lúc đó bốn khí thể – khí thể trung gian (linh hồn động vật hoặc Kama-Roupa), với khí thể mà nó đã đồng hóa từ Manas hạ đẳng, và ba khí thể thượng đẳng trú tại Kama-Loka (một vùng ở Trung giới) hay cái *phiến diện của thần học kinh viện và Âm Ty của người xưa*. Nếu nói một cách thiết thực hơn, thì Kama-Loka không có bề rộng cũng như không có giới hạn qui định; đây chỉ là một vùng theo nghĩa tương đối, vì nó chỉ có trong khoảng không gian chủ quan, vượt ra ngoài tri giác của giác quan con người. Tuy nhiên nó vẫn có, và chính nơi đây, những eidolons trung giới của tất cả sinh vật sống, kể cả loài thú chờ đợi sự chết lần thứ nhì. Đối với loài thú, thì lần chết này xảy đến đúng lúc các phân tử trung giới tan rã và biến mất hoàn toàn. Đối với eidolon nhân loại, sự chết bắt đầu lúc Atma-Buddhi-Manas “tự tách rời” khỏi các khí thể hạ đẳng, phản ảnh của phàm ngã *tính cũ, để rồi tự đắm chìm trong trạng thái Thiên Đàng*.

Vấn: Kế đó ra sao ?

Đáp: Vì thiếu Manas thượng đẳng hay Thượng trí để linh hoạt, nên hạ trí hay trí tuệ động vật không còn tiếp nhận ánh sáng nữa, và khối óc cũng không còn được dùng làm dụng cụ, lúc bấy giờ, con ma Kama-roupique tự tiêu tan.

Vấn: Bằng cách nào ?

Đáp: Bằng cách trở thành trạng thái của con ếch mà nhà giải phẫu sinh lý học cắt mất vài bộ phận trong khối óc. Sự suy tưởng không còn nữa, dù trên cõi trung giới động vật thấp kém nhất, cũng không thể gọi là hạ trí vì thiếu mất “thượng trí”.

Vấn: Có phải cái vô thực thể đó tự hiện hình trong các buổi cầu đông ?

Đáp: Chính nó; nhưng là một cái vô thực thể về những gì có liên quan đến quyền năng suy luận và tư tưởng; dưới mọi khía cạnh, dù là trung giới hay lưu chất, trong nhiều trường hợp được chứng minh, chính Thực thể bị hút vào người đồng cốt bằng từ điện để rồi nó tự linh hoạt một thời gian, mặc dù không ý thức, và sống nơi người này bằng cách ủy quyền. "Con ma" hay Kama-roupa có thể so sánh với con sứa, dáng bên ngoài như dĩ thái và nhầy nhụa. Bao giờ "con ma" còn ở trong phần tử riêng biệt là nước, hay là HÀO QUANG đặc biệt của người đồng cốt, nhưng khi bị mang ra khỏi nước, nó tan rã trong bàn tay hoặc trên bãi cát, nhất là dưới ánh mặt trời. "Con ma" sống một đời sống vay mượn Hào quang của người đồng cốt; nó suy luận nhờ khối óc của kẻ ngồi đồng và của người dự thính. Đây là một đề tài sẽ lôi cuốn chúng ta đi rất xa, đi vào lĩnh vực của người khác mà tôi không muốn xâm phạm. Vậy, chúng ta nên trở lại vấn đề Luân hồi.

Vấn: Về vấn đề này , Chân Ngã tái sinh ở vào trạng thái Thiên Đàng được bao lâu ?

Đáp; Thời gian này tùy thuộc trình độ tâm linh cũng như hữu công hay vô công trong kiếp tái sinh sau cùng. Trung bình từ mười đến mười lăm thế kỷ như tôi vừa trình bày.

Vấn: Vì sao Chân Ngã đó không thể tự biểu hiện và liên lạc với những người khả tử như các nhà Thần Linh học từng nói ? Không có điều chi ngăn cản một bà mẹ liên lạc với con sau khi bà đã lìa trần, hoặc một người chồng liên lạc với vợ. Tôi thú thật những điều tin tưởng này rất đáng khích lệ, nhưng có người khuyến khích nó lại không chấp nhận.

Đáp: Không có điều chi bắt buộc nếu họ ưa thích ảo tưởng hơn Chân lý. Có thể các nhà Thần linh học không có thiện cảm đối với giáo lý của chúng tôi. Tuy nhiên những điều chúng tôi tin tưởng và chỉ dẫn không bằng phân nửa sự ích kỷ và độc ác mà họ đã tuyên bố.

Vấn: Tôi không hiểu bà muốn nói chi ? Vì sao có điều ích kỷ ?

Đáp: Các nhà Thần linh học trình bày giáo lý của họ về sự trở về của Chân linh, của “phàm ngã tính” thực tại. Tôi xin giải thích tại sao ? Nếu cõi *Dévakhan* hay *Thiên Đàng* đúng là nơi phúc lạc tối thượng hoặc là một trạng thái như thế, ta cũng có thể lý luận rằng không một điều phiền não, hay bóng dáng của đau khổ có thể lọt vào nơi này được. Trong tác phẩm của nhiều lời hứa hẹn có câu: “Thượng Đế sẽ lau nước mắt” cho những kẻ đang ở trên Thiên Đàng. Như thế nếu “Chân Linh của kẻ chết” có khả năng trở lại để nhìn thấy tất cả những gì đang diễn tiến tại cõi trần, nhất là ngay trong gia đình thì làm sao họ hưởng được phúc lạc?

VÌ SAO CÁC NHÀ THÔNG THIÊN HỌC KHÔNG TIN TƯỞNG SỰ TRỞ LẠI CỦA CHƠN LINH THUẦN KHIẾT ?

Vấn: Bà muốn nói chi ? Tại sao điều đó lại phương hại đến phúc lạc của “Chân linh” người chết ?

Đáp: Điều này rất dễ hiểu; chúng ta nên lấy thí dụ. Một bà mẹ qua đời, bỏ lại chồng và các con thân yêu còn nhỏ dại. Chúng tôi có thể nói rằng: “Chân *linh*” hay *Chân Ngã* của bà – cá thể tính này sẽ thấm nhuần cảm giác cao thượng nhất trong trọn thời kỳ ở Thiên Đàng mà phàm ngã tính cuối cùng của Chân Ngã đã duy trì như: tình yêu các con, lòng thương hại kẻ đau khổ v.v. . . lúc ấy Chân Ngã của bà hoàn toàn tách rời “biển nước mắt” này, và phúc lạc tương lai làm cho bà không còn biết đến mọi điều đau khổ bỏ lại trần gian. Trái lại, các nhà Thần linh học tuyên bố rằng: “Chân Linh” cảm nhận sự đau khổ rất mạnh, mạnh hơn lúc còn sống, vì “Chân Linh thấy rõ hơn những người chết đầu thai lại”. Về phần chúng tôi, thì phúc lạc của người ở Thiên Đàng gồm có sự tin tưởng họ không hề rời khỏi trần gian, và sự tử không có. Thần thức hậu tử của bà mẹ khiến bà có cảm tưởng vẫn còn chung sống với các con và những người thân yêu. Không có một chỗ trống hay một sự liên lạc nào bị khiếm khuyết, khả dĩ tạo ra trạng thái bị mất nhục thể; bà mẹ đang ở vào trạng thái hạnh phúc toàn vẹn, tuyệt đối. Nhưng các nhà Thần linh học phủ nhận hoàn toàn điều đó. Theo giáo lý của họ thì con người thật vô phúc, mặc dù đã từ giả cõi đời, họ cũng không được giải thoát khỏi sự đau khổ trần gian. Họ phải uống cạn chén tân khổ đến giọt đắng cuối cùng dù muốn hay không, vì chúng họ nhìn thấy tất cả. Thế nên, người vợ yêu dấu lúc còn sống, đã sẵn sàng tránh mọi

điều đau khổ cho chồng, dù phải tan nát tâm hồn; giờ đây, bà bị bắt buộc thấy rõ nỗi niềm thất vọng buồn phiền của chồng mà không sao an ủi, vỗ về được, cũng như giọt lệ sinh ly của chồng không còn khóc vì bà. Tệ hơn thế nữa, khi bà nhìn thấy rõ chồng bà ngưng khóc quá nhanh, để vui cười với một người đàn bà trẻ trung yêu kiều khác; người đàn bà xa lạ thay thế bà trong tình yêu đương; bà bị bắt buộc phải nghe rõ các con bà gọi người ấy bằng “mẹ” thật thiêng liêng, nhưng chúng không được yêu thương, đôi khi còn bị hành hạ. Theo giáo lý đó, thì “sự êm dịu khi bước vào đời sống bất tử” trở thành vô hiệu, không đưa đến sự giao tiếp hướng dẫn một đời sống mới bị đau khổ tinh thần! Tuy nhiên, trong nhật báo xưa nhất của các nhà Thần Linh học Hoa-kỳ, tờ “Banner of Light” lại đăng nhiều bức thư của người chết, của “người quá vãng thân yêu” đã viết cho người còn sống để nói về hạnh phúc tuyệt diệu của họ. Hiểu biết như thế có tương hợp với phúc lạc hay không? Như vậy, “phúc lạc” chỉ là một lời nguyện rửa tội thượng; nếu đem so sánh với Chính Thống Giáo, thì sự đầy đoạ ở Địa ngục còn đỡ hơn nhiều?

Vấn: Lý thuyết của bà có tránh được điều đó không? Làm sao bà có thể dung hòa lý thuyết toàn tri và sự mù quáng của Linh hồn về tất cả mọi điều xảy ra tại thế gian này?

Đáp: Luật tình thương và từ bi là thế. Trong mỗi thời kỳ ở Thiên Đàng, Chân Ngã tự nó đã toàn tri và khoác vào phản ảnh của “phàm ngã tính” thuở xưa. Tôi vừa trình bày với bạn sự khai hóa lý tưởng của tất cả những đức tin trữu tượng, hoặc bất tử, và vĩnh cửu như tình thương, lòng từ bi, sự mến chuộng chân, thiện, mỹ, đã từng làm rung động trái tim lúc “phàm ngã tính” còn sinh hoạt tại cõi trần. Sau khi chết, sự việc vừa kể bám víu vào Chân Ngã theo đến Thiên Đàng. Vậy, Chân Ngã tạm thời trở thành sự phản chiếu lý tưởng lúc con người ở tại cõi trần lần sau cùng nhưng không toàn tri. Nếu con người được toàn tri thì không bao giờ ở vào trạng thái mà chúng tôi gọi là Thiên Đàng.

Vấn: Tại sao?

Đáp: Nếu bạn muốn có một câu trả lời thích hợp nhất với triết lý của chúng tôi, thì đó là câu: tất cả đều là ảo tưởng (Maya) vì Chân lý vĩnh cửu không hình hài, sắc tướng, giới hạn. Các Đấng Chân Sư cao cả, các Bậc Điểm Đạo không còn biết tới

Dévakhani là cái gì, các Ngài đã giác ngộ, đã ra ngoài bức màn ảo tưởng (Maya). Tuy nhiên, với con người lâm vào vòng sinh tử thì phúc lạc của họ tại Thiên Đàng thật là toàn vẹn. Nơi đây, họ quên hẳn tất cả điều chi đã gây cho họ sự đau khổ, buồn phiền trong kiếp sống ở trần gian quá khứ, cho đến những nỗi niềm đau khổ, buồn phiền hiện tại đang diễn ra, họ đều quên hết. Trọn chu kỳ trung gian giữa hai kiếp tái sinh, người Thiên đàng (Dévakhani) được sống với những điều họ từng ao ước, mong muốn nhưng tuyệt vọng; họ được chung sống với những người họ từng yêu thương tại trần gian. Những điều ham muốn nồng nhiệt nhất của linh hồn đều được thỏa mãn. Trong nhiều thế kỷ dài đằng đẳng, họ sống trong phúc lạc viên mãn. Đây là thời kỳ ban thưởng bù lại những điều đau khổ mà con người phải hứng chịu trong kiếp sống trần gian. Tóm lại, con người bị đắm chìm trong biển phúc lạc triền miên, và chỉ bị gián đoạn bởi biến cố của phúc lạc lớn lao hơn thôi.

Vấn: Như thế còn tệ hại hơn ảo tưởng, thật là một kiếp sống chìm trong ảo giác điên cuồng.

Đáp: Có thể như vậy theo quan niệm của bạn, còn quan niệm của chúng tôi thì khác. Đời sống hồng trần của con người không đầy dẫy ảo tưởng hay sao? Bạn há không gặp nhiều người nam và nữ từng sống nhiều năm trong một Thiên Đàng ảo tưởng như thế ư ? Nếu tình cờ bạn được biết một người chồng không chung thủy với vợ; vậy, bạn có nỡ tiết lộ sự thực để làm tan nát trái tim, và hủy diệt bao nhiêu mộng đẹp của bà đang tin cậy, thương yêu chồng hay không? Tôi không tin có thể như thế được. Vì vậy tôi xin lập lại, sở dĩ có sự quên lãng hay ảo giác nếu bạn cứ gọi như vậy, chẳng qua là kết quả của định luật tử bi của Tạo hóa và công bình vô tư. Trong mọi trường hợp, là viễn ảnh đầy khích lệ, hơn chiếc đàn harpe bằng vàng, và những chiếc cánh của Chính Thống Giáo, những người này tin rằng "linh hồn đang sống thường bay đến thành Jérusalem thiêng đàng, đi khắp các đường phố, bái chào các giáo đồ, ngưỡng mộ các vị tuần đạo, thăm viếng các bậc tộc trưởng và tiên tri"; tất cả điều đó có tánh cách tín ngưỡng đối với vài người. Nhưng đây là một trong những ảo giác tệ hại nhất. Nếu tất cả các bà mẹ yêu thương con, bằng tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt, thì đời sống của những nhân vật vừa kể trong thành "Jérusalem mới" với đường phố lát đá tương tự như cửa kính của một tiệm kim hoàn, còn hơn bị bắt buộc tìm nguồn an ủi nơi giáo lý của các nhà Thần linh học. Nếu *Linh hồn thông minh, ý thức của một người cha, một người mẹ, và các con* tìm được phúc lạc nơi "miền đất cực lạc", thì trạng thái này còn ít giả tạo hơn,

nhưng cũng khôì hài không kém câu chuyện thành “Jérusalem mới”. Đây là một tư tưởng khiến chúng ta không còn kính nể những “người thân yêu đã chết”. Giả thiết một Chân linh thuần khiết có thể hạnh phúc được chẳng khi bị bắt buộc phải nhìn thấy tội lỗi, cũng như sự gian trá, nhất là nỗi đau khổ của người thân yêu mà không giúp đỡ được, vì sự chết chóc làm chia lìa đôi ngã. Thật là một tư tưởng kinh hoàng.

Vấn: Lý luận của bà khiến tôi suy nghĩ ; về phương diện này , thú thật chưa bao giờ tôi đề cập đến.

Đáp Đúng thế ! Muốn tưởng tượng một điều kiện như vậy, ta phải hoàn toàn ích kỷ và phải rời bỏ tất cả cảm tưởng về sự công bằng bù trừ. Thực sự, chúng ta rất gần những người đã mất hẳn hình hài vật chất, và còn gần gũi hơn lúc họ còn sống. Điều đó không phải chỉ có trong trí tưởng tượng của người Dévakhani, nhưng sự thật là thế. Vì tình thương thuần khiết, thiêng liêng không những là bông hoa của trái tim nhân loại mà gốc rễ còn ăn sâu vào vĩnh cửu. Tình thương tâm linh, thánh thiện vốn bất tử; chẳng bao lâu Karma khiến cho những người yêu thương nhau bằng thứ tình như thế, được cùng nhau tái sinh chung một liên hệ gia đình. Tuy là ảo tưởng, nhưng bên kia cửa tử, tình thương còn có một quyền năng mầu nhiệm phản ứng vào những người còn sống. Chân ngã của một bà mẹ yêu thương các con thật đậm đà, tưởng tượng được gần kề bên chúng, và sống rất hạnh phúc như lúc còn tại thế. Tình thương này tự biểu hiện trong giấc mơ của chúng cũng như những biến cố khác để phù trợ và giải thoát “Thiên mệnh”; vì tình thương là một cái khiến rắn chắc, thời gian và không gian không hạn chế được. Mặt khác, điều chi thật sự thuộc về “bà mẹ” Thiên Đàng này cũng thật sự liên hệ và triu mến đối với nhân loại, ngoại trừ những điều hoàn toàn ích kỷ hoặc vật chất; nếu so sánh bạn sẽ thấy rõ.

Vấn: Có trường hợp nào bà nhìn nhận khả tính về sự liên lạc giữa người sống và chân linh của người chết không ?

Đáp: Có, và có đến hai trường hợp ngoại lệ. Trường hợp thứ nhất xảy ra vài ngày sau sự chết của một người mà Chân Ngã sắp sửa bước vào trạng thái Thiên

Đàng. Nhưng nếu người sống không cảm được một lợi ích nào về việc lai vãng của Chân linh trên cõi giới khách quan, thì lại là một vấn đề khác. Điều đó có thể xảy ra, trong các trường hợp thật đặc biệt (thí dụ cường độ ham muốn trở lại thế gian của người hấp hối để thực hiện một ý định nào đó, khiến cho cái tâm thức thượng đàng vẫn còn thức tỉnh; lúc ấy đích thực cá thể tính và “Chân linh” liên lạc). Sau khi chết, Chân linh bị tê liệt, và bị rơi mau lẹ vào trạng thái được gọi là “sự vô tâm thức trước ngưỡng cửa Thiên Đàng”. Điều ngoại lệ thứ hai của các Đấng Nirmanakayas.

Vấn: Bà dùng danh từ này để nói về các Đấng nào ?

Đáp: Nirmanakayas dùng để gọi các Đấng nhân từ, yêu thương nhân loại và đàng em mà các Ngài bỏ lại trần gian; các Ngài từ khước trạng thái Niết Bàn dù có quyền bước vào và an hưởng chu kỳ nghỉ ngơi (không phải Thiêng Đàng vì Thiêng Đàng chỉ là ảo tưởng của tâm thức của chúng ta, một giấc mơ hạnh phúc vì tất cả những người chuẩn bị bước vào Niết Bàn phải loại bỏ mọi điều ham muốn về ảo tưởng thế gian). Một Đấng Chân Sư hay một vị Thánh không hưởng hạnh phúc, không nghỉ ngơi trong khi nhân loại còn vô minh đang đau khổ bởi gánh nặng trần gian, các Ngài từ khước Niết Bàn giữ lại trạng thái Chân linh vô hình trên cõi hồng trần. Các Đấng Nirmanakayas không còn khoác một chiếc áo vật chất nào, ngay đến đời sống trung giới của địa cầu chúng ta. Các Ngài có thể liên lạc thực sự với vài vị được điểm đạo, nhưng chắc chắn không phải là những người đồng cốt tầm thường.

Vấn: Tôi xin hỏi bà về các Đấng Nirmanakayas. Trong vài quyển sách của Đức quốc cũng như trong những sách khác, thì Nirmanakayas theo giáo huấn của Phật tử Bắc tôn, là sự lâm phạm hoặc thể xác mà các vị Phật khoác vào.

Đáp: Thật vậy, nhưng các nhà Đông Phương đã làm xáo trộn khi cho rằng xác thân “hồng trần” có tính khách quan, vật lý thay vì hoàn toàn trung giới và chủ quan.

Vấn: Các Đấng Nirmanakayas có thể làm điều chi hữu ích cho nhânloại ?

Đáp: Các Ngài không thể giúp đỡ chi nhiều cho mỗi cá nhân, vì không ai được quyền xen vào tác động của Karma. Những điều các Ngài có thể thực hiện là khuyên lơn, giảng dạy những người quá vãng, và hướng dẫn họ vào đường thiện; ngoài ra các Ngài còn phụng sự nhiều việc mà bạn không tưởng tượng được.

Vấn: Đó là những điều khoa học và tâm lý học tân tiến không bao giờ chấp nhận. Đối với khoa học và tâm lý học thì chẳng có một mảnh nào của trí tuệ có thể tồn tại hơn là khối óc vật chất . Bà trả lời với họ ra sao ?

Đáp: Tôi thấy không cần thiết để trả lời với họ. Tôi chỉ xin lập lại những lời sau đây của ông "A. Oxon". "Sau khi thể xác mất, trí tuệ vẫn còn. Tuy nhiên, không phải là khối óc,... Vì thích hợp với sự hiểu biết và hữu lý, nên chúng tôi đặt thành nguyên tắc về sự bất hoại của Chân linh nhân loại.

Vấn: Ông A. Oxon là nhà Thần linh học phải không Bà ?

ĐÁP: Đúng vậy, ông là nhà Thần linh học duy nhất mà chúng tôi hiểu biết, tuy không đồng ý với ông về nhiều vấn đề phụ thuộc khác. Dù sao, không có nhà Thần linh học nào tiến gần Chân lý huyền môn như ông. Cũng như chúng tôi, ông luôn luôn nói đến sự "nguy hại hiển nhiên đang chờ đợi những người nông nổi, chưa kịp chuẩn bị, lại vội thực hành khoa huyền học; họ vượt qua ngưỡng cửa huyền học nhưng không suy tính sự nguy hại trong việc thực hành" [40]. Chúng tôi không đồng ý với ông về vấn đề "Đồng nhất tính của Chân linh". Ngoài ra tôi nhìn nhận hầu hết các ý kiến cũng như chấp nhận ba đề nghị ông đã nêu ra trong bài diễn văn tháng 7 năm 1884. Tóm lại, nhà Thần linh học tài ba này khác với chúng tôi hơn là chúng tôi khác với ông.

Vấn: Các đề nghị đó ra sao ?

Đáp: 1/ Có một sự sống trùng hợp với sự sống vật lý của thể xác, nhưng lại riêng biệt.

2/ Sự sống này duy trì mãi như là một kết quả tất nhiên (chúng tôi nói nó tự duy trì đến lúc cuối cùng của Dévakhan).

3/ Có một sự liên lạc giữa những người đang ở trong trạng thái sinh tồn với nhân loại thể gian.

Như bạn đã rõ: mọi việc đều tùy thuộc các khía cạnh phụ của ba đề nghị căn bản như: Chân linh và Linh hồn, cá thể tính và phàm ngã tính. Các nhà Thần linh học lầm lẫn hai sự việc này và gộp lại làm một; về phần chúng tôi lại phân tích ra: cá thể tính, phàm ngã tính; trừ những trường hợp ngoại lệ vừa trình bày, không có một Chân linh nào trở về thăm viếng địa cầu sau khi bỏ xác; chỉ riêng Linh hồn động vật có thể làm như vậy. Chúng ta nên trở lại vấn đề Skandhas.

Vấn: Đến đây tôi khởi sự hiểu biết rõ ràng hơn. Đó là Chân linh của Skandhas cao cả; chúng bám vào chân ngã tái sinh để thường tồn và tăng thêm vào toàn thể kinh nghiệm thiên thần của Chân Ngã. Về phần các đặc tính có liên quan đến Skandhas cùng những căn nguyên ích kỷ và cá nhân, thì chúng biến khỏi sân trường hoạt động giữa hai kiếp tái sinh; sau đó lại tái hiện đúng lúc với kiếp tái sinh vị lai như là kết quả của nghiệp báo cần phải tiêu trừ. Thế nên chúng ta mới biết vì sao Chân linh không chịu rời cõi Thiên Đàng. Thưa bà có phải đúng như vậy không ?

Đáp: Gần đúng như thế. Đúng với Chân lý hơn nếu bạn thêm định luật bù trừ, hoặc Karma, ban thưởng những nhân vật cao cả, tâm linh nhất nơi cõi Thiên Đàng. Nơi cõi Trần gian họ được ban thưởng thêm cơ hội tự phát triển và Chân Ngã được cung cấp một thể xác thích hợp.

VÀI LỜI VỀ SKANDHAS

Vấn: Các Skandhas hạ đẳng ra sao khi xác thân đã chết ? Chúng có bị tiêu diệt không ?

Đáp: Chúng bị tiêu diệt và cũng không; đây là một điều bí mật huyền môn, siêu hình mới mẻ đối với bạn. Nếu xem chúng là tài sản hiện hữu của Phàm ngã tính thì chúng bị tiêu diệt, trái lại xem chúng là hiệu quả của Nghiệp báo, thì chúng vẫn là mầm mống được treo lơ lửng trong không khí cõi hồng trần, để sẵn sàng sống lại như là ác quỷ, bám víu phàm ngã tính của Chân Ngã lúc tái sinh.

Vấn: Điều đó vượt ngoài tri thức của tôi. Thật là rắc rối, khó hiểu quá.

Đáp: Sẽ không có gì khó hiểu khi bạn đồng hóa với tất cả mọi chi tiết của nó; lúc ấy, bạn sẽ nhận thấy sự hợp lý, vững chắc, triết lý sâu sắc và thiêng liêng, vô tư; giáo lý về Luân hồi nơi cõi trần, thật sự không có cái chi so sánh được. Đây là đức tin về sự tiến bộ trường cửu của tất cả Chân Ngã và Linh hồn thiêng liêng đang tái sinh trong sự tiến hóa, từ ngoại cảnh đến nội tâm, từ vật chất đến tâm linh để cuối cùng đạt được sự hợp nhất tuyệt đối với Nguyên lý Thiêng liêng. Sự mạng của tất cả Chân Ngã là đi từ động lực này đến động lực khác, từ sự mỹ lệ và hoàn thiện của cõi giới này đến sự mỹ lệ và hoàn thiện của cõi giới cao thượng hơn, phải vượt qua mỗi chu kỳ mới với sự vinh quang, tri thức và quyền năng mới. Chân ngã sẽ trở thành Đấng Cứu rỗi riêng của Nó trong mỗi thế giới cũng như trong mỗi kiếp tái sinh.

Vấn: Chính Cơ Đốc Giáo cũng truyền dạy giáo lý về sự tiến bộ như thế.

Đáp: Thật vậy, nhưng Cơ Đốc Giáo thêm sự Cứu rỗi, và phải nhờ một Đấng Cứu Thế huyền nhiệm trợ giúp mới đạt được. Ngoài ra Cơ Đốc Giáo còn trừng phạt những ai không chấp nhận giáo điều đó. Do sự khác biệt vừa trình bày mà Thần học Cơ Đốc và Thông Thiên Học không giống nhau. Sự khác biệt thứ nhất là đức tin và sự Giáng lâm của Chân Ngã Tâm Linh, về cái Ngã hạ đẳng, sự khác biệt thứ hai là mỗi người phải cố gắng tự vươn lên Đấng Chritos hay trạng thái Budhi.

Vấn: Bà có tin rằng nếu giảng dạy sự tiêu diệt của tâm thức gặp trường hợp bị thất bại chẳng khác nào giảng dạy sự tiêu diệt của cái Ngã đối với những người chưa hiểu rành khoa siêu hình học chẳng ?

Đáp: Lẽ dĩ nhiên, nếu ta đứng về lập trường của những người tin tưởng có sự phục sinh của xác thân, mỗi khúc xương, mỗi mạch máu, mỗi mảnh thịt sẽ sống lại vào Ngày Phán Xét. Nếu bạn cứ nhất quyết tin rằng, hình hài khả tử cùng các đức tính hữu hạn tạo thành con người bất tử, thì chúng ta khó lòng thỏa thuận với nhau. Khi giới hạn sự sinh tồn của mỗi Chân Ngã vào một kiếp sống duy nhất, bạn biến đổi Thần tính thành một Indra luôn luôn say sưa; theo nghĩa đen của kinh Puranas thì vị thần Moloch hung bạo đã gây sự xáo trộn; rối rắm tại trần gian nhưng chưa thỏa mãn còn bắt buộc người ta tạ ơn hãnh. Nếu quan niệm của bạn là thế thì tốt hơn chúng ta nên ngưng cuộc thảo luận.

Vấn: Bây giờ chúng ta đã giải quyết xong vấn đề Skandhas. Vậy chúng ta nên trở lại sự tồn tại của tâm thức sau khi chết. Đây là một đề tài mà hầu hết mọi người đều lưu ý. Nơi cõi Thiên Đàng, tri thức của con người có nảy nở hơn lúc còn tại thế không ?

Đáp: Trên phương diện nào đó, con người có thể hoạch đắc thêm tri thức, nghĩa là nơi Thiên Đàng, chúng ta có thể phát triển đến một mức độ cao hơn những quan năng mà chúng ta mong muốn và cố gắng đạt được trong kiếp sống trần gian, miễn là những quan năng đó có liên quan đến điều chi trữu tượng và lý tưởng như âm nhạc, hội họa, thi ca v.v. . . Vậy, Thiên Đàng là nơi con người được tiếp tục lý tưởng hóa và chủ quan hóa kiếp sống trần gian.

Vấn: Theo ý kiến của bà, Chân Linh giải thoát mọi sự ràng buộc của vật chất tại Thiên Đàng, thế tại sao nó không được tri thức ?

Đáp: Vì Chân Ngã bị trói buộc vào ký ức của kiếp tái sinh sau cùng như tôi đã trình bày. Nếu bạn suy gẫm vấn đề tôi từng nói, cũng như quan sát phần tổng quát, bạn sẽ nhìn nhận, trạng thái Thiên Đàng không thể toàn tri, mà là sự tiếp tục siêu việt đời sống phàm trần vừa chấm dứt. Đó là thời kỳ an nghỉ của linh hồn sau lúc hoạt động tại cõi trần.

Vấn: Các nhà khoa học duy vật xác nhận sau sự chết, không có cái chi còn tồn tại; xác thân tự phân ra những phân tử đã cấu tạo, vì linh hồn chỉ là sự thức tâm hữu ngã tạm thời mà kết quả hoàn toàn phụ thuộc tác động cơ năng, để rồi sự tan rã như một làn khói. Phải chăng sự kiện đó là một trạng thái tâm linh kỳ bí ?

Đáp: Tôi không nhìn nhận như thế. Khi nói thức tâm hữu ngã ngưng hẳn cùng lúc với thể xác tiêu tan; như vậy họ là nhà tiên tri vô ý thức vì lúc họ nhận thức kỹ điều chi để tuyên bố, đối với họ sẽ không còn sự sống ý thức bên kia cửa tử. Vì mọi việc đều phải có trường hợp ngoại lệ.

TÂM THỨC HẬU TỬ VÀ TIỀN SINH

Vấn: Tại sao có trường hợp ngoại lệ khi cho rằng thức tâm hữu ngã của nhân loại vẫn còn mãi sau lúc chết ?

Đáp: Không có trường hợp ngoại lệ cho các khí thể căn bản của thế giới tâm linh. Nhưng có những điều lệ cho người thấy cũng như người không muốn thấy.

Vấn: Tôi đã hiểu. Có phải bà muốn nói sự hiểu biết đó là sai lầm, giống như người mù không trông thấy mặt trời, lại dám phủ nhận sự hiện diện của mặt trời. Tuy nhiên sau khi chết, nhãn quan tâm linh bắt buộc họ trông thấy. Có phải bà muốn nói như vậy chăng ?

Đáp: Không có điều chi bắt buộc và họ cũng không trông thấy chi cả; nếu lúc còn tại thế họ cứ nhất quyết phủ nhận sự sống vẫn tồn tại ở bên kia cửa tử, thì khi chết, họ không còn đủ khả năng để nhận thức, vì các quan năng tâm linh bị suy nhược trong kiếp sống hồng trần, không thể nào tự phát triển được nữa. Khi nhãn mạnh sự kiện phải trông thấy, dĩ nhiên bạn nói về một việc này, còn tôi lại trình bày một việc khác. Bạn bảo Chân linh xuất phát từ Chân linh, lửa phát quang từ ngọn lửa – tóm lại nó xuất phát từ Atma – mà bạn lẫn với Manas, linh hồn nhân loại . . . Tôi cố gắng giải thích cho bạn hiểu. Có phải bạn muốn hỏi một người duy

vật sau khi chết, cái thức tâm hữu ngã và ngã Tri giác sẽ tan biến hoàn toàn chẳng? Tôi xin trả lời; việc đó có thể xảy ra. Giáo lý Huyền môn có dạy: thời kỳ hậu tử hay khoảng cách giữa hai kiếp sống hoặc hai kiếp tái sinh chỉ là một trạng thái giao thời; khoảng cách hậu tử giữa hai màn của vở kịch ảo tưởng là đời sống dù một năm hay một triệu năm – có thể thích ứng đúng với trạng thái của một người bị bất tỉnh, tuy nhiên không làm nguy hại đến định luật căn bản.

Vấn: Có thể được xem như vậy sao ? Bà vừa nói những định luật căn bản của trạng thái hậu tử không chấp nhận trường hợp ngoại lệ.

Đáp: Tôi xin lập lại, không có điều chi ngoại lệ trong sự kiện tôi vừa nói cả. Đây chỉ là định luật tâm linh của sự liên tục áp dụng vào thực tại như Kinh Mundakya Upanishad và Védanta Sara đã dạy. Tôi xin nói thêm: cần hiểu Buddhi và nhị nguyên tính của Manas để có một quan niệm rõ ràng lý do vì sao sự tồn tại của thức tâm hữu ngã sau lúc chết lại tan biến nơi người duy vật. Manas là trung điểm của trí tuệ trần gian trong trạng thái hạ đẳng, thế nên, nó không thể cung cấp một quan niệm gì về Vũ trụ khác hơn là quan niệm nó căn cứ vào chính dữ kiện của trí năng này; thật ra Manas hạ đẳng không thể cung cấp quang cảnh tâm linh được. Học phái Đông Phương cho rằng không có sự sai biệt nào giữa Buddhi và Manas (Chân Ngã) hoặc giữa Ishvara và Pragna [41] hơn là sự sai biệt giữa rừng cây và các cây của nó, hay là sự sai biệt giữa cái hồ và nước của nó như Kinh Mundakya từng dạy. Một cánh rừng dù có một cây hay một trăm cây bị chết khô, hoặc bị bứng tận gốc rễ thì vẫn còn là một cánh rừng.

Vấn: Theo tôi hiểu rõ về sự giống nhau thì Buddhi tượng trưng cánh rừng, còn Manas-Taijasi [42] tượng trưng các cây. Nếu Buddhi bất tử thì những gì giống nó cũng bất tử, đấng này Manas-Taijasi bị mất hẳn tâm thức cho đến ngày có sự tái sinh mới ? Đây là điều tôi chưa hiểu biết thực sự.

Đáp: Bạn không thể hiểu được vì bạn vẫn lầm lẫn sự tượng trưng trừu tượng của cái toàn thể với sự thay đổi tạm thời của hình hài mà chính cái toàn thể phải nhận lãnh. Bạn nên nhớ, có thể Buddhi-Manas hưởng được sự bất tử tính vô điều

kiện, nhưng ta không thể nói Manas hạ đẳng cũng như vậy, và Taijasi lại càng không thể, vì Taijasi chỉ là một đặc tính mà thôi. Manas cũng như Taijasi không thể hiện tồn nếu bị tách rời Buddhi, Linh hồn thiêng liêng, vì cái thứ nhất (Manas) trong trạng thái hạ đẳng, chỉ là một đặc tính phụ thuộc của phàm ngã tính hồng trần, còn cái thứ hai (Taijasi) lại giống y cái thứ nhất, bởi nó chính là Manas được phản chiếu ánh sáng của Buddhi. Về phần Buddhi, nếu không có yếu tố mà nó vay mượn của Linh hồn nhân loại thì Buddhi chỉ là một Chân linh vô ngã. Chính linh hồn này điều kiện hóa nó, biến nó thành một vật chỉ phân tách khỏi linh hồn phổ quát trọn thời gian của chu kỳ tái sinh trong Vũ trụ ảo tưởng này. Vậy *Buddhi-Manas không thể chết hoặc tan mất trong vĩnh cửu cái thức tâm* hữu ngã phức hợp của nó; cũng giống như thế, ký ức của những kiếp tái sinh trước, trong đó linh hồn tâm linh và linh hồn nhân loại đã bị ràng buộc chặt chẽ với nhau. Nhưng trường hợp của một người duy vật lại khác, vì linh hồn nhân loại của họ không tiếp nhận điều chi của linh hồn thiêng liêng, trái lại còn từ khước sự hiện tồn của linh hồn này. Lý luận vừa kể không thể áp dụng vào đặc tính hay định danh của linh hồn nhân loại được, bởi linh hồn thiêng liêng của bạn vốn bất tử ví như sự mịn màng của đôi má bạn chỉ là một hiện tượng tạm thời mà thôi.

Vấn: Như thế, có phải ta không nên lâm lẩn trong tư tưởng : giữa bản thể với hiện tượng, giữa căn nguyên với hiệu quả không?

Đáp: Chính thế, tôi xin lập lại: sự sáng chói rực rỡ của Taijasi bị giới hạn chặt chẽ vào Manas hoặc linh hồn nhân loại chỉ là vấn đề thời gian mà thôi, điều chi liên quan đến phàm ngã tính trần gian của con người, đến bất tử tính và tâm thức sau khi chết và trở thành giản dị là những đặc tính được điều kiện hóa, tùy thuộc hoàn toàn vào điều kiện, vào sự tin tưởng do chính linh hồn nhân loại đã tạo ra lúc sống trong xác thân. Karma tác động không ngừng, chúng ta chỉ gặt hái ở bên kia cửa tử những hoa quả do chính mình đã gieo trồng trong kiếp sống trần gian.

Vấn: Sau khi xác thân bị hủy hoại, Chân Ngã chìm vào trạng thái vô tâm thức hoàn toàn, làm thế nào tội lỗi của kiếp sống đã qua có thể bị trừng phạt được ?

Đáp: Giáo lý của chúng tôi dạy sự trừng phạt của Nhân Quả chỉ ảnh hưởng Chân Ngã vào kiếp tái sinh vị lai của nó. Sau khi từ trần Chân Ngã chỉ nhận sự ban thưởng bởi những điều đau khổ không đáng mà nó phải thọ lãnh trong kiếp tái sinh cuối cùng. Trường hợp của người duy vật thì trừng phạt gồm sự thiếu vắng ban thưởng và tâm thức phúc lạc, an nghỉ. Karma là sản phẩm của Chân Ngã hồng trần, là kết quả của mọi hành động, của phàm ngã tính khách quan cũng như của tư tưởng và tất cả nguyên do của cái "Ta" tâm linh. Nhưng Karma cũng là một bà mẹ hiền chữa lành những vết thương đau đã gây ra trong kiếp quá khứ trước khi bắt đầu dày vò Chân Ngã với những vết thương mới. Chắc chắn không có sự đau khổ tinh thần hay vật chất nào trong đời sống của con người, mà không là hậu quả của tội lỗi đã vi phạm trong một kiếp trước kia. Nhưng hiện tại, con người không còn giữ một ký ức nào về những lỗi lầm trong kiếp quá khứ, họ có cảm tưởng họ lãnh một sự trừng phạt, đau khổ một cách bất công, thế nên con người có quyền được nghỉ ngơi, an hưởng phúc lạc trong đời sống hậu tử. Đối với cái ngã tâm linh của chúng ta, sự chết đến ví như một người giải thoát hay một bằng hữu. Đối với một người theo thuyết duy vật và không đến nỗi tệ, thì khoảng cách giữa hai kiếp sống giống như giấc ngủ triền miên, yên tĩnh của một đứa trẻ con, không mộng mị hoặc có những quang cảnh họ không nhận thức rõ rệt. Đối với người bình thường thì khoảng cách đó là một giấc mơ, thực tại như đời sống tràn đầy ảo tưởng và phúc lạc thật sự.

Vấn: Cá nhân con người phải gánh chịu một cách mù quáng sự trừng phạt của Nhân Quả mà chính Chân Ngã tự lôi cuốn vào chăng ?

Đáp: Không phải lúc nào cũng hứng chịu một cách mù quáng. Trong giờ phút nghiêm trọng trước tử thần, dù là trường hợp bất đắc kỳ tử, mỗi người đều nhìn thấy trọn vẹn đời sống dĩ vãng của mình diễn ra trước mắt rất tỉ mỉ. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Chân Ngã cá nhân hòa làm một với Chân Ngã cá thể và toàn tri. Nhưng khoảnh khắc đó đủ cho họ nhận thấy tất cả mối liên hệ của nguyên do đã động tác trong kiếp hiện tại của họ. Họ tự nhìn thấy và tự hiểu biết họ như thế nào mà không bị nịnh bợ hay ám ảnh bởi ảo tưởng riêng tư. Họ nhìn xem đời sống của chính họ như khán giả đang ngắm nhìn sân khấu trước khi ra về; họ cảm nhận và hiểu biết lẽ công bằng của nỗi niềm đau khổ họ đã gánh chịu.

Vấn: Sự việc này xảy đến cho mọi người phải không bà ?

Đáp: Tất cả mọi người, chẳng chừa một ai. Những người cao thượng, đạo đức chẳng những thấy lại kiếp sống vừa qua mà còn thấy nhiều kiếp sống trước đã tạo ra nguyên do ảnh hưởng đến kiếp hiện tại. Họ nhìn thấy định luật Nhân Quả với tất cả sự uy nghiêm, công bằng.

Vấn: Trước lúc sinh ra đời có giống như trước khi chết hay không ?

Đáp: Có. Cũng như lúc lâm chung, con người có một cái nhìn hồi cổ kiếp sống của mình; Chân ngã, khi vừa thức tỉnh từ trạng thái Thiên Đàng vào lúc mới sanh ra cõi trần, có nhìn một quang cảnh tổng quát của kiếp sống đang chờ đợi, và nhận biết tất cả nguyên do đã dẫn dắt Nó. Chân ngã nhìn thấy tương lai, vì giữa Thiên Đàng và sự tái sinh, Chân ngã thu phục lại tâm thức của Manas toàn vẹn, để rồi trong khoảnh khắc ngắn ngủi, trở thành vị thánh linh mà chính Chân ngã đã từng là thể trước khi giáng vào vật chất lần đầu tiên, theo định luật Nhân quả và nhục hóa. “Sợi dây vàng” nhìn thấy các “viên ngọc” của nó không thiếu sót một viên nào.

Ý NGHĨA THỰC SỰ CỦA TỪ NGỮ “TIÊU DIỆT”.

Vấn: Các nhà Thông Thiên Học muốn nói về sợi chỉ vàng mà các kiếp sống của họ bị xỏ vào ?

Đáp: Kinh sách Ấn Độ dạy chính Sutratma chịu sự nhục hóa từng định kỳ, Sutratma là “linh hồn dây” đồng nghĩa với chữ Chân Ngã tái sinh – Manas hợp với Buddhi – để thu nhận những kỷ niệm. Nó được gọi như thế vì một loạt dài đằng đằng những kiếp sống của nhân loại được xỏ vào Linh hồn dây, cũng như các viên ngọc xỏ vào một sợi dây duy nhất. Một trong các kinh Upanishads, có so sánh sự tái sinh liên tiếp của chúng ta như là một kiếp sống khả tử duy nhất mà trong đó, ngủ và thức luân phiên nối tiếp nhau.

Vấn: Điều này không được rõ ràng, tôi xin giải thích tại sao. Đúng như lời bà nói, một ngày mới khởi sự, con người thức tỉnh sau giấc ngủ, nhưng về thể xác cũng như linh hồn, không có chi thay đổi cả. Trái lại vào mỗi kiếp tái sinh, đều có sự thay đổi toàn vẹn, từ cái vỏ bên ngoài, từ phái nam, phái nữ và phàm ngã tính cho đến các quan năng trí tuệ và tâm linh. Sự so sánh đối với tôi không có chi xác thực. Con người vừa thức tỉnh sau giấc ngủ còn nhớ rõ điều chi họ đã làm ngày hôm qua, ngày hôm kia chỉ đến những tháng năm trước có thể họ còn nhớ. Nhưng không một người nào trong chúng ta nhớ rõ ràng kiếp trước của mình, hoặc một biến cố có liên quan đến nó. . . Vào buổi sáng, có thể tôi quên mất giấc mộng đêm qua, nhưng tôi nhớ rõ tôi đã an giấc và có sống thực trong giấc ngủ đó. Tuy nhiên, tôi không tài nào nhớ được kiếp tái sinh quá khứ của tôi. Vậy làm thế nào chúng ta có thể hoà hợp các điều nghịch lý đó được?

Đáp: Có vài người nhớ rõ kiếp tái sinh quá khứ của họ ngay trong kiếp hiện tại. Đây là trường hợp của các vị Phật và các vị được Điểm Đạo. Nhà Yogi gọi hình thức của ký ức này là Samma-Sambuddha hoặc sự tri thức một loạt các tiền kiếp.

Vấn: Nhưng chúng ta còn ở trong vòng sinh tử, chưa đạt được trạng thái Samma-Sambuddha, làm sao chúng ta có thể hiểu sự giống nhau như thế nào?

Đáp: Bạn có thể hiểu biết rõ bằng cách nghiên cứu ba loại giấc ngủ. Thật ra giấc ngủ là một định luật vừa tổng quát vừa bất di dịch đối với con người cũng như đối với loài thú; tuy nhiên có nhiều loại giấc ngủ, nhiều loại mộng mị và ảo ảnh còn phức tạp hơn.

Vấn: Những điều bà vừa nói hướng chúng ta đến một vấn đề khác. Bây giờ chúng ta nên trở lại thuyết duy vật. Thuyết này không phủ nhận giấc mơ, nhưng lại phủ nhận cá thể tính bất tử thường tồn riêng biệt.

Đáp: Tuy không tri thức điều đó, nhưng người theo phái duy vật hẳn có lý do.

Không đạt được tri thức về Manas bất tử, vì linh hồn của họ chẳng có một tri giác nội tâm gì về bất tử tính cũng như một sự tin tưởng nào cả, nên không bao giờ họ đạt được trạng thái Buddhi-Taijasi, mà chỉ là Manas đơn giản. Muốn hưởng một đời sống ý thức bên kia cửa tử, trước tiên chúng ta phải tin tưởng ngay trong kiếp hiện tại là có sự sống còn sau cửa tử. Triết lý của tâm thức hậu tử và của linh hồn bất tử đều căn cứ vào hai câu sau đây của khoa Huyền bí học. Chân ngã luôn luôn được thụ hưởng tùy công lao của nó. Sau khi xác thân tan rã, đối với Chân Ngã sẽ khởi sự hoặc một thời kỳ tâm thức hoàn toàn giác tỉnh, hoặc một trạng thái mộng mị hoang mang, hoặc một giấc ngủ mê không mộng mị mà chúng ta có thể ví như sự hủy diệt. Đó là ba loại giấc ngủ. Nếu các nhà sinh lý học nhìn thấy nguyên do của mộng mị và ảo ảnh trong sự chuẩn bị vô ý thức xảy ra vào những lúc họ thức giấc, thì tại sao họ không chấp nhận một trạng thái tương tự trong giấc mộng sau khi chết? Vậy tôi xin lập lại: sự chết là một giấc ngủ. *Sau lúc chết, chương trình mà chúng ta học hỏi và thường hay soạn thảo một cách vô ý thức, sẽ diễn ra trước cặp mắt tâm linh của linh hồn; chương trình này gồm có sự thực hiện những điều tin tưởng chính xác, hoặc những ảo tưởng do chúng ta đã tự tạo.* Sau lúc chết, người Méthodiste [43] vẫn còn theo giáo phái này, người theo Hồi giáo vẫn còn là tín đồ Hồi giáo ít ra cũng một thời gian tại Thiên Đàng tưởng tượng mà họ đã mơ ước lúc còn sống trong thể xác. Đây là những hoa quả của chúng ta gặt hái được từ Cây Sống sau khi lià trần. Dĩ nhiên tin tưởng hay thiếu đức tin của chúng ta đối với sự bất tử một cách ý thức sẽ không ảnh hưởng chi đến thực tại của sự kiện khi đã hiện tồn; nhưng đem áp dụng vào mỗi trường hợp sẽ tạo cho sự kiện đó một sắc thái đặc biệt. Bây giờ bạn đã bắt đầu ý thức hay chưa ?

Vấn: Tôi có thể hiểu. Người duy vật chẳng hề tin tưởng những gì mà giác quan không kiểm soát được, hoặc họ phủ nhận tất cả điều chi có thể chứng minh bằng luận lý khoa học cũng do giác quan bất toàn của họ cung cấp. Họ loại bỏ mọi sự biểu lộ tâm linh, chỉ chấp nhận sự sinh tồn hiện tại như là đời sống ý thức. Họ sẽ như thế nào tùy theo quan niệm của họ. Phải chăng vì thiếu Chân ngã cá nhân lúc từ trần, nên họ đắm chìm trong giấc ngủ mê man không mộng mị cho đến khi tỉnh dậy ?

Đáp: Gần đúng như thế. Bạn nên thấu triệt giáo huấn thực hành và phổ quát về hai loại linh hồn ý thức là trần gian và tâm linh. Vậy ta phải xem sự sinh tồn tâm linh là thực bởi dữ kiện vĩnh cửu duy nhất là Chân Thần bất tử ngụ nơi đó; còn

Chân Ngã tái sinh chỉ khoác vào bộ y phục mới khác hẳn bộ y phục cũ của kiếp tái sinh quá khứ. Các bộ y phục mà ngoài nguyên hình tâm linh còn lại, tất cả đều thay đổi không còn lưu lại một dấu vết nào cả.

Vấn: Vì sao cái "Ngã" ý thức và hồng trần của tôi có thể bị tan mất, không những trong một thời gian như tâm thức của người duy vật mà hoàn toàn không lưu lại một dấu vết nào cả ?

Đáp: Theo giáo lý của chúng tôi thì cái "Ngã" này phải bị tiêu tan hẳn, trừ phi nó phối hợp với Chân Thần trở thành một tinh túy thuần tâm linh, bất khả diệt, và là một trong Vĩnh Cửu. Nhưng trường hợp của người duy vật thì khác, vì cái "Ngã" cá nhân không phản chiếu Buddhi, làm sao Buddhi có thể mang vào Vĩnh cửu một mảnh nhỏ nào của phàm ngã tính hồng trần? Cái "Ngã" tâm linh của bạn vốn bất tử, nhưng từ cái Ngã hiện hữu của bạn, nó mới có thể mang vào Vĩnh cửu cái tương xứng với bản tính bất tử của nó, cũng như hương vị duy nhất của bông hoa mà sự tàn úa đã cắt ngang.

Vấn: Nhưng còn đóa hoa hay cái "Ngã" hồng trần thì sao ?

Đáp: Đóa hoa sẽ trở về với cát bụi và tất cả những đóa hoa quá khứ, vị lai, đã nở hoặc sẽ nở trên cành mẹ – sợi Sutratma, tất cả hoa đều do một gốc Buddhi – cái "Ngã" hiện tại không phải là thể xác của bạn đang ngồi trước mặt tôi, cũng không là Manas-Sutratma, mà chính là Sutratma-Buddhi.

Vấn : Những điều đó chưa giải rõ vì sao bà cho sự sống bên kia cửa tử vốn trường tồn, bất diệt, vô hạn và thực tại; còn đời sống trần gian là bóng ma, là ảo tưởng, theo tôi nghĩ đời sống hậu tử tự nó có giới hạn, nhưng rộng rãi hơn giới hạn đời sống trần gian nhiều.

Đáp: Chắc chắn là thế. Chân ngã tâm linh của con người hoạt động trong vĩnh cửu giống như quả lắc của chiếc đồng hồ qua lại giữa giờ sanh, tử. Nếu giờ phút ghi khoảng thời gian của kiếp sống trần gian và kiếp sống tâm linh được hạn định, nếu

các giai đoạn này trải qua vĩnh cửu giữa đời sống hồng trần và đời sống bên kia cửa tử, giữa ảo tưởng và thực tế, có khởi đầu và chấm dứt, thì người hành hương tâm linh vẫn bất tử. Theo quan niệm của chúng tôi, thực tại duy nhất trong thời kỳ hành hương là “chu kỳ các kiếp tái sinh”, hay chính là giờ của đời sống hậu tử của kẻ hành hương tâm linh, được đối diện với Chân lý chứ không là ảo ảnh hồng trần tạm thời. Mặc cho giới hạn, khoảng thời gian này không ngăn được Chân Ngã tiến theo con đường của nó tuần tự, chậm chậm, không xê dịch bên nào để luôn luôn hoàn hảo và mục tiêu cuối cùng là trở thành con người thiêng liêng? Các khoảng thời gian và các giai đoạn này giúp Chân Ngã thiêng liêng đạt được kết quả cuối cùng. Tôi đã so sánh qua hình ảnh quen thuộc cho bạn thấy Chân Ngã, cá thể tính như một kép hát, và các kiếp tái sinh đổi thay của Chân Ngã ví như những vai trò anh kép hát đã diễn trên sân khấu. Bạn có thể cho các vai trò và xiêm y mặc để đóng trò là cá thể tính của anh kép không? Trọn chu kỳ của nhu cầu duy trì đến trước thềm của *Tối Đại Niết Bàn*, *Chân Ngã giống như anh kép hát bị bắt buộc đóng nhiều vai* trò mà có lẽ Nó không ưa thích. Cũng như con ong hút nhụy trong mỗi đóa hoa, và để phần còn lại cho các loài côn trùng, cá thể tính tâm linh của chúng ta – dù được gọi là Sutratma hay chân ngã – rút từ phàm ngã tính hồng trần mà Karma bắt buộc phải tái sinh, và cá thể tính tâm linh phối hợp hương nhụy của các đức tính tâm linh, của thức tâm hữu ngã làm thành một toàn thể chui ra khỏi cái kén của nó như một vị Dhyana-Chohan vinh quang. Mặc cho các phàm ngã tính mà nó không gặt hái chi thêm, và chắc chắn chúng sẽ không tồn tại một cách ý thức với kiếp sống hồng trần của chúng.

Vấn: Dường như bất tử tính luôn luôn có điều kiện với phàm ngã tính hồng trần. Vậy bất tử tính phải chăng vô điều kiện?

Đáp: Không phải thế. Nhưng bất tử tính không thể va chạm đến cái không hiện tồn; đối với tất cả những gì hiện tồn như SAT, hoặc phát tán từ SAT, thì bất tử tính và Vĩnh Cửu là tuyệt đối. Vật chất là cực đối lập với Chân linh, tuy nhiên cả hai chỉ là một mà thôi. Và tinh túy của Chân linh, Động lực và Vật chất hoặc cả ba là một, thì vô thủy vô chung. Nhưng hình thức mà đơn vị tam nguyên này khoắc vào trong các kiếp tái sinh là ảo tưởng do quan niệm cá nhân của chúng ta. Vì thế chúng tôi gọi Niết Bàn và sự sống phổ quát là thực, của kiếp sống hồng trần gồm phàm ngã tính và cả đến sự sinh tồn nơi Thiên Đàng đều là ảo ảnh.

Vấn: Trong trường hợp này tại sao bà gọi giấc ngủ là thực tại và trạng thái thức tỉnh là ảo tưởng ?

Đáp: Đây chỉ là một sự so sánh để cho vấn đề được dễ hiểu và chính xác theo quan niệm hồng trần của chúng ta.

Vấn: Nếu kiếp sống vị lai được căn cứ vào sự công bằng hay sự ban thưởng xứng đáng đền bù mọi nỗi đau khổ của chúng ta tại trần gian, tôi không hiểu trong số những người duy vật có nhiều người thực sự lương thiện, bác ái tại sao phạm ngã tính của họ không còn chi cả, hay chỉ là một đoá hoa úa tàn ?

Đáp: Tôi không hề nói như vậy. Cá thể tính tâm linh không thể bị tiêu diệt dù họ là người duy vật thiếu đức tin. Điều tôi nói là tâm thức của người duy vật có thể biến mất hoàn toàn, hay chỉ một phần nào, vì vậy ý thức thuộc phạm ngã tính của họ không thể tồn tại.

Vấn: Nhưng thực sự chính đó là sự tiêu diệt?

Đáp: Không phải thế. Trong một cuộc hành trình dài bằng hỏa xa, ta có thể ngủ ngon khi xe vượt qua nhiều trạm dọc đường mà không hay biết; khi thức giấc ở một trạm xa hơn, để rồi tiếp tục cuộc hành trình cho đến nơi. Tôi có trình bày với bạn ba loại giấc ngủ: giấc ngủ không mộng mị, giấc ngủ có nhiều mộng lẫn lộn và giấc ngủ mà mộng mị trở thành thực tế đối với người nằm mơ. Nếu bạn tin tưởng loại giấc ngủ sau cùng. Bạn cũng có thể tin tưởng loại giấc ngủ thứ nhất. Đời sống bên kia cửa tử đúng theo những gì con người đã tin tưởng, và đã tự biểu lộ lúc còn sinh tiền. Kẻ nào không tin có đời sống vị lai sẽ rơi vào khoảng trống không giữa hai kiếp tái sinh; sự kiện này giống như sự tiêu diệt. Những điều chúng tôi vừa kể do chính người duy vật tạo ra. Tuy nhiên, như bạn đã nói, có nhiều hạng người duy vật: kẻ hung bạo, ích kỷ, phi nhân phải khóc cho chính cuộc đời của họ mà thôi; ngoài đức tin, nếu họ tỏ vẻ lạnh nhạt hoàn toàn đối với thế gian, họ sẽ mất trọn vẹn phạm ngã tính khi lìa trần. Thật sự phạm ngã tính chẳng có sự liên lạc tình cảm nào với lân cận, nó sẽ không bị ràng buộc vào sợi Sutratma, vì thế, sự liên lạc

giữa phàm ngã tính và Sutratma sẽ đứt đoạn lúc người duy vật thở hơi cuối cùng. Vì chẳng có một Thiên Đàng nào cho người duy vật, nên sợi Sutratma tái sinh ngay. Ngoài ra những người chỉ phạm một lỗi lầm là không tin tưởng vào kiếp sống vị lai, họ sẽ ngủ mê man; như vậy họ chỉ mất một trạm mà thôi. Một thời gian sau đó, người này cũng nhận thấy được sự hiện tồn trong Vĩnh Cửu, lúc bấy giờ có lẽ họ sẽ hối tiếc đã làm trể mất một ngày hay một giai đoạn của đời sống vĩnh cửu.

Vấn: Nếu chúng ta nói sự chết chắc chắn chỉ là sự tái sinh hay trở về với vĩnh cửu ?

Đáp: Bạn muốn trình bày như thế cũng được. Tuy nhiên có những tái sinh khác nhau, có những đứa trẻ "sơ sinh tử vong", chúng là sự thất bại của Tạo Hóa. Vả lại, Tây phương chấp nhận về đời sống vật chất khác biệt cho đến đổi họ từ khước những từ ngữ "sống linh động", "hiện tồn" ở trạng thái thuần túy chủ quan của đời sống hậu tử. Ngoài ra có vài triết gia này không có một quan niệm khá rõ ràng để trình bày chính xác những đề tài được đem ra thảo luận. Người Tây phương thường quan niệm về sự sống và chết quá hẹp hòi, nên tạo ra thuyết duy vật quá thô kệch, và còn duy vật hơn khi đời sống vị lai được diễn tả trong "thế giới trường hạ" (Summer Land) của các nhà Thần linh học. Trong thế giới này, con người ăn uống, cưới hỏi và sinh sống với nhau nơi một thiên đàng đầy nhục dục, ít triết lý hơn thiên đàng của Mohamet [44]. Quan niệm của người Cơ Đốc giáo không được giáo huấn cũng duy vật không kém, Trời Cơ Đốc với các thiên thần có xác thân, có kèn trống, cũng như địa ngục với ngọn lửa vật chất giống như một cảnh hoạt họa về lễ Giáng sinh.

Chính vì quan niệm hẹp hòi đó mà sự hiểu biết của bạn gặp nhiều trở ngại. Và chính vì linh hồn đã thoát xác, thiếu hẳn hình hài thô kệch, khách quan của đời sống trần gian, tuy có tất cả những đặc điểm của thực tại như trong vài loại giấc mơ mà các triết gia Đông phương ví như là những ảo ảnh của giấc ngủ.

TỪ NGỮ HẠN ĐỊNH CHỈ ĐỂ DIỄN TẢ CÁC SỰ VẬT HẠN ĐỊNH

Vấn: Bà có nghĩ đến sự lầm lẫn lẫn quan trọng của chúng ta về các quan năng liên hệ của những "khí thể" do chúng ta thiếu từ ngữ cố định và hạn

định, để định nghĩa mỗi "khí thể" trong con người chẳng ?

Đáp: Tôi có nghĩ đến điều này. Mọi sự lầm lẫn do lúc ban đầu, chúng ta dùng những từ Phạn Ngữ trong các bài diễn văn, hay thảo luận về "khí thể", thay vì tạo ra những từ Anh ngữ cho các nhà Thông Thiên Học sử dụng. Bây giờ chúng ta phải cố gắng sửa chữa.

Vấn: Bà nên thực hành để tránh một sự lầm lẫn lớn lao hơn. Đường như không có được hai nhà Thông Thiên Học đồng ý với nhau khi dùng một từ để gọi chung một "khí thể".

Đáp: Thật ra chỉ có sự lầm lẫn ngoại diện mà thôi. Tôi có nghe vài người Thông Thiên Học tỏ vẻ ngạc nhiên khi họ chỉ trích các đề tài diễn tả những "khí thể" này. Nếu xét kỹ, thì lỗi lầm đáng tiếc là người ta đã dùng từ ngữ "Linh hồn" để chỉ ba khí thể, mà lại không xác định đặc tính riêng biệt của chúng. Ông A. P. Sinnett, người đầu tiên và là một văn sĩ Thông Thiên Học rõ ràng nhất của chúng tôi, có viết mấy trang khuyến dụ về cái "Ngã Thượng Đẳng" [45]. Tư tưởng của ông bị vài người hiểu lầm do hai chữ "Linh hồn" mà ông đã dùng theo ý nghĩa tổng quát. Tuy vậy, tôi xin trình bày vài đoạn chứng minh ông Sinnett đã diễn tả và dẫn khởi rõ ràng về đề tài này. "... Khi nó bị thả trôi trên con sông của cơ tiến hóa như là cá thể tính nhân loại [46], linh hồn trải qua nhiều thời kỳ luân phiên của đời sống vật chất và tương đối tâm linh. Linh hồn nhân loại đi từ một cõi giới hoặc trạng thái của Tạo hóa đến một cõi giới khác dưới quyền điều khiển của các sự tương quan Nhân Quả của nó, nó sống, mang xác thân, đây là kiếp sống mà Nhân Quả đã chuẩn bị; trong các giới hạn và hoàn toàn nó thay đổi sự tiến bộ và – phát triển thêm Nhân Quả do việc sử dụng hoặc lạm dụng những cơ hội được đưa đến – nó trở về đời sống tâm linh (Thiên Đàng) sau mỗi kiếp vật chất và phải trải qua vùng trung gian Kama-Loka để hưởng nơi đó một sự nghỉ ngơi mát dịu, thu hút từ từ vào chất tinh túy những kinh nghiệm đã gặt hái trong kiếp sống trần gian vật chất, dưới hình thức sự tiến hóa của vũ trụ. Việc giải thích vấn đề sẽ gợi ra nhiều kết luận phụ thuộc cho những ai muốn suy gẫm: thí dụ sự chuyển giao của tâm thức từ Kama-Loka đến Dévakhan phải tuần tự [47]; trên thực tế, không có sự phân chia quá rõ rệt giữa các trạng thái tâm linh; quan năng của người sống đã chứng minh, thì cõi giới tâm linh và vật chất không tuyệt đối phân ra cái này với cái kia như lý thuyết

của phái duy vật đề xướng. Hơn nữa các trạng thái của Tạo hóa bao bọc chúng ta cùng một lúc và có liên quan đến các quan năng tri giác khác nhau v.v. . . Như vậy rất dễ dàng nhận thấy có người được thiên phú các quan năng tâm linh liên lạc với cõi tâm thức siêu hống trần trong kiếp sống trần gian; tuy nhiên phần đông không có các quan năng tâm linh đó nhưng tất cả mọi người có thể nhập vào trạng thái tâm thức không liên quan đến ngũ quan, cả đến giấc ngủ và . . nhất là các hiện tượng mộng du, thôi miên. Chúng ta hay linh hồn nơi chúng ta không bị lôi cuốn bấp bênh trên đại dương của vật chất. Chúng ta còn nhớ rõ vài quyền lợi đã ràng buộc ta vào bến bờ mà ta tạm xa cách một thời gian. Diễn trình của kiếp tái sinh chưa được xác định trọn vẹn khi được diễn tả dưới hình thức một kiếp sống luân phiên giữa hai cõi: vật chất và tâm linh, và khi linh hồn được trình bày như một thực thể thông linh hoàn toàn đi từ kiếp này sang kiếp khác. Định nghĩa chính xác nhất diễn trình nhục hóa như là sự tự xuất hiện trên cõi vật chất của chúng ta bởi một luồng sinh khí phát tán từ Linh hồn. Vậy, Vương quốc Tâm linh vẫn mãi mãi là nơi trú ngụ của Linh hồn, không bao giờ rời bỏ hoàn toàn; cái mảnh của Linh hồn này không thể hữu hình hóa và ở vĩnh viễn trên cõi Tâm linh được gọi là cái “NGÃ THƯỢNG ĐẲNG”.

Cái “Ngã Thượng Đẳng” là ATMA, “không thể được hữu hình hóa” như ông Sinnett đã nói. Hơn thế, nó không thể trở thành “khách quan” bất cứ trong trường hợp nào. Atman hay cái “Ngã Thượng Đẳng” thực sự là Brahma, là cái TUYỆT ĐỐI, không chi khác hơn. Trong trạng thái nhập định (Samadhi), tâm thức tâm linh cao nhất của người Đắc Đạo bị thu hút trọn vẹn vào cái tinh túy của Đơn Nhất là Atman, thế nên, không có điều chi khách quan đối với nó cả, vì tâm thức tâm linh là một với toàn thể. Nhưng có vài người Thông Thiên Học của chúng ta quen dùng từ ngữ “Ngã” (Soi) và “Chân Ngã” (Ego) đồng nghĩa; họ còn quen chỉ định dưới từ “Ngã” là cái “ngã” cá thể thượng đẳng của con người, hoặc cả đến “Chân Ngã” cá nhân trong khi chỉ nên dành từ đó cho cái Ngã Đơn Nhất và Phổ Quát. Do đó mới có sự lầm lẫn. Khi nói về Manas hay “Chân thân” với sự liên hệ của nó với ánh vinh quang rực rỡ của Buddhi, người ta có thể gọi là “Chân Ngã Thượng Đẳng” chứ không là cái “Ngã Thượng Đẳng”. Còn Buddhi hay “Linh hồn tâm linh” cũng không là cái Ngã mà là môi vật của cái Ngã thôi. Không nên nói hay viết về các “Ngã” khác như cái Ngã “cá thể”, cái Ngã “cá nhân” lại đồng thời không ghi nhận những đức tính, đặc điểm riêng biệt của chúng.

Trong sự nghiên cứu tốt đẹp về cái “Ngã Thượng Đẳng”, từ ngữ này được áp dụng cho khí thể thứ sáu hoặc Buddhi (đĩ nhiên phối hợp với Manas, nếu không có sự phối hợp đó thì chẳng bao giờ có khí thể hay phần tử *suy tưởng trong tâm hồn*

tâm linh), điều này đã gây ra nhiều nhầm lẫn.

Có sự xác định rằng: “Chỉ vào năm được bảy tuổi, đứa trẻ mới hoạch đắc khí thể thứ sáu hay Buddhi, hoặc nó sẽ trở thành một người có trách nhiệm về tinh thần, có khả năng tạo ra Nhân Quả (Karma). Sự xác định để chứng minh ý nghĩa của từ ngữ : NGÃ THƯỢNG ĐẲNG.

Do đó, ông Sinnett, một tác giả tài ba đã hoàn toàn hữu lý, vì ông giải thích rằng khi cái “Ngã Thượng Đẳng” được xâm nhập vào thể xác nhân loại, và tâm thức của Nó thấm nhuần phạm ngã tính – trường hợp này xảy ra nơi cơ thể rất tinh tế – thì những người được thiên phú cho các quan năng tâm linh có thể thảnh thơi tri giác thực sự cái Ngã Thượng Đẳng nhờ đặc tính tế nhị của giác quan”. Có người giới hạn phạm vi của từ ngữ “Ngã Thượng Đẳng” vào khí thể thiêng liêng phổ quát cũng hữu lý vì họ không hiểu rõ ý của tác giả. Bởi vậy, khi chúng ta đọc câu sau đây: “lúc tự biểu hiện trên cõi vật chất . . . cái Ngã Thượng Đẳng vẫn còn là một Chân Ngã tâm linh ý thức trên cõi liên hệ của Tạo hóa”, mà chúng ta chưa được chuẩn bị về sự thay đổi các từ ngữ siêu hình học . . ., chúng ta sẽ có khuynh hướng ví cái “Ngã Thượng Đẳng” là Atma”, và Chân Ngã tâm linh là “Manas” hay đúng hơn là Buddhi-Manas; do đó chúng ta chỉ trích cái toàn thể là không xác thực.

Để tránh sự lầm lẫn đã xảy ra, từ đây tôi xin đề nghị thay thế các từ ngữ Huyền bí Đông phương bằng các từ Anh ngữ tương đương, để sử dụng trong tương lai:

CÁI NGÃ THƯỢNG ĐẲNG	(Atma, tia sáng bất khả phân của cái NGÃ ĐƠN NHẤT và PHỔ QUÁT. Đó là Thượng Đế ở trên là: hơn là ở trong ta. Hữu phúc thay cho người nào cố gắng thấm nhuần Chân Ngã nội tâm của mình.)
---------------------	---

CHÂN NGÃ TÂM LINH	(linh hồn tâm linh hay Buddhi,phối hợp mật thiết với Manas, khí thể trí năng, nếu không có Manas, là: Buddhi chẳng phải là Chân Ngã (Ego), mà chỉ là môi vật của Atma.)
-------------------	---

CHÂN NGÃ NỘI TÂM (MANAS, khí thể 'thứ năm', được chỉ định cách
hay THƯỢNG ĐĂNG biệt lập hẳn với Buddhi. Khí thể trí năng này trở
là: thành Chân Ngã tâm linh khi hợp làm một với
Buddhi; không một người duy vật nào có được
một Chân Ngã như thế, dù họ có trí thông minh
đến đâu cũng vậy. Đó là Cá thể tính thường tại
hoặc "Chân Ngã tái sinh".)

CHÂN NGÃ HẠ (Con người vật chất phối hợp với cái Ngã hạ đẳng (hạ
trí)
ĐẰNG hay CÁ của họ, nghĩa là thú tính, dục vọng, ham
NHÂN muốn v.v. . . Người ta gọi nó là "phàm ngã tính
là: lầm lạc", gồm có Manas hạ đẳng phối hợp với
Kama-roupa, hoạt động nhờ xác thân vật chất
và bóng ma của nó hay "dĩ thái hình" (thể phách).)

Cái "khí thể còn lại Prana, hay sự 'sống' là động lực phóng quang, là năng lực
của Atma – như sự sống phổ quát và cái NGÃ ĐƠN NHẤT – năng lực này là trạng
thái thấp nhất và vật chất của Atma tự biểu hiện. Prana hoặc sự sống thấm nhuần
trọn vẹn vật của Vũ trụ khách quan, được gọi là "khí thể", yếu tố tối cần của con
người.

Vấn: Bảng liệt kê này giản dị, dễ hiểu hơn bảng thứ nhất rất là trừu tượng.

**Đáp: Vấn đề sẽ được hiểu biết dễ dàng nếu bảng liệt kê này được người thường
và người Thông Thiên Học chấp nhận.**

CHƯƠNG X

BẢN CHẤT CỦA NGUYÊN KHÍ SUY TƯ

CHƠN NGÃ HUYỀN NHIỆM

Vấn: Xin bạn giải thích về sự mâu thuẫn trong một đoạn của quyển "Phật Giáo Cương Yếu" (Catéchisme Bouddhiste), đoạn ấy cho rằng các Uẩn (Skandhas) được hiểu là ký ức và thay đổi theo mỗi kiếp luân hồi. Tuy nhiên người ta quả quyết rằng chính sự phản ánh của những kiếp sống đã qua vẫn được tồn tại. Thật sự tôi không hiểu điều này, xin bạn giải thích: cái gì vẫn tồn tại, duy trì ? Có phải chính sự phản ánh này không ? Có phải Uẩn hoặc luôn luôn là Manas của cùng một Chơn Ngã ?

Đáp: Nguyên khí luân hồi hay cái được gọi là Con Người thiêng liêng mà tôi vừa giải thích thật sự không hề bị hư hoại trong suốt khoảng thời gian tiến trình của sự sống. Nó không thể bị hư hoại chẳng những với tính cách là thực thể thông linh biết suy tư mà còn là dĩ thái hình. Cái phản ánh này chỉ là những kỷ niệm được tinh thần hóa trong thời gian ở Devachan (Thiên Đàng) của phàm ngã cũ – ông A hay bà B – Chơn Ngã tự đồng hóa với phàm ngã cũ đã có trong suốt khoảng thời gian này. Nên biết rằng thời gian Devachan chỉ là sự kế tiếp của kiếp sống ở trần gian, hay đúng hơn chỉ là một chuỗi liên tục của những lúc toại hưởng đầy đủ hạnh phúc mặc dù rất hiếm hoi của kiếp sống đã chấm dứt này, và để còn lại một điều gì đó mà chơn ngã tự đồng hóa với ý thức phàm ngã của kiếp sống trần gian.

Vấn: Điều đó có nghĩa là mặc dù Chơn ngã có bản chất thiêng liêng và đã trải qua một thời kỳ mà tinh thần bị đen tối hay mất tinh táo tạm trong giai đoạn giữa hai kiếp luân hồi chẳng ?

Đáp: Sự kiện đó bạn có thể xét đoán theo ý bạn thích. Nhưng với chúng tôi,

những người Thông Thiên Học đều tin rằng ngoài cái thực tại đơn nhất thì tất cả chỉ là ảo ảnh tạm bợ mà thôi. Chúng tôi không nhìn thấy ở đó mất sự tinh tảo mà là một sự nối tiếp hay một sự khai triển thuần tự nhiên của kiếp sống hồng trần. Vậy thì cuộc sống là gì ? Đó là một tập hợp những kinh nghiệm khác nhau, những ý kiến, những xúc động cũng như những ý tưởng đổi thay từng ngày. Lúc còn trẻ, chúng ta thường tận tụy nhiệt thành với một lý tưởng nào đó hoặc với một vị anh hùng hay anh thư mà chúng ta tìm cách noi gương hay làm cho sống lại nơi chúng ta. Vài năm sau khi lòng hăng say của tuổi trẻ lần lần tàn phai và khi chúng ta trở nên bình thản hơn thì đối với những ảo ảnh đó, trước hết sẽ có chiều hướng thay đổi. Tuy nhiên, một ngày nào đó, lúc mà phạm ngã hoàn toàn đồng hóa với cái ngã lý tưởng của chúng ta thì cả hai hoàn toàn tan rã cùng với nhau.

Người ta có thể nói rằng người đến tuổi 50 cũng như người 20 tuổi chẳng ? Con người nội tâm vẫn như trước nhưng bề ngoài linh động và hoàn toàn thay đổi. Bạn có thể cho sự thay đổi trạng thái tinh thần của con người là sự mất sáng suốt không ?

Vấn: Vậy còn bạn, bạn gọi những người ấy như thế nào ? Và nhất là bạn giải thích như thế nào về sự trường tồn của cái này và tính cách phù du giả tạm của cái kia ?

Đáp: Những sự việc đó, giáo lý của chúng tôi giải thích dễ dàng. Bí quyết nằm ở chỗ ý thức kép của nguyên khí trí tuệ. Chính là tâm thức tinh thần - sự sáng suốt của trí tuệ tỏ ngộ bởi ánh sáng của Tuệ giác thể; tâm thức tinh thần này có thể soi thấu các vấn đề trừu tượng chủ quan và tâm thức nhạy cảm (ánh sáng của hạ trí) thật sự không thể phân ly trí óc con người với các giác quan hồng trần (giác quan của thể xác). Tâm thức hồng trần thuộc vào bộ óc và giác quan vật chất, vì nó hoàn toàn lệ thuộc vào đó và cần phải trải qua, đồng thời tiêu tan cùng một lúc với sự tan rã của bộ óc và các giác quan vật chất của con người. Chỉ có tâm thức thiêng liêng mà cội nguồn ở trong vĩnh cửu là thật sự tồn tại mãi mãi. Sự kiện này mới được xem là bất tử. Tất cả những gì còn lại chỉ là ảo ảnh phù du.

Vấn: Trên thực tế, bạn hiểu sao về các ảo ảnh này ?

Đáp: Đây là đoạn sách tuyệt diệu mà tác giả của quyển “Thượng Ngã” đã viết ở trên: “Lý thuyết mà chúng ta bàn đến, tức là sự trao đổi giữa Chơn Ngã Thượng Đẳng và Chơn Ngã Hạ Đẳng hay cá nhân đều rất phù hợp với việc chúng ta lặng xem thế giới mà chúng ta đang sinh sống đầy dẫy ảo ảnh phù du, trong khi cảnh giới tinh thần của Thiên Nhiên mới là cảnh giới trù tượng hay Thực Tại (plan de la Vérité). Có thể nói, đây là vùng mà linh hồn ngự trị; cõi giới này còn hiện thực hơn là cõi mà cánh hoa phù du chớm nở trong buổi ban mai ngấn ngủ để rồi sau đó tàn tạ, rã rời, còn thân cây thu hút sinh lực để tạo ra hoa mới. Thí dụ các hoa này chỉ được nhận thức bằng các giác quan thông thường của con người, nếu rễ của chúng tồn tại trong một trạng thái thiên nhiên không lộ dạng và vô hình thì các triết gia trong thế giới chúng ta nghi ngờ rằng cội rễ của chúng ở trong một cảnh giới sinh tồn khác nâng đỡ hoa chớ thực sự không phải là thân cây; như vậy chúng không quan trọng và là những ảo giác trong một lúc nào đó thôi ?

Đây là điều mà chúng tôi muốn nói rằng không phải là cảnh giới của hoa, của cuộc sống phù du mà là cõi giới hiện thực, thường tồn, kẻ nào tìm được nơi đó cội nguồn của sự hiểu biết, chính cội nguồn này sẽ tồn tại trong Vĩnh Cửu và vượt qua mọi ảo ảnh

Vấn: Vậy nguồn cội trong Vĩnh Cửu là gì ?

Đáp: Chính nguồn cội này là thực thể thông linh biết suy tư. Chơn ngã luân hồi mà chúng ta xem như một Thiên Thần, một Tinh thần hay một Sức mạnh. Tất cả những gì mà giác quan của chúng ta nhận thức được đều phát triển trực tiếp từ cội nguồn vô hình này và có thể chia xẻ cuộc sống vĩnh hằng, bất tử. Vậy tất cả những tư tưởng cao thượng, những ý nghĩ cũng như mọi ước muốn của phàm ngã đều được Chơn Ngã tác động cho linh hoạt và thường tại vì chúng phát xuất và được nuôi dưỡng từ nguồn cội này.

Về phần tâm thức vật chất có tính chất của nguyên khí nhạy cảm nhưng thấp kém (cảm dục thể hay bản năng động vật được chiếu sáng do phản ánh của hạ trí) đều phải tan rã. Tâm thức cao biểu lộ hoạt động trong khi thể xác say ngủ hay bị tê liệt, những ký ức này chúng ta chỉ ghi lại được nhưng yếu ớt và không chính xác do sự tự động nên thường không có ấn tượng nào.

Vấn: Vì sao thể trí (Manas) mà bạn gọi là Nous có nghĩa là một vị

Thượng Đế lại yếu ớt đến nỗi trong mỗi kiếp luân hồi hoàn toàn bị thế xác chế ngự ?

Đáp: Tôi có thể trả lời bạn bằng một câu hỏi tương tự: "Vì sao bạn xem như có một vị Thượng Đế của các Thượng Đế" và vị Thượng Đế độc nhất lại yếu ớt đến nỗi cho phép những điều ác (hay quỷ dữ) có được sức mạnh hơn Ngài và tất cả mọi sinh vật khác – con cái Ngài, trong khi Ngài đang ngự trên Thiên Đình hay hóa thân nơi cõi ta bà này ?

Chắc chắn bạn sẽ trả lời rằng: "Đó là điều huyền nhiệm mà chúng ta là kẻ phàm tục đừng nên xen vào việc bí mật của Ngài". Giáo lý của chúng tôi không phải làm các việc đó và tôi xin nói với bạn rằng Thượng Đế không bao giờ lâm phạm như một vị Hóa Thân, lý do là không thể nào một nguyên thể thiêng liêng lại bị đóng khối và giam cầm trong vật chất hiếu động, tầm thường được. Trong thế giới ảo ảnh của chúng ta luôn luôn tính dị đồng cũng nằm trên tính tương đồng và một tinh hoa nào càng gần gũi với cội nguồn của nó hay là sự Tương Đồng Nguyên Thủy thì càng khó cho nó biểu lộ trên cõi trần. Bạn nên nhớ rằng các quyền năng tâm linh thiêng liêng cao cả đang yên ngủ trong bất cứ sinh linh nào cũng như trong phạm vi thị kiến huyền linh nào được nở rộng thì vị Thượng Đế trong sinh linh đó càng trở nên có quyền năng hơn. Tuy nhiên rất ít người tri thức được vị Thượng Đế này. Nói chung thì Thượng Đế tính luôn luôn có giới hạn và liên kết trong tư tưởng chúng ta với những quan niệm và những tư tưởng mà chúng ta đã in sâu từ thuở còn thơ. Điều này để cho bạn hiểu rõ vì sao có biết bao nỗi khó khăn để am tường giáo lý của chúng tôi.

Vấn: Có phải Thượng Đế chính là Chơn Ngã của chúng ta không ?

Đáp: Không phải vậy. Thượng Đế tính không phải là một vị Thượng Đế mà chính là một tia sáng của đại dương duy nhất của Lửa Thiêng (Feu divin). Vị Thượng Đế nơi chúng ta hay là "Cha chúng ta ở trên Trời" là cái mà chúng ta gọi là Chơn Ngã thiêng liêng hay Thượng Đẳng, ATMA. Còn Chơn Ngã luân hồi của con người phát xuất từ Thượng Đế cũng như sự phân thân nguyên thủy của Nguyên Lý Đơn Nhất và bất tri. Nhưng từ khi đắm mình vào vật chất trọng trược, bắt buộc cam chịu nhiều kiếp luân hồi nối tiếp, bao lâu mà chu kỳ này còn kéo dài. Thế nên, từ lúc khởi đầu đến lúc kết thúc, cái Ngã đó đâu phải là một vị thần tự do, hạnh phúc mà

là một kẻ hành hương khốn khổ đang lang thang trên đường trần hầu tìm lại những gì đã mất. Vậy, để cho sự dẫn chứng đầy đủ hơn chúng tôi kể ra đây đề mục “Con Người Nội Tâm” trích ra từ quyển “Isis Unveiled” (quyển 2, trang 593).

“Vào thời xa xôi nhất, loài người luôn luôn thất bại về sự hiện tồn của một Thực thể Tinh thần và phàm ngã trong con người vật chất. Thực thể thông linh bên trong này ít nhiều đều có tính chất thiêng liêng tùy theo mức độ tiến hóa đến gần tuyệt đối hay không. Sự kết hợp này càng chặt chẽ thì số phận con người càng sáng sủa hơn đồng thời các sự việc bên ngoài càng ít nguy hại. Sự tin tưởng này không quá sùng tín, cũng không phải mê tín mà là tình cảm theo bản năng luôn luôn hiện hữu cận kề cõi giới tâm linh vô hình. Cõi giới này mặc dù chủ quan đối với giác quan của phàm ngã lại hoàn toàn khách quan đối với Chơn Ngã bên trong (Ego intérieur). Hơn nữa người ta tin tưởng có những điều kiện bên ngoài và bên trong cùng lúc ảnh hưởng sự quyết định của ý chí trong hành động của chúng ta. Họ bác bỏ sự may rủi vì may rủi gợi ý hành động một cách mù quáng do khả năng còn mù quáng hơn. Người ta thường tin vào số mạng giống như con nhện giăng tơ. Số mạng này lại được hướng dẫn của sự hiện diện được gọi là Thần Hộ Mạng (L’Ange Gardien) hay con người cảm dục bên trong của chúng ta rất thân thiết hơn hết, nhưng thường là hung thần của con người vật chất, xác thịt của phàm ngã tính. Cả hai đều dẫn dắt Con người, nhưng một trong hai kẻ này cần sự xui giục, kích thích họ. Thế nên ngay từ lúc bắt đầu cuộc chiến vô hình thì định luật đền bù cũng như báo oán không đội trời chung đã nghiêm khắc bước vào cuộc chiến và phải thành tựu, theo dõi một cách trung thực những diễn biến của chiến trận. Khi sợi chỉ cuối cùng đã dệt xong và khi con người tự bộc mình trong chiếc lưới do chính mình dệt ra; bấy giờ con người cảm thấy mình hoàn toàn nằm trong phạm vi của số mạng mà mình đã tạo ra. Y bị gắn chặt vào cái vỏ sò dính cứng vào hòn đá bất động hoặc mang y đi như một chiếc lông hồng trong cơn gió lốc do chính hành động mà y đã thực hiện.

Đó là số phận của CON NGƯỜI, của Chơn Ngã đích thực chứ không là Người Máy có cái vỏ mà người ta gán cho tên gọi. Chính CON NGƯỜI này sẽ trở thành kẻ chiến thắng vật chất.

BẢN CHẤT PHỨC TẠP CỦA THỂ TRÍ

(De la Nature complexe de Manas)

Vấn: Bạn định nói gì với chúng tôi về bản chất chính yếu của thể trí và sự liên quan của nó với các thuộc tính [48] của con người vật chất ?

Đáp: Chính bản chất huyền bí này hay thay đổi, không nhận ra được và hầu như lỏng lẻo trong sự liên quan với các nguyên khí khác, hiểu được thể trí đã là điều khó mà giải thích nó lại còn khó hơn. Thể trí là một "Nguyên khí" đồng thời là một "Thực thể", một cá tính hay Chơn ngã. Đó cũng là một vị Thượng Đế song đang bị bắt buộc trải qua một chu kỳ vô tận của luân hồi sanh tử. Thể trí chịu trách nhiệm mỗi chu kỳ và nhận chịu đau khổ vì đó. Tất cả những điều này vừa trái ngược vừa nan giải nhưng có hàng trăm người, ngay cả ở Âu-Châu hiểu đúng những điều đó do họ suy xét Chơn ngã dưới nhiều khía cạnh khác nhau chứ không ở cái tổng thể mà thôi. Tuy nhiên nếu tôi muốn hiểu, tôi phải khởi sự từ đầu, vậy tôi xin nói vắn tắt về khởi nguyên của Chơn ngã này.

Vấn: Xin bạn hãy nói đi.

Đáp: Tôi cố gắng trình bày với bạn một tinh thần (Esprit), một sinh linh siêu đẳng (Être céleste) dù chúng ta có gọi nó dưới tên này hay tên khác thì bản chất chính yếu của nó vẫn thiêng liêng, nhưng chưa thể trong sạch để trở thành một với Vạn Hữu, nên phải trải qua một thời kỳ thanh lọc mới đạt được mục đích đó. Vậy phương pháp duy nhất để thành tựu là phải qua giai đoạn có tính cách cá nhân tính và giai đoạn phạm ngã tính, nghĩa là phương diện tinh thần và phương diện thể chất. Điều cần yếu là phải trải qua tất cả kinh nghiệm nơi cõi giới của kiếp người mà cái tinh túy cốt yếu nhất chính là TƯ TƯỞNG. Thế là tại sao người ta gọi điều đó theo nghĩa quảng đại là Manasaputra hay là "Con của Thượng Trí" (Đại Đồng). Chính "Tư Tưởng" được cá tính hóa này mà chúng tôi, những người Thông Thiên Học gọi là Chơn ngã thật của con người, Thực Thể Suy Tư bị giam cầm và bao bọc trong cái vỏ nhục thể. Thực Thể thông linh này không thuộc về một điểm Vật Chất nào cả. Những thực thể như thế là Chơn ngã luân hồi, chính nó làm cho vật chất sinh động được gọi là giới nhân loại có tên là MANASA hay là sự Thông Tuệ (Intelligences). Tuy nhiên một khi đã nhục hóa hay luân hồi thì tinh hoa của chúng tăng lên gấp đôi, nghĩa là với bản chất thực thể thông linh biệt ngã tính nhưng tia sáng (rayons) của Thượng Trí thiêng liêng, vĩnh cửu lại khoắc lấy một thuộc tính (attribut) kép (double):

a) Tinh thần chủ yếu của chúng cố hữu và đặc thù đang khao khát hướng thượng (Thượng Trí); và:

b) Khả năng suy tư của con người hay sự tư lương của động vật trở nên duy lý nhờ bộ óc cao siêu của con người, còn Hạ trí (Manas inférieurs) tiến xuống Nghiệp quả trần gian (Karma). Một đàng hướng lên cõi Bồ-Đề; một đàng xuống thấp đắm chìm vào cõi dục lạc và các thú vui của nhục thể. Thế nên những người này không bao giờ được an hưởng nơi chốn Thiên Đàng (Devachan) hay hợp nhất với Tam Thể Thượng thiêng liêng như là một với Đơn Nhất tràn đầy phúc lạc tinh thần. Song đó là Chơn ngã, thực thể trí tuệ, có trách nhiệm đối với tất cả lỗi lầm của các thực thể thấp cũng như một người cha phải chịu trách nhiệm những lỗi lầm của con cái cho đến khi chúng trưởng thành mới thôi.

Vấn: Có phải đứa con này là phàm ngã không ?

Đáp: Đúng vậy. Tuy nhiên khi người ta nói "phàm ngã" chết với xác thân không phải là cả hai cùng chết hết. Thể xác chỉ là biểu tượng khách quan của ông A hay bà B sẽ biến mất cùng với các Uẩn vật chất vốn là những biểu lộ hữu hình (sắc tướng) của nó. Còn về kinh nghiệm tinh thần thu thập được qua những kiếp sống trần gian như: hoài bão, ước mơ cao thượng, lòng từ ái muôn đời bất diệt cũng như bản chất bất vụ lợi, vô tư của ông A hay bà B trong thời gian ở Devachan sẽ kết hợp lại với Chơn ngã, đoạn sẽ đồng hóa với cái phần tinh thần của thực thể hồng trần mà từ nay trở đi sẽ tan biến. Diễn viên đã lâu thông vai trò mà y vừa đóng cho đến nỗi trong suốt thời gian ở Devachan, y đã mơ tưởng đến nó và ảo ảnh này diễn ra liên tục cho đến khi y trở lại sân khấu của cuộc đời để lại là diễn viên của vai trò mới.

Vấn: Nhưng vì sao giáo lý mà bạn cho là quá lâu đời như tư tưởng của con người lại không được Thần học Cơ Đốc thừa nhận ?

Đáp: Bạn đã lầm lẫn về điều đó rồi. Triết lý này đã được thừa nhận, nhưng Thần học đã nhìn như nhiều triết lý khác và đã hiểu sai. Theo Thần học thì Chơn ngã là Thiên thần mà Thượng Đế ban cho chúng ta từ lúc mới sinh ra để săn sóc linh hồn. Theo luận lý Thần học thì chẳng phải chính vị Thiên thần này chịu trách nhiệm về

sự vi phạm của linh hồn khốn khổ, bất lực, kém khả năng mà nó phải gánh lấy tội lỗi của linh hồn và thể xác gây ra. Linh hồn là luồng hơi phi vật chất (souffle immatériel) hay sự sáng tạo của Thượng Đế, một mảnh lực tinh thần lại bị kết tội và thiêu đốt đời đời trong hỏa ngục vật chất, trong khi đó, vị Thiên thần thoát khỏi hình phạt bằng cách xếp lại đôi cánh trắng đã thấm ướt vài giọt lệ. Vâng, đây là những “Thiên thần phụng sự chúng ta”, những “Thông điệp của lòng từ ái” gửi xuống cho con người như Giám mục Mant đã viết:

“ . . . để chúc lành cho những kẻ được Cứu Rỗi; vì họ luôn luôn thương xót, khi chúng ta phạm tội và họ vui mừng, khi chúng ta biết ăn năn”.

Song dường như tất cả các Giám mục trên hành tinh này khi được yêu cầu giải thích về những gì họ hiểu biết cũng như về chức năng của linh hồn, họ không thể chứng minh cho chúng ta một mảy lí luận nào về sự tin tưởng chính thống của họ !

GIÁO LÝ NÀY ĐƯỢC GIẢNG DẠY TRONG PHÚC ÂM THEO THÁNH JEAN

Vấn: Những kẻ bám víu vào sự tin tưởng này có thể giải thích, dù chỉ phần nào thôi, rằng giáo lý chính thống hăm dọa kẻ có tội và duy vật, về sự khốn khổ trong một hỏa ngục với một ít quá hiện thực. Mặt khác, giáo lý đó cho họ được may mắn vào phút cuối cùng của cuộc sống là sự ăn năn hối lỗi. Ngoài ra họ không dạy về sự hủy diệt và sự mất phàm ngã.

Đáp: Nếu Giáo hội không giảng dạy về điều đó thì Đức Jésus đã làm rồi và vấn đề này không quan trọng trong con mắt của những kẻ đặt để Ngài cao hơn Cơ Đốc Giáo.

Vấn: Đức Christ có dạy những điều tương tự như thế không ?

Đáp: Chắc chắn có. Cũng như bất cứ nhà Huyền linh học nào có kiến thức rộng và ngay cả các nhà Bí giáo Do Thái cũng có thể giải thích điều đó với bạn. Nếu bạn thích, thì trong quyển Phúc Âm thứ tư, Đức Christ có dạy về vấn đề luân hồi và sự hủy diệt của phàm ngã miễn là người đọc đừng quá chú trọng nghĩa đen, chỉ để ý đến tinh thần bên trong mà thôi. Bạn hãy chú ý câu 1 và 2 chương XV của Thánh

Jean. Ngụ ý nói gì nếu không phải là Tam Thể Thượng trong con người? Linh thể Atma [49] là Người trồng Nho; Chơn ngã tinh thần hay Bouddhi (Christos) là Gốc Nho; trong kinh Sinh hồn (l'Âme animale) và sự sinh động hay phàm ngã là Cành Nho (Branches). "Ta thực sự là Gốc nho, Cha ta là Người Trồng Nho. Người chặt những Cành nho nơi ta không mang trái. Cũng thế đó nếu có một Cành nho không thể mang trái vì không còn dính với Gốc Nho; người cũng thế, nếu người không ở nơi ta thì người chẳng tạo ra điều gì được. Ta là Gốc nho, Người là Cành nho, Cành nho sẽ khô héo, người ta sẽ ném nó vào lửa cho cháy tiêu tan".

Bây giờ chúng ta nên giải thích những lời nói bóng bẩy này. Thật sự chúng tôi không tin vào ngọn lửa địa ngục do khoa Thần học nêu ra để hăm dọa các "cành nho", theo chúng tôi thì "Người trồng nho" là ATMA, biểu tượng của nguyên khí vô ngã và vô tận [50], còn Gốc nho là Linh hồn Trí năng, Christos, và mỗi "Cành Nho" tượng trưng mỗi kiếp luân hồi mới.

Vấn: Bạn dựa vào chứng cứ nào để tự do giải thích như thế ?

Đáp: Sự giải thích này không tự do độc đoán chút nào vì khoa biểu tượng học phổ quát đảm bảo sự chính xác của chúng tôi. Hermes nói rằng: "Thượng Đế trồng nho", có nghĩa là Ngài tạo ra giới nhân loại. Theo kinh Cabale thì Người Thái Cổ (L'Ancien des Anciens) hay người "Trường Diện" (Long Visage), tượng trưng trồng một "cây nho", biểu tượng giới nhân loại, và một "gốc" nho có nghĩa là Sự Sống. Điều này giải thích tại sao người ta chứng minh với chúng tôi về tinh thần của Thánh Vương từ lúc sáng tạo thế giới hữu hình đã giặt giũ y phục trong thánh tửu của cõi Trời. Thánh Vương tức là Chơn Ngã tự thanh lọc bằng cách giặt giũ y phục (có nghĩa là phàm ngã của các lần tái sinh của Chơn Ngã) trong thánh tửu là Buddhi. Vậy Adam hay A-dam chính là "máu". Sự sống của nhục thể ở trong máu (nephesh – âme). Và Adam Kadmon là Người Con Trai Duy Nhất (le Fils unique), Noé cũng đã trồng một cây nho: chiếc nôi biểu hiệu của nhân loại tương lai. Vì như đã chứng minh, biểu tượng này thường được thừa nhận do chúng tôi đã tìm thấy trong Codex Nazaroeus. Bảy Gốc Nho – Bảy Giống Dân của giáo lý chúng tôi với Bảy Đấng Cứu Thế hay Đức Phật – được sanh ra. Bảy gốc nho này sinh ra từ Lukabar Zivo, và Ferho (hay Parcha) Raba vun tưới chúng (Codex Nazaroeus), quyển III, trang 60). Khi những kẻ may mắn vươn lên giữa các sinh vật của Ành Sáng, họ sẽ thấy Lavar-Xivo, Chúa tể của Sự Sống và Gốc Nho Đầu Tiên. Như vậy những ẩn dụ của Do Thái Bí Giáo được tìm thấy tự nhiên trong Phúc Âm theo Thánh

Jean (XV, 1).

Chúng ta không nên quên rằng ngay cả các triết học cũng không biết sự phân chia bảy thể của chúng ta, trong con người thì Chơn ngã hay người suy tư được gọi là Thượng Đế (Logos) là con của Linh hồn và của Tinh thần. "Manas là con nuôi của Vua – và Hoàng Hậu – " (thuật ngữ bí truyền tương đương với Atma và Buddhi), đã được nói đến trong một tác phẩm huyền môn. Đó là "thánh nhân" của Platon, chính vị thánh nhân này tự đóng đinh trong không gian (suốt khoảng chu kỳ của sự sống) hầu chuộc lại vật chất (rédemption de la Matière). Ngài làm việc đó bằng vô số kiếp tái sinh để hướng dẫn nhân loại đi đến sự hoàn thiện và để lại vị trí cần thiết cho những hình thể thấp kém phát triển thành những hình thể cao hơn. Dù chỉ trong một kiếp sống, Ngài vẫn làm việc không ngừng cho sự tiến bộ và giúp cho toàn thể bản chất hồng trần được phát triển. Ngay cả những trường hợp hiếm có, Ngài phải chịu đánh mất một trong các phàm ngã của Ngài vì phàm ngã này hoàn toàn không có chút tia sáng tinh thần nào. Sự mất mát này trợ lực cho cá thể được tiến bộ.

Vấn: Nhưng nếu Chơn Ngã chịu trách nhiệm cho tội lỗi của những phàm ngã của nó thì Chơn ngã cũng phải mất hoặc bị hủy diệt hoàn toàn trong một của các phàm ngã.

Đáp: Không có điều đó trừ phi Chơn ngã không tác động gì cả hầu tránh cái chung cuộc đáng trách này. Tuy nhiên mặc dù hết sức cố gắng, tiếng nói của Chơn ngã hay tiếng gọi của lương tri con người không thể xuyên qua bức tường vật chất (vô minh). Tiếng nói hay điệu âm này không thể xuyên thủng bản chất không hoàn thiện, còn đối với thiên nhiên thì phàm ngã đó kể như đã thất bại. Thế nên, Chơn ngã đủ bị trừng phạt do mất tâm cảnh Devachan và khi bắt buộc luân hồi hầu như tức khắc.

Vấn: Triết lý về sự mất Linh hồn hay mất phàm ngã của linh hồn như bạn gọi, thật hoàn toàn không phù hợp với lý thuyết của người theo Cơ Đốc giáo và của các nhà Thần linh học; mặc dù Swedenborg nhìn nhận, đến một điểm nào đó, điều mà có người gọi là "Cái Chết Tinh Thần"(Mort Spirituelle), nhưng người ta không hề chấp nhận sự việc này.

Đáp: Đó là một sự kiện thiên nhiên không thể thay đổi chút nào. Đã là một sự kiện, thì không thể ngăn cản sự kiện đó xảy ra. Vũ trụ với tất cả những gì hiện hữu trong đó như : luân lý, trí tuệ, vật chất, tâm linh hay tinh thần vốn được thiết lập trên một định luật thăng bằng và hài hòa hoàn hảo. Vả lại như đã nói ở trên (bạn hãy đọc Isis Dévoilée), lực hướng tâm không bao giờ tự biểu lộ mà thiếu lực ly tâm, trong các cuộc tuần hoàn của các thiên thể cũng như tất cả hình hài sắc tướng cùng sự tiến bộ của chúng đều là sản phẩm của năng lượng nhị nguyên trong thiên nhiên. Hoặc Tinh Thần (hay Bouddhi) là năng lượng tinh thần ly tâm; còn linh hồn (Manas) là năng lượng hướng tâm; vậy, muốn tạo thành một kết quả duy nhất cần phải có sự liên hợp và hài hòa hoàn toàn. Nếu chuyển động hướng tâm của linh hồn trần tục có khuynh hướng tiến về trung tâm thu hút nó bị gãy vỡ hay ngăn trở sự tiến bộ của nó, hoặc bị đứng lại bởi một trọng lượng vật chất quá trọng trước đối với linh hồn hay đối với trạng thái Devachan, thế là sự hòa hợp của toàn thể bị đổ vỡ. Kiếp sống của phàm ngã hay đúng hơn cái phản ánh lý tưởng của nó chỉ có thể được nối tiếp nếu cuộc sống đó được chống đỡ bởi một lực đôi (double force) do sự phối hợp chặt chẽ của Bouddhi và Manas trong mỗi kiếp tái sinh hay đời sống phàm ngã. Vậy sự lệch lạc nhỏ nhất trong việc hòa hợp sẽ làm ngăn trở nó – và khi sự lệch lạc đó ngoài tất cả điều cứu chuộc thì hai lực đó sẽ tách rời đúng lúc con người thở hơi cuối cùng. Sau một thời gian ngắn, sắc tướng của phàm ngã (forme personnelle) (được gọi cách khác là Kama Roupa và huyền hình :Mayavi-Roupa), chính lực này mà sự nở hoa tâm linh được dính liền với Chơn Ngã theo vào Devachan, và cung cấp (lúc này có thể nói như vậy) màu sắc cá biệt của nó cho cá tính thường tồn – được tinh luyện, và từ từ chịu tiến trình hủy diệt nơi đây. Sau khi chết, giai đoạn phê bình tối thượng sẽ đến đối với những kẻ hoàn toàn trụy lạc, tán tận lương tâm, và sự tàn bạo không thể được cứu chuộc. Nếu sự cố gắng cuối cùng, và cao cả của Bản ngã Nội tâm (Manas), ngõ hầu nổi lại một phần phàm ngã của chính nó với tia sáng cao cả của Kim Thân **[51]** (Bouddhi) thiêng liêng siêu tuyệt, và phần này, nếu bị ngăn trở trong kiếp sống hồng trần, đồng thời để cho lớp vỏ của não bộ vật chất bao bọc quá dày, nên tia sáng đó không thể xuyên qua được. Lúc bấy giờ, Chơn ngã tâm linh, hay Manas, có thoát khỏi thể xác hồng trần, vẫn hoàn toàn tách rời với dấu vết của dĩ thái phàm ngã, và chính phàm ngã này, hay cảm dục thể (Kama-roupa), bị thu hút về Hadès mà chúng ta gọi là Kama-loka, để rồi không rời nơi đó nữa. Có thể nói, khuynh hướng của phàm ngã là đi xuống. Đây là những “Cảnh Nho khô” mà Đức J  sus đã dạy việc người ta chặt chúng khỏi Gốc Nho (Cep).

Tuy nhiên , sự mất v  a, kinh hoàng ở cõi đó, không phải tạm thời mà đòi hỏi nhiều thế kỷ để cho được trọn vẹn. Phàm Ng   vẫn ở cảm dục giới cùng với các

phần còn lại của những phạm ngã khác may mắn hơn, để rồi trở thành ma hình (coque), và tinh linh như chúng. Như chúng tôi có viết trong quyển Isis Dévoilée, đây là hai loại "Vong linh": Ma hình và Tinh linh, chúng đóng vai trò quan trọng, chính yếu trong các cảnh tượng "hiện hình" của kẻ Chiêu hồn (Spirites). Tôi cam kết với bạn, chúng không thuộc vào dạng luân hồi, vì sao có một ít trong số "người thân đã chết đó" lại biết vài điều về luân hồi, thế là họ có thể đánh lừa kẻ Chiêu Hồn.

Vấn: Nhưng người ta đã tố giác tác giả quyển Isis Dévoilée đã viết những điều trái ngược với sự luân hồi.

Đáp: Thật sự họ không biết gì về những điều mà tác giả đã thuyết giảng trong Isis Dévoilée. Khi tác phẩm này xuất bản, không có người nào trong số những người Thần linh học Anh và Mỹ tin thuyết luân hồi, chỉ có các đồng tử Pháp liên quan đến vấn đề này mà lý thuyết thì vô lý và thiếu triết lý. Trong khi đó, giáo huấn của Đông Phương hiển nhiên hợp lý và đúng Chân lý. Những người theo thuyết Luân hồi của Phái Allan Kardec, họ tin rằng, sự luân hồi diễn ra ngay sau khi chết và tự do. Theo họ, người cha vừa qua đời có thể đầu thai vào con gái ông ta lúc thai nhi chưa ra đời, và cứ tiếp tục như thế. Họ không biết gì về Devachan cũng như Nghiệp Quả (Karma); thực sự chẳng có một chút gì về triết lý, cũng như đảm bảo cần thiết cho vấn đề tái sinh liên tục như vậy. Tại sao tác giả Isis Dévoilée có thể phản bác lại bằng thuyết luân hồi theo Nghiệp Quả, với khoảng cách lâu dài, giữa 1.000 đến 1.500 năm; trong khi các Phật tử, và tín đồ Ấn giáo vẫn hi vọng đây là tín điều căn bản của họ?

Vấn: Như vậy, bạn hoàn toàn bác bỏ lý thuyết của các nhà Thần linh học và các nhà Duy thần học hay sao ?

Đáp: Không phải hoàn toàn mà chỉ về những điều liên quan đến Thần linh học, và Duy thần học căn bản. Hai phái này dựa vào "Vong linh" của họ nói cho biết, và chính họ, cũng ít khi đồng ý với nhau, cũng như các nhà Thông Thiên Học chúng tôi cũng không thuận ý với họ.

Chân lý là một; khi chúng tôi nghe những hồn ma Pháp giảng về Luân hồi, và

hồn ma Anh phủ nhận giáo lý này, khiến chúng tôi nhận thấy, hồn ma Pháp cũng như Anh, không biết gì về những điều họ xác nhận. Chúng tôi tin rằng, có sự hiện hữu của linh hồn, hay các thực thể vô hình, và có ít nhiều thông minh như các nhà Thần linh học và các đồng tử chấp nhận. Tuy nhiên, theo giáo lý của chúng tôi, có rất nhiều loại linh hồn, còn những người chống đối thì chỉ thừa nhận có "hồn" con người đầu thai lại, điều mà theo sự hiểu biết của chúng tôi thì đa số là các ma hình (coques) của cảm dục thể (Trung giới).

Vấn: Bạn tỏ ra có nhiều cay đắng với các linh hồn đó. Bạn đã giải thích cho tôi biết lý do bạn không tin các cảnh tượng như : các linh hồn thoát xác (Esprits désincarnés) hiện hình, và "hồn người chết" nhập về cùng với sự liên hệ trực tiếp với họ. Xin bạn hãy giải thích thêm, vì sao bạn cho những buổi cầu đồng là nguy hiểm? Đây là đề tài mà các nhà Thông Thiên Học cứ nói đi nói lại mãi không biết mệt. Vậy, họ có lý do đặc biệt nào về việc này ?

Đáp: Phải tin là có sự nguy hiểm. Riêng tôi, tôi có lý do để khẳng định điều này bởi tôi biết rất rõ là từ hơn nửa thế kỷ nay, các ảnh hưởng của đồng cốt, dù vô hình nhưng có thật và xác thực đến nỗi không thể phủ nhận từ các ma tinh linh có ý thức, các ma hình bán ý thức (les Eulémentaux conscients et les coques semi-conscientes) chỉ đến các ma quái (fantômes) không ý thức nhất. Những sự việc đó, dường như cho phép tôi được quyền giữ vững quan điểm của mình.

Vấn: Bạn có thể cho một hay nhiều thí dụ chứng minh tại sao phải xem các sự thực hiện huyền bí này đều nguy hiểm không?

Đáp: Đề tài này đòi hỏi nhiều thì giờ nên tôi không thể sắp xếp vào đây được. Phải xét đoán mỗi nguyên nhân tùy theo kết quả của nó. Chúng ta quan sát lịch sử của Thần linh học trong khoảng 50 năm gần nay [52]. Từ khi môn này xuất hiện ở Mỹ Châu vào cuối thế kỷ này, bạn hãy xét đoán các điều tốt cũng xấu, do các môn đồ của phái đó gây ra.

Xin bạn đừng ngộ nhận. Tôi không nói điều gì chống lại các nhà Thần linh học chân chính. Thật ra tôi chỉ chống lại phong trào hiện đại mang tên nó, và sự tự

nhận là triết học mới phát minh để giải thích các hiện tượng đó thôi.

Vấn: Phải chăng bạn không tin chút nào về các hiện tượng của Thần linh học ?

Đáp: Trái lại, bởi vì tôi có nhiều lý luận đúng đắn về sự tin tưởng các hiện tượng đó, và chính vì (trừ một số trường hợp cố ý gian lận, lừa bịp), theo tôi hiểu, chúng cũng thật như bạn và tôi đang sống tại đây, nên tôi phải chống lại chúng. Nhưng tôi xin lặp lại rằng, tôi chỉ nói về các hiện tượng vật chất chứ không đề cập đến vấn đề tinh thần hay tâm linh. Hữu cầu tất ứng. Riêng cá nhân tôi, tôi biết nhiều người nam cũng như nữ thật tốt, thật trong sạch, còn tinh thần thì cao thượng đáng trân trọng. Những người này đã trải qua nhiều năm tháng dưới sự hướng dẫn và che chở của các "Linh hồn" cao đã thoát xác hay còn ở cõi trần. Nhưng các thông linh không như "John King" hay "Ernest" chỉ xuất hiện trong các buổi cầu đồng. Còn các thông linh này là trường hợp hiếm hoi, ngoại lệ, họ chỉ hướng dẫn và ảnh hưởng người chết do nghiệp quả trong quá khứ đã thu hút họ về mặt từ khí (magnétique). Điều đó không phải chỉ ngồi chờ sự "phát triển" theo ý muốn. Thế là chỉ có cách mở cánh cửa vô hình cho bày "ma quái" tốt có, xấu có hay vô tình, lãnh đạm, để rồi người đồng tử phải lệ thuộc họ một đời. Tôi quả quyết loại đồng cốt này mập mờ, ám muội có thể đưa con người giao tiếp với các loài yêu tinh. Vậy, tôi không chống đối giới Huyền học Tâm linh (Mysticisme Spirituel) mà chống đối các trạng thái đồng cốt thụ động. Huyền học Tâm linh có tính cách thánh thiện và nâng cao phẩm giá những ai chuyên tâm theo đuổi. Còn đồng bóng là bộ môn mà các hiện tượng của nó, trong suốt hai thế kỷ, đã đem lại đau khổ cho biết bao phù thủy nam cũng như nữ. Bạn hãy đọc những gì Glanvil và các tác giả viết về pháp môn này, bạn sẽ biết, nếu không nói là toàn thể, thì phần nhiều các hiện tượng hữu hình của Thần linh học thế kỷ XIX được nói đến.

Vấn: Có phải bạn muốn nói môn Thần linh học là bàng môn không hơn không kém?

Đáp: Tôi nói rằng, tất cả sự giao tiếp với người chết, dù ý thức hay vô thức đều là thuật "gọi ma hình" (nécromancie) [53], vì đây là một sự thực hiện vô cùng

nguy hiểm. Trước Moise khá lâu, việc kêu gọi hồn người chết là hành động tội lỗi, tàn ác, vì nó khuấy rối sự nghỉ ngơi, yên tĩnh của linh hồn đồng thời ngăn trở sự tiến hóa của nó đang hướng về cảnh giới cao hơn. Nền Minh Triết tổng hợp qua các thế kỷ, đã mạnh mẽ chống lại sự thực hành đồng cốt này. Cuối cùng, từ 15 năm nay, tôi vẫn lặp lại lời nói cũng như viết sách về một số người tự nhận là "hồn linh", họ chỉ nói mà không hiểu những gì họ đã nói giống như con két. Họ chỉ thấy trong bộ óc của đồng tử hoặc của người khác; như vậy nếu khi gặp người nguy hiểm có thể dẫn đến điều xấu xa. Hai sự việc này rất hiển nhiên. Nếu bạn hay lui tới các Câu lạc bộ đồng cốt của phái Allan Kardec, bạn sẽ thấy nơi đó, các "hồn linh" xác nhận là có luân hồi giống như tín đồ Thiên Chúa Giáo La mã. Về phía những người "thân yêu qua đời" ở Anh và Mỹ: bạn sẽ nghe họ bác bỏ thẳng thắn vấn đề luân hồi và giảng dạy tín điều của đạo Tin Lành. Thật sự các đồng tử đều đau khổ về thể xác lẫn tinh thần. Bạn có nhớ không, kết cuộc bi thảm của Charles Foster đã chết vì điên loạn trong nhà thương điên; còn Slade bị chứng động kinh, và thêm nữa: ông Eglington - nhà đồng cốt hàng đầu của nước Anh hiện nay, cũng không thoát khỏi căn bệnh đó. Calvin của Thần linh học cũng đau khổ trong nhiều năm trời vì một chứng bệnh khủng khiếp ở tủy xương sống do đã giao tiếp với các "hồn linh", và ở trong tình trạng thảm hại cho đến chết.

Vấn: Những kết luận mà bạn đã đưa ra có đúng không?

Đáp: Rất đúng. Bạn nghĩ sao về việc các học sinh ưu tú của một trường dạy hát đều bị mất giọng vì một bài tập luyện cưỡng hợm. Bạn có kết luận rằng các học sinh đó đều theo một phương pháp sai lầm không? Đối với tôi cũng đúng như vậy, khi người ta thất bại về vấn đề Thần linh học. Đây là điều mà chúng tôi có thể nói với những người đã lưu tâm và phán đoán về sự kết trái của cây Thần linh học, họ suy nghiệm dựa trên bài học mà họ đã thấy ở đó. Chúng tôi, các nhà Thông Thiên Học, luôn luôn xem các đồng tử như là huynh đệ cùng khuynh hướng về huyền học như chúng tôi, nhưng lúc nào họ cũng xem chúng tôi như kẻ thù. Là những người đã tiếp thu được một triết lý cổ hơn triết lý của họ, nhưng họ lại nhục mạ và vu khống chúng tôi bằng mọi cách. Tuy nhiên các nhà đồng cốt người Anh cho rằng, chúng tôi có lý mỗi khi họ bàn luận đúng đắn về sự tin tưởng của họ.

Đây là sự thật mà ông Oxon đã thú nhận: "các đồng tử đều quá chú ý đến sự can thiệp của các linh hồn bên ngoài thế giới của chúng ta, nhưng không biết đến các quyền năng của linh hồn đang luân hồi". Tại sao họ nguyên rủa và vu khống

chúng tôi khi chỉ cùng một sự việc? Vậy từ nay, chúng tôi không bận tâm về vấn đề Thần linh học nữa. Bây giờ chúng ta hãy trở lại vấn đề luân hồi.

[chương 1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#), [11](#), [12](#), [13](#), [14](#), [đầu sách](#), [cuối sách](#), [mục lục](#), [chú thích](#)

CHƯƠNG XI

BÍ NHIỆM VỀ LUÂN HỒI

KỲ HẠN CỦA SỰ TÁI SINH

Vấn: Bà nói rằng tất cả chúng ta đều sống tại cõi trần trong nhiều kiếp nhục hóa đã qua, có phải chúng ta sẽ tiếp tục sống bằng cách ấy ?

Đáp: Đúng thế. Chu kỳ của sự sống, hay đúng hơn chu kỳ của sự sống ý thức khởi sự từ lúc có sự phân chia hai phái nam, nữ của con người động vật khả tử. Sự kết thúc khi chấm dứt thể hệ cuối cùng của giống dân thứ bảy trong cuộc tuần huần thứ bảy. Người ta có thể tưởng tượng dễ dàng hơn diễn tả kỳ gian của chu kỳ này, vì hiện tại chúng ta thuộc giống dân thứ năm trong cuộc tuần huần thứ tư.

Vấn: Và chúng ta vẫn tiếp tục tái sinh trong nhiều phàm ngã tính mới ở một khoảng thời gian quá dài hay sao ?

Đáp: Chắc chắn như vậy. Không có sự so sánh nào hay hơn chu kỳ sự sống hoặc thời gian nhục hóa này. Giống như mỗi kiếp sống gồm có ngày hoạt động cách khoảng với đêm an nghỉ hoặc ngưng hoạt động, trong chu kỳ nhục hóa, mỗi kiếp sống linh động được tiếp nối một thời kỳ nghỉ ngơi tại Thiên Đàng.

Vấn: Và chính sự liên tục của các kiếp tái sinh này mà ta thường gọi là Luân hồi chăng ?

Đáp: Phải . Chính nhờ kiếp tái sinh kế tiếp mới có thể thực hiện sự tiến bộ trường cửu của vô số triệu Chân Ngã để hoạch đắc sự toàn hảo tối thượng và đạt đến sự an nghỉ cuối cùng – bằng như thời gian hoạt động.

Vấn: Ai điều khiển kỳ gian và đặc tính của các sự tái sinh này ?

Đáp: Nhân Quả (Karma), định luật phổ quát của sự công bằng bù trừ.

Vấn: Định luật này có được sáng suốt không ?

Đáp: Đối với người duy vật, họ xem luật định kỳ điều khiển sự chuyển vận của các vì tinh tú cũng như tất cả định luật khác của Tạo Hóa là mù quáng như các định luật cơ giới, thì chắc người duy vật xem Karma là một định luật tình cờ không hơn không kém. Theo chúng tôi, nó không có một ngã tính, không là một thực thể nào mà là một định luật phổ quát luôn luôn linh động. Nếu bạn hỏi sự sáng suốt nguyên thủy của định luật này, tôi xin trả lời tôi không hiểu biết chi cả. Nếu bạn muốn tôi xác định hiệu quả của định luật và tư tưởng về chúng, tôi có thể nói chính kinh nghiệm hằng ngàn năm chứng tỏ chúng là sự bình đẳng, minh triết và thông minh, vừa tuyệt đối vừa chắc chắn. Trong mọi tác dụng, Karma là sự điều chỉnh hiệu nghiệm những bất công của nhân loại, đồng thời của tất cả sự thất bại của Tạo Hóa, Karma còn là sự sửa chữa nghiêm khắc những lỗi lầm; đó là định luật bù trừ thưởng phạt công minh; định luật này không thiên vị một ai và cũng không để cho lời cầu khẩn van xin làm sai lệch mục đích của nó. Người Ấn Độ và Phật tử đều tin tưởng vào Karma và suy gẫm như thế.

Vấn: Các vấn đề Cơ Đốc hoàn toàn trái ngược lại, không một tín đồ Cơ Đốc nào chịu chấp nhận giáo huấn đó.

Đáp: Thật vậy, từ lâu ông Inman đã giải thích rõ lý do. Ông nói như sau: "Cơ Đốc giáo chấp nhận bất luận một điều vô lý nào, miễn là Giáo hội biến nó thành

một vấn đề về đức tin; ... Phật giáo dạy giáo lý thực sự của Đức Phật không chấp nhận điều chi trái với đạo lý". Phật giáo dạy con người sẽ được tha tội sau khi đã thọ lãnh trong một kiếp nhục hóa vị lai sự trừng phạt công bằng tương xứng về mỗi hành động, mỗi tư tưởng không tốt sau khi đã đền bù thiệt hại cho những người đã đau khổ vì mình.

Vấn: Điều đó được tuyên bố ở đâu ?

Đáp: Trong nhiều kinh sách. Ví dụ trong quyển Bánh xe của định luật (Roue de la Loi, trang 57). Bạn sẽ tìm thấy giáo lý minh triết như sau đây: "Các Phật tử tin rằng mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi tư tưởng đều có hiệu quả, sớm muộn gì chúng cũng phát lộ trong hiện tại hoặc trong vị lai. Hành động xấu sẽ phát sinh hiệu quả xấu, hành động tốt sẽ phát sinh hiệu quả tốt: sự hưng thịnh ở thế gian hoặc sự sinh ra trên trời (Thiên Đàng)... trong trạng thái vị lai".

Vấn: Phải chăng tín đồ Cơ Đốc cũng tin tưởng như thế ?

Đáp: Không. Họ tin nơi sự tha thứ. Họ được hứa nếu họ chỉ tin Đấng Christ đã hiến dâng máu của Ngài để chuộc tội cho nhân loại, thì tất cả tội lỗi trần gian sẽ được xóa sạch. Chúng tôi không tin nơi sự tha tội qua trung gian của các vị linh mục, cũng như của bất cứ một Thánh linh, một "Cá nhân tuyệt đối" hay "Vô biên" nào. Chúng tôi chỉ tin tưởng nơi công bằng chặt chẽ, vô tư. Quan niệm chúng tôi về Thần tính Phổ quát vô tri được tượng trưng bởi Karma (Nhân Quả) là một quyền năng tất nhiên, không giận dữ hay thương ghét, nhưng là sự Công Bằng Tuyệt Đối, và mỗi căn nguyên lớn nhỏ đều phát sinh hiệu quả không thể tránh khỏi. Đức Jésus dạy: "Người ta sẽ đo bạn với cây thước mà bạn đã dùng để đo kẻ khác" (kinh Mathieu VII, 2) câu này không giải thích cũng không hàm chứa một hi vọng nào về lòng từ bi vị lai hoặc sự cứu rỗi nào qua trung gian. Chính vì triết lý của chúng tôi đúng với lời dạy của Đức Jésus, nên chúng tôi không thể khuyên bạn đặt trọn niềm tin vào lòng từ bi, thương xót và tha thứ tội lỗi của chúng ta một khi đã phạm. "Bạn đừng chống lại điều quấy" "Nên lấy ân đáp oán" là lời giáo huấn của Đức Phật, Ngài giảng dạy trước tiên để chỉ sự khẳng định của luật Nhân Quả. Vào mọi trường hợp, đó là lòng tự đắc phạm thượng của con người, khi tin rằng chính mình có thể làm công cụ cho định luật. Luật của con người chỉ được phép sử dụng biện

pháp hạn chế, chứ không được dùng hình phạt; tuy nhiên, kẻ nào tin có Karma mà còn trả thù, kẻ nào không chịu khoan dung mọi sự xúc phạm, và dùng oán trả ơn sẽ là một tội phạm và tự hại mình. Chắc chắn Karma sẽ trừng phạt kẻ nào đã làm hại người khác; thế nên, người nào tìm cách gia thêm một hình phạt cho kẻ nghịch của mình, thay vì để cho Định Luật xử phạt, kẻ nào thêm sự trừng phạt của mình, dù nhỏ nhoi đến đâu cũng tạo ra một nguyên nhân ban thưởng vị lai cho kẻ thù và trừng phạt cho chính họ. Karma của mỗi kiếp nhục hóa qui định phẩm chất của kiếp nhục hóa kế tiếp, và kiếp tái sinh kế tiếp được định đoạt bởi tổng số công và tội của những kiếp nhục hóa trước đó cung cấp.

Vấn: Ta có nên xét đoán một người bằng cách nhìn vào kiếp sống hiện tại của họ chăng ?

Đáp: Nếu áp dụng đúng theo sự công bằng, ta có thể kết luận rằng đời sống cần phải có để thanh toán tội lỗi của kiếp quá khứ. Dĩ nhiên, - trừ các bậc tiên tri và đại Chơn Sư - chúng ta, những kẻ khả tử tầm thường, không thể hiểu biết tội lỗi đó là chi. Bằng chứng chúng ta nắm được rất ít thành thử không làm sao ấn định được lúc thiếu thời của một ông lão; với lý do tương tự, chúng ta không sao qui định một cách vững chắc kiếp sống quá khứ của một người khi nhìn vào đời sống hiện tại của họ.

KARMA LÀ GÌ ?

Vấn: Vậy Karma là gì ?

Đáp: Như vừa nói ở đoạn trên, chúng tôi cho nó là một Định Luật Cứu Cánh của vũ trụ, là nguồn cội, nguyên nhân và căn bản phát sinh tất cả những định luật khác của Tạo Hóa. Karma là một định luật chắc chắn, thích hợp hiệu quả vào nguyên nhân nơi các cõi vật chất, trí năng và tâm linh của con người. Không một nguyên nhân nào không phát sinh hiệu quả dù lớn hoặc nhỏ, từ sự xáo trộn của vũ trụ, đến sự vận chuyển của bàn tay bạn, vì những nguyên nhân tương tự sẽ phát sinh những hậu quả tương tự, Karma, định luật vô hình, vô tri ấy điều chỉnh, bằng minh triết, khôn ngoan và vô tư mỗi hiệu quả vào nguyên nhân, lôi kéo nguyên nhân

phải phát sinh hiệu quả. Karma bất khả tri nhưng tác động của nó lại được nhận thấy.

Vấn: Và đây, một lần nữa là "tuyệt đối", là "bất khả tri"; điều đó không sao giải thích nổi các vấn đề của đời sống.

Đáp: Trái lại, tuy chúng ta không hiểu Karma tự nó là chi, tinh túy của nó ra sao, nhưng chúng ta biết được động tác của nó như thế nào và có thể định nghĩa phương thức tác động một cách chính xác. Chúng ta không thể am tường nguyên nhân cùng cứu cánh của nó, đúng vậy, nhưng tất cả triết học tân tiến đều chấp nhận nguyên nhân cuối cùng của vạn vật thực sự "bất khả tri".

Vấn: Thông Thiên Học hiến cho ta điều chi để giải quyết nhu cầu hiện tại và khẩn cấp của nhân loại? Làm sao giải thích được nỗi đau khổ khủng khiếp, cảnh nghèo nàn cơ cực đang dày vò "hạng người" được gọi là "hạ đẳng" trong xã hội ?

Đáp: Chúng ta hãy đi ngay vào vấn đề: theo giáo huấn của chúng tôi thì tất cả những điều nguy hại lớn lao trong xã hội – các sự phân chia giai cấp, nam, nữ trong cuộc đời, cũng như phân phối không đồng đều về tài sản, công việc – đều do Karma.

Vấn: Cuối cùng, những điều tai hại đó dường như đang tác động trong chúng sinh với ít nhiều sự tình cờ, và không có dấu hiệu chi cho biết chắc chắn bao nhiêu Karma tương xứng ?

Đáp: Không; vì chúng chỉ là hậu quả, nên ta không thể định nghĩa rõ rệt để chứng tỏ hoàn cảnh và điều kiện sinh sống đặc biệt của mỗi cá nhân không chỉ khác hơn là karma bù trừ chính cá nhân đó đã tạo ra trong một kiếp sống trước. Chúng ta không nên quên mỗi nguyên tử phải chịu một định luật tổng quát quản trị trọn thân xác, mà nguyên tử đó tùy thuộc, như thế chúng ta sẽ có một ý niệm rộng rãi hơn về định luật Nhân Quả. Bạn biết chăng, sự kết hợp của Karma cá nhân trở

thành Karma quốc gia gồm các cá nhân đó, và tổng số quốc gia hợp thành Karma thế gian? Nhưng tai hại mà bạn nêu ra không phải bị hạn chế vào cá nhân, hoặc quốc gia mà thôi; chúng còn phổ quát nhiều hoặc ít, chính nhờ chiều hướng tương trợ rộng rãi mà định luật Karma có được một kết luận chính đáng, vô tư.

Vấn: Như vậy, ta có nên hiểu rằng định luật Karma không nhất thiết là định luật cho cá nhân chăng ?

Đáp: Chính là điều tôi đang muốn trình bày. Karma không thể quân bình sự thăng bằng của quyền năng trong kiếp sống và sự tiến bộ của thế gian mà lại không có một qui luật tác động rộng rãi, tổng quát. Sự tương trợ của nhân loại là nguyên nhân của Karma phân phối, được chúng tôi chấp nhận như là một chân lý. Chính nhờ định luật đó người ta tìm ra giải đáp về sự đau khổ tập thể và phương pháp để làm vơi bớt. Vả lại, đây cũng là một định luật huyền môn và không có một người nào có thể vươn lên trên sự bất toàn cá nhân mà đồng thời không tìm cách nâng cao, dù đôi chút cái toàn thể mà họ đang tùy thuộc. Cũng như thế ấy, không ai có thể phạm phải một mình, hay gánh chịu đơn phương hậu quả của tội lỗi. Thật ra, không có sự "Phân chia"; định luật của sự sống không chấp nhận một trạng thái ích kỷ như thế, điều này chỉ có thể hiện tồn trong ý muốn cá nhân mà thôi.

Vấn: Không có cách nào tập trung Karma phân phối hay quốc gia để làm dễ dàng sự thực hiện tự nhiên, hợp lý, nhưng tránh khỏi gây ra đau khổ triền miên chăng ?

Đáp: Theo thông lệ, và giới hạn thích ứng với thời đại, ta không thể thúc hối hay trì hoãn sự thực hiện của định luật Nhân Quả. Và hiện nay tôi chắc chắn chưa đến thời kỳ con người có thể thực hiện điều đó. Bạn hãy nghe bài tường thuật sau đây về sự đau khổ quốc gia, rồi bạn tự vấn xem, nếu ta chấp nhận quyền năng linh hoạt của karma cá nhân, tương đối và phân phối, sự tai hại đó không thể thay đổi hay sửa cải một cách khả quan hơn sao ? Điều tôi sẽ kể sau đây do một vị Phò Trợ Quốc Gia viết ra; ngài đã chiến thắng cái Ngã và được tự do lựa chọn, ngài quyết định phục vụ nhân loại chịu đựng tất cả những gì mà một phụ nữ có thể chịu đựng về Karma quốc gia. Ngài đã nói: "Vâng, Tạo hóa luôn luôn thốt ra lời, bạn có nghĩ

như thế chẳng ? Nhưng đôi khi chúng ta lẫn át tiếng nói của Tạo hóa. Vì thế đôi khi ta cảm thấy rất thoải mái khi ra khỏi thành phố để được nằm gọn trong vòng tay của bà mẹ Tạo hóa. Tôi còn nhớ một buổi chiều tại Hampstead Heath, chúng tôi đang ngắm nhìn cảnh hoàng hôn. Một bà lão đến tặng tôi một giỏ hoa rừng từ hôm qua; tôi nghĩ đến vài thân nhân trong gia đình tại East-end có quyền thưởng thức hơn tôi, thế là sáng nay tôi đã mang giỏ hoa đến một trường học rất nghèo ở Whitechapel. Nếu bạn thấy được những gương mặt xanh xao của trẻ con vụt tươi sáng lên! Thế là tôi đãi vài đứa trong một quán ăn. Quán này ở trong ngõ hẻm chật hẹp, người ta đang chen chúc, thúc đẩy nhau; mùi thịt cá, mùi thức ăn xông lên khó tả dưới ánh nắng buổi trưa của Whitechapel. Tất cả mùi đó tập trung trong quán ăn. Những miếng thịt dôi giá một cắc bạc, nhưng nhồm gớm vì bày ruồi nhặng. Xung quanh, trẻ con đang rình rập vài mảnh thức ăn, một đứa trong bọn có khuôn mặt khô ngô nhặt hạt anh đào ăn đỡ dạ. Tôi trở lại West, trong người bị dao động và tự hỏi vài khu tại đô thị Luân-Đôn có nên bị nhận chìm bởi một cuộc động đất, để rồi di chuyển những người đã được giải thoát khỏi sông mê không? Tôi tưởng đến Hampstead Heath và trầm ngâm mặc tưởng. Nếu nhờ một sự hi sinh nào đó, người ta có thể đạt được quyền năng biến đổi những người ở nơi đây, thì sự hi sinh đó không có chi lớn lao; bạn thấy chẳng cần phải thay đổi HQ – và làm thế nào thực hiện được điều đó? Trong tình trạng hiện tại, họ sẽ không hưởng được điều lợi nào về sự thay đổi chỗ ở, giữa giới lân cận họ vẫn tiếp tục suy đồi. Sự nghèo nàn, tuyệt vọng này bóp nát tim tôi; sự mất nhân cách là nguồn gốc mà cũng là kết quả. Ví như cây đa, mỗi cành mọc rễ và sanh ra cây non. Cảm tưởng đó và quang cảnh nhàn hạ của Hampstead thật khác biệt nhau biết bao. Là huynh đệ của những người khốn khổ vừa kể, chúng tôi về Hampstead Heath để lấy lại sức lực hầu giải thoát cho Whitechapel”.(chữ ký của một người rất đáng được kính nể).

Vấn: Đây là một bức thơ vừa đẹp vừa buồn, trình bày rành rẽ sự phát lộ khủng khiếp của cái gọi là "cộng nghiệp và phân phối". Nhưng than ôi, tôi nghĩ không hi vọng chi để cải thiện tức khắc, nếu không do hậu quả của một cuộc động đất, hoặc một thiên tai nào khác.

Đáp: Chúng ta lấy quyền gì để suy tưởng như vậy, khi phân nửa nhân loại còn có phương cách cải thiện ngay sự thiếu thốn khiến cho đồng bào của họ phải đau khổ? Khi mỗi cá nhân đóng góp vào lợi ích của toàn thể, bằng cách chia sẻ, tiền bạc, công việc, tư tưởng tươi đẹp, lúc đó và chỉ có lúc đó thôi, cán cân Karma quốc

gia sẽ được thăng bằng. Từ đây đến đó, chúng ta đừng viện lý lẽ gì để cho rằng chẳng có một kiếp sống nào trên cõi trần không được Tạo hóa chấp nhận. Các linh hồn anh dũng, các Đấng Cứu rỗi của Giống dân và Quốc gia chúng ta có bốn phận tìm hiểu nguyên nhân bất bình đẳng của áp lực Karma phân phối và cố gắng triệt để thăng bằng hóa cán cân quyền lực, nhờ đó sẽ cứu được các dân tộc khỏi một thiên tai luân lý, ngàn lần nguy hại hơn là thiên tai vật chất mà bạn đã quan niệm như là phương tiện duy nhất để chấâm dứt sự khốn đốn dồn dập.

Vấn: Đúng lắm, nhưng xin bà hãy diễn tả cách nào để giúp tôi hiểu rõ phần tổng quát của định luật Karma này ?

Đáp: Karma là định luật điều chỉnh lại, luôn luôn có khuynh hướng tái lập lại sự mất thăng bằng trong thế giới vật chất cũng như sự điều hòa bị xáo trộn trong thế giới tâm linh. Đặc biệt Karma luôn luôn tác động bằng cách này hay cách khác để tái lập sự điều hòa, gìn giữ mức thăng bằng, nhờ vậy Vũ trụ mới hiện tồn.

Vấn: Xin bà kể cho một thí dụ.

Đáp: Tôi sẽ kể một thí dụ dứt khoát. Vậy bạn hãy tưởng tượng một cái ao, một viên đá rơi vào mặt nước ao làm nổi những gợn sóng rung động lăn tăn trên mặt nước, rồi lan dần và sau cùng im lặng trở lại đúng như điều nhà vật lý học gọi là định luật tiêu tan của năng lực. Cũng giống như thế, mọi tác động trên tất cả các cõi gây xáo trộn sự điều hòa toàn hảo của Vũ trụ. Các sự rung động như thế, giả thiết xảy ra trong một môi trường bị hạn chế thì sự chuyển động vẫn tiếp tục tới lui cho đến khi sự thăng bằng được tái lập. Vậy một xáo trộn khởi hành từ một điểm riêng biệt; dĩ nhiên sự thăng bằng và sự điều hòa chỉ có thể tái lập do sự trở lại của tất cả động lực huy động vào chung một điểm khởi hành. Đây là bằng chứng về hậu quả của hành động và tư tưởng mà một người phải phản ứng lại chính họ với một động lực đồng cân với động lực đã gây ra chúng.

Vấn: Nhưng tôi không thấy một luân lý nào trong định luật đó. Đối với tôi, công thức này tương tự với định luật vật lý đơn giản qui định tác động và phản động bằng nhau và hành động ngược chiều với nhau.

Đáp: Tôi không lạ chi về điều bạn nói, người Tây Phương có thói quen thâm niên nhìn sự công bằng và bất công, điều thiện và điều ác như là một qui luật độc đoán do con người lập ra, hoặc do một Thánh linh cá nhân, bắt buộc họ phải chấp nhận. Tuy nhiên, Thông Thiên Học chúng tôi cho những từ như "Thiện", "Điều hòa", cũng như "Àu", "Bất Điều hòa" tương đối là những từ đồng nghĩa. Vả lại, chúng tôi khẳng định nỗi đau khổ là kết quả của sự thiếu vắng Điều hòa và nguyên nhân duy nhất, khủng khiếp của sự xáo trộn Điều hòa là tính ích kỷ dưới bất cứ hình thức nào. Bởi thế Karma giáng xuống mỗi người hậu quả thực sự về hành động riêng của họ, mà không đếm xỉa gì tánh tình đạo đức của cá nhân đó. Nhưng vì nhận lãnh món nợ về mọi điều đã suy tưởng, hành động, dĩ nhiên Karma sẽ giúp họ trả xong mọi điều đau đớn đã gây ra và còn giúp họ gạt hái trong niềm vui tươi những quả lành hạnh phúc, điều hòa mà họ đã ra công đóng góp. Để soi sáng bạn về đề tài này, tôi không làm sao khác hơn là kể ra đây vài đoạn trích trong sách vở Thông Thiên Học mà chúng tôi đã có một ý niệm chính xác về Karma.

Vấn: Xin bà giúp tôi; vì văn chương Thông Thiên Học im lặng về vấn đề này.

Đáp: Trong giáo lý của chúng tôi, thuyết Nhân Quả khó giải thích nhất. Nhưng đây là lời biện bác của một tín đồ Cơ Đốc vừa gửi đến chúng tôi:

“Nếu chấp nhận các điều giáo huấn của Thông Thiên Học thích hợp với Chân lý và “con người phải là kẻ cứu rỗi cho chính mình, tự chiến thắng mình và đàn áp điều quấy phát sinh từ bản tánh nhị nguyên, thì hầu như để đạt sự giải thoát linh hồn cho họ” – thì họ phải làm chi sau khi họ đã tự cảnh giác và thoát khỏi điều quấy trong một phạm vi nào đó? Họ làm sao chiếm đoạt sự giải thoát dung tha hoặc hủy diệt điều quấy đã phạm phải”.

Về câu hỏi này, ông J. H. Connelly trả lời rất chính xác rằng người ta không làm sao “cho đầu xe hỏa Minh Triết chạy được trên đường rầy Thần học”. Ông còn nói thêm: “khả tính thoát khỏi trách nhiệm cá nhân không thuộc về khái niệm của Minh Triết. Theo đức tin đó, thì khoan dung “hoãn hủy diệt điều quấy đã phạm phải” không thể thực hiện khác hơn là trừng phạt tương xứng kẻ phạm lỗi, và bằng cách tái lập điều hòa do hành động sai quấy đã gây xáo trộn. Điều quấy là kết quả của hành động, trong lúc bao nhiêu người khác phải chịu đau khổ về hậu quả của hành

động đó, thì chính họ mới có thể làm tiêu tan điều quấy được.

Trường hợp giả thiết kể trên, . . .con người “được thức tỉnh và giải thoát khỏi điều quấy trong một phạm vi nào đó” họ tự nhận hành động của mình và xứng đáng nhận lãnh sự trừng phạt. Tâm thức này dẫn khởi nơi họ tinh thần trách nhiệm cá nhân; nó sẽ mạnh mẽ nếu họ “thức tỉnh” và “giải thoát” nhiều hơn. Vậy thì, chính trong lúc họ đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tinh thần trách nhiệm cá nhân đó, người ta lại khuyến khích họ nên chấp nhận giáo lý của sự dung tha tội lỗi.

Người ta cũng khuyên họ phải hối cải nhưng không có điều chi giản dị bằng sự thực hiện. Đây là bản tánh ương hèn dễ mẫn của nhân loại, vì con người có khuynh hướng tiếc rẻ điều quấy đã phạm khi được người nhắc nhở, hoặc chính họ đã bị đau khổ hay hưởng lợi về điều quấy đó. Tuy nhiên khi đào sâu cảm giác tiếc rẻ này ta có thể phát giác do nhu cầu xúi dục ta để đạt những mục tiêu ích kỷ hơn là chính điều quấy. Tư tưởng ném gánh nặng tội lỗi vào “chân thập tự giá” có vẻ quyến rũ đến đâu, người sinh viên Minh Triết cũng không thể chấp nhận. Thật vậy, họ không hiểu tại sao người đã phạm tội lại được khoan dung hủy bỏ mọi điều hung ác quá khứ, họ cũng không hiểu vì sao sự ăn năn và một đời sống gương mẫu kể từ đó (sau lúc phạm tội) lại cho họ có quyền tránh được định luật phổ quát và quản trị sự liên đới giữa nguyên nhân và hiệu quả. Kết quả hành động sai quấy của kẻ phạm tội vẫn duy trì, sự đau khổ do bản tánh hung ác của họ đã gây ra cho kẻ khác chưa được xoá bỏ. Sinh viên Minh Triết ghi nhận, không những người phạm tội mà còn cả các nạn nhân trong vấn đề cần giải quyết những hậu quả của điều quấy gây ra cho người vô tội.

Điều quấy là sự vi phạm định luật điều hòa quản trị vũ trụ và kẻ xúc phạm định luật phải nhận chịu sự trừng phạt. Đấng Christ cảnh cáo chúng ta: “Kể từ nay, người chớ nên tái phạm, ta e sẽ xảy ra điều tệ hại hơn cho người”; Thánh Paul có nói: “Các anh nên làm việc để cứu rỗi các anh. Con người gieo cái chi sẽ gặt cái ấy”; ngài diễn tả một câu rất đẹp đã được ghi từ lâu trong kinh Puranas: “mỗi người sẽ gặt hái hậu quả của hành động riêng biệt của mình”.

Đây là nguyên lý của định luật Karma được giảng dạy trong Thông Thiên Học. Trong “Phật giáo bí truyền” ông Sinnett định nghĩa Karma là “một định luật về nguyên nhân đạo đức”. Nhưng bà Blavatsky diễn tả đúng hơn khi gọi Karma là “định luật của sự đền bù”. Karma là quyền năng huyền nhiệm nhưng công bằng đang hướng dẫn ta một cách chắc chắn. Do con đường vô hình từ lỗi lầm đến trừng phạt”. Nhưng còn hơn thế, Karma ban thưởng chắc chắn, rộng rãi, xứng đáng cũng như trừng phạt lỗi lầm. Là kết quả của mọi hành động, tư tưởng lời nói; chính nhờ

Karma con người tự kiến tạo đời sống, hoàn cảnh. Triết lý Đông phương từ khước ý niệm mỗi linh hồn mới được sáng tạo cho mỗi đứa trẻ sinh ra tại trần gian, và tin tưởng về một số lượng hạn chế các Chân thần, chúng tiến hóa hoàn hảo do sự đồng hoá của nhiều phàm ngã tính khác nhau: sản phẩm của karma. Chính nhờ Karma và Luân hồi mà Chân Thần nhân loại trở về nguồn cội cũ: - thần tính tuyệt đối .

Trong tác phẩm “Luân hồi”, ông E. D. Walker giải thích như sau:

“Tóm lại, giáo lý Karma dạy rằng hành động kiếp trước tạo ra chúng ta ngày nay, và hành động hiện tại sẽ kiến tạo ta trong các kiếp vị lai. Không có một định mạng nào chờ đợi ta, ngoài cái mà chính ta tự quyết định. Không có một sự cứu rỗi cũng như sự đày đọa nào mà tác giả không là ta ... Nếu Karma không che giấu một hành vi tội lỗi nào, thì nó cũng buộc ta phải cương quyết, mạnh mẽ, chính vì thế mà những ai có bản tánh yếu đuối không chào đón niềm nở Karma bằng chào đón giáo lý của tôn giáo hứa dung tha tội lỗi, khoan dung và cải tôn lúc hấp hối . . . Trong lãnh vực của công bằng vĩnh cửu, sỉ nhục và trừng phạt đi kèm bên nhau và chỉ trở thành một biến cố duy nhất mà thôi, thực ra người ta không thể phân biệt giữa hành động và hậu quả sẽ xảy ra ... Chính Karma hay nói cách khác, các hành động cũ của ta mang ta trở lại cõi trần. Nơi cư ngụ của Chân linh thay đổi tùy theo Karma của nó, và Karma này vì biến đổi luôn do đó không chấp nhận một kỳ gian dài trong điều kiện tương tự. Ngày giờ nào hành động của chúng ta còn do căn nguyên của ích kỷ và vật chất quản trị thì hiệu quả của nó còn biểu lộ bằng sự tái sinh vật chất, vì chỉ khi nào con người hoàn toàn diệt trừ tính ích kỷ thì mới có thể thoát khỏi sức hấp dẫn mãnh liệt của đời sống vật chất. Thật ra ít có người đạt được trình độ đó, nhưng đây mới là mục đích của nhân loại. Tác giả có kể một đoạn của giáo lý bí truyền: những ai tin có Karma đương nhiên tin vào định mệnh mà mỗi người từ lúc sinh đến lúc chết đã dệt từng sợi chỉ chung quanh mình giống như con nhện kéo màn lưới. Định mệnh này do tiếng nói thiêng liêng của nguyên mẫu vô hình hướng dẫn hoặc bởi con người nội tâm hay trung giới của ta còn mật thiết hơn, nhưng thường là của các thực thể được nhục hóa mà ta gọi là con người. Cả hai đều dẫn dắt con người ngoại cảnh, nhưng cái này phải chiến thắng cái kia. Ngay vào bước đầu của cuộc tranh đấu vô hình thì Karma: định luật nghiêm khắc bất di dịch khởi sự tự thực hiện triệt để theo từng giai đoạn của cuộc đấu tranh. Bao giờ sợi chỉ sau cùng được dệt xong, con người bị bao vây trong màn lưới của mình tạo ra và lúc ấy con người nhận chịu hoàn toàn dưới ảnh hưởng của định mệnh mà chính mình là tác giả... Một nhà Huyền học hoặc một triết gia không nói đến lòng trắc ẩn hay sự hung ác của thiên mệnh, mà chỉ đồng hóa Ngài với Nữ

Thần Karma –Némésis; theo họ, Nữ Thần giữ lại những người thiện, phù trợ họ trong kiếp này cũng như trong những kiếp vị lai, trái lại, Nữ Thần trừng phạt kẻ hung bạo – cho đến kiếp tái sinh thứ bảy – nghĩa là cho đến khi nào hiệu quả của sự bất điều hòa gây ra cho một nguyên tử nhỏ nhít của thế giới thăng bằng vô tận được điều chỉnh. Vì sắc lệnh duy nhất của Karma – sắc lệnh của vĩnh cửu, bất di dịch – là sự điều hòa tuyệt đối trong cõi giới vật chất cũng như chân linh. Karma không thưởng không phạt, chính chúng ta tự thưởng tự phạt tùy sự hợp tác chung với Tạo hóa hành động thuận chiều hay vi phạm định luật ảnh hưởng sự điều hòa. Đường lối của Karma không khó tìm, nếu con người chịu làm việc trong sự kết hợp, điều hòa thay vì chia rẽ, đấu tranh. Bởi vô minh chúng ta không biết Karma – một số người gọi là đường lối tối tăm khó dò của Thiên mệnh, một số khác cho là tác động của thuyết định mệnh mù quáng, số người còn lại cho Karma là tác động tình cờ không do thần thánh hay ma quỷ nào dẫn dắt cả – Karma chắc chắn sẽ tan biến nếu chúng ta ghép hậu quả vào nguyên nhân thực sự của chúng.

Thật là lạ lùng trước điều bí mật này, và là công trình riêng của chúng ta, cũng như đời sống mà chúng ta không sao giải quyết được. Nhưng thật ra không một tai họa nào, không một ngày xui xẻo nào, không một sự bất hạnh nào trong kiếp sống của chúng ta mà không do hành động của riêng ta trong kiếp này hoặc kiếp trước... Định luật Karma xen lẫn phức tạp với định luật Luân hồi... Chỉ có giáo lý đó mới có thể giải thích sự bí mật của thiện và ác, mới hòa giải giữa con người với sự bất công khủng khiếp của cuộc đời. Không có điều chi ngoài giáo lý vừa kể có thể làm êm dịu cảm giác của ta về sự công bằng. Một người không hiểu giáo lý cao thượng này, nhìn chung quanh toàn là sự bất bình đẳng về sanh sản, tiền tài, thông minh, năng khiếu; kẻ ngu xuẩn phóng túng lại được giàu sang phú quý từ lúc mới chào đời, còn người gần họ nhất, mặc dù đầy đủ thông minh, có nhiều đức tánh cao thượng – xứng đáng nhận lãnh hạnh phúc hơn – lại phải chịu tàn suy vì thiếu sự giúp đỡ và tình thân ái; họ trông thấy tất cả điều đó và chỉ còn lấy mắt nhìn xem biết bao khổ đau không xứng đáng, trong lúc khắp nơi vang lên tiếng rên siết thê lương làm tan nát cõi lòng, thì chính sự hiểu biết về Karma mới có thể ngăn họ không nên nguyền rủa cuộc sống, người đời cùng Đấng Hóa Công...

Định luật này dù ý thức hay vô ý thức không có vấn đề tiền định cho cái chi hoặc cho ai cả. Nó hiện tồn thật sự trong vĩnh cửu vì tự nó, chính là sự vĩnh cửu, như thế không một hành động nào có thể sánh với vĩnh cửu, không thể bảo chính nó động tác vì tự nó là hành động. Nó không là lượn sóng nhận chìm con người, nhưng là hành động cá nhân của kẻ vô phúc tự đặt mình dưới tác động vô ngã của định luật quản trị sự vận chuyển của đại dương. Karma không sáng tạo cái chi

và cũng không thành lập một kế hoạch nào cả. Chính tự con người phát sinh và sáng tạo nguyên nhân; định luật Nhân Quả chỉ điều chỉnh hậu quả; sự điều chỉnh này không là một tác động, mà là sự điều hòa phổ quát luôn luôn có khuynh hướng trở lại điều kiện nguyên thủy, giống như một cành cây bị uốn cong quá mạnh, tự quật trở lại với một sức mạnh tương đương. Nếu cành cây đập gãy cánh tay của kẻ cố sức uốn cong ngoài vị trí tự nhiên của nó, chúng ta có bảo tại cành cây đập gãy cánh tay, hay sự điên rồ của con người là nguyên nhân của tai nạn đó? Karma không bao giờ thử tiêu diệt tự do trí tuệ và cá nhân, như vị Thánh linh mà tín đồ Độc thần giáo đã làm. Sắc lệnh của Nhân Quả không bị bóng tối bao phủ hầu ném con người vào sự âu lo, kẻ nào dám dò xét sự bí mật của Nhân Quả không bao giờ bị trừng phạt. Trái lại, kẻ đó giúp ích cho nhân loại nhờ sự nghiên cứu, tham thiền, khám phá con đường phức tạp tối tăm, rơi vào một ánh sáng mà biết bao người phải chịu chết vì không sao thoát khỏi mê lộ của cuộc đời. Trong vũ trụ biểu hiện, Karma là định luật tuyệt đối, vĩnh cửu; vậy chỉ có một cái Tuyệt Đối, một nguyên nhân vĩnh cửu duy nhất luôn luôn hiện diện, người nào tin tưởng Karma, không thể bảo là kẻ vô thần hoặc duy vật, chớ đừng nói chi là kẻ cuồng tín; đối với hiệu quả của nó trong thế giới hiện tượng, Karma là một với cái Bất khả tri và nó chỉ là một trong các trạng thái". Trong quyển "Mục đích của Thông Thiên Học" Bà P. Sinnett, một tác giả hữu danh có viết: "Mỗi cá nhân tạo Karma tốt hay xấu do hành động, tư tưởng trong đời sống hằng ngày, đồng thời họ phải trả Karma của kiếp nhục hóa trước đó. Có người mắc bệnh từ lúc mới sinh, ta có thể xác nhận đây là kết quả tất nhiên tiếp theo nguyên nhân do chính họ tạo ra trong một kiếp trước. Người ta có thể lý luận rằng những bệnh tật đó do di truyền, thế nên chúng không liên quan chi đến kiếp quá khứ, nhưng chúng ta nên nhớ chính Chân ngã, con người đích thực, cá thể tính không có căn nguyên tâm linh nơi cha mẹ đã sinh ra xác thân, nhưng nó bị thu hút bởi sự tương quan mà kiếp sống trước đã tạo ra xung quanh nó theo trào lưu và lôi cuốn nó khi giờ đã điểm, nó được tái sinh vào một gia đình thích hợp nhứt cho sự phát triển khuynh hướng. Giáo lý Karma giúp ta thấu triệt chân lý, tiến đến một đời sống cao thượng, tốt đẹp hơn nếu được hiểu biết chính chắn. Chúng ta nên nhớ rằng do hành động, tư tưởng sẽ phát sinh chắc chắn nhiều hậu quả ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến tương lai của ta và quan trọng hơn nữa của đồng bào ta. Nếu tội lỗi về sự ủy nhiệm hoặc thiếu sót chỉ ảnh hưởng cho chính ta thôi thì hậu quả của Karma sẽ không quan trọng lắm. Mỗi hành động, mỗi tư tưởng trong đời sống sẽ gây ảnh hưởng tốt hoặc xấu cho người khác trong gia đình nhân loại; vậy cá nhân muốn đạt hạnh phúc tiến bộ trong tương lai phải có cảm tình nồng nhiệt về công bằng luân lý và bác ái. Khi một tội lỗi đã phạm, một tư tưởng chẳng lành được ghi vào thể trí, chúng ta đành nhận chịu – không có sự ăn năn hối cải nào có

thể xóa tan những kết quả vị lai được. Nếu thành thật hối cải con người sẽ không còn tái phạm, nhưng chẳng bao giờ giải thoát họ khỏi hậu quả của tội lỗi đã vi phạm, chắc chắn con người phải trả trong kiếp này hoặc kiếp sau”.

Ông J. Connelly lại tiếp: “những ai đặt đức tin nơi tôn giáo được căn cứ trên giáo lý như thế, sẽ chấp nhận sự so sánh tôn giáo đó với tôn giáo khác, xác định số mệnh của con người được qui vào vĩnh cửu bởi các biến cố của kiếp sống trần gian duy nhất và ngắn ngủi; tôn giáo sau này dường như hiến cho họ một niềm hi vọng vững chắc, nhưng khi họ giác tỉnh bản tánh hung bạo của mình nhờ giáo lý về sự tha tội theo như điều công bố tín ngưỡng của giáo phái Trưởng lão, hiệu quả giáo lý này sẽ bị trở ngại vì:

“Do sắc luật của Thượng Đế và sự biểu lộ vinh quang của Ngài, có những người và thiên thần mà sự sống vĩnh cửu được tiền định, cũng như có những kẻ phải nhận chịu sự chết vô tận.

Những người và thiên thần được tiền định và lựa chọn theo một tiêu chuẩn riêng biệt như thế không chấp nhận một sự thay đổi nào khác; con số quá chắc chắn, hạn định, không được tăng hay giảm . . . vì Thượng Đế đã tiền định họ đi đến sự vinh quang, . . . thì không còn kẻ nào khác được Đấng Christ cứu rỗi chuộc tội. Phần nhân loại còn lại, tùy theo ý của Thượng Đế – đúng theo tiêu chuẩn khó hiểu của ý muốn Ngài, theo đó Ngài ban cho hoặc từ chối lòng bác ái tùy sở thích và sự vinh quang của quyền năng đế vương mà Ngài ảnh hưởng đến bày tôi của Ngài – tùy ý thích, Ngài truất họ ra khỏi ân huệ và đẩy họ phải chịu sỉ nhục, trả thù tương xứng với tội lỗi”.

Nhà biện hộ thông minh, ông J. Connelly đã nói như thế. Chúng tôi không làm chi hơn chấm dứt đề tài cũng như ông, là kể lại một đoạn xuất sắc của ông Edwin Arnold trong quyển thi ca “Aùnh Đạo Phương Đông” (La Lumière de l’Asie):

“Karma – sự toàn vẹn của một linh hồn,
Những việc nó đã làm, tư tưởng nó đã có,
Cái “Ngã” nó đã dệt trên tấm vải vô hình của thời gian,
Cái “Ngã” nó đã thêu trên chuỗi vô cảm của hành động.
Vô thủy, vô chung,
Vĩnh cửu như không gian, chắc chắn như Chân lý,
Một quyền năng thiêng liêng hiện tồn và hướng về điều thiện,
Chỉ có những định luật của Karma được duy trì vĩnh viễn.

Không ai dám khinh khi nó;
Ai bất tuân sẽ bị thua thiệt, ai phục vụ sẽ chiến thắng;
Nó hiển dương sự ban thưởng thanh bình, phúc lạc về điều thiện được ẩn giấu,
Nó bắt nhận lãnh khổ đau về điều ác bí mật.
Nó nhìn thấy khắp nơi, và không điều chi thoát khỏi nó được,
Nếu ta làm thiện – nó sẽ ban thưởng – nếu ta có đôi điều ác độc:
Ta sẽ bị trừng phạt tương xứng
Dù Dharma có làm thiên lệch việc thực hành.
Nó không biết giận, biết tha thứ, chỉ biết công bằng đúng mức,
Nó cân với cán cân hoàn hảo;
Thời gian không có đối với nó – nếu không phán xử ngày mai;
Nó sẽ dành lại nhiều ngày sau.
Đó là định luật của sự vô tư.
Không ai có thể cản trở và làm sai lệch con đường tiến của nó;
Lòng nó chan hòa bác ái. Mục đích của nó là sự thanh bình êm dịu.
Sự thực hiện. Hãy tuân theo nó”.

Bây giờ tôi khuyên bạn nên suy gẫm giáo huấn của chúng tôi dạy về Karma, định luật bù trừ, và bạn phán đoán xem có phải Karma vừa công bằng vừa triết lý hơn tín điều bất lành, phi lý cho rằng “Thượng Đế” là quỷ sứ không có trí tuệ – tín điều đó nói rằng “chỉ có các tuyến cử duy nhất” sẽ được cứu rỗi về phần còn lại của thể gian phải bị đày đọa vĩnh viễn.

Vấn: Vâng, tôi hiểu một cách tổng quát về điều chi bà muốn nói, nhưng bà có thể cho tôi một thí dụ cụ thể về tác động của Karma chẳng ?

Đáp: Đây chính là điều mà tôi không thể làm được. Nhưng chúng ta có thể quả quyết, như tôi vừa nói ở đoạn trên, rằng đời sống và hoàn cảnh hiện tại của chúng ta đang sống, đều do kết quả trực tiếp của tư tưởng và hành động của ta từ những kiếp trước. Vì không phải là nhà tiên tri, điểm đạo, ta không thể biết một cách rõ rệt định luật Karma tác động ra sao ?

Vấn: Chân Sư hoặc nhà tiên tri có thể theo dõi từng chi tiết lịch trình tiến triển của Karma không ?

Đáp: Chắc chắn có. "Những người hiểu biết" có thể theo dõi bằng cách sử dụng các quyền năng tiềm tàng trong con người.

NHỮNG NGƯỜI HIỂU BIẾT LÀ AI ?

Vấn: Điều bà vừa nói có thể áp dụng cho chính ta cũng như cho bao nhiêu người khác chăng ?

Đáp: Vâng, như tôi vừa mới trình bày, quyền năng tri giác của mọi người đều bị hạn chế, trừ phi những người mà trong kiếp hiện tại, đã đạt được mức độ cao nhất về tri giác tâm linh, về thần nhãn. Còn chúng tôi chỉ nhận xét rằng, nếu các sự kiện có thể khác với ta, thì chúng đã thay đổi rồi, được sinh ra như thế có nghĩa là chúng ta đã xứng đáng thọ lãnh.

Vấn: Tôi e ngại một quan niệm như thế chỉ làm cho ta thêm chua xót mà thôi.

Đáp: Trái lại, chính vì không tin có định luật của sự công bằng bù trừ nên con người mới bất mãn. Từ đứa trẻ đến người lớn đều cảm được sự thối tha khi bị trừng phạt hay bị khiển trách một cách bất công, hơn là sự trừng phạt nghiêm khắc mà chính họ tự nhận đáng tội. Sự tin tưởng nơi Karma cung cấp cho con người có những lý lẽ cao thượng hơn để chấp nhận số phận của mình trong đời sống, đồng thời là sự khích lệ lớn lao để họ gắng sức cải thiện kiếp tái sinh sau này. Thật ra, sự chấp nhận và cố gắng đó không có lý do để tồn tại, nếu chúng ta giả thiết số phận không phải là kết quả của định luật không thể tránh hoặc định mệnh của ta lệ thuộc vào kẻ khác.

Vấn: Bà vừa xác nhận giáo lý Luân Hồi thích ứng với định luật Nhân Quả và tùy thuộc vào lý lẽ, vào sự công bằng và ý thức đạo đức. Nhưng phải chăng điều đó làm thiệt hại vài đức tánh êm dịu hơn của bản tính con người như thiện cảm và xót thương ? Và kết quả lại là sự cứng rắn thay vì những cảm giác tế nhị nhất của bản tánh nhân loại ?

Đáp: Không thực tại. Không có một người nào nhận nhiều hơn hay ít hơn điều họ đáng thụ hưởng mà không tạo sự tương đồng về bất bình đẳng và thiên vị đối với người khác. Một định luật mà ta có thể thoát khỏi sự trừng phạt nhờ lòng từ bi, gây nhiều đau khổ cho ta hơn là sự tri ân. Định luật không do chúng ta sáng tạo; chính nó tự phát xuất, chúng ta chỉ tạo tác nguyên nhân để rồi bị lôi cuốn theo hậu quả. Chính trạng thái Devachan là chốn mà lòng từ bi và cứu rỗi được biểu hiện rõ ràng.

Vấn: Bà có nói các Đấng Chân Sư là một trường hợp ngoại lệ trong sự vô minh tổng quát của chúng ta. Vậy các Ngài thực sự có hiểu biết về Luân Hồi, về các trạng thái vị lai hơn chúng ta không ?

Đáp: Vâng đúng vậy. Vì đã phát triển được các quan năng mà mọi người đều có, nhưng chỉ riêng các Ngài mới biết trau luyện cho đến hoàn hảo; chân linh các Ngài đã tiến vào cõi giới và trạng thái khác biệt mà chúng ta thảo luận. Trải qua nhiều thời đại, các thể hệ Chân Sư từ trước đến sau, đã dò dẫm sự huyền bí của con người, của sự sống, sự chết và sự tái sinh, các Ngài giảng dạy vài sự kiện đã học hỏi được.

Vấn: Phải chăng Thông Thiên Học có mục đích sản xuất các vị Chân Sư ?

Đáp: Thông Thiên Học xem nhân loại là một sự phát tán thánh linh đang diễn tiến trên con đường phản bổn huân nguyên. Khi tiến đến một điểm khá cao trên con đường đó, những ai đã dành nhiều kiếp nhục hóa để đến đích, sẽ đạt được cấp bậc Chân Sư. Bạn nên lưu ý, không một người nào đạt được cấp bậc Chân Sư về khoa huyền bí học trong một kiếp, rất cần nhiều kiếp sau khi đã tình nguyện, cam

kết và sự khởi tập luyện những điều cần thiết. Có thể các hội viên của hội Thông Thiên Học gồm nhiều người nam và nữ đã bắt đầu từ nhiều kiếp làm việc cực nhọc hướng đến sự đắc đạo, nhưng vì ảo tưởng của kiếp sống hiện tại, họ quên mất điều đó, hoặc để lỡ dịp may tiến tới đích. Họ cảm thấy bị thu hút mãnh liệt về Huyền bí học, về Đời Sống Cao Thượng, nhưng con người quá lo cho chính mình, quá đam mê hấp lực lừa gạt của trần gian, cũng như các thú vui giả tạo để rồi có thể từ khước điều cao thượng kia, đánh mất mọi cơ hội tiến bộ trong kiếp sống này. Nhưng đối với những người bình thường, có phận sự thực tiễn về đời sống hằng ngày thì một mục đích xa vời như cấp bậc Chân Sư không thích ứng với họ, nếu họ nhắm mục đích đó thật sự không ích lợi chi cho họ cả.

Vấn: Vậy những người bình thường gia nhập Hội Thông Thiên Học với mục đích chi ?

Đáp: Nhiều người quan tâm đến giáo lý của chúng tôi và cảm thấy thực tế hơn các tôn giáo độc đoán. Nhiều người khác cương quyết đạt đến lý tưởng cao cả nhất của bốn phận làm người.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA ĐỨC TIN VÀ TRI THỨC; HOẶC ĐỨC TIN MÙ QUÁNG VÀ ĐỨC TIN LÝ LUẬN.

Vấn: Như bà nói những người đó chấp nhận và tin tưởng giáo lý Thông Thiên Học, nhưng vì họ không phải là các Chân Sư mà bà vừa kể, thì đức tin của họ về sự giáo huấn đó lại là một đức tin mù quáng. Vậy điều đó khác với các tôn giáo quy ước ra sao ?

Đáp: Thông Thiên Học khác với các tôn giáo về điểm này cũng như hầu hết những điểm khác. Điều mà bạn gọi là đức tin thực sự chỉ là tín điều Thiên Chúa Giáo hay một đức tin mù quáng, trở thành "tri thức" đối với chúng tôi, sự tiếp nối hợp lý những gì mà chúng tôi hiểu biết về sự kiện của Tạo Hóa; giáo lý của bạn căn cứ vào sự giải thích, nghĩa là sự chứng minh phụ thuộc; trái lại, giáo lý của chúng tôi căn cứ vào sự chứng minh bất di dịch và đồng nhất của các bậc tiên tri. Thí dụ Thần học Cơ đốc nói rằng con người là vật sáng tạo của Thượng Đế, gồm có ba

phần –xác thân, linh hồn và chân linh – cả ba đều cần thiết cho sự cấu tạo toàn thể tính của nó, và cần thiết như nhau – hoặc dưới hình thức thô kệch của sự sinh tồn vật lý hồng trần, hoặc dưới hình thái dĩ thái của sự sinh tồn bên kia cửa tử, - rất cần cho sự tiếp tục của con người như là một sinh vật trường cửu, khác biệt với các người khác và các Đấng Thiêng Liêng. Trái lại Thông Thiên Học dạy rằng con người là sự phát tán của Tinh Túy Thiêng Liêng Bất Khả Tri, nhưng luôn luôn hiện diện, vô biên; do đó thân xác của họ cũng như mọi vật khác đều vô thường và là một ảo tưởng; chỉ có Chân Linh nơi con người là thực chất duy nhất vĩnh cửu nhưng phải bị mất cá thể tính riêng biệt vào lúc Chân Linh phối hợp toàn vẹn với Chân Linh Đại Đồng.

Vấn: Nếu bị mất Cá thể tính có thể chúng ta bị hoàn toàn tiêu diệt chẳng?

Đáp: Chúng tôi xác nhận rằng không, vì đây chẳng phải là cá tính đại đồng, mà là cá tính riêng biệt; giọt sương không tan mất, mà trở thành đại dương. Vậy con người vật chất có bị tiêu diệt không, khi từ bào thai trở thành một cụ già? Nếu ta đặt tâm thức và cá thể nhỏ nhoi của ta lên trên tâm thức đại đồng, vô biên thì lòng kiêu căng sẽ đến mức nào !

Vấn: Phải chăng do sự kiện đó, không một ai hiện tồn như con người, mà tất cả là Chân linh.

Đáp: Bạn đã lầm rồi. Sự phối hợp của Chân linh và vật chất chỉ tạm thời, hoặc giả, vì Chân Linh và vật chất là một, hay đó là hai cực đối lập của thực chất đại đồng biểu hiện nên Chân linh bị mất quyền định danh; đây là lúc mà một mảnh nhỏ hay nguyên tử của thực chất biểu hiện đó gia nhập vào một hình hài nhờ sự phân hóa. Nếu tin tưởng khác hơn chúng tỏ đức tin đó mù quáng.

Vấn: Nhờ tri thức chứ không nhờ đức tin, bà nói rằng chính cái nguyên lý trường cửu hay Chân linh, chỉ có thể xuyên qua vật chất mà thôi ?

Đáp: Nếu giải thích cách khác, chúng tôi sẽ xác nhận rằng sự biểu hiện như là vật chất của cái nguyên lý đơn nhất trường cửu là Chân linh chỉ tạm thời và là ảo tưởng mà thôi.

Vấn: Hay lắm ! Bà tuyên bố điều đó là kết quả của tri thức chứ không phải của đức tin ?

Đáp: Đúng vậy. Nhưng vì tôi thấy rõ điều bạn muốn kết luận nên tôi nói thêm đức tin là một chứng bệnh của trí năng, còn đức tin thực sự "căn cứ vào tri thức" hoặc tri thức này do sự hiển nhiên của giác quan vật chất hay tâm linh cung cấp.

Vấn: Bà nói chi ?

Đáp: Nếu bạn muốn biết hai loại đức tin nêu trên, tôi có thể giải thích cho bạn hiểu giữa một đức tin căn cứ vào uy quyền và một đức tin căn cứ vào trực *giác tâm linh của riêng ta có sự khác nhau rất quan trọng.*

Vấn: Sự khác nhau đó ra sao ?

Đáp: Bên này là sự dễ tin hay mê tín của nhân loại, còn bên kia là đức tin và trực giác. Trong quyển "Đường vào Bí Pháp Eleusis" (Introduction of Eleusinian Mysteries), giáo sư Alexander Wilder viết: "Chính vì vô minh nên mới xúc phạm. Con người thường chế nhạo những điều mà họ chưa hiểu rõ ràng. Khuynh hướng liếm-tàng của thể gian hướng về một mục đích duy nhất; nơi trung tâm đức tin của nhân loại . . . có một quyền năng gần như vô biên, một đức tin thánh thiện, có khả năng tri giác chân lý tối thượng của sự sinh tồn trọn vẹn".

Những ai giới hạn sự "dễ tin" đó vào các tín điều độc đoán, sẽ không bao giờ thấu triệt quyền năng hay phát giác được nó nơi đáy sâu của tâm hồn. Quyền năng này gia nhập rất mạnh mẽ vào ngoại cảnh cho đến đối không sao cung cấp được cơ hội tự biểu hiện đối với cái tinh túy đã quản trị nó; muốn được thế, họ phải chứng minh quyền phán xét riêng tư, điều mà họ không khi nào dám thực hành.

Vấn: Phải chăng “trực giác” làm cho bà bài bác Thượng Đế xem như một Đấng Cha cá nhân, Chúa Tể và Quản trị viên của Vũ trụ ?

Đáp: Đúng vậy. Chúng tôi tin có một nguyên lý luôn luôn bất khả tri; bởi sự thoát loạn mù quáng người ta cho rằng vũ trụ, con người suy tưởng cũng như tất cả kỳ công của thế giới vật chất, có thể phát sinh mà không cần những quyền năng thông minh sắp xếp một cách tài tình. Tạo hóa có thể lầm lạc và thường hay lầm lạc trong phần chi tiết và trong các sự biểu hiện bên ngoài của các phân tử, nhưng tạo hóa không hề lầm lạc về nguyên nhân và kết quả bên trong. Các người ngoại giáo thời cổ có nhiều quan điểm triết lý hơn các triết gia ngày nay hoặc hơn những người thuộc phái Lý trí hữu hạn, hoặc phái Duy vật và Cơ Đốc. Một tác giả không nói điều chi khác hơn: độc ác và từ bi là những cảm giác hữu hạn, người ta không thể kiến lập chúng trở thành đặc tính của một Đấng Thánh Linh vô biên. Thánh Linh của người ngoại giáo đều hữu hạn. Tác giả quyển “Bánh xe của định luật” (Roue de la loi), người Thái-Lan có diễn tả vị Thánh linh cá nhân cùng một quan niệm như chúng tôi. Ông viết (trang 25): “Người Phật tử có thể tin vào sự hiện tồn của một Thánh Linh cao thượng, Ngài có tất cả những đức tánh và đặc tính của nhân loại, một vị Thánh linh hoàn hảo, trên cả tình thương, hận thù, ghen ghét, nhưng Ngài vẫn thản nhiên trong sự yên tĩnh và không có điều chi có thể phá rầy Ngài được. Họ không bao giờ bất kính vị Thánh Linh này, chẳng phải có ý làm cho Ngài vui lòng, hoặc sợ Ngài phẫn nộ, nhưng đó là lòng kính mến tự nhiên. Nhưng họ không thể chấp nhận một vị Thánh linh có những đặc tính của con người, và Ngài cũng ghen ghét, giận hờn, một Thần Tính được các Giáo sĩ giảng đạo Cơ Đốc, Hồi giáo, Bà-la-môn giáo hoặc Do-thái giáo mô tả thấp hơn mức độ lý tưởng mà họ có về một người từ thiện tâm thường”.

Vấn: Về vấn đề đức tin đối đức tin, tín ngưỡng của người Cơ Đốc giáo, vì yếu đuối nên họ phải nương tựa vào Đấng Cha Lành ở trên Trời hầu che chở họ khỏi sa vào mọi sự cám dỗ, phù trợ họ trong đời sống và khoan dung mọi tội lỗi họ đã phạm, còn hơn tín ngưỡng lạnh nhạt gần như cường tín của con người theo Phật giáo, Phệ-đà và Thông Thiên Học ?

Đáp: Nếu bạn muốn, bạn có thể gọi sự tin tưởng của chúng tôi là “đức tin”.

Nhưng có một câu hỏi người ta thường đặt ra, tôi xin hỏi lại bạn; về đức tin đối đức tin, có lẽ hợp lý hơn tín ngưỡng chỉ căn cứ vào uy quyền của nhân loại hoặc sự thờ phượng các vị anh hùng hay sao? "Đức tin" của chúng tôi có tất cả sức mạnh của chân lý số học: hai với hai là bốn. Còn đức tin của bạn giống lý lẽ của phụ nữ nhạy cảm, ông Tourgeunev nói họ cho hai với hai là năm, vì thêm một cây nến. Vả lại tín ngưỡng của bạn đi ngược với mọi ý niệm về công bằng, luân lý nếu phân tích kỹ, nó còn dẫn dắt con người đến sự đồi trụy, cản trở sự tiến bộ của nhân loại và khi lằm lẩn ý niệm về quyền năng, luật pháp sẽ biến đổi phân nửa nhân loại thành một Cain đối với Abel (nghĩa là sát hại lẫn nhau).

Vấn: Bà muốn ám chỉ điều chi ? THƯỢNG ĐẾ CÓ QUYỀN THA THỨ KHÔNG ?

Đáp: Về giáo lý của sự đền tội. Về tín điều nguy hiểm mà bạn tin tưởng có dạy, dù tội lỗi của chúng ta đối với luật lệ của Thượng Đế và của con người có lớn lao bao nhiêu chỉ cần tin tưởng nơi sự hi sinh của Đức Jésum để cứu rỗi nhân loại, sẽ được tiêu tan ngay. Đã hai mươi năm nay tôi thuyết trình chống đối tín điều này, tôi xin đọc lại bạn nghe một đoạn trong quyển "Isis dévoilée" viết vào năm 1875. Đây là điều mà Cơ Đốc Giáo giảng dạy và cũng là điều mà chúng tôi phản đối: "Lòng từ bi của Thượng Đế thật vô tận vô biên. Ta không thể quan niệm một tội lỗi nào của nhân loại mà không được kẻ có tội chuộc lại dù tội lỗi đó có tệ hại đến đâu. Vả lại, không có sự chậm trễ nếu con người biết hối cải. Kẻ tội lỗi có đợi đến giờ phút cuối cùng của đời để thốt lên một lời sám hối, họ vẫn có thể lên cõi Thiên Đàng; kẻ trộm hấp hối cũng như những kẻ xấu xa như nó cũng có thể lên được. Sở vọng của Giáo hội và của Giáo phẩm là như thế ấy, các nhà truyền giáo danh tiếng của Anh quốc, đã phủ lên đầu đồng bào họ những sở vọng đó vào thế kỷ XIX, một thế kỷ nghịch lý nhất".

Như thế chúng ta sẽ bị dẫn dắt đến đâu ?

Vấn: Nhưng điều đó há không làm cho các tín đồ Cơ Đốc Giáo hạnh phúc hơn những người theo Phật giáo hay Bà-la-môn giáo hay sao ?

Đáp: Không. Ít nữa đối với người trí thức từ lâu họ mất tin tưởng nơi tín điều

bất lành đó. Nhưng tín điều này thu hút nhiều người tin tưởng hơn tất cả những tín điều mà tôi được biết và họ đã phạm những tội lỗi không thể ngờ được. *Bạn cho phép tôi thuật thêm "Isis dévoilée" (xem quyển II, trang 542 và 543):* "Nếu chúng ta thoát khỏi sự gò bó của tín điều, nhìn xem vũ trụ là một toàn thể được thăng bằng bởi sự hòa hợp toàn hảo của các thành phần của nó, thì mọi ý niệm về công bằng dù nhỏ nhích cũng đều không đồng ý giáo lý chuộc tội qua trung gian! Nếu kẻ sát nhân chỉ phạm lỗi hay chỉ làm hại cho chính họ, nếu biết ăn năn thành thật, họ có thể xóa tan các biến cố của dĩ vãng không những khỏi ký ức của người đời, còn khỏi quyển sổ bất tử mà không một thần thánh nào – cho đến Thần tính tối thượng – có thể bôi xóa được, vậy tín điều đó ít được hiểu biết hơn. Nhưng nếu nói một người có thể làm hại đồng loại, chém giết, gây xáo trộn sự thăng bằng xã hội và trật tự thiên nhiên của vạn vật, sau đó – do sự hèn nhát hi vọng, hoặc sự bắt buộc nào đó thúc đẩy – họ tìm được sự khoan dung nhờ tin tưởng nơi giọt máu của Chúa đã ban rải để có thể bôi xóa giọt máu khác chính họ làm tuôn chảy – thật là một điều vô lý! Có thể xóa bỏ kết quả của một án mạng bằng cách tha thứ chăng? Hiệu quả của một nguyên nhân không khi nào bị hạn chế trong giới hạn của nguyên nhân đó và cũng không thể giới hạn kết quả của án mạng cho kẻ có tội hay là nạn nhân của họ được. Mỗi hành động tốt hay xấu đều phát sinh hiệu quả hiển nhiên như hiệu quả của viên đá được ném xuống nước yên lặng. Đây là sự so sánh rất tầm thường, nhưng rất chính xác. Khi ta ném một viên đá xuống nước, những gợn sóng càng lan rộng, càng mau đến mục tiêu gây ra chúng (viên đá) lớn nhiều hay ít; nhưng một viên đá nhỏ nhất cho đến một hạt bụi – cũng gợi những gợn sóng. Và sự xáo trộn này không chỉ được nhìn thấy rõ nơi mặt nước mà thôi. Nó còn vô hình và tự phát sinh phía bên dưới, bên ngoài và mọi chiều hướng, mỗi giọt nước ảnh hưởng đến giọt nước khác cho đến khi động lực tỏa rộng lan tràn đến các cực cuối cùng của đáy nước. Lại thêm gió ở phía bên trên làm mặt nước xao động, sự xáo trộn mà các nhà vật lý học đã cho chúng ta biết, có ảnh hưởng đến không gian mà nó tác động thành từng lớp không ngừng là lan tràn đến vô tận. Một sự thúc đẩy được ấn vào vật chất không sao tiêu tan hay xóa bỏ được!

Aùn mạng hay điều trái ngược lại cũng giống thế. Tác động có thể nhất thời nhưng hiệu quả thật là vĩnh cửu. Nếu sau khi viên đá được ném xuống ao, chúng ta có thể níu nó lại trong tay, làm lui các lượn sóng, xóa tan động lực vừa sử dụng, tái lập làn sóng dĩ thái trở lại bình thường như trước khi sự kiện đó xảy ra, bôi xóa mọi dấu vết của tác động ném đá và làm sao cho quyển sổ của Thời gian không tiết lộ tác động đó đã xảy ra; lúc ấy và chỉ lúc ấy thôi, chúng ta có thể kiên nhẫn lắng nghe người Cơ Đốc giáo lập luận để bênh vực thuyết chuộc tội qua sự trung gian". – và đừng nên tin Định Luật Nhân Quả. Nhưng các sự kiện vẫn hiển nhiên như trên,

chúng tôi xin để thế gian phán xét xem trong hai giáo lý, giáo lý nào thích ứng với sự công bằng thiêng liêng và hợp lý nhất, chỉ đến quan điểm về sự hiển nhiên và luận lý của nhân loại.

Vấn: Tuy nhiên có hằng triệu người tin tưởng tín điều Cơ Đốc giáo và họ có hạnh phúc.

Đáp: Vì quan năng suy tưởng của họ bị chế ngự bởi một chủ nghĩa tình cảm thuần túy mà không một người nào có lòng nhân ái hay bác ái thực sự có thể chấp nhận được. Không là một giấc mơ ích kỷ, nhưng đúng hơn là cơn ác mộng của trí năng nhân loại. Bạn nghĩ xem điều đó dẫn dắt ta đến đâu, bạn hãy chỉ cho tôi một xứ ngoại đạo can phạm án mạng dễ dàng và nhiều hơn các quốc gia theo Cơ Đốc giáo. Bạn hãy xem bản thống kê hằng năm, có biết bao án mạng kinh khủng xảy ra tại các xứ ở Âu-Châu. Ở Mỹ-châu, Tin Lành và Thánh kinh có nhiều sự cải tôn tại các giáo đường hơn sự "phục hưng" và giảng đạo giữa công chúng.

“Anh hãy nhìn xem tình trạng thống kê về sự công bằng của Cơ Đốc giáo. Kẻ sát nhân với hai bàn tay đẫm máu do dục vọng, oán thù, tham lam, cuồng tín thúc đẩy, hoặc vì khát máu, giết người và thường không để cho họ có thì giờ hối cải hay kêu gọi Đức Jésum. Theo luận lý thần học, các nạn nhân đó chết vì tội lỗi và sẽ đương nhiên nhận được sự ban thưởng nhiều hoặc ít. Nhưng kẻ sát nhân bị công lý nhân loại buộc tội và bị giam cầm, những người đa cảm khóc và cầu nguyện dùm họ, họ thốt ra những lời kỳ diệu về sự cải tôn, đoạn họ leo lên đoạn đầu đài như một đứa con được chuộc tội của Đức Jésum! Nếu họ không can phạm án mạng người ta sẽ không bao giờ cầu nguyện dùm, họ sẽ không được chuộc tội, được tha thứ. Dĩ nhiên người ấy can tội sát nhân là phải vì nhờ đó, họ mới đạt được hạnh phúc vĩnh cửu ! Còn nạn nhân họ, gia đình, những người tùy thuộc, về những sự giao thiệp của nạn nhân, vậy sự công bằng không ban thưởng cho họ hay sao? Phải chăng họ chịu đau khổ nơi thế gian và nơi cõi khác, còn kẻ đã gây ra lại được sống trong hạnh phúc vĩnh cửu? Về câu hỏi đó Giáo hội Cơ Đốc vẫn im lặng một cách cẩn thận” (Isis dévoilée). Bây giờ bạn đã hiểu vì sao những người Thông Thiên Học – mà Karma là tín ngưỡng và hi vọng chính yếu cùng với sự công bằng cho mọi người, Trên Trời cũng như tại thế gian – lại bác bỏ tín điều đó.

Vấn: Vậy định mạng cuối cùng của con người không là cõi Trời nơi

Thượng Đế ngự trị, nhưng mà là một sự biến đổi vật chất từ từ thành Chân linh hay là phân tổ nguyên thủy của nó ?

Đáp: Tất cả vạn vật đều tiến đến mục tiêu cuối cùng đó.

Vấn: Những người chấp nhận giáo lý Thông Thiên Học có coi sự kết hợp hoặc sự hạ giáng của Chân linh vào vật chất là một điều tai hại hay ưu phiền chăng ?

Đáp: Có vài người nghĩ như thế, do đó họ cố gắng thu ngắn thời kỳ thử thách tại trần gian. Nhưng mà điều hại này không phải không có sự ban thưởng lại, thật ra chúng ta có được kinh nghiệm dạy chúng ta không có điều chi ngoài hạnh phúc tâm linh có thể thỏa mãn nhu cầu tâm linh của chúng ta được. Ngày giờ nào chúng ta còn ở trong xác thân, chúng ta gánh chịu sự khổ đau thất vọng của cuộc sống, nhưng trái lại để đền bù, chúng ta sẽ đạt được sau cùng sự tri thức và chỉ có nó mới giải thoát được ta và giúp ta hi vọng ở tương lai tốt đẹp hơn.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG XII

THÔNG THIÊN HỌC THỰC HÀNH LÀ GÌ ?

BỐN PHẬN

Vấn: Vì sao cần phải tái sinh, phải chăng con người không tìm được thanh bình vĩnh cửu ?

Đáp: Con người chỉ đạt mục đích cuối cùng nhờ kinh nghiệm của đời sống, phần đông nhân loại kinh nghiệm bằng sự đau khổ. Nhờ đau khổ ta học được nhiều điều

hay. Thật ra sự vui thú không dạy ta chi cả vì chúng chỉ tạm thời và thường làm cho ta nhàm chán. Vả lại, chúng ta không sao tìm được trong đời sống một sự thỏa mãn trường cửu nào khả dĩ đáp ứng bản tính cao thượng của ta, điều này minh chứng rõ ràng nhu cầu đó chỉ được thỏa mãn trên cõi tâm linh mà thôi.

Vấn: Sự mong muốn kết thúc đời sống bằng những phương tiện có thể, phải chăng là hậu quả tự nhiên của sự bất lực đó ?

Đáp: Chắc chắn là không, nếu bạn hiểu sự mong muốn này là “tự tử”, một kết quả như thế không “tự nhiên” mà là một chứng bệnh của khối óc hoặc do những tư tưởng quá duy vật đã in sâu. Đó là điều tệ hại nhất mà hậu quả còn tệ hại hơn. Nếu bạn hiểu ham muốn có nghĩa là nguyện vọng để đạt đến sự tồn tại tâm linh chứ không rời bỏ cõi trần này, thì thật là điều rất hiển nhiên. Nếu tự ý tìm cái chết là lẩn trốn nhiệm sở đã giao phó cho ta và không làm tròn bốn phận đã thọ lãnh, đồng thời có ý trốn tránh trách nhiệm và Nhân Quả sẽ tạo ra một Karma mới.

Vấn: Hành động nơi cõi vật chất thật sự không thoả mãn chúng ta, tại sao bốn phận lại có tánh cách bắt buộc; chúng cũng là hành động kia mà ?

Đáp: Trước hết triết lý của chúng tôi dạy phải thực hành bốn phận đối với đồng loại, kể đến với chính mình; không phải với mục đích hoạch đắc cá nhân nhưng nhằm tạo hạnh phúc cho kẻ khác; cần thực hành điều thiện vì yêu mến điều thiện, chứ không vì lợi lộc do điều thiện tạo ra. Hạnh phúc hoặc đúng hơn, sự hài lòng sở dĩ có được vì đã thực hành bốn phận, nhưng đừng cho đó là mục đích của hành động.

Vấn: Bà hiểu sao về “bốn phận” theo giáo lý Thông Thiên Học? Bốn phận đó có giống bốn phận Cơ Đốc mà Đức Jésus và các đệ tử của Ngài thuyết giảng không ? Bà không nhìn nhận kia mà .

Đáp: Một lần nữa bạn lại lầm. Từ nhiều thế kỷ thời đại Cơ Đốc giáo, không một Đấng đại cải cách luân lý hay tôn giáo nào không dạy về bốn phận mà bạn gọi là

bốn phận “Cơ Đốc”. Vào thời cổ những gì lớn lao, quảng đại, hùng dũng, không những được thảo luận, thuyết pháp nơi giảng đường như hiện tại mà còn được nhiều quốc gia thực hành. Trong lịch sử cải cách Phật giáo, có biết bao hành động cao thượng, vị tha nhất. Các người nên đồng tâm nhất trí, tương thân tương ái với nhau, nên thương yêu giúp đỡ lẫn nhau như anh em cùng huyết thống, nên trắc ẩn, dịu hiền; chớ lấy oán báo oán, chớ nên nguyên rửa nhau, trái lại nên hỗ trợ nhau”; đó là lời giáo huấn của Đức Phật mà các đệ tử đã thực hiện thể kỷ trước Thánh Pierre. Đạo lý của Cơ Đốc giáo thật cao thượng nhưng chắc chắn không mới mẻ chi và xuất phát từ bốn phận của người “ngoại đạo”.

Vấn: Và bà định nghĩa bốn phận này, hay đúng hơn “bốn phận” (tổng quát) như thế nào theo như bà hiểu ý nghĩa của từ ?

Đáp: Bốn phận là những gì mà chúng ta đã vay của nhân loại – đồng bào, người lân cận và gia đình chúng ta – nhất là điều chi chúng ta còn thiếu người nghèo khổ, yếu đuối hơn ta. Nếu trong kiếp sống hiện tại, không trả được món nợ đó, thì kiếp tái sinh vị lai chúng ta không sao trả nổi món nợ tâm linh và tinh thần bị phá sản. Vậy Thông Thiên Học là tinh hoa của bốn phận.

Vấn: Nếu hiểu biết rõ ràng và thực hành đúng đắn thì Cơ Đốc giáo cũng giống như thế phải không ?

Đáp: Chắc chắn là thế. Thông Thiên Học không giúp gì cho tín đồ Cơ Đốc nếu Cơ Đốc Giáo chú trọng về mặt thực hành. Nhưng Cơ Đốc giáo chỉ giảng dạy luân lý trên đầu môi. Thật rất ít người Cơ Đốc giáo thực hành bốn phận của mình đối với người khác. Đó là:

“Lời nói chung của sự ban khen,

Làm rạng danh và tưởng thưởng đức hạnh,”

và đây là điều mà các nhà từ thiện “có danh trong thế giới” lo lắng nhất. Thật là tốt đẹp khi ta lắng nghe bình luận về luân lý thời đại, nhưng còn tốt đẹp hơn nếu chúng ta đem ra thực hành. Sau hết, bạn có hỏi ý nghĩa về bốn phận của Thông Thiên Học, tôi có thể trả lời rằng, bốn phận của chúng tôi là uống cạn chén đắng

mà cuộc đời đã dành cho chúng tôi đến giọt cuối cùng, chúng tôi bẻ những đóa hoa hồng của cuộc đời và làm cho hương thơm thấm đượm sang người khác; chúng tôi bằng lòng nhận chịu bị gai đâm nhưng nhất định chia sẻ hương thơm cho người khác.

Vấn: Những điều bà vừa nói thật mơ hồ. Bà đâu có làm chi khác hơn người Cơ Đốc giáo ?

Đáp: Không phải để hiểu biết chúng tôi làm điều chi, mặc dù có vài người trong chúng tôi đã cố gắng hết sức mình nhưng để thấy Thông Thiên Học thu hút chúng ta về điều thiện hơn Cơ Đốc giáo thời đại. Xét đoán việc này; hành động là viên đá thử vàng; hành động thật sự chứ không phải là ý muốn suông hay lời nói. Dầu một người có phóng túng ích kỷ và tàn nhẫn nhất, có thể là một tên sát nhân tệ hại nhất, họ cũng vẫn là một người Cơ Đốc như những người khác. Nhưng không một người Thông Thiên Học nào được mang tên này, nếu họ không thấm nhuần chân lý theo lời của Carlyle: "Con người phải nhắm mục tiêu hành động, chứ không phải chỉ tư tưởng, dù là tư tưởng thanh cao" và nếu họ không điều chỉnh và không sống hằng ngày theo chân lý trên. Giảng một chân lý chưa phải là làm tròn được chân lý ấy. Cảm tưởng đem ra giảng giải càng tốt đẹp, cao thượng, người ta càng nói nhiều về đức hạnh và bốn phận thay vì thực hành và người ta càng gạt hái được những trái của Biển Chết (Mer Morte). Tánh giả dối là tật xấu tai hại nhất và lại là nét độc đáo của Anh Quốc, xứ Tin lành lớn nhất của thế kỷ này (thế kỷ XIX).

Vấn: Vậy theo ý bà , phận sự của chúng ta đối với nhân loại phải như thế nào ?

Đáp: Phải thẳng thắn nhìn nhận rằng tất cả mọi người, không phân biệt nòi giống, màu da, vị trí xã hội hoặc dòng họ, có thể có những ước vọng về quyền lợi và đặc ân như nhau.

Vấn: Vào lúc nào bà thấy người ta quên làm bốn phận đó ?

Đáp: Khi người ta va chạm dù rất ít, quyền lợi của kẻ khác và đó là quyền lợi của một người hay của một quốc gia; khi người ta chệch mảng việc đối xử công bằng, tử tế, quý trọng, tử bi như đã muốn người khác đối xử với mình. Tất cả đường lối chính trị hiện tại được căn cứ vào sự chệch mảng đó, vào những đòi hỏi bất nhân do sự ích kỷ quốc gia. Người Pháp có câu: "Chủ nào, tớ nấy", cần nên thêm: "Chính trị của quốc gia nào, có công dân nấy".

Vấn: Bà có làm chính trị không ?

Đáp: Trên bình diện của Hội, chúng tôi cố gắng gìn giữ cẩn thận để không làm chính trị vì các lý do sau đây: tìm cách kêu gọi sự cải cách chính trị trước khi sửa đổi bản tính của nhân loại, như vậy là châm rượu mới vào bình cũ. Nếu ta làm sao cho con người cảm thấy và nhìn nhận trong thâm tâm bốn phận thực sự của họ đối với mọi người, thì mọi sự lạm quyền, mọi luật lệ bất công về chính trị quốc gia đã căn cứ vào tánh ích kỷ nhân loại dù thuộc về xã hội hay chính trị sẽ chính tự nó tan biến. Một người làm vườn vô ý nếu họ nhổ cỏ mà không bứng tận gốc rễ. Người ta không thể có sự cải cách chính trị bền vững khi những người ích kỷ vẫn còn quản trị công việc của quốc gia.

SỰ LIÊN QUAN CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC VỚI SỰ CẢI CÁCH CHÍNH TRỊ

Vấn: Hội Thông Thiên Học không phải là một tổ chức chính trị hay sao?

Đáp: Chắc chắn là không. Hội Thông Thiên Học là một tổ chức quốc tế, với ý nghĩa rộng rãi của từ, mà hội viên thuộc tất cả các giống dân, tín ngưỡng và ý kiến khác nhau nhưng họ hợp tác làm việc với nhau cùng chung một mục đích: cải tạo nhân loại. Nhưng với danh nghĩa là Hội, Hội không thuộc bất cứ đảng phái hay hình thức chính trị nào.

Vấn: Tại sao vậy ?

Đáp: Bởi các lý do được nêu trên. Vả lại mọi hành động chính trị phải thay đổi tùy theo hoàn cảnh và sự ngu xuẩn của cá nhân. Vậy các hội viên Thông Thiên Học đều đồng ý về những nguyên tắc của Thông Thiên Học – nếu không thì họ sẽ không phải là hội viên – thế nên không lý do gì để họ không cùng chung một quan điểm đối với những vấn đề khác. Về phương diện Hội, họ chỉ có thể hành động tập thể cho các vấn đề chung, có liên quan với Thông Thiên Học, về phương diện cá nhân, họ được hoàn toàn tự do để theo tư tưởng và hành động chính trị riêng biệt, miễn hành động đó đừng đi ngược lại nguyên lý của Thông Thiên Học và không điều hại nào cho chính Hội Thông Thiên Học.

Vấn: Nhưng Hội Thông Thiên Học chắc chắn không có đứng ngoài các vấn đề xã hội mà tâm quan trọng càng ngày càng tăng gia ?

Đáp: Chính các nguyên lý của Hội Thông Thiên Học chứng minh khá đầy đủ về việc đó, hoặc đúng hơn phần đông các hội viên không lơ là việc xã hội. Nếu nhân loại không thể tự phát triển phần trí tuệ và tâm linh bằng cách tuân thủ chặt chẽ những định luật sinh lý học hợp lý nhất và khoa học nhất, thì bốn phân bắt buộc tất cả những ai gắng sức giúp vào sự phát triển đó là làm sao cho định luật thực hiện được chừng nào hay chừng ấy. Tất cả những người Thông Thiên Học đều biết rõ điều kiện xã hội của dân chúng, nhất là các nước Tây phương không thuận tiện cho xác thân và chân linh của họ nhận lãnh sự giáo dục của họ một cách hữu hiệu, do thế mà sự phát triển gần như đình trệ. Vì sự tập luyện hoặc sự phát triển đó làm thành một trong các mục tiêu chánh yếu của Thông Thiên Học, Hội Thông Thiên Học xét thấy có thiện cảm và hòa hợp hoàn toàn với mọi cố gắng thực sự dành cho mục tiêu đó.

Vấn: Bà hiểu "mọi cố gắng thực sự" như thế nào ? Mỗi nhà cải cách xã hội có phương pháp vận ứng riêng của họ, và mỗi người lại nghĩ ra phương pháp riêng chỉ duy nhất để cải thiện và cứu thoát nhân loại.

Đáp: Điều mà bạn nói rất đúng; thế nên vì sao người ta ít thực hiện được những công tác xã hội một cách tốt đẹp. Phần lớn các phương pháp vận ứng đó thiếu mọi nguyên lý chỉ huy, và chắc chắn không có một nguyên lý nào liên kết

chúng lại. Vì thế người ta phải mất nhiều thì giờ quý báu và nhiều năng lực sử dụng một cách vô ích, như sự khao khát danh vọng, khen thưởng hơn là chú tâm vào mục đích lớn lao hơn.

Vấn: Vậy thì phải thực hành những nguyên lý Thông Thiên Học như thế nào để có được sự hợp tác, cũng như cố gắng thực sự để cải tiến xã hội?

Đáp: Bạn cho phép tôi trình bày lại nguyên lý này là sự đơn nhất về nhân quả đại đồng, sự hợp quần của nhân loại; định luật quả báo, luân hồi. Đó là những khoen của sợi xích vàng để kết hợp nhân loại vào một gia đình duy nhất, vào một tình huynh đệ đại đồng.

Vấn: Nhưng tại sao ?

Đáp: Trong tình trạng xã hội hiện nay, và nhất là trong những nơi được gọi là văn minh có một sự việc mà chúng ta không ngừng bắt buộc phải nhận xét; các nạn nhân của nghèo đói, bệnh tật rất nhiều; tình trạng vật chất của họ rất đáng thương, về khả năng tinh thần và tâm linh của họ thường chưa được tỉnh thức. Mặt khác ở đầu kia của nấc thang xã hội, nhiều người đang sống một cuộc sống đứng đưng, bơ thờ, đầy vật chất xa hoa và hưởng thụ một cách ích kỷ. Hai lối sống này không phải tình cờ mà có, tất cả do hậu quả của các điều kiện tạo nên môi trường của những kẻ sống nơi đó đặt ra.

Vã lại, có một sự liên lạc sâu xa giữa sự chệnh lệch các nhiệm vụ xã hội thuộc về phần những kẻ này và việc ngăn cản sự phát triển của những kẻ khác. Môn xã hội cũng như tất cả các ngành khoa học chân chính khác đều ở dưới định luật nhân quả đại đồng, nó hàm chứa một cách cần thiết và hợp lý sự liên đới giữa con người mà Thông Thiên Học đã nhiều lần nhấn mạnh. Nếu hành động của một kẻ duy nhất có tác động trên cuộc sống của tất cả và đó chính là ý kiến thực sự khoa học thì tất cả những người nam và nữ phải là anh chị em với nhau, và tình huynh đệ thực sự này phải được thực hành hàng ngày trong cuộc sống để cho con người có thể tiến tới sự hợp quần thực sự của nhân loại; nó vốn là cội rễ của sự nâng cao chủng tộc. Chính tác động hỗ tương này, tình huynh đệ chân thật này, trong đó mỗi người sống cho mọi người,, và mọi người sống cho mỗi người, tạo thành một trong

những nguyên lý căn bản của Thông Thiên Học, nguyên lý mà mọi người Thông Thiên Học chẳng những phải giảng dạy, mà còn phải thực hành trong đời sống hàng ngày của mình.

Vấn: Tất cả điều đó rất tuyệt diệu vì là nguyên lý tổng quát. Nhưng làm thế nào áp dụng một cách cụ thể được ?

Đáp: Xin bạn hãy xem xét điều mà người ta gọi là những sự kiện cụ thể của xã hội loài người. Chẳng những bạn xem xét cuộc sống của quảng đại quần chúng mà còn cuộc đời của số người thuộc giai cấp trung lưu và thượng lưu, với những gì mà cuộc sống đó có thể có được trong những điều kiện cao quý và lành mạnh hóa, dưới một chế độ công bằng, độ lượng và bác ái, thay vì là ích kỷ, lãnh đạm và tàn bạo dường như quá thường xảy ra hiện nay. Bất cứ điều gì tốt cũng như xấu trong con người đều bắt nguồn ở bản tánh con người, và bản tánh này đang và đã bị điều khiển bởi sợi xích vô tận của nhân và quả. Những sự ràng buộc này áp đặt cho tương lai cũng như hiện tại và quá khứ. Không thể nào sự ích kỷ sự lãnh đạm và sự thô bạo là trạng thái bình thường của chúng tộc: tin vào điều đó là làm thất vọng nhân loại, và đó là điều mà không một người Thông Thiên Học nào có thể tin được. Người ta có thể đạt đến tiến bộ bằng sự phát triển những đức tánh cao quý nhất. Vả lại, triết lý thực sự về sự tiến hóa dạy chúng ta rằng, trong khi thay đổi môi trường của một cơ thể, người ta sẽ thay đổi, cải tạo chính cơ thể đó, điều đó cũng rất đúng đối với những gì liên quan đến con người. Do đó, bổn phận của người Thông Thiên Học là phải giúp đỡ bằng mọi phương tiện mà y có được theo khả năng của y, bất cứ sự cố gắng nào hợp lý và có mục đích cải thiện số phận của kẻ khốn khổ.

Vấn: Đồng ý. Nhưng ai sẽ quyết định cho một cố gắng xã hội là khôn ngoan hay thiếu khôn ngoan ?

Đáp: Không một người nào, không một xã hội nào có thể tuyên bố một cách dứt khoát về sự lưu tâm này, tốt hơn nên trao việc đó cho sự phỏng đoán cá nhân. Tuy nhiên có một tiêu chuẩn nên áp dụng; hành động được dự tính phải chẳng có khuynh hướng hợp tình huynh đệ chân thật mà sự thực hiện điều này cũng là mục

đích của Thông Thiên Học? Người Thông Thiên Học chân chính sẽ phán đoán điều đó không khó khăn gì. Một khi được thỏa mãn về điểm này, bốn phận của y là hướng dẫn dư luận quần chúng về mục đích ấy. Người ta chỉ có thể được một kết quả như thế bằng cách phổ biến khắp nơi những quan niệm cao quí của các nhiệm vụ chung cũng như riêng tạo thành cội rễ của mọi sự tiến hóa tinh thần và vật chất. Bằng mọi cách, chính y phải là một trung tâm hoạt động tâm linh, chính nơi y và cuộc đời riêng của y, mỗi ngày phải chiếu rọi những sức mạnh tinh thần cao cả, và có thể ảnh hưởng đến sự hồi sinh của nhân loại.

Vấn: Tại sao lại phải làm điều đó ? Như bạn đã nói, tất cả mọi người đều bị lệ thuộc vào Karma của họ, và có phải chăng Karma tác động theo một phương cách đã được ấn định ?

Đáp: Chính định luật Karma đem lại sức mạnh cho tất cả những gì tôi vừa nói. Cá nhân không thể tách rời khỏi chủng tộc và ngược lại. Luật Karma tác động đồng đều trên tất cả mọi người,, dù mọi người không tiến hóa như nhau. Người Thông Thiên Học trong khi góp sức vào việc hoàn thiện cho đồng loại, không những tin vào việc giúp ích cho đồng loại trả xong nghiệp quả, mà y đồng thời cũng tin vào việc thanh toán một cách hiệu quả các nghiệp quả của mình nữa. Điều mà một người Thông Thiên Học luôn luôn lưu ý là việc hoàn thiện của nhân loại mà y là một phần bất khả phân. Hơn nữa, y biết rằng mỗi khi y chệch mảng công cuộc tiến hóa của y đồng thời y cũng làm chậm trễ sự tiến bộ của kẻ khác. Do đó, các hành vi của y, y có thể làm cho dễ dàng hay tạo khó khăn cho sự tiến bộ của nhân loại.

Vấn: Nhưng có sự liên quan như thế nào giữa điều đó và nguyên khí thứ tư là nguyên khí của sự luân hồi như đã nói ở trên ?

Đáp: Có một sự liên quan chặt chẽ giữa hai điểm này. Nếu cuộc sống của chúng ta tùy thuộc vào sự phát triển của một số nguyên khí, những nguyên khí này có mầm mống của những điều còn ghi lại của một kiếp sống đã qua, định luật này có thể áp dụng đồng đều trong tương lai. Nếu một khi người ta hiểu rõ rằng luật nhân quả đại đồng không những chỉ tác động ở hiện tại, mà còn ở quá khứ và tương lai nữa, mỗi hành động trên cảnh giới hiện tại của chúng ta sẽ rơi một cách dễ dàng,

tự nhiên vào đúng chỗ của nó, và sẽ được nhận ra trong mối liên quan thật sự với các hành động khác với chính chúng ta. Mỗi hành vi ích kỷ đáng khinh bỉ làm cho chúng ta thoái hóa thay vì tiến bộ, trong khi đó, mỗi tư tưởng cao thượng và mỗi hành vi vị tha, quên mình tạo thành những cấp bậc dẫn đến những cảnh giới cao hơn, huy hoàng hơn của thang tiến hóa. Nếu chỉ có kiếp sống này mà thôi, kiếp sống ấy sẽ nghèo nàn, khổ sở dưới nhiều mối liên hệ, nhưng nếu chúng ta xem chúng như là sự chuẩn bị cho kiếp sống kế tiếp, chúng ta có thể tạo ra một cánh cửa vàng, nhờ đó, chúng ta sẽ vượt qua, không phải chỉ một mình ta mà với các đồng loại để chúng ta cùng tiến tới chỗ giải thoát.

HY SINH BẢN NGÃ

Vấn: Phải chăng lý tưởng cao cả của Thông Thiên Học là bình đẳng cho mọi người và bác ái cho vạn vật ?

Đáp: Không; Thông Thiên Học có một lý tưởng còn cao quý hơn nữa.

Vấn: Lý tưởng đó là gì ?

Đáp: Đó là sự hiến dâng cho kẻ khác nhiều hơn cho chính mình hay là hi sinh bản ngã. Đó là lý tưởng nổi bật nhất của các Đại Thánh Sư và Giáo Chủ của nhân loại như là Đức Phật và Đức Jésus. Chỉ nội điểm này cũng đủ thu phục sự tôn kính và sự tri ân mãi mãi của những kẻ đi sau các Ngài. Tuy nhiên nên nhớ rằng, sự hi sinh bản ngã phải thực hành với sự phân biệt, vì một sự hi sinh mơ hồ, thiếu phán đoán và không xem xét tới những kết quả về sau, không những thường là vô ích mà còn có hại nữa. Một trong những qui tắc căn bản của Thông Thiên Học là phải ngay thật với chính mình, không phải về phương diện ngay thật cá nhân, mà phải như là một phần của tập thể nhân loại, sự công bằng, không nhiều hơn cũng không ít hơn đối với kẻ khác, trừ phi, do sự hi sinh của chính mình mà chúng ta có thể làm lợi cho tập thể.

Vấn: Bạn có thể cho một thí dụ để chứng minh ý tưởng của bạn rõ hơn

chăng ?

Đáp: Lịch sử đã đem lại cho chúng ta nhiều thí dụ. Theo Thông Thiên Học, sự tự hi sinh với mục đích thực tiễn để cứu giúp một số đông người, thì cao cả hơn là sự tự quên mình để phụng sự cho một lý tưởng có tánh cách bè phái, thí dụ "cứu người ngoại giáo khỏi bị kết tội". Theo chúng tôi, Linh mục Damien, lúc 30 tuổi, đã hi sinh cả cuộc đời mình với mục đích làm nhẹ nỗi thống khổ của những người bị bệnh cùi ở Molokai. Ông đã sống một mình trong 18 năm giữa những người cùi, và cuối cùng, chính ông đã bỏ mình vì chứng bệnh ghê gớm đó. Ông đã chết không vô ích chút nào. Ông đã đem lại sự thuyên giảm và hạnh phúc tương đối cho hàng ngàn người khổ khổ... Ông đã đem lại tia sáng cho đêm tối tăm, u ám của cuộc đời họ. Linh mục Damien chính là một người Thông Thiên Học thực sự mà kỷ niệm về ông sẽ còn mãi mãi trong chúng tôi. Dưới mắt chúng tôi, vị linh mục người Bỉ nghèo nàn này còn cao cả hơn những người đầy đức tin, thành tâm nhưng kiêu căng, thí dụ nhà truyền giáo đã hi sinh cuộc đời trên các đảo ở Nam Hải hay Trung Hoa. Họ đã làm được những điều thiện nào? Một mặt họ đến với những người chưa có khả năng để tiếp nhận Chân lý nào đó, mặt khác, họ đến với những quốc gia mà hệ triết lý tôn giáo có tầm mức lớn lao ngang bằng với bất cứ hệ thống nào khác, miễn là người ta thực hành các giáo điều của Khổng Tử và các hiền giả khác của Trung Hoa. Những nhà truyền giáo này đã chết, họ là nạn nhân của những kẻ man rợ, của những kẻ ăn thịt người vô trách nhiệm và của kẻ ghen ghét trong dân gian. Nếu họ đã đi vào những khu khổ khổ ở Whitechapel hay là nơi một địa phương nào khác giống như ao tù nước đọng dưới ánh nắng rực chiếu của nền văn minh chúng ta, đầy những người Cơ Đốc giáo nghèo nàn về tinh thần; họ đã thật sự làm điều thiện và họ đã hi sinh đời sống cho mục đích tốt đẹp và cao quý biết bao.

Vấn: Nhưng những người Cơ Đốc giáo không nghĩ như vậy.

Đáp: Dĩ nhiên, nhưng họ căn cứ vào một tín điều sai lầm. Họ tin rằng với lễ rửa tội có thể cứu được linh hồn của một người kém hiểu biết và vô trách nhiệm. Một giáo hội quên đi những kẻ tử vì đạo của mình, còn giáo hội khác lại tôn vinh, chúc phúc, xây tượng cho những người như Labre, người mà suốt 40 năm đã hi sinh thân xác mình hầu đem lại phúc lợi cho người nghèo mà ông đã gặp. Nếu có phương tiện chúng tôi sẽ xây tượng đài ghi nhớ công ơn sống động của Linh mục Damien, một vị Thánh sống, đã nêu gương tích cực thực hành từ bi xứng đáng với

sự quên mình của Đức Phật và Đức Jésus.

Vấn: *Bạn có xem sự hy sinh như là một bổn phận không ?*

Đáp: Chắc chắn có, vì lòng vị tha quên mình là một phần trong sự phát triển cá nhân. Nhưng phải thực hành trong sự phân biệt. Một người không có quyền tự bỏ thân xác mình đến nỗi chết vì đói để cho người khác được sống, nếu y không chắc rằng người ấy sẽ hữu ích cho đồng loại hơn là sự sống của chính y. Tuy nhiên, y phải biết hi sinh các tiện nghi của mình để làm việc có ích cho kẻ khác, nếu những người này không thể làm việc được. Tương tự như thế, bổn phận của y là cho ra những gì của riêng y, những gì không thể đem lại lợi ích cho ai khác ngoài y ra, nếu y cố giữ cho riêng mình một cách ích kỷ, không đem phân phát cho kẻ khác. Thông Thiên Học dạy sự xả kỷ nhưng không dạy sự hi sinh táo bạo vô ích, Thông Thiên Học không chấp nhận sự cuồng tín.

Vấn: *Nhưng làm sao đạt được linh hồn cao siêu như vậy ?*

Đáp: Bằng sự thực hành nghiêm túc giáo lý của chúng tôi. Bằng việc sử dụng lý luận cao siêu, trực giác tâm linh và các giác quan tinh thần, sau cùng bằng cách lắng nghe “tiếng nói thầm lặng” của tâm thức chúng ta, vốn là tiếng nói của Chân Ngã và thật sự nơi ta, nó mạnh mẽ hơn cả trận địa chấn hay là tiếng sấm sét của Jehovah, “Đấng hiện diện khắp nơi”.

Vấn: *Nếu đó là bổn phận của chúng ta đối với nhân loại, thì theo bạn, chúng ta có bổn phận phải làm gì đối với những người chung quanh ?*

Đáp: Làm đúng theo những gì chúng tôi vừa nói cộng thêm những điều bắt buộc do liên hệ với gia đình.

Vấn: *Theo một số người cho rằng khi gia nhập Hội Thông Thiên Học thì người đó bắt đầu tách rời dần dần với vợ con và các bổn phận đối với gia*

đình, điều đó có đúng không ?

Đáp: Thật là một sự vụ khổng vô căn cứ cũng như mọi sự vụ khổng khác. Trong các bốn phận của người Thông Thiên Học thì bốn phận đầu tiên là phải làm tròn nhiệm vụ đối với mọi người, đặc biệt đối với những người mà chúng ta có trách nhiệm riêng biệt, trách nhiệm mà chúng ta tự ý giao kết, đó là các mối liên hệ hôn nhân – hoặc là trách nhiệm thuộc về phần chúng ta vì nghiệp quả, đó là các bốn phận đối với cha mẹ và gia đình chúng ta.

Vấn: Bốn phận của người Thông Thiên Học đối với chính mình là gì ?

Đáp; Đó là dùng Chơn Ngã chế ngự và thẳng phục phàm ngã, tinh luyện nội tâm và tinh thần, không sợ hãi điều gì hay kẻ nào ngoại trừ tự mình phán xét lương tâm của chính mình. Không làm điều gì dở dang, nghĩa là hoàn tất những gì xét thấy đúng một cách thẳng thắn và dũng cảm, nếu thấy là sai thì phải loại bỏ hoàn toàn. Bốn phận của người Thông Thiên Học là làm sao cho nhẹ bớt gánh nặng trần gian và noi theo các lời dạy đây Minh Triết của Epictète như sau: “ Đừng để bốn phận của các bạn bị lệch hướng bởi một sự phán đoán vô bổ nào đó mà thế gian rõ đại áp đặt vào bạn, vì những sự chỉ trích đó không dựa vào khả năng bạn, vậy bạn đừng bận tâm.”

Vấn: Giả sử có một hội viên Thông Thiên Học tự nhận mình không có khả năng thực hiện lòng vị tha, bởi vì “lòng bác ái bắt đầu nơi chính mình” [54], người ấy nói rằng mình quá bận rộn hay quá nghèo nàn nên không thể phụng sự nhân loại hay giúp ích riêng biệt một cá nhân nào. Vậy các qui luật của bạn trong những trường hợp đó như thế nào ?

Đáp: Không một ai, với bất kỳ luận cứ nào, có quyền nói rằng mình không thể làm gì hết cho kẻ khác; một văn sĩ Anh nói rằng: “thế gian phải mang ơn kẻ nào biết làm tròn bốn phận và ý định của y”. Một ly nước lạnh trao đúng lúc cho người đi đường đang khát là một hành động cao quý, có giá trị hơn hàng chục bữa ăn hoang phí không lý do. Người nào không có những hành động như vậy sẽ không trở thành người Thông Thiên Học. Tuy nhiên y vẫn là hội viên Thông Thiên Học. Chúng

tôi không có luật lệ nào bắt buộc y, nếu y không muốn trở thành người Thông Thiên Học thực tiễn.

Vấn: Tại sao một người như thế lại xin gia nhập Hội ?

Đáp: Chính y biết rõ hơn ai hết. Lại nữa, chúng tôi không có quyền xét đoán ai cả, mặc dù có nhiều người chống đối y, và đây là lý do tại sao: ở thời đại chúng ta “ý dân không còn là ý Trời nữa” mà đúng hơn là tiếng nói thiếu lòng nhân ái. Bốn phận của chúng tôi là gieo hạt giống cho tương lai, săn sóc chúng cho thật tươi tốt. Vậy, chúng ta không nên dừng lại để hỏi tại sao, vì như thế sẽ phí phạm thời gian mà còn không gặt hái được điều đó sau này.

LÒNG NHÂN - TỪ

Vấn: Những người Thông Thiên Học nghĩ gì về lòng nhân từ của Cơ Đốc Giáo ?

Đáp: Bạn muốn nói về lòng nhân từ thực tiễn của cõi trần hay lòng nhân từ nào ?

Vấn: Tôi muốn nói về lòng nhân từ thực tế, vì tư tưởng về tình huynh đệ đại đồng của các bạn bao hàm lòng nhân từ rồi.

Đáp: Như vậy bạn đang nghĩ đến các giới răn mà Đức Jésus đã đề cập trong bài “Thuyết giảng trên Núi” phải không?

Vấn: Đúng vậy.

Đáp: Tại sao bạn lại dùng từ Cơ Đốc giáo (christian)? Mặc dù Đấng Cứu Thế của

bạn đã thuyết giảng và thực hành áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, và là việc sau cùng mà những người Cơ Đốc giáo của thời đại chúng ta đang bận tâm.

Vấn: Nhưng có nhiều người đã hiến trọn đời vào việc bố thí của cải .

Đáp: Chỉ khi nào họ có dư của cải họ mới làm như thế. Bạn hãy chỉ cho tôi, một người Cơ Đốc giáo duy nhất thôi trong số những người thân ái nhất, sẵn sàng cởi chiếc áo choàng của mình trao cho kẻ trộm đang đói khổ mà chính kẻ này đã ăn cắp chiếc áo của mình, bạn hãy chỉ cho tôi người nào sau khi bị tát vào má bên trái lại đưa luôn má bên phải cho kẻ đánh mình mà trong lòng không gợn chút oán hờn ?

Vấn: Bạn không nên hiểu những lời giáo huấn này theo nghĩa đen. Thời gian và biến cố đã thay đổi từ thời Đức Christ, hơn nữa Ngài thường dùng ẩn dụ để thuyết giảng.

Đáp: Vậy sao giáo hội của bạn không thuyết giảng rằng triết lý về sự đọa đày vào hỏa ngục và lửa địa ngục như là những lời ẩn dụ? Tại sao vài nhà thuyết giảng nhận ra sự thích hợp để diễn giải những ẩn dụ đó theo cách mà bạn vừa nói, họ còn nhấn mạnh ý nghĩa của từng mặt chữ về lửa địa ngục và các nhục hình vật chất của một linh hồn vốn có "bản chất không bị thiêu hủy"? Trong những trường hợp này, cả hai thuyết đều phải được xem là các ẩn dụ. Nếu lửa địa ngục là một chơn lý theo đúng nghĩa đen, thì giới răn của Đức Christ trong bài "Thuyết giảng trên Núi" phải được tuân thủ như thế. Tôi quả quyết với bạn rằng có nhiều người như bá tước Leo Tolstoi và nhiều người Thông Thiên Học nữa lại không tin vào Thiên Tính của Đức Christ (la Divinité du Christ), tuy nhiên họ thực hành từng chữ lời khuyên cao quý này, vì chúng rất phổ truyền trong dân chúng. Có biết bao người nam cũng như nữ có đạo tâm cũng hành động như thế nếu họ suy ra rằng một đời sống như vậy sẽ dẫn dắt họ, theo một tỷ lệ nào đó, vào nhà thương điên, bao giờ mà bạn cứ giữ vững các định luật thuộc về Cơ Đốc Giáo !

Vấn: Nhưng chắc chắn mọi người đều biết hàng năm có cả triệu người nhận được của bố thí kia mà ?

Đáp: Quả vậy, nhưng phân nửa của cái này lại rơi vào tay những kẻ có nhiệm vụ phân phát cho người nghèo. Một số lớn còn lại thuộc về những kẻ ăn xin chuyên nghiệp, chúng là những người lười biếng, không chịu làm việc, còn một số người thật sự khổ nạn lại không được hưởng một chút lợi lộc nào. Bạn có biết chẳng, kết quả của lòng bác ái hoang phí đó, mà từ nhiều năm nay, nơi miền cực Đông Luân-Đôn, giá thuê nhà ở Whitechapel đã tăng lên độ 20% không ?

Vấn: Phải làm sao bây giờ ?

Đáp: Phải hành động một cách cá biệt chứ đừng tập trung. Phải theo lời dạy của Phật Giáo Bắc Tông:

“Đừng bao giờ dùng bàn tay kẻ khác để đưa thức ăn vào miệng kẻ đói”.

“Đừng bao giờ để cái bóng của kẻ lảng giềng (kẻ thứ ba) chen vào giữa người và món quà biếu”.

“Đừng bao giờ đưa tiền bạc cho kẻ nghèo qua sự trung gian những kẻ giúp việc của người, cũng đừng đưa thức ăn cho các thầy tu đến xin ăn cửa nhà người e rằng tiền bạc của người sẽ làm giảm sự tri ân và thức ăn của người sẽ biến thành mặt đắng”.

Vấn: Nhưng làm sao thực hành những qui tắc đó ?

Đáp: Theo Thông Thiên Học thì lòng bác ái đòi hỏi sự cố gắng cá nhân để giúp đỡ kẻ khác, cũng do lòng từ bi và lòng tốt của từng người, do sự lợi ích cá nhân đối với hạnh phúc của kẻ đau khổ, do cảm tình và sự lo xa để trợ giúp cá nhân trong lúc lâm nguy và túng thiếu của họ. Chúng tôi, những người Thông Thiên Học không cho là đủ khi đưa tiền qua trung gian của những bàn tay khác hay qua một tổ chức. Chúng tôi tin rằng người ta có thể làm cho tiền bạc hữu ích hơn cả ngàn lần khi chính y tiếp xúc ngay với những kẻ đang túng thiếu và đó cũng là cách biểu lộ lòng thương xót. Chúng tôi tin tưởng, ít nhất cũng bằng, nếu không muốn nói là hơn, nên làm giảm nỗi đói khát của linh hồn cũng như dạ dày vì lòng biết ơn tạo ra nhiều điều hữu ích cho kẻ nhận hơn là người cho. Đây là lòng biết ơn, đây là tình

cảm tốt mà hàng triệu đồng bảng (tiền của nước Anh) của bạn đã gởi ra được? Bạn có thấy chẳng những người nghèo ở vùng Cực Đông đã biểu lộ sự khinh ghét đối với người giàu?

THÔNG THIÊN HỌC ĐỐI VỚI QUẦN CHÚNG

Vấn: Bạn có tin tưởng người ta sẽ thành công nhờ vào sự giúp đỡ của Thông Thiên Học sẽ làm biến mất những tai họa này, bất chấp nghịch cảnh do cuộc sống của chúng ta hiện nay không ?

Đáp: Chúng tôi chắc chắn sẽ đạt được nếu tài chính của chúng tôi cho phép và đa số hội viên Thông Thiên Học không bị bắt buộc phải mưu sinh hằng này.

Vấn: Làm thế nào điều đó có thể thực hiện được ? Bạn thấy chẳng triết lý của bạn bí nhiệm như thế, ngay đối với những người có học thức thì làm sao quần chúng tiếp thu được ?

Đáp: Bạn quên một điều: chính nền giáo dục hiện đại mà bạn phô trương biết bao lợi ích lại là nguyên nhân của sự khó hiểu đối với Thông Thiên Học. Trực giác và tri giác tự nhiên của bạn về Chân lý không thể tác động được trong mê lộ của thành kiến, những điều này ngăn chặn khiến bạn không nhận thức được sự thật. Không một môn siêu hình học nào hay một nền giáo dục nào được xem là tối cần ngõ hầu giúp y hiểu được chân lý chính đại về Nghiệp Quả (Karma) và Luân Hồi (Réincarnation). Bạn hãy xem hàng triệu tín đồ Phật giáo và Ấn giáo nghèo nàn, thất học, nhưng đối với họ Nghiệp Quả và Luân Hồi là những Chân lý mà họ tin tưởng tích cực, không gì lay chuyển được, đơn thuần chỉ vì sự hiểu biết của họ không hề bị bắt buộc đi theo con đường trái với thiên nhiên.

Người ta không thể làm thác loạn sự hiểu biết bên trong về sự công bằng khi nói với họ rằng, tội lỗi sẽ được tha thứ vì đã có một người khác chịu chết thay cho họ. Và bạn hãy để ý các Phật tử, họ rất thực tiễn về sự tin tưởng. Họ không luận bàn về luật Karma, vì họ xem như là một sự phân phối công bằng, trong khi đó, khối người Cơ Đốc giáo không sống theo lý tưởng và không thể nhẫn nhục chịu

đựng số phần. Đó là lý do phát ra những lời than van, sự bất mãn và tranh đấu gay go để sống còn nơi các xứ Tây Phương.

Vấn: Nhưng sự an phận mà bạn rất ca tụng có làm tiêu tan mọi động lực đưa đến sự cố gắng và ngăn cản sự tiến bộ chăng ?

Đáp: Những người Thông Thiên Học chúng tôi cho rằng sự tiến bộ của bạn cũng như nền văn minh hiện nay mà người ta nói đến với biết bao thán phục, thật sự không có giá trị gì hơn một bầy ong bay lượn điên cuồng trên một cái ao bốc lên mùi chướng khí chết người... Trước tình trạng này, các xứ theo Phật giáo giữ thái độ bất động.

Vấn: Vậy thì mọi sự siêu hình và mọi điều huyền bí mà bạn rất tâm lại không có gì quan trọng sao ?

Đáp: Đối với đa số dân chúng bình dân, các phương hướng và sự giúp đỡ thực tiễn ít quan trọng. Trái lại, có sự quan trọng lớn lao đối với những nhà lãnh đạo quần chúng mà tư tưởng và hành động sớm hay muộn gì cũng phải được đa số chấp nhận.

Triết lý của chúng tôi duy nhất có thể ngăn ngừa những người thông minh, trí thức khỏi sự đánh mất tâm linh vốn là thành quả của đức tin mù quáng. Chính nhờ các lý luận chặt chẽ của triết lý Đông Phương, nếu không muốn nói là triết lý nội môn, do đó, con người có thể thâm nhập được chân lý của nó. Vả lại, sự xác định tạo ra lòng nhiệt thành, theo lời của Bulwer Lytton thì "lòng nhiệt thành vốn là đặc tánh của sự thành thật, không có lòng nhiệt thành, chân lý không thể chiến thắng được". Emerson đã quan sát và chấp nhận rằng "sự vinh quang của lòng nhiệt thành biểu lộ trong những phong trào lớn được ghi vào niên lịch thế giới". Và ai có thể tạo ra sự thúc đẩy như thế, nếu không phải là triết học giáo lý Đông Phương của chúng tôi, một triết lý cao thâm vững chãi, hợp lý, hợp tình mà lại phổ quát như thế ?

Vấn: Tuy nhiên, những kẻ chống đối Thông Thiên Học rất nhiều, mỗi

ngày Thông Thiên Học lại có thêm những người chống đối mới.

Đáp: Điều đó chứng minh một cách rõ ràng sự tuyệt vời và giá trị sẵn có của Thông Thiên Học. Người ta chỉ ganh tỵ điều gì mà họ lo sợ và không phí thì giờ để chống lại những điều tầm thường.

Vấn: Vậy, bạn hi vọng vào một ngày nào đó sẽ có thể loan truyền lòng nhiệt thành này cho quần chúng chăng ?

Đáp: Tại sao không? Lịch sử đã chứng minh cho chúng ta thấy rằng quần chúng chấp nhận Phật giáo một cách chơn thành, và con số những người phạm trọng tội thật hiếm thấy trong tín đồ của Phật giáo so với những người theo tôn giáo khác. Như vậy, chúng tỏ hiệu quả thực tiễn của triết lý này. Điều chính yếu là phá bỏ nguồn gốc phát sinh ra tội lỗi và sự vô luân, phải tin tưởng rằng con người có thể tránh khỏi hậu quả do hành động riêng của mình. Một khi con người đã nhập tâm các chân lý về định luật Karma và Luân hồi, đó là những định luật vĩ đại nhất trong số các định luật. Một khi họ đã thực hiện được nơi chính họ sự chơn thật và bản chất của con người, tức thì họ sẽ lánh xa điều tà vạy.

HỘI VIÊN THÔNG THIÊN HỌC GIÚP ĐỠ HỘI RA SAO ?

Vấn: Bằng cách nào các hội viên Thông Thiên Học có thể giúp đỡ vào công trình chung ?

Đáp: Trước hết, bằng cách học hỏi và cố gắng tìm hiểu các triết lý Thông Thiên Học để có thể giảng giải cho kẻ khác, nhất là cho thanh niên.

Thứ nhì, nắm lấy cơ hội nói chuyện với người khác bằng cách giải thích cho họ điều nào đúng, điều nào không đúng với Thông Thiên Học; bằng cách này, họ sửa chữa được các điều sai lầm và gợi ra điều lợi ích đối với Thông Thiên Học.

Thứ ba, bằng cách phổ biến các văn từ do sự trao đổi sách vở Thông Thiên Học; tùy vào tài chánh của họ, họ có thể cho mượn hay biếu tặng những người chung

quanh, nên thuyết phục bạn bè của họ thực hành Thông Thiên Học.

Thứ tư, bảo vệ Hội bằng mọi phương tiện hợp pháp và hợp với khả năng của họ để chống lại những điều vu khống không đúng sự thật.

Thứ năm, chính là điều quan trọng nhất: nêu gương bằng chính cuộc đời và nếp sống của họ.

Vấn: Trong tất cả các điều vừa trình bày, theo bạn thì rất quan trọng, nhưng đối với tôi dường như không giúp ích cho nhân loại. Đó không phải là lòng bác ái thực tiễn.

Đáp: Điều này không phải là quan điểm của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng một quyển sách hay gợi lên sự suy nghĩ, làm tăng thêm sức mạnh soi sáng tinh thần và làm cho người đọc có khả năng hiểu rõ hơn lý mà trước đó họ cảm nhận một cách mơ hồ nhưng không thể phát biểu ra được. Một quyển sách như thế mới thật sự là một quyển sách hay.

Về điều mà bạn gọi là hành động thực tiễn của lòng bác ái; với mục đích hữu ích về phương diện vật chất, chúng tôi làm những gì mà chúng tôi có thể làm, như tôi đã nói với bạn, hầu hết chúng tôi đều nghèo, còn Hội thì không có tiền để trả công cho người làm việc. Tất cả chúng tôi làm việc vì lợi ích cho Hội mà không mong có sự đền đáp, và thường khi lại giúp Hội về tài chánh nữa. Những người trong chúng tôi có phương tiện để làm điều mà người ta thường gọi là công tác từ thiện theo các châm ngôn của Đức Phật. Chính họ làm tròn các hành động này không qua trung gian của kẻ khác và cũng không ghi vào công trình bác ái chung. Điều mà một người Thông Thiên Học phải thực hiện trên hết là quên đi phàm ngã của mình.

NHỮNG ĐIỀU MÀ NGƯỜI THÔNG THIÊN HỌC KHÔNG NÊN LÀM

Vấn: Trong Hội của bạn có các luật lệ hay các điều ước ngăn cấm đối với các người Thông Thiên Học hay không ?

Đáp: Có rất nhiều điều. Những điều đó đã biểu lộ tư tưởng của tổ chức chúng tôi, nhưng chúng tôi không thể kiểm soát cũng như không bắt buộc, vì phần thực hành tùy thuộc vào thiện chí của hội viên.

Vô phúc thay, đó là trạng thái tinh thần của con người trong thế kỷ hiện đại, nếu để các điều khoản không còn thích dụng nữa thì chẳng còn một người nam hay nữ nào gia nhập Hội. Điều này chỉ rõ vì sao tôi phải nhấn mạnh về sự khác nhau giữa Thông Thiên Học chơn chính và Hội Thông Thiên Học, mặc dù có những dự định hay ho và các cố gắng lớn lao, rốt lại chỉ là các phương tiện không xứng đáng.

Vấn: Bạn có thể cho tôi biết những viên đá ngầm nào nguy hiểm đang nằm trong Thông Thiên Học được chăng ?

Đáp: Bạn có lý khi gọi chúng là những viên đá ngầm vì có hơn một hội viên Thông Thiên Học, mặc dầu thành thật và nhiệt tâm, đã làm vỡ chiếc xuồng Thông Thiên Học của mình! Trên thế gian này; dường như không có điều gì dễ hơn là tránh một số sự việc nào đó. Thí dụ, bạn phải xem xét một số bốn phận Thông Thiên Học sau đây: các bốn phận tiêu cực bị che phủ bởi bao nhiêu bốn phận tích cực. Không một người Thông Thiên Học nào có quyền im lặng khi nghe thấy những lời tố cáo sai sự thật hay các điều vu khống chống lại Hội, hay chống lại những người vô tội, dù những người này ở trong hay ở ngoài Hội.

Vấn: Nhưng giả sử người ta nghe thấy lại là thật hay có thể là sự thật, mặc dù không ai nghe thấy thì sao ?

Đáp: Lúc bấy giờ cần phải đòi hỏi các bằng chứng có giá trị và cân nhắc một cách vô tư hơn là để cho lời tố cáo đi qua mà không có sự đối chứng. Người ta không có quyền tin vào một điều gì xấu xa trước khi có chứng cứ rõ ràng.

Vấn: Việc tiếp theo là phải làm gì ?

Đáp: Lòng trắc ẩn và khoan dung, lòng nhân ái và nhẫn nại, luôn luôn khiến

chúng ta tha thứ dễ dàng và phán đoán nhẹ nhàng những ai lỡ bước. Một người Thông Thiên Học nên nhớ rằng nơi con người, có sẵn sự bất toàn và yếu đuối; vốn là bản chất của con người.

Vấn: Phải tha thứ hoàn toàn trong các trường hợp tương tự hay sao ?

Đáp: Trong mọi trường hợp, nhất là khi có sự xúc phạm.

Vấn: Nhưng nếu bằng cách gián tiếp hay trực tiếp lại tạo sự sai lầm cho kẻ khác, lúc bấy giờ người ta phải hành động như thế nào ?

Đáp: Làm tròn bổn phận, nghĩa là phải làm điều gì khêu gợi nơi lương tâm bản chất cao thượng của con người, nhưng chỉ thực hiện sau khi đã suy nghĩ kỹ càng. Sự công bằng bao gồm cả việc không làm điều gì tai hại cho một sinh vật nào. Công lý mà chúng ta tuân hành là đừng bao giờ cho phép những kẻ vô tội, hay chỉ một kẻ vô tội thôi, chịu một sự sai lầm nào đó do không trừng phạt kẻ có tội.

Vấn: Các điều ước khác như thế nào ?

Đáp: Không một người Thông Thiên Học nào bằng lòng sống một cuộc đời ăn không ngồi rồi hay xa hoa, phù phiếm, không hữu ích cho chính mình và cho kẻ khác. Nếu y không thể làm việc cho nhân loại, ít nhất y phải làm việc cho hạnh phúc của những kẻ cần đến sự giúp đỡ của y, và nhờ đó, y góp phần vào sự tiến bộ.

Vấn: Hành động như thế đòi hỏi một tánh chất ngoại lệ và thật là khó thực hiện đối với nhiều người không?

Đáp: Những người này nên ở ngoài hội Thông Thiên Học hơn là gia nhập vào Hội dưới một sắc thái giả dối. Người ta không đòi hỏi một kẻ nào hiến dâng sự tận

tự, thì giờ, công lao hay tiền bạc.

Vấn: Kế tiếp là gì ?

Đáp: Không một hội viên nào đang hoạt động lại liên kết quá nhiều giá trị với những tiến bộ cá nhân, cũng như trong sự học hỏi Thông Thiên Học, trái lại phải sẵn sàng làm tròn mọi công việc vị tha mà y có khả năng thực hiện. Không nên để cho sức nặng và trách nhiệm của phong trào Thông Thiên Học đè nặng lên vai một số ít người làm việc tận tụy. Mỗi hội viên phải xem như bốn phận của mình là gánh vác một phần lớn, nếu có thể công việc chung, và giúp hoàn thành công việc một cách có hiệu quả.

Vấn: Điều đó hoàn toàn đúng, còn tiếp theo thì thế nào ?

Đáp: Không người Thông Thiên Học nào được đặt lòng kiêu hãnh hay tình cảm cá nhân của mình lên trên lợi ích của Hội. Kẻ nào hi sinh thanh danh của Hội hay thanh danh của kẻ khác cho sự kiêu hãnh của mình, cho các lợi lộc phàm tục của mình thì không nên được xem là hội viên. Toàn thể xác thân sẽ trở nên bệnh hoạn khi một trong các bộ phận của nó bị hư hoại.

Vấn: Phải chăng bốn phận của mỗi hội viên là thuyết giảng Thông Thiên Học ?

Đáp: Đúng vậy. Không một hội viên nào có quyền ăn không ngồi rồi, viện cớ rằng mình không biết nhiều để hướng dẫn người khác; thực ra, y chắc chắn rằng có thể tìm thấy những người còn hiểu biết ít hơn y nữa. Vả lại khi nào người ta thử hướng dẫn kẻ khác, người ta mới nhận ra sự thiếu hiểu biết của mình và mới cố gắng cải thiện điều đó. Nhưng đây chỉ là điều thứ yếu.

Vấn: Vậy thì theo bạn, nhiệm vụ chánh trong các nhiệm vụ của Thông Thiên Học là gì ?

Đáp: Đó là luôn luôn sẵn sàng nhận ra và chấp nhận các lỗi lầm của mình, thà phạm lỗi do sự khen tặng quá đáng những cố gắng trong tương lai, hơn là không ước lượng đúng giá trị của chúng. Đừng bao giờ nói hành một người khác, đừng vu khống ai cả. Luôn luôn thành thật với mọi người dù cho người này có đối nghịch lại với mình. Đừng bao giờ đồn đãi về điều gì có hại cho kẻ khác, đừng giữ sự oán hờn nào đối với những người nhục mạ chúng ta.

Vấn: Nhưng thường có sự nguy hiểm khi nói sự thật với mọi người. Bạn nghĩ sao về điều đó? Tôi biết một trong các hội viên của bạn đã bị nhục mạ một cách cay đắng; vị ấy đã từ bỏ Hội và trở thành một trong các kẻ thù không đội trời chung vì người ta đã nói một cách không dè dặt về sự thật không tốt đối với hạnh kiểm của y, và những hành động đáng khiển trách của y.

Đáp: Đó không phải là trường hợp duy nhất, không một hội viên nào, dù có địa vị quan trọng hay tầm thường trong Hội mà sau khi rời Hội lại không thể trở thành kẻ thù chí tử.

Vấn: Tại sao lại có việc đó ?

Đáp: Điều đó rất đơn giản. Trong các trường hợp, phần lớn, sau khi đã hết lòng và tận tụy với Hội và đã khen tặng quá lời; đây là cách bào chữa duy nhất mà một kẻ phản đạo có thể đưa ra cho hành vi sau này, cho sự mù quáng đã qua, chính họ tự đặt mình thành nạn nhân vô tội và bị lừa gạt. Bằng cách đó, y chối bỏ lỗi lầm, và qui chúng cho Hội một cách tổng quát, và đặc biệt cho những người đứng đầu Hội. Những người như thế làm tôi nhớ lại một ngụ ngôn xưa nói về một người có gương mặt méo, đã đập vỡ cái gương soi vì y nghĩ rằng nét mặt của y bị chiếc gương phản chiếu lệch đi.

Vấn: Nhưng tại sao những kẻ này lại chống báng Hội ?

Đáp: Hầu như luôn luôn do sự tự phụ của họ hoặc bị tổn thương bằng cách này hay cách khác, thường vì lời khuyên hay tiếng nói của họ không được chấp nhận. Họ thuộc về những kẻ thích cai trị nơi địa ngục hơn là muốn phụng sự trên trời. Tóm lại, vì họ không thích ở hàng thứ yếu. Thí dụ, trong số các hội viên này – một nhà tiên tri thứ thiệt – chỉ trích và phỉ báng tất cả các hội viên Thông Thiên Học và chuyện này không những xảy ra trước mặt các người Thông Thiên Học mà còn xảy ra trước mặt người lạ nữa. Y viện có những người ấy đều chống lại Thông Thiên Học. Cuối cùng y rời khỏi Hội, và cho rằng chúng tôi là những kẻ lừa phỉnh (nhất là những kẻ sáng lập Hội).

Một người khác, sau khi cố gắng bằng tất cả các phương tiện mà y có để đứng đầu một chi bộ quan trọng, nhưng y thấy các hội viên không ưa thích, y lại quay sang chống đối những người sáng lập và trở nên kẻ thù địch nhâu. Mỗi khi có cơ hội là y tố cáo một trong những kẻ sáng lập Hội.

Một kẻ khác, muốn tập làm "hắc đạo", nghĩa là y sử dụng ảnh hưởng cá nhân và tâm lý không chính đáng tác động một số hội viên, mặt khác, y đòi hỏi phải tận tâm vì quyền lợi Thông Thiên Học và có các đức tính mà y có thể tưởng tượng. Khi người ta chấm dứt các điều đó, y liền từ bỏ Hội Thông Thiên Học. Hiện giờ, y tuyên truyền những chuyện không đúng sự thật và vu khống những người Thông Thiên Học đều sai lầm. Y cố gắng phá hoại bằng cách bôi lọ thanh danh các hội viên "đáng kính" đã phỉnh gạt nhưng không thành công.

Vấn: Bạn phải làm gì đối với những người có bản tính như thế ?

Đáp: Để cho nghiệp quả của họ định đoạt. Một người có hành động quấy không phải là lý do để kẻ khác cũng hành động như thế.

Vấn: Hãy trở lại vấn đề nói hành, làm sao lập được giới tuyến giữa sự nói hành và sự chỉ trích đúng đắn ? Bốn phận chúng ta phải chẳng là cảnh cáo bạn bè và người lân cận để chống lại những kẻ mà chúng ta biết là nguy hiểm cho đoàn thể ?

Đáp: Nếu để cho những người như thế tự do hành động thì những người khác phải hứng chịu đau khổ, đành rằng bốn phận của chúng ta là tránh sự nguy hiểm

bằng cách cảnh giác những người này một cách kín đáo. Nhưng dù đúng hay sai cũng không nên phổ biến rộng rãi sự tố giác. Nếu sự tố giác đúng và nếu lỗi phạm phải chỉ tác động vào thủ phạm, hãy để nghiệp quả của y định đoạt. Nếu sự tố giác sai lầm, bạn sẽ tránh được việc thêm vào nỗi bất công cho thế gian. Điều đó giải thích tại sao phải giữ kín đáo về những việc không liên quan trực tiếp với nhiều người. Nếu sự kín đáo và im lặng của bạn có thể làm thiệt hại cho kẻ khác, tôi xin nói thêm: hãy nói sự thật với bất cứ giá nào. Tôi xin lặp lại lời nói của Annesly: "Phải chú trọng đến bốn phận chớ không nên chú trọng đến việc xảy ra". Có những trường hợp bắt buộc phải "bỏ qua sự kín đáo", hơn là để cho nó ngăn cản bốn phận.

Vấn: Theo ý tôi, nếu bạn quá chú trọng đến những ngạn ngữ này có lẽ bạn sẽ gặp rất nhiều trở ngại.

Đáp: Điều đó quả nhiên đã xảy đến cho chúng tôi, như những điều mĩa mai khi nói đến chúng tôi về Thiên Chúa Giáo nguyên thủy. "Xem kìa những Người Thông Thiên Học biết thương yêu lẫn nhau làm sao".

Vấn: Như chính bạn đã thú nhận có biết bao chuyện nói hành, chuyện vu không và cãi vã nhau trong Hội Thông Thiên Học hơn là trong các Giáo Hội Cơ Đốc, không kể đến những hội khoa học, bạn có thể cho phép tôi hỏi lại bạn đó là loại tình huynh đệ nào vậy ?

Đáp: Quả vậy, đó là loại tình huynh đệ nghèo nàn trong lúc này cho đến khi mà nó được thanh lọc và tổ chức lại, nó sẽ không hơn được những loại khác. Tuy nhiên, bạn nên nhớ rằng bản chất con người ở khắp nơi đều giống nhau, dù ở trong hay ở ngoài Hội Thông Thiên Học. Các hội viên không phải là ông Thánh, họ cũng chỉ là những kẻ nhiều tội lỗi đang cố gượng tu sửa, nhưng sự yếu đuối của phàm ngã có thể khiến họ rơi trở lại vào những lỗi lầm quá khứ.

Bạn nên ghi nhớ thêm rằng; tình huynh đệ của chúng ta không phải là điều được thừa nhận hay thiết lập một cách hợp pháp, vì vậy điều này ở ngoài quyền phân xử. Hội còn ở trong một tình trạng hỗn độn, bất công hơn các Hội khác. Như vậy, làm sao có thể thành công trong việc thực hiện lý tưởng của Hội. Sau khi rời

bỏ Hội, những người này tuôn ra những lời phiến trách đả đốn cay!

Vấn: Theo tôi thấy, địa vị của bạn dường như không được ưa thích.

Đáp: Bạn có lý. Nhưng đừng quên nghĩ rằng vì những kẻ lãnh đạo và những kẻ sáng lập phong trào tiếp tục làm việc hết sức mình, mà đảng sau Hội hay triết lý của Hội phải có một cái gì cao quý và chơn thật. Họ hi sinh bất cứ hạnh phúc, thành công, của cải trần gian, chí đến tên tuổi, thanh danh của họ nữa để đổi lấy những lời trách cứ không ngừng, những sự ngược đãi vô bờ bến và sự bội bạc thường xảy ra, những cố gắng tốt đẹp của họ bị hiểu sai, những sự tấn công về mọi mặt. Tuy nhiên, nếu họ bỏ phứt tất cả công việc, tức khắc họ sẽ thấy ngay mọi trách nhiệm bị tràn ngập bởi sự tấn công mới.

Vấn: Tôi thú thật rằng sự kiên nhẫn này rất đáng khâm phục và tôi tự hỏi, với mục đích nào mà bạn chịu đựng được những sự việc đó ?

Đáp: Không phải để nhận được sự thỏa mãn cá nhân mà mục đích duy nhất là đào tạo và chuẩn bị cho một vài người có khả năng tiếp tục công trình của chúng tôi, sau kế hoạch đầu tiên, khi những người sáng lập chết đi. Những người này đã tìm thấy một số người có tâm hồn cao quý, tận tụy, khả dĩ thay thế cho họ. Nhờ những hạt nhân bé nhỏ này, các thế hệ tương lai sẽ thấy con đường phải đi qua ít gai góc hơn, rộng lớn hơn, đến nỗi tất cả các sự đau khổ này sẽ tạo ra những kết quả tốt và những kẻ đã hi sinh không luống công vô ích. Trong lúc này, mục đích căn bản của Hội là gieo trong tâm mọi người những mầm mống tốt, có thể mọc lên theo thời gian, và khi có trường hợp thuận tiện sẽ đưa đến một sự cải cách lành mạnh, mà hậu quả đối với quần chúng sẽ làm cho họ biết được hạnh phúc chưa bao giờ được nếm từ trước tới nay.

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)

CHƯƠNG XIII

NHỮNG QUAN NIỆM SAI LẦM VỀ HỘI THÔNG THIÊN HỌC

THÔNG THIÊN HỌC VÀ SỰ KHỔ HẠNH

Vấn: Tôi nghe nói luật lệ của bạn đòi hỏi tất cả các hội viên phải ăn chay, sống độc thân và rất khổ hạnh mà từ trước tới giờ bạn chưa nói với tôi. Bạn có thể cho tôi biết sự thật về việc này chăng ?

Đáp: Đây là sự thật! Điều lệ của Hội chúng tôi không đòi hỏi gì về việc đó cả. Chẳng những Hội Thông Thiên Học không đòi hỏi hội viên phải theo một sự khắc khổ nào, mà chính Hội cũng không chờ đợi như thế, điều mà bạn gọi là khắc khổ chỉ là sự cố gắng giúp đỡ kẻ khác và sống vị tha.

Vấn: Nhưng đã có nhiều người trong số các hội viên của bạn đã ăn chay và tuyên bố một cách thành thật ý định của họ là không lập gia đình, và hầu như những người giữ chức vụ quan trọng của Hội đều độc thân.

Đáp: Đó là điều dĩ nhiên, bởi vì hầu hết những kẻ làm việc tận tụy với Hội thuộc nhóm nội môn của Hội (section intérieure de la Société) như tôi đã nói.

Vấn: Vậy thì, phải chăng sự khổ hạnh là điều bắt buộc trong nhóm nội môn ?

Đáp: Không, chúng tôi không đòi hỏi hoặc khuyên bảo về các việc đó. Tôi tin rằng sau khi giải thích với bạn quan điểm của chúng tôi về sự khổ hạnh, bạn sẽ hiểu rõ việc ăn chay và những vấn đề khác thuộc loại này.

Vấn: Xin bạn cho biết.

Đáp: Như tôi đã nói với bạn, đã có một số người đã học hỏi kỹ càng về Thông Thiên Học và những kẻ tận tâm với công việc của Hội không muốn giới hạn việc học hỏi theo lý thuyết các chơn lý mà chúng tôi giảng dạy. Họ muốn biết Chân lý bằng chính kinh nghiệm riêng của họ và muốn khảo cứu huyền học với mục đích thu đạt minh triết và quyền năng mà họ thấy cần để giúp đỡ kẻ khác một cách chính xác và hiệu quả thay vì làm một cách mù mờ và không biết rõ nguyên nhân. Điều đó làm cho họ sớm hay muộn đều gia nhập vào nhóm nội môn.

Vấn: Nhưng bạn vừa nói "sự thực hành khổ hạnh" không phải là điều bắt buộc ngay cả trong nhóm nội môn.

Đáp: Tôi nhắc lại điều đó. Nhưng việc trước tiên mà các hội viên học được là một quan niệm xác thực về sự liên quan của xác thân hay lớp vỏ vật chất với con người đích thực bên trong. Sự liên quan và tác động hỗ tương của hai trạng thái này và bản chất con người đã được giải thích và chứng minh cho họ thấy bằng cách nào mà họ mau chóng thẳng được sự quan trọng hơn của con người bên trong bằng cách so sánh với lớp vỏ bên ngoài hay xác thân. Người ta dạy cho họ biết rằng bất cứ sự khổ hạnh mù mờ nào thực hành mà thiếu hiểu biết thì đó chỉ là sự điên cuồng, và đức hạnh của Thánh Labre mà tôi có nói ở trước hay đức hạnh của các thuật sĩ (Fakir) Ấn-Độ và của các nhà tu khổ hạnh trong rừng sâu, họ tự đốt cháy, hành xác một cách khủng khiếp, chẳng có mục đích nào khác hơn là ích kỷ – để phát triển quyền năng ý chí – nhưng lại hoàn toàn vô ích cho sự phát triển chân thật về phương diện tâm linh hay Thông Thiên Học chân chính.

Vấn: Tôi hiểu. Vậy thì, chỉ có sự khổ hạnh về phương diện tinh thần là cần thiết để đạt đến mục đích thực hiện sự thăng bằng hoàn hảo của bản chất bên trong con người và sự hoàn hảo để chế ngự thể xác, tránh khỏi mọi đam mê và dục vọng.

Đáp: Đúng thế. Nhưng phải dùng những phương cách này một cách thông minh, khôn ngoan, không mù mờ và đại dột; người lực sĩ tự luyện tập và chuẩn bị để tranh đấu một cách gian lao, không phải như kẻ keo kiệt, kẻ này dè xén trong việc ăn uống đến nỗi bệnh hoạn để thỏa mãn được sự đam mê có vàng.

Vấn: Tôi hiểu ý bạn, nhưng làm thế nào bạn thực hành điều đó? Ý kiến của bạn về vấn đề ăn chay như thế nào ?

Đáp: Một nhà khoa học Đức nổi danh đã chứng minh rằng bất cứ thịt con vật nào, dù được nấu nướng biến chế cách nào đi nữa, vẫn còn giữ một số đặc tính nổi bật của con vật đó, các tính chất này rất dễ nhận thấy. Ngoài ra, ai cũng nhận ra thứ thịt gì khi họ ăn vào. Chúng tôi còn đi xa hơn nữa và chúng tôi chứng minh rằng, khi ăn thịt con vật sẽ thu hút một số tính chất của con vật mà thịt này được tạo ra. Sau cùng, khoa Huyền linh học giảng dạy và chứng minh cho các đệ tử những bằng chứng cho thấy sự “đần độn” hay “có thú tính” (abrutissant et animal) được tạo ra trên con người bằng các thức ăn này sẽ mạnh hơn đối với thịt của những con thú lớn, và ít mạnh hơn đối với thịt loài chim, còn ít hơn nữa đối với loài cá và loài có máu lạnh; ít hơn hết khi người ta ăn toàn rau cải.

Vấn: Vậy tốt hơn là người ta không nên ăn gì cả.

Đáp: Dĩ nhiên, nếu người ta có thể sống mà không ăn uống. Nhưng vì bắt buộc phải ăn để sống, chúng tôi thành thật khuyên những kẻ muốn học hỏi đúng đắn chỉ nên chọn những thức ăn nào ít làm trì trệ trí não và xác thân. Ít làm chậm trễ và ngăn cản sự phát triển trực giác của họ, cũng như khả năng và quyền năng bên trong của họ.

Vấn: Như vậy bạn không chấp nhận tất cả luận cứ mà những người ăn chay thường dùng ?

Đáp: Chắc chắn là không. Một số luận cứ của họ rất yếu ớt và thường dựa trên những giả thuyết sai lầm hoàn toàn. Mặt khác, cũng có nhiều điều đúng trong những cái mà họ nói. Thí dụ, chúng tôi tin rằng nhiều chứng bệnh, nhất là những nguyên nhân lớn lao để nhiễm bệnh là một trong những nét nổi bật của thời đại chúng ta đều gây ra bởi việc ăn thịt, nhất là thịt đóng hộp. Nhưng phải có nhiều thì giờ mới nói hết được về việc ăn chay và sự lợi ích của nó. Bây giờ chúng ta hãy sang qua một vấn đề khác.

Vấn: Bạn cho phép tôi hỏi một câu nữa. Khi các hội viên thuộc nhóm nội môn bị đau ốm họ phải làm gì ?

Đáp: Dĩ nhiên là họ phải theo lời khuyên thực tế cho trường hợp của họ. Bạn có hiểu chẳng chúng tôi không có sự bắt buộc nào về việc này cả. Bạn nên nhớ rằng chúng tôi bàn cãi tất cả những vấn đề này theo một quan điểm hợp lý và không cường tín chút nào. Nếu một người, sau cơn đau nặng hay do một thói quen cố hữu, không thể nhịn ăn thịt, thì y cứ ăn. Đó không phải là một tội lỗi, điều này chỉ làm chậm trễ một ít sự tiến bộ tinh thần của y thôi . Bởi vì, sau rốt, các chức năng và tác động của thể xác ít quan trọng hơn là những điều mà con người nghĩ và cảm, ít quan trọng hơn các dự vọng mà y nuôi dưỡng, đã mọc gốc mọc rễ và lớn lên trong trí não của y.

Vấn: Còn rượu nhẹ và rượu mạnh, hình như bạn không khuyên người ta dùng hai thứ đó phải không ?

Đáp: Chúng là kẻ thù còn tệ hại hơn là thịt đối với sự tiến hóa tâm linh và tâm lý; vì rượu, dưới mọi hình thức, đều có một ảnh hưởng trực tiếp rất rõ ràng và tai hại. Rượu vang và rượu mạnh ít tai hại cho sự phát triển khả năng bên trong hơn là cần sa, á phiện và các dược chất tương tự khác.

THÔNG THIÊN HỌC VÀ HÔN NHÂN

Vấn: Bây giờ chúng ta hãy sang một đề tài khác: con người nên lập gia đình hay là nên sống độc thân ?

Đáp: Điều đó tùy thuộc vào kẻ đặt câu hỏi. Nếu bạn muốn nói đến một người có ý định sống ở trần gian, kẻ ấy đang là một người Thông Thiên Học thành tâm đứng đắn và tận tụy cho Hội. Họ còn bị ràng buộc bởi những điều ước muốn, nói tóm lại, họ cảm thấy mình chưa vĩnh viễn từ bỏ cuộc đời để chỉ ước muốn một điều duy

nhất là hiểu biết Chân lý và có khả năng giúp đỡ kẻ khác; chắc chắn rằng, trong trường hợp như thế, không có lý do gì ngăn cản người này lập gia đình nếu y muốn tìm sự may rủi chọn một lô trong cuộc xổ số chứa nhiều số trật hơn là số trúng. Chắc chắn rằng bạn không cho chúng tôi vô lý và cuồng tín để lên án toàn thể các cuộc hôn nhân? Trái lại, ngoại trừ vài trường hợp hiếm có trong việc thực hành Huyền linh học thì hôn nhân là phương tiện duy nhất để ngăn chặn sự vô luân.

Vấn: Nhưng tại sao người ta không thể thu đạt sự hiểu biết và quyền năng khi đồng thời sống một cuộc sống lứa đôi ?

Đáp: Bạn thân mến, tôi không thể đi vào vấn đề sinh lý học với bạn. Tuy nhiên tôi có thể trả lời bạn một cách chính xác, theo tôi nghĩ, bạn có thể hiểu rõ lý do tinh thần về sự việc này. Một người có thể phụng sự cho hai ông chủ được không ? Không! Vậy, người ta không thể phân chia sự chú ý của mình giữa người vợ và sự theo đuổi Huyền bí học. Nếu người nào cố gắng làm như thế, chắc chắn y sẽ thất bại.

Tôi cũng xin nhắc bạn nhớ rằng Huyền bí học thực tiễn (l'Occultisme pratique) là một môn học quá khắc khe và quá nguy hiểm cho một người miệt mài theo đuổi mà lại không sẵn sàng hi sinh tất cả để đạt mục đích tối hậu.

Điều mà tôi vừa nói chẳng những áp dụng cho các nhóm hội viên Nội Môn, mà còn áp dụng cho các môn đồ nào quyết tâm đi theo con đường dẫn đến mục đích cao cả. Đa số, nếu không nói là tất cả, những kẻ đã được thu nhận vào nhóm Nội Môn, là những kẻ bắt đầu chuẩn bị trong kiếp sống này ngõ hầu thực sự đi theo con đường Huyền bí học trong các kiếp sống mai sau.

THÔNG THIÊN HỌC VÀ GIÁO DỤC

Vấn: Sự nghèo đói, lâm than đang diễn ra khắp nơi, nhất là trong các thành phố lớn của chúng ta. Những điều này là đề tài trong các cuộc bàn luận mạnh mẽ nhất của bạn để chứng minh sự bất lực của các tôn giáo Tây phương hiện nay, và ngay cả đến một điểm nào đó, hình thức triết lý duy vật của thời đại, triết lý mà, mặc dù được phổ biến, dường như đối với bạn là một điều gớm ghiếc và sâu muợn, nhưng chắc chắn bạn phải thừa nhận

rằng người ta đã góp phần một cách rộng rãi và làm việc thường xuyên để cải thiện tình trạng này do sự giáo dục và truyền bá sự hiểu biết.

Đáp: Các thế hệ sau này sẽ không biết ơn bạn bao nhiêu việc "loan truyền sự hiểu biết", còn nền giáo dục hiện đại của bạn sẽ không đem lại lợi ích nhiều cho khối người nghèo đói.

Vấn: Được rồi, nhưng bạn phải để cho chúng tôi có đủ thời giờ, chúng tôi bắt đầu giáo dục quần chúng chỉ mới vài năm nay thôi.

Đáp: Nhưng xin bạn hãy cho tôi biết về điều mà Cơ Đốc Giáo đã làm từ thế kỷ XV với mục đích này, theo bạn nhìn nhận, người ta chỉ mới áp dụng sự giáo dục quần chúng mới đây thôi. Đó là nhiệm vụ chung của tất cả các Giáo hội và giáo dân Cơ Đốc, nghĩa là những người muốn đi theo con đường của Đấng Cứu Thế.

Vấn: Điều mà bạn đề cập đến cũng đúng, nhưng mà hiện giờ . . .

Đáp: Chúng ta hãy xem xét vấn đề giáo dục này ở khía cạnh rộng lớn hơn và tôi sẽ chứng minh với bạn rằng con số những sự cải thiện mà bạn quá phô trương có hại hơn là lợi. Các trường học dành cho trẻ con nghèo, mặc dù kém hữu ích, nhưng có hiệu quả khi so sánh với môi trường trong đó xã hội hiện đại bắt các trẻ này sống.

Việc truyền đạt một ít Thông Thiên Học thực hành sẽ giúp ích hàng trăm lần hơn cho cuộc sống của khối người nghèo khổ hơn là sự truyền đạt những điều hiểu biết vô ích.

Vấn: Nhưng trong thực tế

Đáp: Bạn hãy để tôi nói hết. Bạn vừa đề cập đến một đề tài làm chúng tôi động tâm, Tôi thú nhận rằng, đối với một đứa bé con sinh ra trong một khu nghèo nàn, chỉ biết rong chơi ngoài đường phố, và lớn lên trong một môi trường mà nó chỉ

nhìn thấy những cử chỉ thô bạo, những lời nói cộc cằn, có một điều lợi ích lớn khi hằng ngày nó được ở trong một phòng học sạch sẽ, vui vẻ, trang hoàng nhiều hình ảnh và bông hoa. Nơi đó, người ta dạy nó giữ sạch sẽ, ngăn nắp, dịu dàng. Nó học hát, chơi đùa với các món đồ chơi kích thích sự thông minh, nó tập sử dụng một cách khéo léo tay chân, người ta nói với nó bằng nụ cười thay vì nhìn nó với vẻ giận dữ. Tất cả những điều đó khiến nó trở nên bén nhạy với các ảnh hưởng tinh thần, và luân lý. Chắc chắn trường học không phải là nơi mà tất cả những điều đó có thể thực hiện được, nhưng so sánh với nhà ở của nó, thì trường học là Thiên Đường và dần dần nó có được phần ảnh hưởng đối với gia đình. Nếu những điều này được áp dụng trong các trường tiểu học hương thôn, thì hệ thống của bạn làm sao bị khiển trách được.

Vấn: Được rồi, bạn hãy nói tiếp.

Đáp: Mục đích thật sự của nền giáo dục hiện đại là gì? Có phải là vun trồng và phát triển sự thông hiểu theo chiều hướng tốt hay không? Dạy cho kẻ vô phước và kẻ không may mắn hãy can đảm mang lấy gánh nặng cuộc đời (mà nghiệp quả đã đặt để cho họ) hay chẳng? Khắc vào trí họ tình bác ái đối với kẻ lân cận cùng với sự hợp quần và tình huynh đệ, như thế để đào luyện và để sửa soạn các đặc tính cho cuộc sống thực tiễn chẳng? Không. Tuy thế, đó là hiển nhiên, là mục tiêu của tất cả mọi nền giáo dục chơn chánh. Không ai chối cãi điều đó, tất cả những người bàn cãi về vấn đề này đều thừa nhận, nhưng kết quả thực tế công trình của họ ra sao? Thanh niên, trẻ con, ngay cả các nhà giáo dục trẻ tuổi đều đồng thanh trả lời: "Mục đích của nền giáo dục hiện đại là để vượt qua các kỳ thi", hệ thống giáo dục này không hướng dẫn đến sự ganh đua mà chỉ làm nảy sinh sự ganh tị, ham muốn, hầu như là oán ghét giữa những người đang tranh đua, hậu quả là nó dung dưỡng một đời sống ích kỷ, tàn bạo, tranh đấu vì lợi lộc, danh vọng, thay vì đánh thức nơi họ lòng khoan dung, độ lượng đối với nhân loại.

Vấn: Bạn có lý.

Đáp: Phải chăng những kỳ thi này tạo ra sự lo sợ trong giới thanh niên hiện nay không? Chúng thu hẹp một phương pháp phân loại mà nhờ đó, người ta thu được một bản kết quả về việc giáo dục nơi học đường. Nói cách khác, đó là phương pháp

khoa học hiện đại áp dụng cho nhân loại, nghĩa là thuần túy tri thức. Vả lại, theo sự giảng dạy của khoa học thì thông hiểu kết quả tương tác cơ học của chất óc. Điều đó cho biết nền giáo dục hiện đại gần như hoàn toàn máy móc. Nói tóm lại là một máy tự động dành riêng cho việc chế tạo hàng tấn trí thông minh. Không cần có kinh nghiệm nhiều về các kỳ thi này để chứng minh rằng nền giáo dục có được như vậy không gì khác hơn là sự luyện tập trí nhớ vật chất, sớm hay muộn gì tất cả các học đường cũng sẽ tụt xuống mức độ này. Điều hiển nhiên là bất cứ mọi sự vun trồng thực sự và vững chắc cho khả năng suy tư và lý luận vẫn không thể có được, chừng nào mà con người còn phán đoán tất cả bằng những kết quả nhận được nhờ các cuộc thi có tính cách tranh đua. Vả lại, việc giáo dục học đường có tầm quan trọng rất lớn đối với việc đào tạo tính nết, nhất là về những gì liên quan đến tính chất tinh thần. Thế mà, toàn thể hệ thống giáo dục hiện đại đều dựa trên những khám phá mệnh danh là khoa học "cạnh tranh để sinh tồn" và "sự sống còn của cái mạnh nhất". Trong những năm còn trẻ, mỗi người đều được nuôi dưỡng bằng ý tưởng này do bởi các gương tốt và các kinh nghiệm thực tiễn, cũng như sự giáo dục trực tiếp mà y không thể thoát khỏi ý nghĩ về "bản ngã", "phàm ngã" là mục đích và cứu cánh duy nhất của cuộc sống. Và đó là nguồn gốc chính của tất cả mọi điều đau khổ, mọi tội ác, ích kỷ khủng khiếp mà bạn cũng như tôi đã thấy. Chúng tôi đã nói và xin lặp lại rằng, tính ích kỷ là tai họa lớn lao của nhân loại, cha đẻ của mọi tật xấu, mọi trọng tội làm tàn tạ cuộc sống. Và học đường của bạn là trung tâm tạo ra tính ích kỷ này.

Vấn: Các khái luận đó rất lý thú, nhưng tôi muốn bạn cho biết một số sự kiện và các phương cách cứu vãn mà bạn đề xướng.

Đáp: Tôi sẽ cố gắng làm hài lòng bạn về điểm này. Người ta chia học đường ra làm ba loại: tiểu học, trung học và các trường công lập. Các học đường này bao gồm mọi trình độ và mọi điều phức tạp có thể có được. Từ việc dạy thương mại tổng quát nhất cho đến khuynh hướng giáo dục lý tưởng cổ điển. Giáo huấn thực hành và thương mại tạo ra khía cạnh hiện tại, trong khi giáo huấn chính thống và cổ điển trải dài trọng trách đáng kính của nó đến tận các trường tiểu học. Ở đây, chúng ta thấy rằng khía cạnh thương mại, khoa học và vật chất, hiển nhiên chiếm chỗ của khía cạnh chính thống và cổ điển đã trở nên khô khan. Các mục tiêu được theo đuổi bởi ngành giáo dục này được bao hàm trong đồng tiền quan (franc) và đồng xu lên tới cực điểm vào thế kỷ XIX, hậu quả là tất cả năng lực do khối óc của

những kẻ có cảm tình được tập trung ở một điểm duy nhất và hợp thành trong một phạm vi nào đó, một đạo quân được tổ chức chặt chẽ với tinh thần được vun quén và thiên về lý thuyết cho một thiểu số người được nuôi dưỡng trong sự chống đối khối người dốt nát và khờ khạo bị những người khôn lanh hơn hà hiếp, lấn áp.

Một nền giáo dục như thế không những chỉ ngược lại với Thông Thiên Học mà còn chống lại Cơ Đốc giáo nữa. Nền giáo dục đó có hiệu quả tức khắc là một sự thừa thải máy móc để tạo ra tiền do những kẻ ích kỷ, vô lương tâm điều khiển. Những người này, đã dựng lên để rình rập và lợi dụng sự dốt nát của các huynh đệ yếu kém hơn họ.

Vấn: Điều mà bạn nói có áp dụng cho các trường công lập hay không ?

Đáp: Không hoàn toàn như thế, tôi đồng ý như vậy, tuy hình thức có khác nhưng tinh thần vẫn như nhau: ngược lại với Thông Thiên Học, chống lại với Cơ Đốc giáo dù cho các trường Eton và Harrow đã sản xuất các khoa học gia hay các nhà Thần học.

Vấn: Nhưng chắc chắn là bạn không gán tiếng "thương mại" cho trường Eton và Harrow chứ ?

Đáp: Không. Dĩ nhiên hệ thống cũ trước nhứt đáng tôn trọng và không phải là không hữu ích ở thời hiện đại. Hệ thống này vẫn còn thích hợp ở các trường công lớn của chúng ta, nơi mà không những người ta có thể nhận được sự giáo dục tinh thần mà còn giáo dục xã hội nữa. Điều đó cho biết tại sao có một sự quan trọng hàng đầu đối với các đứa trẻ kém thông minh của những bậc cha mẹ giàu sang, quý phái, được nuôi nấng trong những trường học này để chúng có thể giáo dục với các giai cấp giàu sang. Nhưng vô phúc thay có sự cạnh tranh ráo riết để được thu nhận vào, vì giai cấp giàu có ngày càng đông, còn các thanh niên nghèo nhưng khéo léo tìm cách xin vào các trường công lập nói trên bằng các học bổng để từ đó lên bậc đại học.

Vấn: Trong trường hợp này các thanh niên giàu, không khả năng bị bắt

buộc học hơn các bạn thiếu may mắn của họ hay sao ?

Đáp: Đúng vậy, điều kỳ lạ là những kẻ tin tưởng vào "sự sống còn của kẻ mạnh", không hành động phù hợp với niềm tin của họ về vấn đề giáo dục, họ ra sức thay thế kẻ có đủ khả năng bằng những món tiền lớn, để không sẵn sóc cho những học sinh thông minh mà để chuẩn bị một cách máy móc cho con cháu kém thông minh của họ trở thành chuyên môn; bằng cách này, đã gây trở ngại cho nhiều người một cách vô ích.

Vấn: Bạn có đóng góp gì vào việc đó không ?

Đáp: Phương thức tai hại là nuôi dưỡng các thanh niên, dành cho một nghề nghiệp nào đó mà không lo lắng đến tài năng hay năng khiếu tự nhiên của họ. . .

Vấn: Nhưng sau cùng người ta dạy cho y không gì khác hơn là những "ngôn từ cứng nhắc" và nhiều điều trong số những gì y học được có thể đưa y đến Thông Thiên Học, nếu không nói là chính Hội Thông Thiên Học phải không ?

Đáp: Bạn hãy thêm vào đó một nền giáo dục phiến diện về việc chọn lọc những sự kiện mệnh danh là Thánh kinh, về một sự khảo cứu mà bất cứ nhà sư khảo tâm linh nào cũng đều loại bỏ. Đó chỉ là một bài học về ký ức rất đơn giản. Cái "tại sao" của ông thầy chỉ là cái "tại sao" của hoàn cảnh chứ không phải của sự suy luận.

Vấn: Tuy nhiên, tôi nghe nói rằng bạn hài lòng về con số kẻ vô thần và kẻ theo thuyết bất khả tri luôn luôn tăng bội. Vậy thì chính những kẻ được đào tạo bằng một hệ thống mà bạn hết lòng chê bai, sau rốt lại học được cách suy tưởng và phán đoán.

Đáp: Vâng, nhưng điều đó đúng hơn là phát xuất từ một phản ứng lành mạnh

trái ngược với hệ thống này. . Trong Hội, chúng tôi rất ưa thích những kẻ theo thuyết bất khả tri (Agnostique) và ngay những kẻ thực sự vô thần hơn là những kẻ cuồng tín của bất cứ tôn giáo nào. Thể trí của một kẻ theo thuyết bất khả tri **[55]** thì luôn luôn sẵn sàng để chấp nhận chơn lý, trong khi đó cùng một chơn lý này lại làm u tối kẻ cuồng tín, giống như tia sáng mặt trời làm mù mắt loài chim cú.

Những kẻ ưu tư hơn trong Hội chúng tôi, nghĩa là những người nhân ái nhất, tận tụy nhất đối với Chân lý, đã và đang là những kẻ hoài nghi và vô thần, tức là không tin vào một vị Thượng Đế có hình dạng như con người. Nhưng người ta không hề thấy một thanh niên hay thiếu nữ nào biết suy tưởng tự do. Sự giáo dục đầu tiên mà họ nhận được để lại những dấu vết có khuynh hướng làm giới hạn và biến dạng trí thông minh. Một hệ thống giáo dục lành mạnh có định hướng tạo ra trí thông minh tự do và cứng rắn, được hướng dẫn bởi tư tưởng đúng đắn và hợp lý chứ không phải mù quáng.

Vấn: Vậy phải làm điều gì bây giờ ?

Đáp: Nếu chúng tôi có đủ tiền, chúng tôi sẽ thành lập những trường học đào tạo những gì khác hơn là các thí sinh biết đọc và biết viết để kiếm ăn. Trẻ con sẽ được dạy cho có lòng tự tin trên hết, biết yêu thương mọi người, có lòng vị tha, thương yêu lẫn nhau và điều quan hệ hơn hết là tự mình biết suy tư và lý luận. Chúng tôi sẽ giảm công việc có tính cách thuần máy móc của trí nhớ đến mức tối thiểu, dành thì giờ cho sự phát triển và luyện tập các giác quan nội tại (sens intérieurs), các năng khiếu và các khả năng tiềm tàng. Chúng tôi sẽ cố gắng săn sóc riêng từng đứa trẻ, dạy dỗ chúng để tạo ra sự điều hoà nhất và khai mở đồng đều các khả năng để cho năng lực của chúng phát triển đầy đủ và tự nhiên. Chúng tôi nhằm vào việc đào tạo những nam và nữ tự do về trí tuệ, tự do về tinh thần, không thành kiến về mọi phương diện và nhất là không ích kỷ. Chúng tôi tin rằng tất cả các điều này có thể đạt được bằng lối giáo dục thật sự của Thông Thiên Học.

TẠI SAO HIỆN GIỜ CÓ NHIỀU THÀNH KIẾN CHỐNG LẠI HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Vấn: Nếu chỉ một nửa thôi những việc mà bạn nói về Hội Thông Thiên Học là đúng sự thật, tại sao lại có bao nhiêu kẻ có ác ý với Thông Thiên

Học như vậy? Theo tôi, thái độ này rất khó giải thích.

Đáp: Quả vậy, nhưng đừng quên rằng chúng tôi có nhiều đối thủ có thể lực từ lúc thành lập Hội. Như tôi vừa nói, nếu phong trào Thông Thiên Học là một trong các thú say mê hiện nay, rốt lại cũng vô thưởng vô phạt, nó sẽ bị xem thường và bị bỏ rơi: như hiện giờ, Hội đang bị những kẻ không hiểu mục đích thực sự của nó đã làm. Thông Thiên Học vốn là một phong trào nghiêm túc nhất hiện tại, hơn nữa nó hăm dọa chính sự tồn tại của hầu hết những thành kiến và tệ trạng xã hội hiện nay, những tệ trạng làm béo bổ cho giai cấp thượng lưu và cho kẻ lòn cúi. Trong khi đó lại đè bẹp và làm chết đói hàng triệu người nghèo. Bạn hãy nghĩ đến điều này bạn sẽ hiểu dễ dàng lý do của sự ngược đãi khắc nghiệt như thế.

Vấn: Phải chăng theo bạn, vì một số người đã hiểu Thông Thiên Học sẽ đưa chúng ta đến đâu nên họ cố gắng trấn áp phong trào này chăng ? Nếu Thông Thiên Học chỉ đưa đến điều thiện, bạn không thể đề xướng việc tố cáo một vài người đã phản trắc khủng khiếp và độc ác như thế sao ?

Đáp: Trái lại điều chúng tôi dự tính. Không phải những kẻ thù mà chúng tôi chống lại trong chín hay mười năm đầu tiên lúc thành lập Hội, chúng tôi xem như có thể lực và nguy hiểm. Nhưng đây là những kẻ được nuôi nấng lại chống đối chúng tôi từ ba hay bốn năm sau này. Những kẻ đó không nói, không viết, không thuyết giảng chống lại Thông Thiên Học mà họ chỉ làm việc trong im lặng . . .

Vấn: Tại sao các nhà Thần Linh Học lại thù ghét Thông Thiên Học ?

Đáp: Từ những ngày đầu tiên thành lập Hội, họ đã không có thiện cảm với chúng tôi rồi. Khi các nhà Thần Linh Học thấy Hội chúng tôi không tin tưởng có sự giao tiếp nào với “hồn người chết” mà chỉ xem những gì thường được gọi là “hồn” (esprits) như là những phản ánh từ cõi cảm dục (réflexions astrales) của các phạm ngã thoát xác, các ma hình (coques) . . . thì bấy giờ, các nhà Thần Linh Học công khai tỏ ra ghét và chống báng lại các nhà sáng lập Hội; sự ghen ghét này được biểu lộ bằng mọi hình thức vu khống, những sự dòm hành riêng tư kém nhân từ, làm lệch lạc một cách vô lý giáo lý Thông Thiên Học ẩn hành trong các tạp chí tinh

thần ở nước Mỹ.

Trong nhiều năm, chúng tôi bị ngược đãi, tố cáo và lạm dụng, chiến dịch này bắt đầu năm 1875 và kéo dài. Năm 1879, Tổng Hội Thông Thiên Học được dời từ New-York sang Bombay Ấn-Độ, rồi đến Madras. Khi chi nhánh đầu tiên của Hội Thông Thiên Học được thiết lập ở London các nhà Thần Linh Học Anh-Quốc bước vào vòng chiến chống lại chúng tôi như các người Mỹ đã làm, lúc bấy giờ các nhà Thần Linh Học Pháp cũng bắt chước theo.

Vấn: Tạo sao giáo hội lại hiềm thù các bạn, vì khuynh hướng của giáo lý Thông Thiên Học đối nghịch với thuyết duy vật, kẻ thù hiện nay của tất cả mọi hình thức tôn giáo ?

Đáp: Giáo hội chống đối chúng tôi do các nguyên tắc chính: "Kẻ nào không tin theo ta là chống lại ta" Thông Thiên Học không đồng ý với môn phái hay tín điều nào, Thông Thiên Học bị xem như là kẻ thù của tất cả, vì Thông Thiên Học giảng dạy rằng tất cả các môn phái, ít hay nhiều đều có sai lầm. Các nhà truyền giáo ở Ấn-Độ ghét chúng tôi nên tìm cách trấn áp, vì họ thấy một số lớn các tinh hoa thanh niên Ấn và các người Bà-la-môn gia nhập Hội Thông Thiên Học mà không cần gì đến họ. Tuy nhiên mặc kệ Giáo Hội ganh ghét, Hội Thông Thiên Học cũng có nhiều hội viên thuộc hàng ngũ các mục sư và ngay cả một hay hai vị giám mục nữa.

Vấn: Nhưng tạo sao Hội Khảo Cứu Tâm Linh (Société de Recherches Psychiques) cũng chống đối bạn ? Trong một phạm vi nào đó, Hội này cùng theo đuổi các sưu tầm như bạn lại có một số người thuộc Hội này cũng có trong Hội của bạn nữa.

Đáp: Lúc đầu, những người sáng lập Hội Khảo Cứu Tâm Linh và chúng tôi là bạn tốt với nhau. Nhưng khi tạp chí Christian College đăng bài công kích chống lại các hiện tượng được dựng lên do sự mạo danh của một tên gia nhân, Hội Khảo Cứu Tâm Linh thấy rằng Hội đã phạm lỗi xuất bản trong các biên bản của Hội một số lớn hiện tượng xảy ra cùng với Hội Thông Thiên Học. Tham vọng của Hội Khảo Cứu Tâm Linh là đặt thành một tổ chức chặt chẽ và khoa học mà uy quyền của nó tạo

thành đức tin. Hội ấy quyết định giữ địa vị mình trước mọi người bằng cách bài bác Hội Thông Thiên Học và làm cho dư luận lầm lộn Thông Thiên Học với Thần Linh Học.

Vấn: Trước khi chuyển sang đề tài khác, chúng ta hãy làm sáng tỏ về điểm này. Một số tác giả đã gọi giáo lý của bạn là "vô luân và nguy hiểm", những kẻ khác, dựa vào sự kiện mệnh danh là uy quyền, còn các nhà Đông Phương Học chỉ tìm thấy trong các tôn giáo của Án-Độ, sự tôn thờ phái tính dưới nhiều hình thức phức tạp, họ tố cáo bạn chỉ thờ phụng dương vật (culte phallique) và cho rằng Thông Thiên Học hiện đại liên lạc chặt chẽ với Đông Phương, nhất là với Án-Độ, họ cũng đi đến chỗ tố cáo các người Thông Thiên Học Âu-châu phục sinh lại việc thờ phụng này. Phải nghĩ như thế nào về lời đồn đãi đó ?

Đáp: Tôi có đọc và nghe nói đến điều ấy, thật không có sự vu khống nào hèn hạ và dối trá hơn. Một câu tục ngữ Nga có nói: "Chỉ có những kẻ khờ khạo mới tạo ra giấc mơ rồ dại". Điều đó làm bạn nổi giận về những lời tố cáo hèn hạ như thế mà không có một chứng cứ tối thiểu nào . . .

Bạn hãy hỏi hàng trăm người Anh đáng kính, vốn là hội viên Thông Thiên Học từ nhiều năm nay xem coi người ta có giảng giải cho họ những giáo lý vô luân hay những triết lý tai hại không. Hãy mở quyển "Giáo lý bí truyền" (Secret Doctrine) bạn sẽ thấy ở mỗi trang; người Do-thái và các quốc gia khác đã đưa ra một cách rõ ràng lý do sự thờ phụng dương vật này là do sự diễn dịch một cách nông cạn có tánh cách vật chất về biểu tượng và về thuyết nhị nguyên trong thiên nhiên nơi tất cả các tín điều công truyền. Sự biến dạng liên tục này của các giáo lý và các tín ngưỡng của chúng ta thật là một điều đáng xấu hổ.

Vấn: Nhưng bạn không chối cãi rằng yếu tố sinh thực khí [56] quả nhiên có trong các tôn giáo của Đông Phương phải không ?

Đáp: Tôi không chối cãi điều đó, nhưng tôi cho là việc ấy không quan trọng hơn là sự hiện diện của cùng một yếu tố trong Cơ Đốc giáo: tôn giáo của Phương Tây. Nếu bạn muốn biết về điều đó nhiều hơn, tôi khuyên bạn nên đọc quyển "Les Roses

Croix” của Hangrave Jennings. Ở Đông phương, biểu tượng về sinh thực khí có lẽ còn sống sượng và hiện thực hơn nữa, vì càng phù hợp với Thiên Nhiên, hay đúng hơn là thực thà hơn ở Tây Phương, nhưng không suồng sã hay khêu gợi ý tưởng thô tục nào theo tinh thần Đông Phương, ngoại trừ một vài môn phái được gọi là Maharajah hay Vallabhacharya.

Vấn: Một cộng tác viên của nhật báo Agnostic, một trong những kẻ tố cáo bạn, và ám chỉ rằng các môn đồ của giáo phái đáng xấu hổ này là những người Thông Thiên Học mà là những người Thông Thiên Học chân chính nữa kia.

Đáp: Người viết bài này là một kẻ nói dối, tất cả chỉ có thế. Không bao giờ và không hề có dù chỉ là một Vallabhacharya trong Hội chúng tôi. Việc xác nhận rằng họ đòi hỏi một sự hiểu biết sâu xa về Thông Thiên Học, đó là một sự dối trá khác. Đó là một sự dốt nát hoàn toàn nơi các giáo phái Ấn-Độ.

Điều mà Maharajah của họ đòi hỏi là tiền bạc, phụ nữ và con gái của những kẻ khờ khạo, những kẻ mê tín không hơn không kém. Đó là một giáo phái đáng khinh bỉ trong các giáo phái khác của Ấn-Độ.

Nhưng nếu bạn muốn biết đầy đủ chi tiết, xin bạn hãy xem “Giáo lý bí truyền” sẽ rõ hơn. Để kết thúc, tôi xin nói rằng tinh thần của Thông Thiên Học trái ngược với sự thờ phụng sinh thực khí (culte phallique), và sự đối kháng này được dạy trong các môn phái nội môn hơn là trong giáo huấn công truyền. Không có sự tố cáo nào dối trá hơn là sự tố cáo kể trên.

Bây giờ xin bạn hãy đặt các câu hỏi khác.

PHẢI CHĂNG HỘI THÔNG THIÊN HỌC LÀ MỘT TỔ CHỨC CÓ MỤC ĐÍCH TÀI CHÁNH ?

Vấn: Đồng ý, một vài tờ báo có đề cập việc các nhà sáng lập Hội như : Đại tá Olcott hay bà Blavatsky đã nhận tiền hay đã có được một số lợi lộc nào đó từ Hội Thông Thiên Học. Vậy điều đó đúng hay không?

Đáp: Chẳng có một xu nào cả, các báo cáo đó đều láo khoét. Trái lại hai nhà sáng lập đã hiến tất cả những gì mà họ có, và họ còn nghèo xơ xác. Về phần các lợi lộc thể tục, bạn hãy nghĩ đến các lỗi vu khống, nguyên rủa mà các nhà sáng lập là mục tiêu !

Vấn: Tuy nhiên, tôi có đọc trong một số lớn cơ quan truyền giáo rằng quyền ghi danh và quyền tiên bao gồm trong những sự chi tiêu và những người sáng lập lãnh mỗi năm 20.000 đồng liu (livres).

Đáp: Đó là một điều dối trá trong biết bao điều dối trá khác. Trong các văn bản báo cáo xuất bản vào tháng giêng năm 1889, bạn sẽ thấy con số chính xác về tiền bạc nhận được từ bất cứ nơi nào từ năm 1879. Tổng số (thu nhập, tặng biếu) trong khoảng 10 năm này là dưới 6.000 đồng liu, mà phần lớn được cung cấp bởi chính những người sáng lập từ các tài nguyên cá nhân của họ hay từ các tác phẩm văn chương cũng của họ. Đó là một sự kiện được chính thức thừa nhận cho dù là kẻ thù của chúng tôi là Hội Khảo Cứu Tâm Linh. Hiện giờ, hai nhà sáng lập đều nghèo cả: một người thì quá già và đau yếu không thể làm việc như trước, cũng không có thì giờ để viết văn hầu giúp đỡ Hội bằng lợi nhuận của chính mình, mà chỉ viết vì quyền lợi của Hội. Người kia vẫn còn làm việc cho Hội như trước nhưng chỉ nhận rất ít lợi nhuận.

Vấn: Nhưng họ cần có tiền bạc để sống chứ ?

Đáp: Không có gì hết, lúc nào họ cần có thức ăn, nơi ở, cho dù bạn bè tận tâm giúp đỡ, họ cũng nhận được rất ít.

Vấn: Riêng bà Blavatsky có thể một mình sinh sống bằng nghề viết văn không ?

Đáp: Khi bà còn ở Ấn-Độ, trung bình bà nhận được vài ngàn Roupies mỗi năm do bà cộng tác với các nhật báo Nga và các báo khác nhưng bà tặng tất cả cho Hội.

Vấn: Có phải đó là những bài báo về chánh trị không ?

Đáp: Không bao giờ. Tất cả những gì mà bà viết trong bảy năm lưu cư tại Ấn-Độ bây giờ đã được ấn hành. Đó là những bài liên quan đến tôn giáo, nhân chủng học, phong tục Ấn-Độ và Thông Thiên Học, bà không biết gì về chánh trị và cũng không hề chú ý đến nó. Và lại, trong hai năm rồi, bà đã từ chối nhiều hợp đồng với số tiền lên tới 1.200 đồng vàng một tháng, bởi vì nếu nhận những hợp đồng đó, bà sẽ không còn thời giờ, sức lực để lo công việc cho Hội. Bà có các tài liệu chính xác để chứng minh các sự việc đó.

Vấn: Tại sao bà Blavatsky và Ông Olcott không thể như bao nhiêu người khác là theo đuổi nghề nghiệp riêng của mình, rồi sau đó dùng thì giờ còn lại lo cho Hội ?

Đáp: Bởi vì trong khi phụng sự hai người chủ, tức là công việc sinh sống và công việc bác ái, người ta đều có nhiều phiền toái và đau khổ. Bất cứ người Thông Thiên Học chơn chánh nào cũng đều có sự liên hệ về phương diện tinh thần và sự hi sinh cá nhân một cách vô ngã, hi sinh hạnh phúc hiện tại của mình cho hạnh phúc tương lai của kẻ khác. Nếu những nhà sáng lập không nêu gương thì ai sẽ nêu gương ?

Vấn: Có nhiều người Thông Thiên Học noi theo gương đó hay không ?

Đáp: Tôi thành thật trả lời, ở Âu-Châu có độ nửa tá cả thầy, còn số chỉ bộ vượt quá con số này.

Vấn: Như vậy không đúng sự thật là Hội Thông Thiên Học có một số vốn lớn hay nhiều tài sản riêng chăng ?

Đáp: Hội không có gì cả. Hiện giờ lệ phí gia nhập Hội là một Liu và phần đóng góp nhỏ nhoi hằng năm đã bị bãi bỏ, người ta tự hỏi, không biết bao nhiêu lâu nữa ban Cố Vấn Tổng Hội ở Adyar sẽ chết đói !

Vấn: Tại sao bây giờ không mở những cuộc lạc quyền ?

Đáp: Chúng tôi không phải là Đạo Quân Cứu Thế (Armée de Salut), chúng tôi không thể đi xin xỏ. Chúng tôi không theo gương Giáo Hội hay các giáo phái: "Chấp nhận những cuộc lạc quyền". Tiền bạc đôi khi được gửi đến giúp Hội, nhưng số tiền nhỏ do một vài hội viên tận tụy đem lại luôn luôn là những quà tặng tự ý.

Vấn: Tôi có nghe nói về những số tiền lớn tặng cho bà Blavatsky. Người ta nói rằng trong 4 năm nay bà đã nhận 5.000 Liu của một hội viên trẻ tuổi giàu có đã gia nhập Hội ở Ấn-Độ và 10.000 Liu của một người Mỹ khác vốn là một hội viên đã chết ở Âu-Châu từ 4 năm nay.

Đáp: Bạn hãy nói với những người đã kể lại với bạn những điều đó rằng họ đã lặp lại lời dối trá kinh khủng. Bà Blavatsky đã không đòi hỏi cũng không hề nhận một xu con nào của các người đó, kể từ khi Hội Thông Thiên Học được thành lập. Tôi thách người nào đưa ra được bằng cứ về việc này. . .

Vấn: Tôi nghe nhiều người Thông Thiên Học nói về "một quyền lực đằng sau Hội" và về một số các vị "Thánh sư" (Mahatmas) được nhắc đến trong các tác phẩm của Ông Sinnett, các vị này đã góp phần trong việc sáng lập, trông nom, săn sóc Hội, có phải vậy chăng ?

Đáp: Bạn có thể cười về việc đó, nhưng sự thật là như thế đấy.

Vấn: Tôi nghe nói rằng các vị này là các Chơn Sư Cao Cả, những nhà luyện đan. Vậy, nếu các vị này có thể biến chì thành vàng tùy ý, ngoài tất cả những điều huyền diệu mà ông Sinnett có kể lại trong tác phẩm "Cõi

giới Huyền linh” (Monde Occult), tại sao các vị ấy không cung cấp tiền bạc giúp đỡ những vị sáng lập để duy trì Hội ?

Đáp: Bởi vì các vị này không thiết lập một “Câu lạc bộ Huyền diệu” (Club de Miracles). Mục đích của Hội là giúp con người phát triển quyền năng ẩn tàng nơi họ bằng chính sự cố gắng và công phu của riêng họ. Bởi vì các hiện tượng mà các vị ấy có thể tạo ra, nhưng các Ngài không phải là những kẻ làm bạc giả. Hơn nữa các Ngài không muốn quăng một miếng mồi đầy cám dỗ trên đường đi của hội viên và thí sinh Thông Thiên Học vì không phải là chuyện mua bán. Cho đến nay, sau 14 năm, không có một hội viên nào nhận bổng lộc của Chơn Sư hoặc của Hội.

Vấn: Không ai trong các người phụng sự được trả thù lao sao ?

Đáp: Cho đến nay, không có ai được cả. Nhưng vì lẽ mọi người đều phải ăn và mặc, tất cả những người có dư đều hiến hết thì giờ cho công việc của Hội, những người khác đều thiếu sự trợ giúp của Tổng Hội ở Madras, mặc dầu các nhu cầu này rất khiêm tốn (xem các qui tắc ở cuối). Hiện giờ công việc của Hội phát triển một cách đáng kể, và đang tiếp tục phát triển ở Âu-Châu, chúng tôi có cần một số người làm việc. Từ đây chúng tôi hi vọng có được một số hội viên hưởng thù lao. Mỗi người trong số những kẻ phụng sự đã chuẩn bị hiến dâng tất cả thời giờ cho Hội, họ từ bỏ địa vị tốt lành trong tương lai để làm việc với chúng tôi và chỉ hưởng số lương tối thiểu mà thôi.

Vấn: Và ai sẽ cung cấp tiền bạc ?

Đáp: Một số hội viên của chúng tôi có phần khá giả hơn kẻ khác. Những kẻ đầu cơ hay dựa vào Hội để làm giàu sẽ không xứng đáng ở trong hàng ngũ chúng tôi.

Vấn: Nhưng bạn có chắc chắn nhận được tiền bạc, sách vở, tạp chí và các ấn phẩm khác không ?

Đáp: Chỉ có tạp chí "Theosophist" ở Madras là tạo ra lợi nhuận hàng năm cho Hội rất đều đặn. . .

Ở Pháp tờ "Lotus" được tung ra nhờ các nguồn tài chánh đặc biệt và rất hạn chế của một người Thông Thiên Học đã dâng hiến tất cả thời giờ, công lao của mình, nhưng than ôi, tờ "Lotus" này cũng ngưng phát hành vì cùng một nguyên nhân.

Tạp chí Thánh Đạo (The Path) ở New-York không bù đắp được các phí tổn, còn tạp chí "Revue Théosophique" ở Paris mới vừa xuất hiện nhờ sự bảo trợ của một số hội viên. Hơn nữa, nếu đây là tác phẩm do công ty xuất bản Thông Thiên Học Luân-Đôn xuất bản, thì lợi nhuận này sẽ được dành cho công việc của Hội.

Vấn: Và bây giờ, tôi xin bạn hãy nói cho tôi biết những gì bạn có thể nói được về các vị Chơn Sư.

[chương 1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#), [11](#), [12](#), [13](#), [14](#), [đầu sách](#), [cuối sách](#), [mục lục](#), [chú thích](#)

CHƯƠNG XIV

CÁC VỊ THÁNH SƯ CỦA THÔNG THIÊN HỌC

CÁC NGÀI LÀ "TINH QUÂN ÁNH SÁNG " HAY LÀ YÊU TINH BỊ NGUYỄN RỦA ?

Vấn: Và bây giờ, xin bạn nói cho tôi biết những gì mà bạn có thể nói được về các vị Thánh sư. Người ta đã nói nhiều điều vô lý và trái ngược về các vị Thánh Sư ấy, người ta chỉ biết tin theo và bàn quanh những chuyện kỳ dị xảy ra nơi các vị ấy.

Đáp: Bạn có thể cho đó là những chuyện "lố bịch".

Vấn: Ai là những người mà bạn gọi là Chơn Sư (Master) ? Một số người

nói rằng đó là những "Hồn Linh" (Spirits), hay ít nhất là một loại thực thể siêu nhiên, trong khi có kẻ lại gọi các vị ấy là "thần thoại".

Đáp: Không phải là "Hồn Linh" , cũng không phải là "thần thoại". Tôi có nghe một người quả quyết với một người khác rằng đó là các "nam nhân ngư" (sirènes mâles) . . .

Nếu bạn chỉ nghe những gì người ta nói về các vị ấy, bạn sẽ không bao giờ có một ý tưởng đúng về các Ngài cả. Trước hết, đó là những người sống và được sinh ra như chúng ta, và cũng chết như tất cả chúng sinh khác.

Vấn: Nhưng có lời đồn đại rằng trong số ấy có vị sống đến cả 1.000 năm. Điều đó có đúng không ?

Đáp: Gần giống như mái tóc huyền diệu mọc trên đầu của Shagpat xứ Meredith. Chúng tôi càng phủ nhận những chuyện đó, và càng cố gượng chứng minh các vị đó là người, thì câu chuyện trở nên vô lý hơn. Tôi có nghe nói Methuselah đã sống đến 969 tuổi; nhưng tôi không tin điều đó và xem như là một tà thuyết của nhiều người.

Vấn: Nói một cách trang nghiêm hơn, các Chơn Sư có vượt qua tuổi thọ của con người thông thường không ?

Đáp: Bạn gọi tuổi thông thường là gì ? Tôi nhớ có đọc tạp chí Lancet: một người Mỹ Tây Cơ sống gần 190 tuổi; nhưng tôi không bao giờ nghe nói đến một vị Cao đồ (adept) sống chỉ bằng phân nửa số tuổi của Methuselah. Có nhiều vị Chơn Sư vượt xa cái mà bạn gọi là tuổi thông thường, nhưng không có gì huyền diệu ở chỗ đó cả, rất ít người trong số các vị ấy quan tâm tới việc sống lâu.

Vấn: Ý nghĩa thật sự của danh xưng Mahatma là gì ?

Đáp: Danh xưng ấy chỉ có nghĩa là "Linh hồn Cao Cả" (Grande Âme), cao cả về đạo đức và về phát triển tâm linh. Nếu người ta gán danh hiệu cao cả hay vĩ đại cho một chiến sĩ đắm mê rượu chè như Hoàng đế Alexander, tại sao người ta không gọi là "vĩ đại" những người đã chinh phục được các bí mật của thiên nhiên hoặc nhiều điều đáng kể hơn là những điều mà Alexander Đại-Đế đã làm ở chiến trường ? Vả lại, đây là một danh xưng rất cổ ở Ấn-Độ.

Vấn: Nhưng tại sao bạn gọi các vị ấy là "Chơn Sư" ?

Đáp: Chúng tôi gọi các Ngài là Chơn Sư vì các Ngài dạy dỗ chúng tôi và tất cả những chơn lý Thông Thiên Học đến với chúng tôi là nhờ các Ngài, mặc dù các chơn lý này bị diễn dịch sai lệch bởi một số người trong chúng tôi và những kẻ khác hiểu lầm. Những vị mà chúng tôi gọi là bậc được Điểm Đạo (Initiés) đều có sự hiểu biết bao la và có đời sống trong sạch. Mặc dù các Ngài sống cách biệt với sự quây cuồng, đấu tranh của thế giới Tây Phương nhưng không phải là những người khổ hạnh theo ý nghĩa thông thường của từ này.

Vấn: Về phần các Ngài, phải chăng sống biệt lập như thế là ích kỷ ?

Đáp: Bạn cho thế nào ích kỷ ? Sự ra đời của chính Hội Thông Thiên Học không đủ để chứng minh rằng thế giới không sẵn sàng nhận biết các Ngài, cũng như không thu nhận những điều giảng dạy của các Ngài sao? Điều lợi ích nào mà giáo sư Clerk Maxwell có thể làm nếu ông ấy dùng thời giờ để dạy cửu chương cho trẻ con? Vả lại, các Ngài chỉ biệt cư đối với Tây Phương. Trong xứ sở các Ngài, người ta thấy các Ngài giữa công chúng như bao nhiêu người khác.

Vấn: Bạn không gán cho các Ngài những quyền năng siêu nhiên sao ?

Đáp: Như tôi đã nói với bạn ở trên, chúng tôi không tin vào siêu nhiên. Nếu Edison sống cách đây 200 năm và nếu bây giờ, ông ấy phát minh ra máy hát có lẽ người ta sẽ thiêu sống ông ấy, còn việc ông ta phát minh sẽ bị gán là ma quái. Quyền năng mà các Chơn Sư có được chỉ đơn giản là sự phát triển những gì tiềm

tàng trong mỗi người nam hay nữ mà hiện nay, khoa học mới bắt đầu tìm hiểu.

Vấn: Có phải chẳng những vị này đã gợi cảm hứng cho một vài văn gia viết nên những tác phẩm Thông Thiên Học. Phần nhiều các tác phẩm đó do các Ngài đọc cho các bạn viết phải không ?

Đáp: Đúng vậy, trong một vài trường hợp có xảy ra những việc như thế. Có những đoạn do các Ngài hoàn toàn đọc ra từng chữ một, nhưng nói chung, các Ngài tự giới hạn ở việc gợi ý tưởng và để cho người viết sắp xếp hình thức văn chương.

Vấn: Nhưng chính điều đó là điều huyền diệu. Làm thế nào các vị ấy có thể làm được như vậy ?

Đáp: Ông bạn thân mến ơi, bạn lầm lẫn một cách nặng nề rồi, trong một tương lai gần đây, khoa học sẽ từ chối các luận cứ của bạn. Tại sao bạn cho điều đó là huyền diệu, vả lại, không có cái gì vượt lên trên thiên nhiên và các định luật của thiên nhiên cả. Trong nhiều loại huyền diệu mà khoa học hiện đại chấp nhận, người ta thấy có thuật thôi miên (L'Hypnotisme), và một giai kỳ của thôi miên là sự "ám thị" (suggestion), một hình thức truyền đạt tư tưởng vốn đã được dùng một cách thành công để chống lại một số bệnh tật về thể xác. Không còn bao lâu nữa sẽ tới ngày mà giới khoa học phải bắt buộc nhìn nhận rằng có nhiều tác động hỗ tương giữa thể trí này với thể trí khác, bất luận khoảng cách là bao xa, một khi giữa thể này và thể kia có sự giao tiếp chặt chẽ.

Khi hai thể trí liên kết một cách rất thiện cảm với nhau, và khi các dụng cụ – nhờ vào sự vận hành – đều phù hợp và đáp ứng về từ lực và điện lực giữa chúng, thì không có gì ngăn cản việc truyền tư tưởng từ người này sang người khác. Thể trí (Le mental) [57] không phải là một chất có thể sờ mó được, như khoảng cách có thể phân ly giữa chủ thể và đối tượng, do đó, sự khác nhau duy nhất có thể có được giữa hai thể trí là sự khác nhau về trạng thái. Nếu người ta vượt qua được trở ngại này, thì sự truyền đạt tư tưởng có thể diễn ra ở bất cứ khoảng cách nào. Như vậy sự huyền diệu ở đâu ?

Vấn: Bạn cho rằng thuật thôi miên không tạo ra điều gì huyền diệu phải không ?

Đáp: Trái lại, đó chính là một sự kiện rõ rệt chứng tỏ nhà thôi miên có thể tác động lên bộ óc của người được thôi miên để tạo ra ấn tượng cho những tư tưởng, ngay cả lời nói của người thôi miên, xuyên qua cơ thể kẻ bị thôi miên. Mặc dù hiện tượng truyền đạt tư tưởng theo phương pháp này hiện nay chưa nhiều, nhưng ai dám quả quyết rằng hành động của họ sẽ kéo dài đến đâu trong tương lai, khi mà những định luật tác động trên đó được thiết lập một cách khoa học hơn? Nếu người ta có thể đạt được những kết quả như thế bằng sự hiểu biết thô sơ của thuật thôi miên, thì làm sao một vị Chơn Sư với quyền năng tâm linh và tinh thần lại không tạo ra được kết quả như vậy. Với sự hiểu biết bị giới hạn của bạn hiện tại về các định luật này khiến bạn xem điều đó là "sự huyền diệu".

Vấn: Tại sao, lúc bấy giờ, các nhà y học của chúng ta không đem ra thử nghiệm và cố gắng tạo ra các sự việc đó ?

Đáp: Trước hết, vì họ không phải là các Chơn Sư, họ không có được sự hiểu biết sâu xa về các điều bí ẩn của định luật cai quản địa hạt tâm linh và tinh thần. Đó là những nhà duy vật, họ lo sợ phải thoát khỏi cái vòng chật hẹp vật chất, ngoài ra, vì họ thất bại trong hiện tại bởi họ không tin vào sự có được những quyền năng mà bạn nói đến.

Vấn: Người ta không thể dạy họ được sao ?

Đáp: Trước hết họ phải tự mình chuẩn bị, nghĩa là lớp bùn vật chất mà họ chất chứa trong đầu phải được lau sạch cho hết.

Vấn: Đó là điều rất lý thú. Nhưng bạn hãy cho tôi biết có phải bằng cách này mà các Chơn Sư đã tạo ra cảm hứng và hướng dẫn nhiều người trong số các người Thông Thiên Học của bạn chăng ?

Đáp: Trái lại rất ít khi, vì một hành động như thế đòi hỏi những điều kiện đặc biệt. Một môn đệ của Hắc phái (Fraternité noire) liều lĩnh nhưng khéo léo sẽ gặp rất ít khó khăn để làm điều đó, vì một người bàng môn không hiểu biết những định luật tâm linh sẽ làm cản trở các hành động của y, nên y không ngần ngại xâm chiếm lấy thể trí của một người nào đó y muốn áp đặt dưới quyền lực bất chính của y. Còn các Chơn Sư của chúng tôi không bao giờ hành động như thế. Vốn không ở trong tả phái (Frères de l'Ombre), các Ngài không có quyền đưa Chơn Ngã bất tử của bất cứ ai vào vòng nô lệ. Do đó, các Ngài chỉ có thể tác động trên bản chất vật chất và tâm linh của chủ thể, bằng cách để cho người này có đầy đủ tự do ý chí.

Vậy thì, trừ phi kẻ nào có liên lạc tâm linh với Chơn Sư và được tham dự vào do hiệu năng của đức tin tràn đầy và lòng sùng kính đối với Sư Phụ, mỗi khi các Chơn Sư muốn truyền đạt tư tưởng các Ngài cho một kẻ nào không ở trong các điều kiện như thế, các Ngài cảm thấy rất nhiều khó khăn để xâm nhập vào khối cầu đầy sương mù hỗn độn của người này. Nhưng đây không phải là đề tài mà chúng ta bàn đến. Cần nói rằng, nếu quyền năng này có được, lúc bấy giờ các Đấng Thông Tuệ (ở trong xác thân hay thoát xác) hướng dẫn các quyền năng và các khí cụ hữu thức linh động để tiếp nhận và truyền đạt chúng. Điều duy nhất là chúng ta nên coi chừng "hắc đạo" (Magie noire).

Vấn: Bạn cho thế nào là "hắc đạo" ?

Đáp: Đơn giản là sự lạm dụng các quyền năng tâm linh hay những bí ẩn của thiên nhiên, đúng ra là dùng các mãnh lực huyền linh vào các mục đích ích kỷ và tội lỗi. Bất cứ nhà thôi miên nào lạm dụng khả năng ám thị để bắt kẻ khác trộm cắp hay sát nhân, chúng tôi gọi họ là "hắc đạo". Phương pháp hồi xuân nổi tiếng của bác sĩ Brown Sequard ở Paris (nhờ vào việc ghê tởm là chích máu thú vật vào máu người, hiện giờ đang gây ra nhiều cuộc tranh luận trong tất cả các tạp chí y học Âu-Châu) chính là một tà thuật vô ý thức (magie noire inconsciente).

Vấn: Nhưng đây là sự tin tưởng của thời Trung Cổ vào ma thuật và bàng môn. Chính pháp luật cũng không tin tưởng vào những việc như thế.

Đáp: Thảm hại cho luật pháp, việc thiếu phân biện này đã gây thêm một lần lẫn và trọng tội về sự phán đoán. Phải chăng thuật ngữ mà tôi dùng làm cho bạn sợ hãi, bạn nghĩ rằng đã phân biệt một hình thức mê tín? Chắc chắn luật pháp sẽ trừng phạt sự lạm dụng sức mạnh thôi miên của những kẻ mà tôi vừa nói đến. Những việc tương tự đã bị lên án ở Pháp và ở Đức. Người ta không thể tin vào hiệu quả và thực tế của sức mạnh ám thị mà các y sĩ và các nhà thôi miên đã dùng, rồi sau đó lại từ khước vì chúng bị dùng vào những việc có hại, vả lại nếu bạn tin vào điều đó dĩ nhiên bạn phải nhìn nhận có bàn môn tả đạo ! (bàn: bên cạnh; môn phái bên cạnh, đi lệch ra ngoài chánh phái. ND.)

Người ta không thể tin vào điều thiện và từ chối việc tin vào điều ác. Chấp nhận đồng tiền thật và không nhận có đồng bạc giả. Không có sự việc gì không có mặt trái của nó, người ta không thể nhận biết được ngày nếu không có đêm, biết ánh sáng nếu không có bóng tối, biết điều lành nếu không có điều ác để tạo sự tương phản.

Vấn: Tuy nhiên, tôi biết có nhiều người tin tưởng chắc chắn vào điều mà bạn gọi là đại quyền năng tâm linh hay các mãnh lực huyền diệu lại chế cười phù thủy hay bàn môn.

Đáp: Điều đó không chứng minh gì hết nếu đó chỉ là những kẻ thiếu lý luận. Còn chúng tôi, nhìn nhận có sự hiện tồn của các Chơn Sư Thánh Thiện, chúng tôi cũng tin chắc rằng có sự hiện tồn của các đạo sư độc ác, nguy hiểm, tức là các Dougpas.

Vấn: Bây giờ, nếu các Chơn Sư có thật, tại sao các Ngài không lộ diện trên thế gian để bác bỏ chỉ một lần thôi, các lời tố giác đè nặng trên vai bà Blavatsky và Hội Thông Thiên Học ?

Đáp: Những lời tố giác nào ?

Vấn: Đó là lời tố giác các Chơn Sư không có thật, chính bà Blavatsky "phát minh" ra các Chơn Sư, và các Ngài là người rơm . . . một sự tố giác

như thế có làm hại thanh danh của bà không ?

Đáp: Làm thế nào một sự tố giác như thế có thể tạo sự tai hại được ? Bà Blavatsky có bao giờ dùng danh nghĩa về sự hiện hữu của các Chơn Sư để tạo ra của cải, tiếng tăm hay để có được lợi lộc nào đâu? Bà chỉ nhận được những lời nhục mạ, nguyên rủa và vu khống, dường như bà rất khổ sở, nếu từ lâu bà không học chịu đựng điều đó với một thái độ hoàn toàn dửng dưng và can đảm.

Xét cho cùng, tất cả những kẻ đại dột tố giác bà là vô tình tạo cho bà một vinh dự mà họ không ngờ, và họ bị lôi cuốn bởi lòng thù hận mơ hồ. Họ cho rằng bà Blavatsky đã “phát minh” ra các Chơn Sư, điều đó có nghĩa là bà đã phát minh ra tất cả triết lý trong văn chương ThôngThiên Học, bà phải là tác giả của các bức thư đã được dùng làm nền tảng cho quyển “Phật Giáo Nội Môn”, bà cũng đã phát minh ra mọi điều chứa đựng trong bộ “Giáo lý Bí Truyền”, đây là tác phẩm mà trong đó mọi người sẽ thấy một số lớn các sự kiện còn thiếu trong khoa học và người ta sẽ khám phá ra trong thời gian một trăm năm nữa. Thật ra sự tố giác này làm cho bà vượt lên trên hàng trăm kẻ khác (trong số đó có nhiều nhà bác học và nhiều người thông minh), đang đặt lòng tin vào những gì bà nói, như thế bà đã lừa gạt họ hay sao? Những chứng cứ về các bức Thánh Thư đều được viết bằng các cú pháp khác nhau. Tuy nhiên, đó chính là những bức thư mà những kẻ bài xích nói rằng do bà viết.

Vấn: Đúng thế, nhưng đây thật là điều khó chịu cho bà Blavatsky khi bị tố cáo là kẻ “bịp bợm khéo léo nhất thế kỷ”, mà tên tuổi truyền lại cho hậu thế “như người ta đã ghi trong phúc trình của Hội Khảo Cứu Tâm Linh” chẳng ?

Đáp: Nếu điều đó là sự thật, hay sự tố giác do những kẻ ít thành kiến và ít duy vật thì bà có thể bị khó chịu. Riêng cá nhân bà, bà xem thường mọi việc, còn các Chơn Sư chỉ mỉm cười. Thật ra đó là lời chúc tụng to tát nhất mà người ta có thể tạo ra cho bà.

Vấn: Nhưng kẻ đối nghịch với bà đòi hỏi điều đó phải được chứng minh rõ ràng.

Đáp: Đó là sự đòi hỏi dễ dàng khi người ta vừa là thẩm phán vừa là bồi thẩm, và là hội đồng truy tố. Nhưng ngoại trừ những kẻ theo phe họ đối nghịch với chúng tôi, ai tin lời họ ?

Vấn: Họ không gửi một đại diện sang Ấn-Độ điều tra sao ?

Đáp: Có chứ. Kết luận cuối cùng của họ hoàn toàn dựa trên sự quả quyết vô căn cứ và những lời tuyên bố không được kiểm soát của người thanh niên này. Một vị luật sư đã đọc được bài tường trình của họ, có nói với một bạn thân của tôi rằng ông chưa bao giờ đọc một "tài liệu nào lỗ bịch hơn vì nó chứa đựng các lời lẽ lên án cá nhân như thế". Người ta tìm thấy trong đó hàng tá giả thuyết vô căn cứ. Đó có phải là một sự tố giác đúng đắn không ?

Vấn: Tuy nhiên, bài tường trình này đã tạo ra một tổn thương lớn lao cho Hội. Tại sao, lúc bấy giờ bà Blavatsky không nhờ đến toà án, ít nhất để phục hồi thanh danh của bà ?

Đáp: Trước hết, bà là người Thông Thiên Học, bốn phận của bà là không đếm xỉa gì các lời lăng mạ cá nhân. Kể đó vì Hội cũng như bà Blavatsky đều không đủ tiền để phung phí trong một vụ kiện tụng như thế. Sau cùng, vì đó là một sự lỗ bịch. Hội sẽ phản bội các nguyên tắc của Hội khi phản ứng lại một sự tấn công của một bầy trù ngừ ngu ngốc xứ Anh do một con trù úc xúi giục.

Vấn: Đó là một sự phỉnh lừa. Nhưng bạn không nghĩ rằng quyền lợi của Hội Thông Thiên Học là lợi ích thiết thực nếu Hội có đầy đủ quyền hạn chính thức tố giác chỉ một lần thôi.

Đáp: Có thể lắm, nhưng bạn có tin rằng một vị quan tòa hay một bồi thẩm đoàn Anh Quốc có bao giờ thừa nhận thực tế của các hiện tượng tâm linh chẳng? Nếu bạn nhớ lại rằng họ đã sắp đặt để chống lại chúng tôi vì các từ vết "gián điệp Nga", buộc tội chúng tôi theo thuyết vô thần và dị giáo cùng tất cả các điều vu khống khác đang xảy ra, bạn có thể thấy trước rằng mọi sự cố gắng để có được sự

công bằng của tòa án là vô ích !

Tất cả các hội viên của Hội Khảo Cứu Tâm Linh biết hết những điều đó, họ đã lợi dụng để đặt lên trên chúng tôi và cứu vớt tiếng tăm của họ nhờ vào sự tổn thương này của Hội Thông Thiên Học.

Vấn: Hội Khảo Cứu Tâm Linh hiện giờ phủ nhận tất cả sự hiện hữu của các Chơn Sư. Hội ấy cho rằng từ đầu đến cuối các Chơn Sư chỉ là câu chuyện tưởng tượng thoát ra từ óc của bà Blavatsky.

Đáp: Thật ra bà có thể đưa ra nhiều bằng chứng khác ít thích hợp. Mặc dù thế, chúng tôi không có gì để bác bỏ thuyết này. Như bà thường nói, bà thích thấy người ta đừng tin tưởng vào các Chơn Sư. Bà còn nói một cách thẳng thắn rằng bà thích người ta tin tưởng về "quê hương của các Chơn Sư" chỉ có trong chất xám của bộ óc, bà đã tinh lọc những gì liên quan đến chúng trong đáy sâu của nội thức hơn là thấy tôn danh và lý tưởng vĩ đại của các Ngài bị kích bác như hiện nay. Mỗi khi bà nghe ai tỏ ý nghi ngờ về sự hiện hữu của các Chơn Sư, bà phản kháng dữ dội. Hiện nay, bà không tìm cách chứng minh gì về điều này nữa bà để cho ai muốn nghĩ sao thì nghĩ.

Vấn: Nhưng các Chơn Sư có thật không ?

Đáp: Chúng tôi quả quyết rằng các Ngài có thực. Nhưng đó không phải là điều quan trọng. Nhiều người, ngay trong số các người Thông Thiên Học và cựu Thông Thiên Học nói rằng họ không bao giờ có bằng chứng gì về sự hiện diện của các Ngài. Bây giờ bà Blavatsky đặt ra cho họ một nan đề: nếu bà đã "phát minh" ra các Chơn Sư thì bà cũng phát minh ra triết lý của các Ngài và những hiểu biết về thực hành mà một số môn đệ đã có được. Trong trường hợp này, bất luận các có thực hay không thì chính triết lý này có thật, nhưng tại sao lại không bị nghi ngờ ? Nếu kiến thức mà người ta nói là do các Chơn Sư truyền đạt vốn thật thánh thiện, và nhiều người có khả năng thông minh trên mức trung bình đã xác nhận điều đó, tại sao lại tạo việc tranh chấp ồn ào chung quanh vấn đề này? Người ta không sao chứng minh triết lý này là bịp bợm mà trái lại vẫn được minh giải, và đó là một sự kiện chắc chắn, không thể chối cãi. Vậy, triết lý mà các Chơn Sư thuyết giảng – dù

tác giả như thế nào đi nữa – vẫn là triết lý cao siêu nhất, thánh thiện nhất khi người ta hiểu rõ nó.

Như vậy, những kẻ vu khống – vốn bị thúc đẩy bởi tình cảm thấp kém và hèn hạ nhất: sự ganh ghét, hận thù, tinh ranh, kiêu căng – những kẻ vu khống này dường như không nhận ra chính họ đã đem lại vinh dự to nhất về các quyền năng tinh thần. . .

Vấn: Nhưng nếu Hội của bạn được những người thánh thiện điều khiển, tại sao người ta lại phạm biết bao lỗi lầm ?

Đáp: Chơn Sư không điều khiển Hội, cũng không điều khiển kẻ sáng lập Hội, các Ngài chỉ trông chừng và bảo vệ Hội. Chứng cứ là không một sai lầm nào có thể làm tê liệt hoạt động của Hội và không có một vụ tai tiếng nào bên trong Hội, không một sự công kích nào dù dữ dội đến đâu từ bên ngoài có thể làm hại Hội. Các Chơn Sư nhắm vào tương lai hơn là hiện tại. Chính vì vậy mà mỗi một sai lầm là một yếu tố đưa đến sự khôn ngoan.

SỰ LẠM DỤNG TÊN và THUẬT NGỮ THIÊN LIÊNG

Vấn: Nhiều người trong số các tác giả Thông Thiên Học, theo lời họ kể lại, thì họ được các Chơn Sư gọi nguồn cảm hứng hoặc đã có dịp tiếp xúc với các Ngài, không rõ có đúng như vậy chăng ?

Đáp: Điều đó có thể đúng mà cũng có thể không. Làm sao tôi có thể nói được? Chính họ phải chứng minh điều đó. Một số ít người – thực ra rất ít – hoặc đã nói dối, hoặc bị ảo giác khoe rằng có sự gọi hứng như thế, một số khác thực sự được các Chơn Sư cao cả gọi cảm hứng cho họ. Người ta biết được cây nhờ quả của nó, cũng vậy, phải phán đoán những người Thông Thiên Học theo những gì họ viết hay nói. Phải chấp nhận tất cả các tác phẩm Thông Thiên Học tùy vào sự xứng đáng của chúng chứ không phải uy quyền mà người viết dựa vào.

Vấn: Bà Blavatsky áp dụng cách thức này cho các tác phẩm riêng của

bà, thí dụ bộ "Giáo lý bí truyền", có phải không ?

Đáp: Chắc chắn là thế. Trong lời tựa của tác phẩm bà có nói rõ rằng các triết lý mà bà trình bày ở đây bà đã học với các Chơn Sư, nhưng bà không tự phụ về một cảm hứng nào liên quan đến những gì bà đã viết ra. Cũng thế, nhiều người Thông Thiên Học ưu tú của chúng tôi cũng rất hài lòng về việc tôn danh của các Chơn Sư đừng bao giờ để xuất hiện trong một quyển sách nào cả. Ngoại trừ một số rất ít, đa số các sách Thông Thiên Học chẳng những không hoàn hảo mà còn đầy lỗi lầm. Tôn danh của hai trong các Chơn Sư đã bị chỉ trích bằng nhiều cách hầu như không có một người đồng bóng nào mà không nói rằng đã trông thấy các Ngài. Tất cả các hiệp hội bịp đời, không có mục đích nào khác hơn là thương hại, họ nói rằng họ được hướng dẫn và điều khiển bởi các Chơn Sư còn cao cả hơn là các Chơn Sư của chúng tôi nữa !

Nhiều kẻ khác do sự khoe khoang, do lòng khao khát lợi lộc hay do sự thúc đẩy của đồng cốt dám đưa ra những lời quả quyết tương tự . . . Nhiều người đã bị lừa gạt và mất mát bởi các Hội này. Các Hội ấy bày ra việc trao đổi các bí nhiệm của quyền năng, kiến thức và chân lý tâm linh để lấy loại vàng vô giá trị. Điều còn tệ hại hơn là các danh từ thánh thiện của Huyền bí học đã bị lôi vào bùn của các động cơ không chính đáng và sự thực hành vô luân. Hàng ngàn người đã bị ngăn trở trên đường chơn lý và ánh sáng do sự sai lầm và tên tuổi xấu đã dính liền với giáo lý của chúng tôi, vì các điều gian trá bịp bợm này. Tôi lập lại rằng, ngày nay, bất cứ người Thông Thiên Học chơn chính nào trong thâm tâm cũng đều hối tiếc việc các điều thánh thiện và các Chơn Sư đã được quảng bá, vì họ muốn rằng nên giữ kín các điều này trong một số ít bạn hữu trung thành và tận tụy mà thôi.

Vấn: Quả vậy, ngày nay người ta thường nhắc đến tôn danh các Chơn Sư, điều mà trước kia tôi không nghe nói đến.

Đáp: Đúng thế, nếu từ lâu chúng tôi áp dụng câu ngôn ngữ "im lặng là khôn ngoan", thay vì tiết lộ với công chúng những gì chúng tôi biết, thì sự chống đối sẽ không xảy ra. Bạn còn nhớ chẳng 14 năm nay, trước khi Hội Thông Thiên Học được thành lập, người ta chỉ nói đến các "hồn linh" (esprits). Chúng ở khắp nơi và không ai nói đến các Cao đồ (Adepta), Chơn Sư (Maitres) hay vị Thánh Sống (Mahatmas vivants) nào cả. Chỉ mới đây người ta nói đến Hoa Hồng Thập Tự (Rose-Croix) và

rất ít người nghi ngờ về sự hiện hữu của một nhà khoa học như khoa Huyền bí học. Ngày nay, tất cả đều thay đổi. Vô phúc thay, chính các người Thông Thiên Học chúng tôi là những kẻ đầu tiên nói về các sự việc này để giới thiệu sự hiện hữu ở Phương Đông các Cao đồ, Chơn Sư và khoa Huyền bí học. Hiện giờ các danh từ này đã trở nên phổ thông.

Theo luật quả báo, hiện giờ chúng tôi phải chịu đựng các hậu quả của việc phạm đến Thánh danh và các điều thánh thiện . . . Kẻ thù của chúng tôi ngày nay đã lợi dụng các lỗi lầm của chúng tôi đã tự hào rằng do một Cao đồ hai mươi tuổi viết ra. Hiển nhiên là một điều dối trá. Chúng tôi biết được kẻ mô phỏng và những kẻ cổ xúy quyển sách ấy vì chính tác giả hãy còn quá vô minh không thể viết được điều gì như vậy. Những kẻ cổ xúy này là những kẻ sống đầy thù hận, thiếu sự thận trọng tương xứng với các khả năng tinh thần của họ. Có rất nhiều vị Cao đồ giả mạo này. Các hạng Chơn Sư mà người ta dùng với ý định đánh đổ Hội Thông Thiên Học bắt đầu phát triển khoảng 12 năm nay. Với "Louis" điển hình trong hắc thuật và trong Ghost-Land (Đất Ma) của bà Emma Hardinge Britten, ngày nay chấm dứt với "Chơn Sư" và "tác giả" của quyển "Ành Sáng Ai-Cập" (The Light of Egypt), một tác phẩm đồng cốt chống lại Thông Thiên Học và các điều giảng dạy. Thật là vô ích mà than van về các sự việc đó. Chúng tôi chỉ nhẫn nại chịu đau khổ với hi vọng rằng việc bép xép của chúng tôi ít nhất cũng làm cho con đường tiến đến Chơn Sư của nhiều người được dễ dàng hơn. . .

Chỉ khi nào trong khung cảnh trang nghiêm của nhãn thông huyền bí, vị Cao đồ mạo danh thấy được các "hồn" có thể ở Greenwich, Anh Quốc, và nhờ kính viễn vọng của Lord Rose thiết lập ở Parsonstown, Aù-nhĩ-lan. ..

Tôi lấy làm ngạc nhiên trước sự vô minh của vị Cao đồ này về vấn đề khoa học. Điều đó còn hơn mọi sự ngộ nhận và sai lầm mà các đệ tử của Chơn Sư chúng tôi phạm phải. Chính vị "Chơn Sư" này mà người ta dựa vào để phá hoại giáo lý của các Chơn Sư chúng tôi !

Vấn: Tôi hoàn toàn am hiểu tình huống của bạn nhưng còn một đề tài mà tôi muốn đặt vài câu hỏi với bạn.

Đáp: Tôi sẽ trả lời nếu có thể. Vấn đề gì vậy?

KẾT - LUẬN

TƯƠNG LAI CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Vấn: Xin bạn cho biết tương lai của Hội Thông Thiên Học như thế nào ?

Đáp: Nếu bạn nói đến Thông Thiên Học, tôi xin đáp rằng Thông Thiên Học đã tồn tại qua nhiều chu kỳ vô tận trong quá khứ, nên Thông Thiên Học sẽ mãi mãi tồn tại suốt chu kỳ vô tận trong tương lai, bởi vì Thông Thiên Học đồng nghĩa với Chân Lý vĩnh cửu (Vérité éternelle, Everlasting Truth).

Vấn: Xin bạn thứ lỗi điều mà tôi muốn hỏi bạn có liên quan đến tương lai của Hội Thông Thiên Học.

Đáp: Tương lai của Hội Thông Thiên Học sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào mức độ hi sinh, sự thành tâm, tận tụy nhất là số kiến thức và minh triết mà các hội viên tiếp thu được để tiếp tục công việc và điều khiển Hội sau khi các nhà sáng lập qua đời.

Vấn: Hiển nhiên là sự hi sinh và tận tụy rất quan trọng nhưng tôi hoàn toàn không hiểu tại sao hiểu biết lại là một tác nhân cũng cần thiết như là hai đặc tính kia. Chắc chắn là văn chương Minh Triết đã tồn tại và sẽ ngày càng tăng trưởng đủ để hoàn thành mục đích.

Đáp: Tôi không nói sự hiểu biết có tính cách chuyên môn của triết lý nội môn, mặc dù đó là một điểm rất quan trọng, đúng hơn tôi muốn nói đến sự phán đoán rõ ràng và vô tư sẽ tuyệt đối cần thiết cho những kẻ nối tiếp công việc của chúng tôi hầu giúp họ có khả năng hướng dẫn Hội. Tất cả các phong trào thuộc loại Hội Thông Thiên Học cho đến ngày nay đều thất bại, sớm hay muộn gì các phong trào này đều thoái hóa thành các chi phái (sectes), có triết lý chật hẹp, cố định; như thế

sẽ mất dần sinh khí và chỉ có chơn lý sống động mới đạt được. Đừng quên rằng tất cả các hội viên chúng tôi đều sanh ra hay được nuôi dưỡng trong tín điều hay tôn giáo nào đó và đều ít nhiều tùy thuộc vào các thể hệ của họ về vật chất hay tinh thần. Do đó, sự phán đoán của họ có thể chịu ảnh hưởng bằng cách này hay cách khác. Vậy, nếu những kẻ lãnh đạo Hội không thể vượt qua được các lệch lạc cố hữu do bản chất của họ, hay ít nhiều họ không thể học để tránh bị khuynh hướng này lôi cuốn, họ sẽ đưa Hội đi đến chỗ nguy hiểm về tư tưởng và sẽ không tránh được sự thất bại.

Vấn: Nếu người ta thành công để tránh được thì sao ?

Đáp: Bây giờ, Hội sẽ tồn tại suốt thế kỷ XX dần dần quảng đại quần chúng sẽ suy nghĩ và thông minh, có thể thâm nhập các ý tưởng vĩ đại và cao quý về tôn giáo, bốn phần và nhân ái (philanthropie), Hội sẽ từ từ bẻ gãy một cách chắc chắn các chướng ngại sắt thép của tín điều và triết lý về thành kiến và giai cấp. Hội sẽ đánh đổ các mối bất hòa giữa các quốc gia và chủng tộc và sẽ chuẩn bị con đường đi đến sự thực hiện tình huynh đệ giữa mọi người. Nhờ sự giáo dục của Hội, nhờ triết lý Thông Thiên Học mà Hội sẽ diễn giải dễ hiểu đối với tư tưởng hiện đại, Tây Phương sẽ học để hiểu và đánh giá đúng giá trị của Đông Phương. Hơn nữa sự phát triển các quyền năng và khả năng tâm linh mà các triệu chứng báo trước đã xuất hiện ở Mỹ Châu, sẽ phát triển một cách lành mạnh và bình thường. Nhân loại sẽ được giải cứu các điều nguy hiểm khủng khiếp cùng một lúc về phương diện vật chất và tinh thần, vì những điều nguy hiểm này sẽ không tránh khỏi khi sự ích kỷ và đam mê xấu xa ngày càng gia tăng . . .

Sự trưởng thành về tinh thần và tâm linh của mọi người sẽ xảy ra một cách thích hợp với sự cải thiện luân lý, trong lúc môi trường vật chất bao quanh con người sẽ phản chiếu hòa bình, tình huynh đệ tuyệt hảo sẽ ngự trị trong lòng con người, thay vì mối tranh chấp bất hòa ngày nay đang ngự trị khắp nơi.

Vấn: Thật là một viễn ảnh đáng khích lệ biết bao ! Bạn có tin rằng tất cả các điều có thể thành đạt được trong khoảng một thế kỷ chẳng?

Đáp: Điều đó rất khó. Nhưng trong hai mươi lăm năm cuối của mỗi thế kỷ, bạn

để ý sẽ thấy có một sự tăng trưởng hay đổi mới về tâm linh, hay bạn thích gọi sự đổi mới về phương diện huyền học. Các Chơn Sư gửi xuống thế gian một hay nhiều người là phụng sự viên của các Ngài, sự hiểu biết và sự giáo dục huyền linh được phổ biến rộng rãi hơn. Nếu bạn muốn hiểu thêm việc đó bạn có thể tham khảo các niên sử để xem chi tiết.

Vấn: Những điều đó có liên quan gì đến tương lai của Hội Thông Thiên Học không ?

Đáp: Nếu sự toan tính hiện nay của Hội chúng tôi mà thành công hơn những người đi trước, thì sự tính toán ấy sẽ biểu lộ dưới hình thức một tổ chức lành lạnh và tồn tại khi mà thời cơ sẽ đến và sự cố gắng cho thế kỷ XX. Trí tuệ và tâm hồn con người sẽ được cải thiện rộng rãi và thanh lọc do sự truyền bá giáo lý Thông Thiên Học, và như tôi đã nói ở trên, thành kiến cùng ảo ảnh sẽ giảm bớt một phần lớn. . . Ngoài ra sự thúc đẩy trong tương lai, chẳng những sẽ chắc chắn tìm thấy một loại văn chương súc tích, dễ hiểu hơn đối với mọi người mà còn tạo ra một tổ chức quan trọng gồm một số đông hội viên biết đoàn kết và sẵn sàng đón nhận kẻ mới mang bó đuốc chơn lý. Tổ chức này sẽ tìm được những người có tâm hồn sẵn sàng tiếp nhận sứ mạng mà tổ chức đưa lại cho họ, và cũng sẽ tìm thấy một loại ngôn ngữ sẵn sàng diễn đạt chơn lý mới. Hãy suy nghĩ một chút, bạn sẽ thấy điều gì mà một cơ hội như thế đem lại cho người thì hiển nhiên người ta sẽ hoàn thành được.

Bạn sẽ dễ dàng đo lường tầm mức bằng cách nghĩ đến điều mà Hội Thông Thiên Học đã làm được trong khoảng mười bốn năm gần đây, chẳng có chút thuận lợi gì như những điều tôi vừa nói mà chỉ gặp biết bao trở ngại.

Bạn hãy nghĩ đến những điều ấy và cho tôi biết tôi có quá lạc quan chăng khi nói rằng nếu Hội Thông Thiên Học tồn tại, trung thành với nhiệm vụ của mình và với sức thúc đẩy ban đầu trong thế kỷ sắp tới so với hiện nay thì cõi trần này, vào thế kỷ XXI, sẽ là Thiên Đàng tại thế.

H ẾT

Chú Thích

[1] Ammonius Saccas là triết gia thành Alexandrie (Ai Cập) vào thế kỷ thứ III; sáng lập viên trường phái Tân Platon (Ecole Néo-platonicienne), Thầy của Plotin, Origène và Longin. (ND)

[2] Pentateuque là năm bộ sách đầu tiên của Cựu Ước kinh.

[3] Essenians là các tu sĩ thuộc giáo phái Do Thái thời Macchabée. Các vị này tu hành rất khắc khổ họ không lập gia đình và xa lánh đô thị. (ND)

[4] Edimburgh Encyclopoedia

[5] Judée là một phần đất của xứ Palestine.

[6] Carmel là núi trong xứ Palestine, núi này thuộc dãy núi Liban. Núi Carmel có liên quan tới lịch sử dân tộc Do Thái.

[7] Tác phẩm này của giáo sư A.Wilder, một hội viên Thông Thiên Học.

[8] Wagner (Richard) nhà soạn nhạc hữu danh của Đức Quốc, sinh tại Leipzig (1818-1883). Wagner còn là một thi sĩ, chính Wagner đã phổ nhạc thi phẩm của ông. (ND).

[9] Dân của xứ Chaldée, tên cũ của xứ Babylone ở Trung Đông.

[10] Slate-writing

[11] Anthropomorphiste : Thuyết cho rằng thần cũng có hình thể và tâm linh như người.

[12] Phénoménaliste : (triết) Hiện tượng luận.

[13] Publicain là quan thu thuế (Cổ La Mã).

[14] Pharisiens là các tu sĩ Do Thái.

[15] Sadducéens là các tu sĩ nghịch với giáo phái của những Pharisiens.

[16] Quakers là các tín đồ của một tôn giáo phái tại Anh Quốc.

[17] Ain-Soph : cái Vô Tận, không hiện tồn, nhưng có, tuy không là một bản thể.

[18] Panthéisme : Phiếm Thần Giáo cho rằng Vũ Trụ tức là thần (đa thần).

[19] Tiếng Anh gọi là Be-ness.

[20] Scientists là người của học phái Scientisme (khoa học vạn năng).

[21] Các người Phủ nhận (Négateurs) không tin có chân linh và trị bệnh bằng cách tự kỷ thôi miên.

[22] Eurasiens là người Ấn Độ lai Âu châu.

[23] Sadducéens là các tu sĩ Do-Thái thuộc một môn phái đối lập với các Pharisiens.

[24] Pharisiens là các tu sĩ của một giáo đoàn Do-Thái hay đề cao đạo đức bên ngoài.

[25] Thể vía.

[26] Déméter là vị Thần Hi-Lạp tượng trưng cho Địa Cầu.

[27] Xin xem “Giáo lý bí truyền” quyển III, kỳ xuất bản thứ hai, năm 1913 (trang 245).

[28] Pentateuque là năm quyển sách đầu của Cựu Ước kinh

[29] Genèse: Sáng thế ký, đoạn đầu của Cựu Ước kinh.

[30] Sadducéens là giáo phái Do-Thái phản đối phái Pharisiens.

[31] Zohar, quyển II, 96.

[32] “Mishna” “Aboth”, quyển IV, trang 29.

[33] Xem Giáo lý Bí truyền, quyển I trang 157 (bản Anh văn).

[34] Gygès nhờ chiếc vòng này tàng hình được (N D.)

[35] Đó là: xác thân, sự sống, bản năng dục tính, thú tính, và eidolon trung giới của mỗi người (được nhận thức bởi tư tưởng hoặc sự trông thấy của thể trí một cách khách quan và khác biệt với xác thân); các khí thể đó là: Sthula sharira; Prana, Kama-roupa và Linga sharira. P104

[36] Theo giáo lý Phật giáo có năm Skandhas hoặc đặc tính: Roupa: hình hài hoặc thể xác, đức tính vật chất; Vedana: cảm giác; Sanna: ý tưởng trừu tượng; Shamkhara: khuynh hướng của trí năng và Vinnana: quyền năng trí tuệ.

[37] Cái “Ngã Tâm Linh” (Soi spirituel) để đối lại với cái “Ngã cá nhân” (Soi personnel). Người sinh viên chớ nên lầm lẫn Chơn ngã Tâm Linh (Ego spirituel) với

Chân Ngã Thượng Đẳng (Atma), Vì Thượng Đế ngự trong nội tâm chúng ta, và bất khả phân với Chân linh phổ quát (Esprit universel). p106

[38] Tân giáo (Calvinisme) là một giáo phái của Đạo Tin Lành (Protestantisme).

[39] “Thật vậy, tôi đã nói với ông, kẻ nào nhìn một phụ nữ với đôi mắt ước muốn, thì kẻ ấy phạm tội tà dâm trong tâm rồi (Kính Mathieu, V. 28). P112

[40] Trích trong tác phẩm: “Thần linh học, Những điều hiểu biết và không được hiểu biết của tôi”.p122

[41] Ishvara là tâm thức tập thể của thần tính được biểu hiện, Brahma – nghĩa là tâm thức tập thể của Đạo Quân các Đấng Dhyans-chohans (xem Giáo lý Bí truyền) và Pragna là sự minh triết cá nhân của các Ngài. P126

[42] Taijasi là sự sáng chói do nó hợp tác với Buddhi - nghĩa là Manas, linh hồn nhân loại được soi sáng bởi tia sáng của linh hồn thiêng liêng. Vậy Manas-Taij asi có thể mô tả như là trí năng sáng chói, căn duyên ‘nhân loại’ được soi sáng bởi ánh sáng Chân linh; Buddhi-Manas là sự biểu lộ của thiêng liêng cộng thêm trí năng và cái thức tâm hữu ngã của Nhân loại (la soi-conscience humaine).

[43] Méthodiste: người theo giáo phái Méthodisme bên Anh Quốc.

[44] Mohammed là Đức Giáo Chủ của Hồi giáo (Mohammetantisme).

[45] Xem tập san số 7 Fransactions of London Lodge, tháng 10 năm 1885.

[46] “Chân ngã tái sinh” hoặc “Linh hồn nhân loại” như ông Sinnett đã gọi; Chân thân (corps causal) đối với người Án-Độ.

[47] Kỳ gian của sự chuyển giao này tùy vào trình độ tâm linh của nguyên phạm ngã tính của Chân ngã tái sinh. Đối với những người có đời sống tâm linh vượt bậc, thì sự chuyển giao tuy tuần tự, nhưng rất nhanh chóng. Đối với người có khuynh hướng duy vật, thì sự chuyển giao rất chậm chạp. P136

[48] Trong bản tiếng Pháp từ ngữ Skandha (Uẩn) được dùng ở đây (N.D.)

[49] Atma là Thượng Ngã

[50] Trong Thánh Sử Kịch, Đại Tư Giáo thời Cổ La-Mã là “Cha”: Người đã trồng Gốc Nho (Cep). Mỗi biểu tượng có Bảy Cửa Khóa. Người nào hiểu được luôn luôn gọi là “Cha”(Père).

[51] Kim Thân (Bouddhi) hay là thể Bồ-Đề (N.D.) p150

[52] Nguyên bản tiếng Anh “The key to Theosophy” của H. P. Blavatsky xuất bản lần đầu năm 1889. Bản dịch tiếng Pháp xuất bản năm 1946 do NXB Les

Editions de la Compagnie Théosophic (Paris 5e)

[53]Theo Bà H. P. Blavatsky thì “nécromancie” nên dịch là “thuật gọi ma hình”, chứ không nên dịch là “gọi hồn” hay “chiêu hồn”, vì linh hồn đã vào Devachan, đó chỉ là cái vỏ (coques) (N.D.)

[54]Điều này có nghĩa là người Thông Thiên Học phải có lòng từ ái đối với những người liên hệ trong gia đình. (ND).

[55]Thuyết bất khả tri chủ trương người ta không hiểu được Thượng Đế và sau khi chết sẽ ra sao (N.D.)

[56]Sinh thực khí: élément phallique p218

[57]Trong bản tiếng Pháp, thay vì dùng “thể trí” lại dùng “nguyên khí suy tư” (principe pensant).p226

[chương 1.](#) [2.](#) [3.](#) [4.](#) [5.](#) [6.](#) [7.](#) [8.](#) [9.](#) [10.](#) [11.](#) [12.](#) [13.](#) [14.](#) [đầu sách.](#) [cuối sách.](#) [mục lục.](#) [chú thích](#)